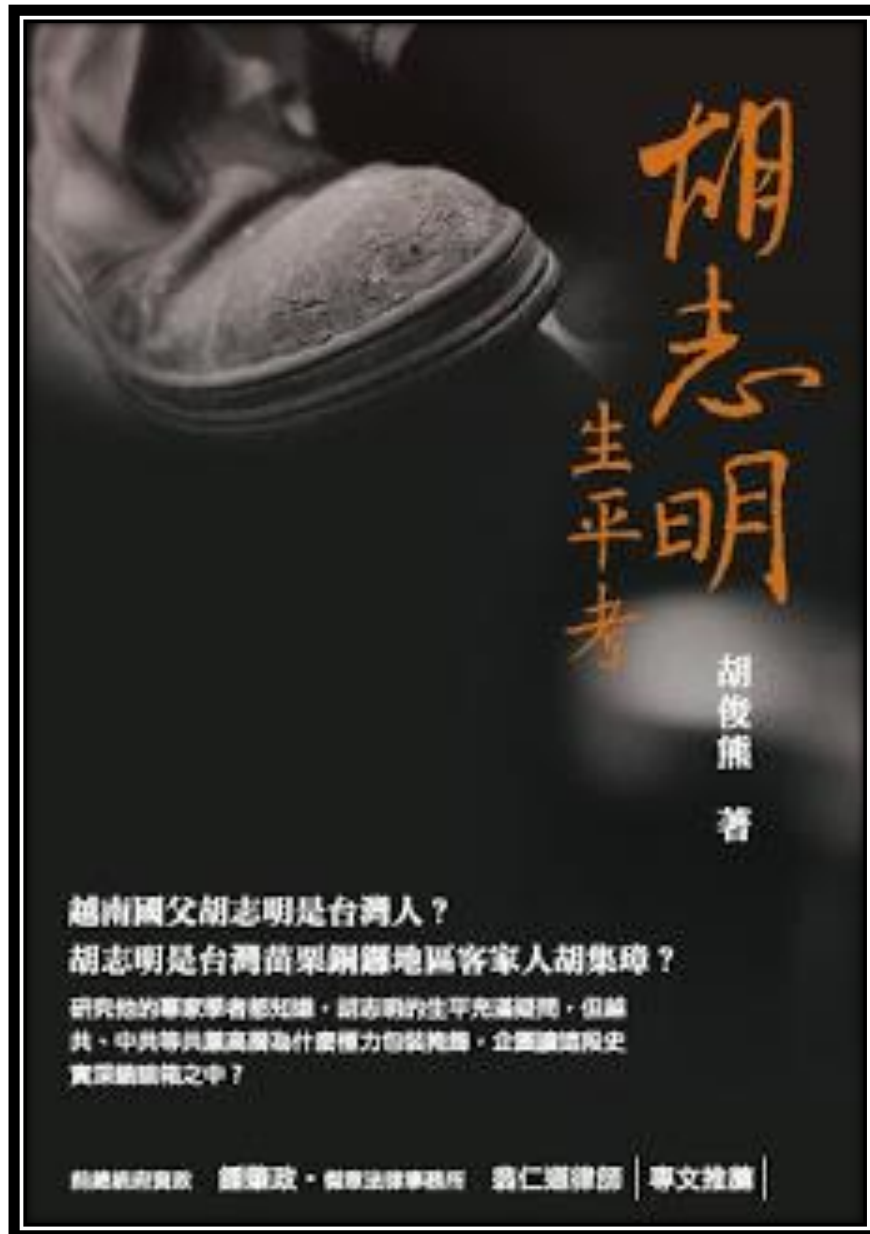


“ HỒ CHÍ MINH SINH BÌNH KHẢO ”

- HỒ TUẤN HÙNG -



TÌM HIỂU VỀ CUỘC ĐỜI HỒ CHÍ MINH



- Hồ Tuấn Hùng -
Người dịch: Thái Văn

Tập sách "Hồ Chí Minh Sinh Bình Khảo" đã đưa ra những chứng liệu rất thuyết phục về Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh

Đảng CSVN có trách nhiệm phải soi sáng các chứng liệu này đối với 3 triệu đảng viên và với nhân dân Việt Nam

Tập sách đã nêu lên hình hài đang nằm trong mộ Hồ Chí Minh tại Hà Nội là một người Tàu Khựa.

Phải chăng Người Việt Nam có nhiệm vụ đóng tiền cho đảng CSVN thờ cúng một tên Tàu Man?

KÝ TẾ kính gởi tập tài liệu này đến toàn bộ đảng viên đảng CSVN và 700 tờ báo đảng của đảng CSVN



TIỂU SỬ HỒ CHÍ MINH

Tên thật: Nguyễn Tất Thành, Thời kỳ đầu hoạt động cách mạng lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, sau đổi thành Hồ Chí Minh.

Sinh ngày 19 tháng năm năm 1890 tại làng Kim Liên, xã Nam Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, Việt Nam trong một gia đình trí thức nho học.

Năm 1920 gia nhập Đảng Cộng sản Pháp trở thành người cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.



Năm 1923 đến Liên Xô tham gia Đại hội Quốc tế nông dân và Đại hội V Quốc tế cộng sản.

Năm 1925 sáng lập "Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội" ở Quảng Châu, Trung Quốc.

Năm 1930 chủ trì thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng (sau đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương).

Tháng tám Năm 1945 được cử làm Chủ tịch lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng ba năm 1946 được bầu là Chủ tịch kiêm Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng hai năm 1951, Đảng Cộng sản Đông Dương đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam, được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương.

Ngày 2 tháng chín năm 1969 từ trần tại Hà Nội.



LỜI NGƯỜI DỊCH

"Hồ Chí Minh sinh bình khảo" (Tìm hiểu về cuộc đời Hồ Chí Minh) do Giáo sư Hồ Tuấn Hùng , một người đã tốt nghiệp khoa Lịch sử của Trường Đại Học Quốc Lập Đài Loan dành nhiều công sức nghiên cứu trong những năm qua, được Nhà xuất bản Bạch Tượng Văn Hóa ấn hành tại Đài Loan vào ngày 01/11/2008 (mã số ISBN: 9789866820779).

Hồ Tuấn Hùng sinh năm 1949 (có tài liệu nói là sinh năm 1948), tại Miêu Lật, Đồng La, Đài Loan, là cháu ruột Hồ Tập Chương (mà ông khẳng định chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh) từng dạy học hơn 30 năm, đồng thời ông còn là viên chức cao cấp Giáo Dục Hành Chính. Theo Giáo sư Hồ Tuấn Hùng, Hồ Chí Minh xuất thân là người thuộc sắc tộc Khách Gia (Hakka, người Việt gọi là Hẹ) tại huyện Miêu Lật, địa khu Đồng La, Đài Loan.

Toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của ông được tác giả tìm hiểu kỹ lưỡng trên cơ sở tham khảo nhiều nguồn tư liệu cũng như nhân chứng. Tác phẩm "Hồ Chí Minh sinh bình khảo" dày 342 trang, khổ 15 x 21 cm, bìa cứng, in chữ nổi.

Phần mở đầu gồm các bài giới thiệu của tiên sinh Chung Triệu Chính, luật sư Kiệt Chương và của tác giả. Phần chính được chia làm 6 thiên, thứ tự như sau :

I / Hải kịch tráo rồng đổi phượng (Thâu long chuyển phượng đích hý khúc)

II/ Ve sầu lột xác, thật giả kiếp người (Kim thiên thoát xác thực giả nhân sinh)

III/ Những năm tháng phiêu bạt (Phiêu bạt lưu lữ đích tuế nguyệt)

IV/ Khúc ca buồn về tình yêu, hôn nhân (Hôn nhân luyện tình đích bi ca)

V/ Hán văn “Nhật ký trong tù” và “Di chúc” (Hán văn Ngục trung nhật ký dĩ Di chúc)

VI/ Hạ màn, đôi lời cảm nghĩ (Lạc mạc cảm ngôn)

Cuốn sách khá dày, công việc chuyển ngữ mất nhiều thời gian và công sức, tuy nhiên, người dịch đã cố gắng dịch trọn vẹn để cung cấp cho bạn đọc một cái nhìn mới về nhân vật huyền thoại Hồ Chí Minh, còn việc đúng hay sai xin để công luận thẩm định, chúng tôi không dám lạm bàn.

Tháng giêng năm 2013

- Thái Văn -



MỤC LỤC

Lời giới thiệu 1	9
Người kỳ lạ, chuyện kỳ lạ, sách kỳ lạ	
Lời giới thiệu 2	10
Tin có bằng chứng, bổ khuyết và dựng lại lịch sử	
Thay lời tựa	11
Màn đầu bóc gỡ tấm mạng che huyền bí	
Tấm mạng huyền bí che mặt Hồ Chí Minh	
Hồ Chí Minh có phải đến từ Đài Loan?	12

THIÊN I

Hài kịch tráo rỗng đối phương

MÀN MỘT

Sự thật về cái chết của Nguyễn Ái Quốc	15
Những ẩn số về con người Hồ Chí Minh	
Nguyễn Ái Quốc chết thật hay chết giả?	16
Báo chí đưa tin Nguyễn Ái Quốc chết bởi bệnh lao phổi	17

Bí mật về cái chết của Nguyễn Ái Quốc	18
Sai lầm của Hồ Chí Minh về việc tự nhận "mình đã bị chết"	20
Hồ sơ bệnh án Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh	21
Hồ sơ bệnh lao phổi của Nguyễn Ái Quốc	

MÀN HAI

Tiết mục Nguyễn Ái Quốc "chết rồi sống lại"	25
Vụ án Nguyễn Ái Quốc bị bắt tại Hương Cảng	25
Vụ án "Tòa Hương Cảng thẩm vấn Nguyễn Ái Quốc"	25
Viện Khu mật Hoàng gia London xét xử - Chống án	27
Vụ án Nguyễn Ái Quốc đến Singapore bị buộc phải quay lại Hương Cảng	28
Sự kiện Nguyễn Ái Quốc mất tích ở Hương Cảng	30
Nguyễn Ái Quốc trên đường từ Hương Cảng đến Hạ Môn	34
Sự kiện Hồ Chí Minh từ Hạ Môn đến Thượng Hải	39
Bộ phim "Nguyễn Ái Quốc thoát hiểm ở Hương Cảng".	44

THIÊN II

Ve sầu thoát xác, thật giả kiếp người	48
Thời gian và vũ đài hoạt động trùng nhau	
Cùng lên cũ đài, một ẩn một hiện	49
Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	51
Bệnh phổi trầm trọng, sức khỏe suy giảm	52
Cùng tên nên có sự nhầm lẫn	53
Hồ sơ Hồ Tập Chương bị bắt ở Quảng Châu	58
Những ghi chép về sự kiện Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu	59
Lương Ích Tân viết về sự kiện Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu	60
Ngô Trọc Lưu ở Đài Loan và trường thiên tiểu thuyết "Hồ Chí Minh"	60
Hồ Tập Chương bị bắt ở Hà Nam, giam tại nhà ngục "Nam Thạch Đầu"	61
"Hồi ký Trịnh Siêu Lân": Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu	62

Bí mật "Hồ Tập Chương bị bắt ở Quảng Châu"	63
Tiểu sử giản lược Hồ Tập Chương	64
Tiểu sử Nguyễn Ái Quốc	66
Phụ lục 1	69
Ảnh của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh trong hồ sơ	
Phụ lục 2	71
"Hồi ức Trịnh Siêu Lân - Truyện Phó Đại Khánh"	

THIÊN III

Những năm tháng Phiêu bạt

MÀN MỘT

Hồ Chí Minh ở Liên Xô (1933- 1938)	74
Hồ Chí Minh đến Mạc Tư Khoa vào thời gian nào?	75
Sự thật về sự kiện Hồ Chí Minh bị kết án tử hình	76
Quốc tế cộng sản đạo diễn vở kịch "Mượn xác hoàn hồn"	77
Vera Vasilieva và Hồ Chí Minh	78
Việc cải tạo và học tập của Hồ Chí Minh	81
Đại hội đại biểu Quốc tế cộng sản lần thứ VII	91
Hồ Chí Minh rời khỏi Mạc Tư Khoa	93

MÀN HAI

Hồ Chí Minh ở Trung Quốc (1938 - 1945)	95
Ngàn dặm xa xôi đến Diên An	
Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm	96
Ban huấn luyện cán bộ chiến tranh du kích Hành Sơn, Hồ Nam	97
Đảng bộ Hải ngoại Đảng Cộng sản Đông Dương	98
Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh	100
Bị bắt ở Quảng Tây và tập thơ "Nhật ký trong tù"	101
Trở lại Bắc Pha, tháng tám khai ca	103

Con người thật của Hồ Chí Minh	104
Hồ Chí Minh chấp hành "nhiệm vụ bí mật"	105
"Đài Loan nhật nhật tân báo"	106
Bảy bức thư từ Trung Quốc	116
Mười một (11) bài viết trong "Cứu vong nhật báo"	119
Hồ Chí Minh nguy tạo sự kiện Nguyễn Ái Quốc sống lại	128

THIÊN IV

Khúc ca buồn về chuyện hôn nhân tình ái	
Hồ sơ hôn nhân Hồ Chí Minh	131
Chuyện hoang đường về đạo đức thánh nhân	132
Cầu trả về cầu, đường trả về đường	133
Mối tình đầu của Nguyễn Ái Quốc với cô Breiere	134
Breiere và Bourdon	
Mối tình đầu của Nguyễn Ái Quốc	135
Nghi án ái tình giả tạo	136
Tăng Tuyết Minh, người vợ đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc	137
Hồ sơ về hôn nhân, tình ái giữa Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh	139
Trung Cộng ẩn giấu chuyện hôn nhân Tăng Tuyết Minh	140
Hôn nhân Tăng Tuyết Minh, thật giả - một vụ án kép	141
Tăng Tuyết Minh lúc tuổi già – Tấm ảnh chân dung	142
Khói lửa chiến tranh chứng kiến tình yêu – Nữ sĩ Nguyễn Thị Minh Khai	143
Tự khúc bi ca ái tình	
Hồ sơ hôn nhân của Nguyễn Thị Minh Khai	143
Sự thật về quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn T. Minh Khai	147
Hôn ước của Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai	148
Bí danh P.C.Lin của Hồ Chí Minh không phải là Nguyễn Ái Quốc	149
Hồ Chí Minh và tri kỷ má hồng – Lâm Y Lan tiểu thư	151

Hồ sơ về mối tình Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan	
Mối tình của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan	
Sự thật về mối tình của Lâm Y Lan	155
Chuyện tình giữa Hồ Chí Minh và Đỗ Thị Lạc	157
Mối tình của Hồ Chí Minh và Nông Thị Xuân	159
Tổng kết về hôn nhân và tình ái trong cuộc đời Hồ Chí Minh	

THIÊN V

Chữ Hán “Nhật ký trong tù” và “Di chúc”	164
Khả năng Trung văn của Hồ Chí Minh	
Quá trình Nguyễn Ái Quốc học tập ngữ văn	166
Trình độ ngữ văn của Hồ Tập Chương	167
Tập thơ “Nhật ký trong tù” của Hồ Chí Minh	168
134 bài thơ trong tập “Nhật ký trong tù”	169
“Nhật ký trong tù” là tác phẩm của một người thuộc sắc tộc Khách Gia	169
Thư pháp chữ Hán của Hồ Chí Minh	190
Di chúc của Hồ Chí Minh lúc lâm chung	196
Nội dung “Di chúc” của Hồ Chí Minh	198
Những nghi vấn về “Di chúc Hồ Chí Minh”	200
Những bí mật về việc bảo tồn di thể Hồ Chí Minh	203

THIÊN VI

Hạ màn và đôi lời cảm nghĩ	206
Lặng lẽ suy tư khi màn hạ	
Ghi nhớ lời dặn, nhìn về tương lai	210
Tài liệu tham khảo	212



LỜI GIỚI THIỆU 1

Người kỳ lạ, chuyện kỳ lạ, sách kỳ lạ



Mấy ngày trước, ngài hiệu trưởng Lý Tú Bằng, một đồng sự đã hồi hưu cùng tác giả cuốn sách "Tìm hiểu về cuộc đời Hồ Chí Minh" là Hồ Tuấn Hùng đến thăm tệt xá. Nghe Hồ quân nhẹ nhàng đi tới, khiến tôi càng hiểu rõ về con người kỳ lạ, sự việc kỳ lạ về Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, thực làm cho người ta phải đập bàn kinh sợ, nên đã nhận lời viết mấy dòng thô thiển để bày tỏ lòng mình.

Điều khiến cho tác giả gọi là "kỳ lạ", thứ nhất, Hồ Chí Minh đương nhiên là người Đồng La, Miêu Lật, Đài Loan. Cái mà mọi người đều biết ở Hồ Chí Minh là, vào những năm bốn mươi, năm mươi của thế kỷ XX, ông được xem là bậc anh hùng thời đại mà Đài Đảo của chúng ta có vinh dự sinh ra, vốn là con người người bình thường, bỗng nhiên được một nước khác tôn xưng làm Quốc Phụ.

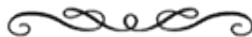
Thứ hai, Căn cứ vào "Lời nói đầu" của Hồ quân, Hồ Chí Minh và nhà văn hóa nổi tiếng Đài Loan Ngô Trọc Lưu trước đây từng quen biết nhau. Ngô tiên sinh còn được coi là tác gia lớn văn học Đài Loan viết tác phẩm "Đứa con cô châu Á". Theo cách hiểu của Hồ quân, "Á thư" chính là viết về con người và sự nghiệp Hồ Chí Minh. Trong ký ức các bậc cao niên gia đình tôi, Ngô tiên sinh từng nói, "Á thư" nguyên tên là "Hồ Chí Minh", nhân vì các thủ lĩnh cộng sản phụ họa theo, ở thời kỳ phản cộng, chống Nga Xô mãnh liệt, nên buộc phải đổi thành "Hồ Thái Minh". Đến khi cuốn sách được xuất bản tại Nhật lại đổi tên một lần nữa thành "Đứa con cô châu Á". Khó mà tưởng tượng Ông và Hồ Chí Minh lại là chỗ quen biết.

Thật ra trên đời này không thiếu gì chuyện lạ, nhưng chuyện mà tác giả đã kể quả tình làm tôi choáng váng. Để đáp lại lời thỉnh cầu của Hồ quân, tôi viết bài tự này.

Tháng 7 năm 2008

Tiền Tổng thống phủ Tư chính

Chung Triệu Chính



LỜI GIỚI THIỆU 2

Tin có bằng chứng, bổ khuyết và dựng lại lịch sử



Tôi quen biết tác giả Hồ Tuấn Hùng đã hơn ba mươi năm, nói là bạn thân cũng không quá. Mấy năm trước, trong một cuộc trò chuyện mà tiếng Khách Gia gọi là "đánh trống miệng", ông nói đã hoàn thành sự phó thác của gia tộc là tìm hiểu được người chú Hồ Tập Chương đã mất tích nhiều năm trong thời loạn. Thật đáng tiếc là lúc đầu, gia tộc không mấy tin tưởng, vì thế ông phải đầu tư thời gian, công sức sưu tầm tư liệu, dẫn nhiều luận cứ từ các nguồn khác nhau, thậm chí còn nhiều lần ra nước ngoài, tìm hiểu tại các văn khố lớn, cuối cùng đã viết được một công trình khảo cứu nổi tiếng, dựng lại chân tướng lịch sử về con người Hồ Chí Minh. Tấm lòng của ông thật đáng kính, tình cảm của ông thật đáng trân trọng.

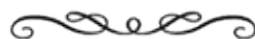
Từ những chứng cứ có được, Hồ quân đã vượt qua sự cách trở thời gian, sưu tầm vô số tài liệu lịch sử trong và ngoài nước, các chứng này vừa sâu, vừa rộng với độ tin cậy cao. Sau nữa là phương pháp trình bày, diễn giải chứng cứ, Hồ quân sử dụng phương pháp so sánh. Những chỗ còn nghi ngờ hoặc do sự cách trở về không gian, thời gian thì lấy đa số thắng thiểu số, từ sự chứng, chấp nối sự kiện, đặc biệt là dùng "Nhật ký trong tù" đối chứng với tục ngữ, thành ngữ dân gian Khách Gia, có sự cân nhắc, dẫn đo. Từ đó, tác giả đã dựng lại chân tướng lịch sử qua sự sàng lọc, bổ khuyết, không bỏ sót bất cứ việc lớn nhỏ nào liên quan đến cuộc đời Nguyễn Ái Quốc cũng như Hồ Chí Minh bằng chứng cứ đủ sức thuyết phục và sự phân tích hợp lý, trình bày khách quan, khoa học.

Hồ quân đã lấy tư cách thân tộc, vì người chú mà tìm được lời giải câu đố khó. Về tình, ông đã tận lực làm việc đến nơi đến chốn, về lý, ông luôn giữ được tinh thần khách quan, trung thực. Điều may mắn cho cuốn sách là lý trí đã vượt lên trên tình cảm. Tôi khâm phục tư cách của Hồ quân bèn viết bài tự này.

Ngày 10 tháng 8 năm 2008

Văn phòng luật sư pháp luật Kiệt Chương

Luật sư Ông Nhị Đạo



THAY LỜI TỰA



Màn đầu bóc gỡ tấm mạng che huyền bí Tấm mạng huyền bí che mặt Hồ Chí Minh

Các nhà lãnh đạo nổi tiếng trong lịch sử hiện đại, ít nhiều đều có những bí mật riêng giống như tấm mạng che mặt. Những bí mật này rất ít khi được công khai minh bạch, trong đó, Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Việt Nam là một trường hợp điển hình. Cho dù hiện giờ đã là thiên niên kỷ thứ hai, kỹ thuật truyền thông hiện đại có mặt khắp nơi, Hồ Chí Minh yên nghỉ trong quan tài thủy tinh tại lăng Ba Đình Hà Nội đã bốn mươi năm, nhưng hoàn cảnh gia đình, lịch trình học tập, khả năng ngôn ngữ, lý tưởng động cơ cách mạng, thực trạng hôn nhân, quá trình hoạt động tại Quốc tế cộng sản, thậm chí ngày sinh và ngày mất cũng vẫn còn tồn tại rất nhiều nghi vấn. Mặc cho các tác giả viết truyện ký tìm mọi cách lắp ghép tư liệu, cuối cùng, vẫn không thể nào dựng lại được và trình bày một cách thuyết phục chân dung lịch sử Hồ Chí Minh.

Nhà sử học Việt Nam, giáo sư Nguyễn Thế Anh, tiến sĩ văn học và nhân văn Đại học Sorbonne, Paris, Pháp, từng là giám đốc Đại học Thuận Hóa, chủ nhiệm khoa Văn Sử Đại học Sài Gòn, giáo sư thỉnh giảng Đại học Harvard Hoa Kỳ, chủ nhiệm khoa Lịch sử văn hóa Đông Dương, Đại học Sorbonne, đã dày công nghiên cứu về Hồ Chí Minh và có những kiến giải độc đáo. Trong tác phẩm "Con đường chính trị của Hồ Chí Minh", Nguyễn giáo sư từng nói: "Cho dù không thiếu những tác phẩm viết về Hồ Chí Minh, cho dù ông đã mất từ lâu, nhưng vẫn còn tồn tại khá nhiều nghi vấn và mâu thuẫn trong cuộc đời nhân vật chính trị này. Do ông có thói quen che giấu quá khứ và những hoạt động của mình, cố ý xóa sạch các dấu vết, vì thế, mọi cố gắng tìm hiểu những chi tiết chân thực trong cuộc đời hoạt động của ông chẳng khác gì đứng trong đám mây mù vẩn vơ mà thường hoa vấy. Vì thế, ta chỉ có thể suy đoán mà thôi. Hồ Chí Minh có đến 3 cái tên giả, tự mình kể chuyện về mình đầy tràn sắc thái thần bí với nhiều sự hàm hồ, vô vàn tình tiết nghi hoặc, chẳng những không thể phân tích rõ ràng, mà còn bỗng nhiên tự tăng bốc mình với mục đích tuyên truyền cho sự nghiệp chính trị hoặc là một thánh nhân. Tuy vậy, các nhà sử học đã trường kỳ nghiên cứu, nỗ lực bóc gỡ dần lớp màn che phủ vốn làm chân dung Hồ Chí Minh bị biến dạng hoặc bị tô vẽ thái quá qua các tác phẩm truyện ký, chỉ có điều là vẫn chưa tìm ra điểm mấu chốt.

Nhà sử học Hoa Kỳ, giáo sư William J. Duiker, là một học giả trắc việt chuyên nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Thời kỳ chiến tranh Việt Nam, William J. Duiker làm việc ở Đại sứ quán Hoa Kỳ, trước sau có gần ba mươi năm nghiên cứu về Hồ Chí Minh, đã được một số Quỹ và Hội học thuật Hoa Kỳ tài trợ. William J. Duiker cũng thông thạo các tiếng Anh, Pháp, Nga và Việt, đã vào đọc hầu hết các thư viện lớn nhỏ châu Á, châu Âu và châu Mỹ, trong đó có nhiều lần cùng đi với các quan chức chính quyền Việt Nam sưu tầm tư liệu có liên quan đến Hồ Chí Minh, và

đã tìm được những tài liệu quý hiếm.

Vào năm 2000, William J. Duiker hoàn thành tác phẩm "Truyện Hồ Chí Minh", xuất bản bằng tiếng Anh, dày 700 trang, tuy nhiên chính ông cũng phải thừa nhận, không thể nào tìm được những tài liệu ở cơ quan đầu não, bởi luôn có sự ngăn cản việc tìm ra sự thật. William J. Duiker nói: "Những tài liệu nằm ở Trung tâm Lưu trữ Hà Nội đều không cho người Việt Nam và người nước ngoài thâm nhập tìm hiểu, nghiên cứu. Cũng như vậy, ta không thể tìm những tài liệu có liên quan đến Hồ Chí Minh ở Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa. Nhà cầm quyền Trung Quốc và Liên Xô hầu như ít khi để lộ những thông tin thuộc loại này.

Học giả Anh Quốc Sophie Quinn-Judge cũng là một chuyên gia nghiên cứu về Hồ Chí Minh, từng được Quỹ Mike và Viện nghiên cứu Trung ương Đại học London tài trợ. Bà đã đến Việt Nam, các nước Đông Nam Á và Nga Xô, tìm được những chứng cứ mới nhất trong hồ sơ của Quốc tế cộng sản và tình báo Pháp làm cơ sở cho công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Năm 2002, Sophie Quinn-Judge đã xuất bản tại London cuốn sách "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941". Trong lời đầu, tác giả nói rõ, lấy "truyền kỳ về con người hai mặt" làm tiêu đề, bởi vì, đối với Hồ Chí Minh còn rất nhiều điều nghi vấn, đặc biệt tiêu đề chương sáu, dùng sự kiện "Chết ở Hương Cảng, mai táng ở Mạc Tư Khoa", coi đó là câu đố về chuyện sinh tử của Hồ Chí Minh, đồng thời đặt dấu hỏi nghi ngờ.

Trong phần giới thiệu tóm tắt ở trang 6, Sophie Quinn-Judge viết: "Hồ Chí Minh tìm mọi cách để giấu đi quá khứ của mình. Nhiều năm qua, những thứ mà ông đã cung cấp toàn là loại "dặt sự", thường là mâu thuẫn nhau, không mấy liên quan đến cuộc đời thực. Đầu tiên là tập tự truyện xuất bản vào năm 1949 tại Trung Quốc, năm 1950 được xuất bản bằng tiếng Pháp tại Paris, mấy năm sau lại xuất bản tại Việt Nam với nhan đề "Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch". Qua cuốn sách, người đọc biết rất rõ là, tất cả cái gọi là sự thật ấy đều do Hồ Chí Minh bịa đặt. (Tác giả nhận xét, "Truyện Hồ Chí Minh", bút danh Trần Dân Tiên, bản Trung văn, "Ba Nguyên thư ốc" Thượng Hải xuất bản năm 1949. Năm 1958, cuốn sách đổi tên là "Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch", xuất bản bằng tiếng Việt tại Hà Nội).

Năm 1962, nhà Việt Nam học Bernard Fall phỏng vấn Hồ Chí Minh, có hỏi đến những chi tiết mập mờ trong cuộc đời của ông, Hồ Chí Minh trả lời: "Các ông già khi vui vẻ thường tự tạo ra cho mình một chút thần bí. Tôi cũng bắt chước người xưa làm ra vẻ thần bí một chút, chắc ngài có thể hiểu được". Việc này chẳng biết Bernard Fall có hiểu được hay không, nhưng William J. Duiker trong cuốn sách nổi tiếng "Truyện Hồ Chí Minh" đã viết: "Không khí thần bí bao bọc xung quanh Hồ Chí Minh luôn luôn được duy trì, chỉ ít ra là trong các tác phẩm tự truyện như thế này".

HỒ CHÍ MINH CÓ PHẢI ĐẾN TỪ ĐÀI LOAN?

Vì sao cho đến lúc qua đời Hồ Chí Minh vẫn không tự nói ra những bí mật của mình? Chấp nhận nằm trong quan tài thủy tinh để lại cho người đời biết bao câu hỏi nghi ngờ? Vì sao các tư liệu có liên quan đến Hồ Chí Minh trong hồ sơ lưu trữ tại các nước Pháp, Anh Quốc (bao gồm cả Hương Cảng), Mỹ... đến nay từng bước đã được giải mật, vậy mà nhà nước Việt Nam, Trung Quốc và Nga vẫn xếp vào loại tuyệt mật, cất giữ trong hòm kín? Các chuyên gia, học giả nghiên cứu về Hồ Chí Minh nhận thấy rất rõ, trong hồ sơ giản lược về cuộc đời ông, trước sau đều phát sinh mâu thuẫn, nhưng không biết làm cách nào tìm được cách giải thích hợp lý. Hàng loạt những sự kiện nghi vấn trên dường như tạo hứng thú cho người ta bỏ nhiều thời gian, công sức tìm tòi tư liệu để viết về thân thế Hồ Chí Minh. Việc này cũng giải thích vì sao, giới lãnh đạo cao cấp Việt cộng, Trung cộng và Quốc tế cộng sản, phàm là các sử liệu có liên quan đến Hồ Chí Minh, đều nhất loạt được che giấu, tô vẽ hoặc ngụy tạo.

Nhiều năm trước, một người bạn thương gia Đài Loan đã nói với tôi: "Hồ Chí Minh là người họ Hồ ở Miêu Lật, Đồng La, ông có biết không?". Tin đồn về Hồ Chí Minh thuộc Hồ tộc ở Miêu Lật, Đồng La đã hai lần tôi trực tiếp nghe được. Thông tin này làm tôi vừa nghi ngờ vừa phấn khởi. Đây phải chăng là dự báo về thân phận Hồ Chí Minh sắp được giải mật? Có một người họ Hồ, nhân viên Đảng vụ Quốc dân đảng, thuộc dân tộc Khách Gia Quảng Đông, sinh vào năm Dân Quốc thứ năm mươi, trong dịp về tổ họ Hồ ở Miêu Lật có hỏi thân phụ tôi: "Hồ Chí Minh với ông là như thế nào mà có tin đồn ông ta cũng là người Miêu Lật?" Một người nữa là thầy thuốc họ Hà kể lại, năm 1945, ông đã theo quân đội Quốc dân đảng đến Hà Nội có nghe một người Hoa làm nghề buôn thịt lợn nói rằng, Hồ Chí Minh là người đến từ Miêu Lật, Đồng La, Đài Loan. Người anh họ của tôi cũng bảo: " Năm Dân Quốc thứ sáu mươi, anh cùng ông chú đến Bộ Ngoại giao Đài Bắc hỏi thăm tung tích Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) cùng những vấn đề liên quan đến thân phận ông, nhưng không có được câu trả lời cụ thể. Thời gian gần đây tôi đã hai lần được nghe từ miệng một thương nhân Đài Loan ở Việt Nam nói rõ, Hồ Chí Minh là người Miêu Lật, Đồng La, nhưng không thể kiểm chứng được nguồn gốc thông tin, bởi không một lãnh đạo chớp bu nào của Việt Nam chịu tiết lộ bí mật.

Từ Việt Nam, tin đồn Hồ Chí Minh là người thuộc họ Hồ sinh quán ở Miêu Lật, Đồng La truyền về Đài Loan, khiến tâm trạng tôi vốn dĩ trầm lặng bỗng nhiên như cháy bùng lên. Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam là người Đài Loan! Như vậy, lời khẩu truyền được lưu trong ký ức gia tộc họ Hồ ở Miêu Lật, Đồng La thực ra chẳng phải là bí mật của Ông Trời, vấn đề là, chưa tìm được chứng cứ đủ sức thuyết phục mà thôi. Trước đây ít năm, gia tộc có phát hành nội bộ cuốn sách "Giải nghĩa 'Nhật ký trong tù' của Hồ Chí Minh". Qua sơ bộ nghiên cứu tư liệu thì Hồ Chí Minh đúng là người họ Hồ ở Miêu Lật, Đồng La. Đại thể là, không có lửa làm sao có khói, chỉ tiếc sức lực có hạn, không tìm được chứng cứ để liên kết các sự kiện. Mấy năm nay, các loại sách báo, tranh ảnh lưu hành rất tiện lợi. Mạng Internet phát triển nhanh chưa từng thấy. Các sử liệu liên quan đến Hồ Chí Minh lần lượt xuất hiện. Tin đồn Hồ Chí Minh là người Đài Loan từng bước được lịch sử xác nhận qua các phương pháp giám định khoa học. Vì thế,

để tìm hiểu xem Hồ Chí Minh có phải là người Miêu Lật, Đồng La, Đài Loan hay không, cần phải khẳng định hai sự kiện sau:

1 - Hồ Chí Minh thời kỳ (1890 - 1932) là Nguyễn Ái Quốc của Việt Nam.

2 - Hồ Chí Minh thời kỳ (1933 - 1969) là Hồ Tập Chương của Đài Loan.

Nói cách khác, truyền kỳ về Chủ tịch nước Việt nam Hồ Chí Minh, nửa đời trước là lãnh tụ cộng sản Việt Nam Nguyễn Ái Quốc, nửa đời sau là nhân sĩ Quốc tế cộng sản Hồ Tập Chương đến từ Đài Loan. Hai người cùng có quá trình sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng đạt được những thành tựu trong cuộc đời hoạt động.

Nguyễn Ái Quốc là lãnh tụ sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng là đại biểu Quốc tế cộng sản. Do đảng viên cộng sản Pháp Joseph Ducroix, bí thư Công hội Thái Bình Dương, Quốc tế cộng sản bị bắt tại Singapore, sau khi truy vấn, cảnh sát đã bắt được hai phái viên của Cục Viễn Đông Quốc tế cộng sản là Hilaire Noulens ở Thượng Hải và Nguyễn Ái Quốc ở Hương Cảng. Không may, vào mùa thu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc trên đường trốn chạy từ Hương Cảng đến Thượng Hải bị mắc bệnh lao phổi qua đời.

Mùa hè năm 1929, Hồ Tập Chương từ Đài Loan đến Thượng Hải, được Cục Viễn Đông phái đến làm việc tại "Liên minh mậu dịch Thái Bình Dương". Cũng bởi có liên quan đến vụ án Hilaire Noulens, ông phải trốn đến Quảng Châu rồi lại chạy sang Quảng Tây, Xiêm La, cuối cùng về Hạ Môn. Đầu năm 1933, Hồ Tập Chương từ Hạ Môn đến Thượng Hải để đi Mạc Tư Khoa. Lúc này, chủ quản bộ phận Việt Nam Quốc tế cộng sản là Vera Vasilieva đặt kế hoạch cho Hồ Tập Chương 5 năm học tập cải tạo để biến thành Nguyễn Ái Quốc, nhằm phủ định sự thật Nguyễn Ái Quốc đã chết, thay thế ông này, bước lên vũ đài lịch sử, diễn vở kịch truyền kỳ Hồ Chí Minh "thật giả kiếp người".

Hồ Chí Minh nửa đời về sau (1933 - 1969) là Hồ Tập Chương, người Đài Loan. Tuy nhiên, sự kiện động trời này chưa từng được lịch sử biết đến, khiến các cho các chuyên gia nghiên cứu hoặc độc giả có hứng thú với nhân vật Hồ Chí Minh vừa sững sờ vừa nghi vấn. Các chứng cứ của luận điểm này? Độ tin cậy của thông tin như thế nào? Nguồn gốc của tư liệu ở đâu? Mỗi quan hệ nhân quả về thời gian, không gian và tính logic của vấn đề?

Về trình tự làm cuốn sách, trước hết là trình bày việc lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và chết bởi bệnh lao phổi vào mùa thu năm 1932. Phần tiếp theo sẽ chỉ ra, Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc không phải là một người, cuối cùng nói đến nửa phần đời sau của Hồ Chí Minh chính là Hồ Tập Chương đến Từ Đài Loan. Nội dung cuốn sách này hoàn toàn đảm bảo tính khách quan và tính hợp lý với mục đích chỉ để làm rõ một tiên đề giả thiết Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc không phải là một người. Trong quá trình khảo cứu, tôi đã tìm hiểu, so sánh, đối chiếu cẩn trọng các tư liệu liên quan đến cuộc đời Nguyễn Ái Quốc và

Hồ Chí Minh, muốn làm một việc công bằng là trả lại sự thực vốn có cho lịch sử, đồng thời để tìm ra lời giải câu đố "Sự bí ẩn trong chuyện sinh tử của Nguyễn Ái Quốc". Từ sự bí ẩn về thân phận Hồ Chí Minh, tôi đề xuất 5 luận chứng đồng thời cũng là nhan đề của 5 thiên trong "Tìm hiểu cuộc đời Hồ Chí Minh" như sau:

1 - "Hài kịch tráo rỗng đối phương" (Nguyễn Ái Quốc chết mà sống lại).

2- "Ve sầu thoát xác, thật giả kiếp người" (Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh cùng lên vũ đài lịch sử).

3 - "Cuộc sống lưu vong phiêu bạt" (Hồ Chí Minh ở Liên Xô và Trung Quốc).

4- "Khúc bi ca về tình yêu và hôn nhân" (Sự thật về tình yêu, hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh).

5 - "Nhật ký trong tù và Di chúc" (Làm rõ khả năng Hán văn của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh).

Từ cách nhìn lịch sử ở những góc độ khác nhau, lật lại sự kiện Nguyễn Ái Quốc chết bệnh vào năm 1932, và Hồ Chí Minh của năm 1933 là Hồ Tập Chương đến từ Đài Loan tiếp tục tiếp tục đăng đài thực hiện nhiệm vụ Quốc tế cộng sản giao phó, rất mong được các chuyên gia học giả cùng bạn đọc chỉ giáo.

- Hồ Tuấn Hùng -



THIÊN I

HÀI KỊCH TRÁO RỒNG ĐỐI PHƯƠNG

MÀN MỘT



SỰ THẬT VỀ CÁI CHẾT CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC NHỮNG ẢN SÓ VỀ CON NGƯỜI HỒ CHÍ MINH

Trong tiểu sử Hồ Chí Minh, một câu hỏi luôn được đặt ra, ông là Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam hay là Hồ Tập Chương đến từ Đài Loan? Đây là vấn đề vô cùng quan trọng. Phải chăng

Nguyễn Ái Quốc đã chết vào năm 1932? Người tiếp tục đóng vai ông liệu có phải là Hồ Tập Chương? Các tác giả viết truyện ký về Hồ Chí Minh vào thời điểm 1932 đều khá mơ hồ, thậm chí còn tỏ ra không ít nghi ngờ. Vì vậy không có cách nào chứng thực được cái chết của Nguyễn Ái Quốc, nơi mai táng di thể cũng như thân phận của Hồ Tập Chương tiếp tục vai trò của ông. Vì thế, các học giả nghiên cứu về Hồ Chí Minh, cho đến nay, chỉ sử dụng những tư liệu chính thống do nhà nước Việt Nam biên soạn như "Truyện Hồ Chí Minh" hoặc "Hồ Chí Minh và vấn đề văn hóa" v.v...nhằm ngoa truyền Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc. Nhân đó khẳng định thân phận chân chính Hồ Chí Minh cùng những chi tiết thật giả lẫn lộn không thể phân biệt, để lại cho hậu thế một nhân vật nhuộm màu thần bí.

Nghiên cứu kỹ những ghi chép về hoạt động của Hồ Chí Minh từ năm 1933 đến năm 1945, ta sẽ thấy một số không nhỏ những điều vô lý được sử dụng qua hàng loạt chứng cứ ngụy tạo. Có thể dẫn chứng, người mà năm 1933 từ Hạ Môn đến Thượng Hải để đi Mạc Tư Khoa tuyệt đối không phải Nguyễn Ái Quốc mà là một người khác. Tình yêu và hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh cũng hoàn toàn khác nhau. "Nhật ký trong tù" không phải do Nguyễn Ái Quốc sáng tác. Tất cả đều là những vấn đề lớn còn tồn tại nhiều mâu thuẫn. Vì thế phải làm rõ một điều, Hồ Chí Minh là Hồ Chí Minh, Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Ái Quốc, hai người này không thể là một. Từ đó mới có thể xác định Nguyễn Ái Quốc đã chết vào năm 1932. Chết mà sống lại khiến người ta nghĩ đến trò chơi "mượn xác hoàn hồn", "dời hoa tiếp cây".

NGUYỄN ÁI QUỐC CHẾT THẬT HAY CHẾT GIẢ?

Nguyễn Ái Quốc nhiều năm đã mắc chứng lao phổi, tháng 6 năm 1931 bị cảnh sát Hương Cảng bắt, được chuyển đến bệnh xá nhà giam điều trị, đầu năm 1932 mất tích, đến khoảng giữa tháng 7 và tháng 8 thì các báo đưa tin chết vì bệnh lao phổi. Cũng thời gian này các báo Hương Cảng, Anh Quốc, Pháp Quốc và Nga Xô đều viết, sau khi Nguyễn Ái Quốc từ Singapore trở lại Hương Cảng, không rõ lý do mất tích, sau đó bị bệnh qua đời. Thời gian này, nhóm lưu học sinh Việt Nam tại trường Đại học Phương Đông, Mạc Tư Khoa đã cử hành lễ truy điệu. Phái viên Quốc tế cộng sản đến thăm hỏi chia buồn. Hồ sơ Nguyễn Ái Quốc của cảnh sát Pháp năm 1933 cũng ghi chú Nguyễn Ái Quốc đã chết. Thế nhưng, mãi đến mười năm sau, một nhân viên tình báo Pháp lại gửi báo cáo về Paris khẳng định Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở vùng biên giới Việt - Trung. Chính phủ Pháp gửi điện trả lời: "Vô lý, chắc anh bị bệnh tâm thần nên mới chuyển về nước tin tức vớ vẩn này. Nguyễn Ái Quốc đã chết ở Hương Cảng vào đầu những năm 1930". Những tài liệu gốc nằm trong hồ sơ Nguyễn Ái Quốc được nhắc đến từng đăng tải trên báo chí đều là những tư liệu lịch sử từ năm 1932 đến năm 1941 đáng tin cậy. Trong khoảng mười năm, Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn biệt vô âm tín, không có bất cứ ghi chép nào về hoạt động của ông, nhưng lại có một người khác, xưng danh là Nguyễn Ái Quốc, tiếp tục sự nghiệp của ông., Đó là Hồ Tập Chương. Thế thân Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tập Chương phủ nhận cái chết vì bệnh phổi với lý do, vì có nhiệm vụ quan trọng phải rời Hương Cảng nên đã tung tin cái chết giả với báo chí. Quốc tế cộng sản và các yếu nhân Trung cộng đều ra sức

che dấu những hoạt động của Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) từ năm 1929 đến năm 1933, mặt khác lại không ngừng dùng báo chí tuyên truyền khẳng định Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động trên vũ đài chính trị. Ví như năm 1933, người ta đã tạo ra một hình ảnh Nguyễn Ái Quốc giả gặp người bạn Pháp là Vaillant Couturier tại Thượng Hải rồi tung lên các báo với ý đồ, làm cho người đời tin rằng, từ năm 1933, Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động tại Thượng Hải, để đạt được mục đích "dời hoa tiếp cây". Gần mười năm sau khi Nguyễn Ái Quốc chết, ngày 6 tháng sáu năm 1941, lần đầu tiên Hồ Chí Minh công khai danh tính Nguyễn Ái Quốc trong bài "Thư gửi đồng bào toàn quốc" kêu gọi nhân dân Việt Nam đứng lên làm cách mạng, giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước.

Theo những mẩu chuyện tự kể về cuộc đời Hồ Chí Minh, những năm tháng sau khi Nguyễn Ái Quốc chết, rồi được làm cho sống lại từ màn kịch "dời hoa tiếp cây", nói rằng: " Mùa xuân năm 1932, Nguyễn Ái Quốc bí mật đến Hạ Môn chữa bệnh nửa năm, đầu năm 1933, từ Hạ Môn đến Thượng Hải, sau đó từ Thượng Hải đi Mạc Tư Khoa". Đó chính là trò chơi "ve sầu thoát xác" tạo nên một Hồ Chí Minh từ xác chết Nguyễn Ái Quốc được phù phép cho sống lại.

Sự thật về cái chết của Nguyễn Ái Quốc rất rõ ràng, nhưng lịch sử bị bóp méo, ngụy tạo ra cách giải thích, ông phải chạy trốn sang Pháp do bị đặc vụ săn đuổi. Tất cả những việc làm trên đều thực hiện bởi bàn tay Quốc tế cộng sản cùng giới lãnh đạo chớp bu Trung cộng, Việt cộng, chỉ nhằm một mục đích, bắt buộc người ta phải thừa nhận Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc.

BÁO CHÍ ĐƯA TIN NGUYỄN ÁI QUỐC CHẾT BỞI BỆNH LAO PHỔI

Sophi Quinn Judge trong tác phẩm "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919 - 1941", đặc biệt tại chương 6, đã trực tiếp lấy việc Hồ Chí Minh "chết ở Hương Cảng, mai táng ở Mạc Tư Khoa" làm tiêu đề, đã nhận thấy có cái gì đó mờ mờ trong chuyện sinh tử này. Sự nghi ngờ của Quinn Judge phải chăng căn cứ từ các bài báo đương thời nhưng không có những tư liệu đáng tin cậy làm cơ sở pháp lý. Tuy nhiên, trong năm ấy, báo chí cộng sản lại lần lượt đưa tin Nguyễn Ái Quốc chết do bị lao phổi. Ví như tờ "Sự thật" của đảng Cộng sản Liên Xô, tờ "Nhân đạo" của đảng Cộng sản Pháp, tờ "Lao động" của đảng Cộng sản Anh, đặc biệt, nhóm lưu học sinh Việt Nam tại Đại học Phương Đông, Mạc Tư Khoa đã cử hành lễ truy điệu Nguyễn Ái Quốc, Quốc tế cộng sản cũng phái đại biểu đến chia buồn.

1 - Trong tác phẩm "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc", giáo sư sử học Đài Loan Tưởng Vĩnh Kính, trang 74 - 75, đã viết:

Đầu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc sang Singapore nhưng bị cảnh sát bắt quay lại Hương Cảng, sau đó thì mất tích, nhưng phía Anh Quốc cũng không công bố việc này. Sau khi Nguyễn Ái Quốc mất tích, các báo đều đưa tin ông bị ho lao nặng và qua đời trong nhà giam. Những báo này bao gồm cả của nhà đương cục Pháp - Việt thực dân cho đến của các đảng Cộng sản như

tờ "Lao động" của đảng Cộng sản Anh, tờ "Nhân đạo" của đảng Cộng sản Pháp, đến các báo của Nga Xô đều đăng tải tin Nguyễn Ái Quốc bị bệnh lao phổi chết. Nhóm lưu học sinh Việt Nam tại Đại học Phương Đông, Mạc Tư Khoa cử hành tang lễ, phái viên Quốc tế cộng sản đến viếng và chia buồn. Hồ sơ của cảnh sát Pháp năm 1933 đã ghi chép về sự kiện này và chú thích "Nguyễn Ái Quốc đã chết tại Hương Cảng". (Tác giả nhận định: Báo chí Nga Xô cụ thể là tờ "Sự thật" (Pravda), xem cuốn "Chủ tịch nước Việt Nam", Lý Gia Trung biên dịch, trang 224)

Những ghi chép của Trường giáo sư cùng các bài báo có liên quan đến cái chết của Nguyễn Ái Quốc dẫn từ "Bác Hồ" của Hoài Thanh, Thanh Tịnh, NXB Ngoại văn, 1962 và "Hoang Van Chi, From Colonialism to Communism" Ferederick A.Praeger, inc,1965 二書.(Hoàng Văn Chi, "Từ chủ nghĩa thực dân đến chủ nghĩa cộng sản" Ferederick A.Praeger, inc,1965, 2 quyển).

2 - Trong cuốn "Truyện Hồ Chí Minh", trang 209 và 212, William J. Duiker viết:

Vào ngày 11 tháng 8 năm 1932, tờ nhật báo "Công nhân" của Quốc tế cộng sản phát hành tại London, đăng tin Nguyễn Ái Quốc chết trong nhà giam. Nhóm lưu học sinh Việt Nam tại trường Đại học Stalin sớm đã biết tin Nguyễn Ái Quốc qua đời vì bệnh lao phổi nặng và tổ chức lễ truy điệu, cũng như trước đó, vào năm 1931, họ đã tổ chức lễ truy điệu Tổng bí thư Trần Phú chết ở nhà tù thực dân Pháp tại Việt Nam.

Những ghi chép của William J. Duiker thật ra không rõ ràng vì không dẫn được tư liệu gốc có tính thuyết phục. Những nghiên cứu của giáo sư Tường Vĩnh Kính, về đại thể là giống nhau, chỉ khác về tiểu sự nếu đem so sánh với các tư liệu viết về Hồ Chí Minh trong tác phẩm "Bác Hồ" của Hoài Thanh và Thanh Tịnh do NXB Ngoại văn ấn hành năm 1962.

3 - Sophie Quinn-Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941", trang 194 đã viết:

Tháng 9 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc thừa nhận mình bị lao phổi. Trong một bức thư gửi Bộ Ngoại giao năm 1932, Tổng Lãnh sự Pháp tại Hương cảng Soulange Teissier cũng chứng thực Nguyễn Ái Quốc bị nhiễm lao mạn tính. Mùa hè năm 1932, lần đầu tiên một tờ báo viết: "Người (Nguyễn Ái Quốc) bị bệnh lao, thân thể suy nhược này chính là một lãnh đạo quan trọng của Việt Nam". Các báo Cộng sản tháng 8 năm 1932 đều đồng loạt đưa tin Nguyễn Ái Quốc qua đời bởi bệnh phế kết hạch (bệnh lao phổi).

BÍ MẬT VỀ CÁI CHẾT CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

Tin Nguyễn Ái Quốc bị bệnh qua đời vì sao chỉ có các báo Cộng sản đăng tải? Vì sao lưu học sinh Việt Nam tại Mạc Tư Khoa tổ chức tang lễ? Lại vì sao đến mười năm sau Hồ Chí Minh mới giải thích việc mình chết rồi sống lại chính là một màn kịch để trốn khỏi Hương Cảng?

Đầu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc mất tích từ Hương Cảng, bí mật đến Thượng Hải để đi Mạc Tư Khoa. Kế hoạch này là do Quốc tế cộng sản đạo diễn, vì thế chỉ có báo chí Cộng sản đưa tin. Có thể thấy, thời gian sau khi Nguyễn Ái Quốc chết, Quốc tế cộng sản vẫn chưa có ý định "cấy" Hồ Chí Minh thay thế ông ta, cho nên báo chí Cộng sản mới đưa tin Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao phổi và lưu học sinh Việt Nam tại Mạc Tư Khoa mới tổ chức lễ truy điệu.

Về cái chết của Nguyễn Ái Quốc, sau khi các báo đưa tin, tất cả đều im lặng, tuyệt nhiên không thấy Quốc tế cộng sản có bất cứ động thái gì. Trong khi ấy, liên lạc viên Cục Viễn Đông của Quốc tế cộng sản là Hồ Tập Chương, từ Thượng Hải đã đến Mạc Tư Khoa vào năm 1933. Hồ Tập Chương đã nhiều lần cùng làm việc với Nguyễn Ái Quốc, đặc biệt đã tham gia Ban Trù bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, lúc này, Quốc tế cộng sản yêu cầu Hồ Tập Chương thay thế thân phận Nguyễn Ái Quốc, tiếp tục tham gia phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Tập Chương (bí danh P.C.Lin), qua 5 năm, được sự giáo dục, cải tạo của Quốc tế cộng sản, lại đổi tên là Hồ Quang, Hồ Chí Minh hoạt động tại vùng biên giới Việt Trung. Cổ nhiên, đây mới là chỉ dấu ban đầu nghi ngờ về cái chết của Nguyễn Ái Quốc và thân phận thực của Hồ Chí Minh sau khi đã đồng nhất với Nguyễn Ái Quốc.

Phải chăng, Nguyễn Ái Quốc đã chết vào mùa thu năm 1932 bởi bệnh lao phổi? Căn cứ vào hoàn cảnh lúc ấy mà suy đoán thì hầu như có thể khẳng định đó là sự thật. Theo hồi ức Lưu Đức Phương, một đảng viên Cộng sản Việt Nam, thì từ năm 1925 đến năm 1927, Nguyễn Ái Quốc nỗ lực hoạt động vượt bậc. Chín trăm ngày đêm, công việc chồng chất như núi, ông phải làm việc thâu đêm, thân thể suy nhược, và nhất là ho rất nhiều, có lúc khạc ra máu. Từ tháng bảy đến tháng chín năm 1930, Nguyễn Ái Quốc viết 6 bức thư gửi Cục Viễn Đông, trình bày về việc mình bị bệnh lao phổi nặng, thường ho ra máu, thân thể suy nhược. Cuối tháng mười một năm 1931, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi đồng chí Lam Đức Thư của "Liên minh thanh niên cách mạng": "Tình trạng sức khỏe của tôi hiện rất nguy kịch, bệnh cũ tái phát, thường xuyên ho ra máu, rất đáng lo ngại, sợ rằng có thể chết trong ngục bất cứ lúc nào". Năm 1932, tình báo viên Anh Quốc là Paul Draken, dùng thủy phi cơ đưa Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng đã nhìn thấy "Nguyễn Ái Quốc quá mệt mỏi, ho liên tục, gần như không còn sức để nói".*

Như trên đã trình bày, Từ khi rời Hương Cảng trốn đến Thượng Hải, tình trạng bệnh tật Nguyễn Ái Quốc đã khá trầm trọng, lại trải qua chặng đường dài vô cùng vất vả, vì thủy phi cơ rất xóc càn làm tổn hại sức khỏe. Huống nữa, sau khi lên bờ, đặc vụ Quốc dân đảng, cảnh sát tô giới Anh, với cặp mắt nhà nghề, luôn theo dõi nhất cử nhất động của những người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đâu dám công khai tìm thầy thuốc chữa bệnh mà chỉ cố chịu đựng để nhanh chóng đến được Mạc Tư Khoa. Cho nên ông bị chết ở Mạc Tư Khoa là hoàn toàn có thể xảy ra. Chính vì vậy, báo chí Cộng sản từ tờ "Sự thật" của Nga Xô đưa tin đầu tiên, sau đó đến tờ "Nhân đạo" của Đảng Cộng sản Pháp, tờ "Lao động" của Đảng Cộng sản Anh lần lượt đăng tải tin Nguyễn Ái Quốc chết vào tháng 7 và tháng 8 năm 1932. Cùng thời gian này, nhóm lưu

học sinh Việt Nam tại Đại học Phương Đông đã tổ chức tang lễ cho Nguyễn Ái Quốc. Từ đó suy ra, Nguyễn Ái Quốc đã qua đời trên đường đến Mạc Tư Khoa, chôn cất tại Mạc Tư Khoa là sự thật, tuyệt đối không phải như Hồ Chí Minh tự thuật sau này nói về cái chết giả để tránh bị cảnh sát truy đuổi.

Chú thích:

* Dẫn từ: Paul Draken "Nhật ký Paul Draken- Ghi chép về Nguyễn Ái Quốc". "Nhật ký Paul Draken" chính là cuốn hồi ký mà nội dung trong đó có nhật ký của thân phụ ông là nam tước Draken chưa kịp xuất bản. Nhật ký thuật lại chuyến đi mạo hiểm của nam tước Draken từ năm 1900. Đầu năm 2000, "Nhật ký Paul Draken có kèm theo tranh ảnh được chuyển cho ngài Diêu Khai Dương thuộc Viện Bảo tàng Trung Quốc toàn quyền xử lý. Sau này Diêu Khai Dương viết thư xin ý kiến Paul Draken trao bản quyền cho tập đoàn YAO xuất bản và phát hành. "Nhật ký Paul Draken" có thiên thứ ba "Trên châu Trung Quốc" (1929-1932), chương 12, lấy tên Nguyễn Ái Quốc làm nhan đề chia ra hai phần "thượng", "hạ" ước khoảng ba nghìn chữ, kể lại việc ông tham gia vào kế hoạch giải cứu Nguyễn Ái Quốc. "Ghi chép về Nguyễn Ái Quốc" kể lại quá trình xây dựng kế hoạch và thực hiện giải cứu Nguyễn Ái Quốc là tác phẩm vô cùng quý giá, rất đáng đọc và suy ngẫm.

SAI LẦM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VIỆC TỰ NHẬN "MÌNH ĐÃ BỊ CHẾT"

Liệu rằng Hồ Chí Minh có sự lặt lọng khi nói đi nói lại nhiều lần "mình đã bị chết"? Lúc thì ông bảo, đây chỉ là tin giả do nhà đương cục Pháp công bố, lúc thì lại nói, luật sư Frank Loseby cố ý tung tin Nguyễn Ái Quốc chết, tạo điều kiện thuận lợi để ông trốn khỏi Hương Cảng. Lại nữa, trong các bản tiếng Việt như "Truyện Hồ Chí Minh" hay "Hồ Chí Minh biên niên tụng thư", trước sau đã nhiều lần nhắc đến việc này, khiến người ta rất khó tin là, Hồ Chí Minh "tự tuyên bố cái chết của mình với báo chí, mục đích giữ an toàn khi rời khỏi Hương Cảng". Đặc biệt, Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: " Việc công bố cái chết của Nguyễn Ái Quốc là do nhà đương cục Pháp cố ý bịa đặt nhằm mục đích làm nhụt ý chí đấu tranh của nhân dân Việt Nam". Cách giải thích như thế xem ra không đủ sức thuyết phục. Tin Nguyễn Ái Quốc chết bởi bệnh lao phổi, lần đầu tiên được báo chí đăng vào mùa thu năm 1932. Trong khi đó, Hồ Chí Minh lại tuyên bố mình trốn khỏi Hương Cảng đến Hạ Môn vào tháng giêng năm 1933. Khoảng thời gian sai số cách nhau gần nửa năm rất không phù hợp với thực tế. Công bằng mà nói, nếu đã tung màn khói cái chết giả để tiện lợi cho sự trốn chạy, tất yếu phải tạo ra một thời gian tương ứng phù hợp. Thế nhưng, ở đây lại có sự tiền hậu bất nhất những nửa năm, làm người đọc hoàn toàn có quyền nghi ngờ. Hơn thế nữa, mãi sau nửa năm mới nói mình sống lại, chỉ với mục đích duy nhất là muốn làm sáng tỏ lời tuyên bố về "cái chết" từ mười năm trước.

Một mặt nói là mình không chết, mặt khác lại nói mình chết để cho các đồng chí phải vất vả lo liệu tang lễ sau khi vừa tổ chức lễ truy điệu Tổng Bí thư Trần Phú. Câu chuyện hoang đường

đầy chất hoạt kê này rất bất hợp lý chẳng khác gì kiểu "gậy ông lại đập lưng ông", chẳng qua đó chỉ là màn kịch nhằm mục đích "mượn xác hoàn hồn", "dời hoa tiếp cây" được dàn dựng kỹ lưỡng mà thôi.

HỒ SƠ BỆNH ÁN NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ HỒ CHÍ MINH

Đoàn Chủ tịch Trung ương Việt Nam đặc biệt thông báo: "Chủ tịch Hồ Chí Minh bị bệnh tim nặng đã từ trần hồi 9 giờ 47 phút năm 1969". Đây là một sự dối trá. Nguyễn Ái Quốc chết vào tháng 8 năm 1932 do bệnh lao phổi, trong khi ấy, Hồ Chí Minh, sau 37 năm, chưa từng thấy có ghi chép về việc chữa trị bệnh lao phổi trong hồ sơ, mà lại chết bởi bệnh tim. Hãy cứ lấy năm 1933 làm điểm mốc trước sau để so sánh, quan sát, sẽ dễ dàng phát hiện ra tình trạng bệnh lý rất khác nhau trong cùng một con người. Đây là vấn đề rất quan trọng, xin cung cấp để bạn đọc tham khảo.

Hồ sơ bệnh lao phổi Nguyễn Ái Quốc:

1 - Tháng giêng năm 1920, một đặc vụ Pháp là Eduard mang bí danh Phúc Bắc (Phu bay) báo cáo: "Nguyễn Ái Quốc, Phan Chu Trinh là những người mắc chứng viêm phế quản hoặc bệnh lao phổi. Họ không có điều kiện giữ gìn sức khỏe, nên nói chung sinh hoạt khó khăn. ("Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"- Sophie Quinn-Judge, trang 28).

2 - Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc thay (...) viết bài, tháng tám phải nhập viện đã gây trở ngại cho kế hoạch hoạt động. Lúc ấy, vai phải Nguyễn Ái Quốc lở loét mưng mủ phải điều trị. Phải chăng đây là dấu hiệu của căn bệnh lao? ("Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"- Sophie Quinn-Judge, trang 30).

3 - Đầu năm 1921, sau Hội nghị Tours, Nguyễn Ái Quốc từng nói, ông chẳng cần quan tâm đến sự thành bại của cách mạng thế giới mà việc cấp bách trước mắt là vận mệnh dân tộc. Hai tháng sau đó, Nguyễn Ái Quốc bị nghi là mắc bệnh viêm phế quản, phải vào bệnh viện điều trị sau một trận ốm. ("Truyện Hồ Chí Minh"- William J. Duiker, trang 173).

4 - Trước sau tháng chín năm 1924, Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế cộng sản tạm thời giao nhiệm vụ soạn thảo một bài về tình hình Đông Nam Á để đăng trong chuyên san "Tin tức châu Á". Lúc ấy chưa xác định được Nguyễn Ái Quốc mắc bệnh gì, Quốc tế cộng sản đưa ông đến Crime bên bờ Hắc Hải nghỉ điều dưỡng khôi phục sức khỏe. ("Truyện Hồ Chí Minh"- William J. Duiker, trang 147).

5 - Ngày 25 tháng chín năm 1924, Nguyễn Ái Quốc gửi một bức thư cho Voitinsky, trong đó có nói đến việc sẽ đi Trung Quốc để tăng cường sức khỏe. Ngày 5 tháng chín, ông đến viện điều dưỡng điều trị một thời gian dài chứng bệnh lao phổi. ("Truyện Hồ Chí Minh"- William J. Duiker, trang 598).

6 - Từ năm 1925 đến năm 1927, gần chín trăm ngày đêm, công việc của Hồ Chí Minh chất đầy như núi. Ông phải làm việc kiệt lực mới giải quyết xong "tòa núi" ấy. Hồi ức Lý Đức Phương viết: "Lúc ấy Bác Hồ thường dậy từ canh năm làm việc đến canh hai mới nghỉ, thân thể suy nhược, ho nhiều, có lúc khạc ra máu". Sau khi thoát hiểm đến Mạc Tư Khoa, ông không thể không đến bệnh viện chữa trị. ("Chủ tịch nước Việt Nam Hồ Chí Minh"- Lý Gia Trung, cựu Đại sứ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam, trang 123).

7 - Cuối năm 1927, tôi nhận được chỉ thị của Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương thuộc Quốc tế cộng sản, nhưng lúc ấy đang lâm bệnh ở Thailand hơn một năm, vì thế, không thực hiện được bất cứ nhiệm vụ nào. ("Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"- Sophie Quinn-Judge, trang 163).

8 - Nửa sau năm 1928, hồi ký Đặng Văn Chi viết: "Có một thời gian Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu Đông y, hy vọng có thể tìm ra phương pháp chữa bệnh lao phổi, vì vậy, sau này có báo cáo với một đồng chí Việt Nam ở Hương Cảng, trình bày lý do ông ở Thailand hơn một năm mà không làm được việc gì". ("Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"- Sophie Quinn-Judge, trang 129, 163).

9 - Năm 1929, căn cứ vào lời kể của Lam Đức Thư, có tin nói rằng, Nguyễn Ái Quốc ở nước Đức, sức khỏe không tốt. ("Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"- Sophie Quinn-Judge, trang 143).

10 - Trong khoảng thời gian từ ngày 3 tháng bảy đến ngày 2 tháng chín năm 1930, Nguyễn Ái Quốc viết 6 bức thư gửi Cục Viễn Đông. Trong thư đề ngày 2 tháng chín, ông thú nhận từ ngày 13 tháng tám, sức khỏe đã suy sụp vì bệnh lao phổi, chứng cứ là thở rất khó khăn, thỉnh thoảng lại thổ huyết, cơ thể vô cùng mệt mỏi. ("Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"- Sophie Quinn-Judge, trang 177).

11- Tháng chín năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chính thức công bố mình bị lao phổi nặng. Tổng Lãnh sự Pháp Soulangue Teissier, trong một bức thư viết vào năm 1932 gửi Bộ Ngoại giao cũng xác nhận, Nguyễn Ái Quốc mắc chứng lao phổi mạn tính rất nặng. ("Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"- Sophie Quinn-Judge, trang 194).

12 - Trước sau trung tuần tháng sáu năm 1931, phu nhân luật sư Frank Loseby tiếp tục vào thăm Nguyễn Ái Quốc, nhìn thấy thân thể nhà cách mạng tiêu tụy, đã nói với chồng, trước mắt đề nghị nhà đương cục đưa ông vào bệnh viện điều trị. ("Chủ tịch nước Việt Nam Hồ Chí Minh "- Lý Gia Trung, cựu Đại sứ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam, trang 200).

13 - Cuối tháng mười một năm 1931, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi cho Ủy viên Liên minh thanh niên cách mạng Lam Đức Thư: "Hiện tại sức khỏe của tôi rất nguy kịch, hơn nữa bệnh thổ huyết lại tái phát, tình hình này, rất có khả năng chết ở trong ngục. Chỉ trách ông trời

không cho tôi sống để tiếp tục thực hiện lý tưởng cách mạng". ("Truyện Hồ Chí Minh", William J. Duiker, trang 206).

14 - Cuối năm 1931, Nguyễn Ái Quốc được đưa tới bệnh viện điều trị dưới sự canh gác nghiêm ngặt của cảnh sát. Cuối tháng mười hai, hoàng thân Cường Để gửi một bức thư tỏ thái độ trân trọng và lo lắng về tình trạng bệnh tật của Nguyễn Ái Quốc. Ông cũng gửi kèm theo 300 đồng để Nguyễn Ái Quốc mua thuốc chữa trị, đồng thời đề nghị phải giữ gìn sức khỏe để phụng sự đất nước. ("Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"- Sophie Quinn-Judge, trang 194).

15 - Đầu năm 1932, Khu mật viện Hoàng gia Anh Quốc mở phiên tòa xử vụ Tổng Văn Sơ tức Nguyễn Ái Quốc. Kết thúc phiên xử, Tòa tuyên án phóng thích Nguyễn Ái Quốc. Tin vui đến Hương Cảng. Lúc ấy Tổng Văn Sơ vẫn còn đang điều trị tại bệnh viện. Sau chín lần ra tòa (1/8/1931- 19/9/1931), sức khỏe Tổng Văn Sơ đã quá suy nhược. ("Chủ tịch nước Việt Nam Hồ Chí Minh ", Lý Gia Trung, cựu Đại sứ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam, trang 217).

16- Năm 1932, đại diện Bộ Ngoại giao Anh Quốc là Paul Draken đến Hương Cảng gặp Nguyễn Ái Quốc. Paul Draken nói: "Tôi được cử đến đây giúp ngài xuất cảnh, xin hỏi, ngài muốn đến nơi nào?". Nguyễn Ái Quốc bảo: "Tôi muốn đến Liên Xô". "Tốt nhất là ngài nên qua đường Thượng Hải" - Paul gợi ý- Tôi sẽ tháp tùng ngài đi Thượng Hải, sau đó, ngài sẽ quyết định nên đến nơi nào". ("Nhật ký Paul Draken - ghi chép về Nguyễn Ái Quốc").

17 - Năm 1932, Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) mất tích tại Hương Cảng, các báo đều đưa tin sau khi Hồ Chí Minh bị cảnh sát Hương Cảng bắt đã chết trong tù vì bệnh lao phổi. Các báo này bao gồm cả của chính quyền Pháp lẫn các Đảng Cộng sản, như tờ "Lao động" của Đảng Cộng sản Anh, tờ "Nhân đạo" của Đảng Cộng sản Pháp cùng các báo chí Liên Xô. ("Hồ Chí Minh ở Trung Quốc"- Tưởng Vĩnh Kính, trang 74- 75).

18 - Trước đó, nhóm lưu học sinh Việt Nam tại học viện Stalin đã biết Nguyễn Ái Quốc chết bởi bệnh lao phổi và đã lo tổ chức tang lễ, như trước đó đã tổ chức tang lễ Tổng Bí thư Trần Phú chết trong nhà tù thực dân Pháp tại Việt Nam. ("Truyện Hồ Chí Minh"- William J. Duiker, trang 212).

19 - Năm 1933, thời kỳ Hồ đến Mạc Tư Khoa, tình trạng sức khỏe đã rất kém, lại bị lao phổi, thân thể gầy yếu, hai má hóp xám bệch, chốc chốc lại ho, đờm dính máu. Trước đây không có điều kiện chữa trị bằng các loại thuốc đặc hiệu, Hồ nghĩ ra cách điều trị riêng của mình: Sinh hoạt theo kỷ luật khắc khe, tuyệt đối tuân thủ các chế độ đã đặt ra. Mỗi sáng sau khi thức dậy, ông thường xuyên tập thể dục. Trong phòng luôn có quả tạ, dụng cụ luyện tập làm nở lồng ngực. ("Hồ Chí Minh ở Trung Quốc"- Tưởng Vĩnh Kính, trang 182).

20 - Cuối năm 1944, thiếu úy Shaw đề nghị Hồ Chí Minh cùng đến Côn Minh. Hồ Chí Minh và hai đồng chí thanh niên đi trước, trên đường qua Di Lương bị cảm mạo do nhiễm lạnh phải nghỉ lại vài ngày. Sau khi Hồ Chí Minh phục hồi sức khỏe, mọi người lại tiếp tục lên đường. ("Truyện Hồ Chí Minh"- William J. Duiker, trang 287).

21 - Cuối tháng ba năm 1945, sau chuyển công tác tại địa khu Đông Khê, chúng tôi chuyển đến Xuân Sơn tổ chức mấy cuộc phát động quần chúng, chính là lúc gặp Hồ Chủ Tịch từ Bắc Pha đi xuống. Tôi đi cùng Chủ Tịch một đoạn. Trên đường Hồ Chí Minh lại lên cơn sốt rét (hoặc nhiễm ngược tật, chột nóng chột lạnh. Khi nóng, nhiệt độ tăng cao, toàn thân hầm hập. Khi lạnh, hàm răng run cầm cập, gọi là sốt rét). Đồng chí Phạm Việt Tử phải dùng bơm tiêm ký ninh vào tĩnh mạch, nói rằng, loại thuốc này có hiệu quả cắt cơn ngay tức khắc. Năm 1946, tôi công tác ở địa khu Tứ Liên bị một trận sốt rét. Y tá cũng dùng ký ninh tiêm tĩnh mạch. Mũi kim vừa rút khỏi tay, tôi liền ngất đi, may có các đồng chí xung quanh xúm vào cứu chữa, hồi lâu mới tỉnh lại. Sau đó hỏi bác sĩ tôi mới biết, tiêm ký ninh vào tĩnh mạch vô cùng nguy hiểm. Trước đó, Phạm Việt Tử tiêm tĩnh mạch Hồ Chí Minh mà không xảy ra sự cố, quả là đại hạnh cho toàn dân Việt Nam. ("Hạt thóc trên biển cả"- Hoàng Văn Hoan, trang 180- 181, NXB Giải phóng quân, Trung Quốc, 1987).

22 - Tháng bảy năm 1945, Võ Nguyên Giáp kể: "Trên đường từ Tĩnh Khê (Trung Quốc) về Việt Nam, bệnh cũ Hồ Chí Minh tái phát, nhiều ngày liên sốt cao, hôn mê bất tỉnh. Chúng tôi tìm được một thầy lang người dân tộc Đại biết cách điều chế môn thuốc hạ nhiệt cho Bác uống mỗi ngày hai ba lần, cuối cùng bệnh cũng thuyên giảm, sau đó mới tiếp tục công việc". Thế nhưng về phía Hoa Kỳ, những ghi chép sự kiện này lại không đúng như vậy. Một y sĩ thuộc Trung tâm chiến lược Hoa Kỳ (nhóm nhảy dù) chẩn đoán, Hồ Chí Minh ngoài bệnh sốt rét còn mắc thêm chứng kiết lỵ. ("Truyện Hồ Chí Minh"- William J. Duiker, trang 301- 302).

23 - Vào năm 1950, sau khi Trung cộng chiếm được Trung Quốc, báo chí Đại lục phần lớn đều đưa tin Hồ Chí Minh đến Trung Quốc chữa bệnh, tuyệt nhiên không nói đến việc điều trị chứng lao phổi.

Tổng hợp các tư liệu về bệnh tình Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc):

Năm 1933, hồ sơ ghi chép về bệnh sử Hồ Chí Minh đều liên quan mật thiết đến chứng lao phổi, hoàn toàn phù hợp với căn bệnh lao phổi của Nguyễn Ái Quốc năm 1932. Vậy mà sau năm 1933, hầu như không nói đến bệnh này trong hồ sơ bệnh án Hồ Chí Minh. Cuối cùng, vào tháng 9 năm 1969, khi ông qua đời, căn bệnh được công bố chính thức lại là bệnh tim. Trong khi ấy, nhiều hồ sơ ghi chép về Hồ Chí Minh vào năm 1933, khi mới đến Mạc Tư Khoa, đều khẳng định sức khỏe của ông rất tệ hại bởi bệnh lao phổi, thỉnh thoảng lại ho ra máu. Điều này, đã được giáo sư Nguyễn Khánh Toàn kể lại trong hồi ký. Vậy mục đích của họ là gì? Câu trả lời là: để tạo điều kiện thuận lợi cho Hồ Chí Minh tiếp tục sự nghiệp cách mạng, đấu

tranh giải phóng dân tộc, cố ý giấu đi cái chết vì bệnh phổi của Nguyễn Ái Quốc, dùng thân phận Hồ Chí Minh thay thế, tạo ra sự lẩn lộn trong bệnh sử của hai người.

MÀN HAI



TIẾT MỤC NGUYỄN ÁI QUỐC "CHẾT RỒI SỐNG LẠI"

Căn cứ vào hồi ký của tình báo viên Anh Quốc Paul Draken, khi ông này tham gia vào vụ giải cứu Nguyễn Ái Quốc chạy thoát khỏi Hương Cảng thì: "Vào đầu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hương Cảng bằng thủy phi cơ đến bến sông Hoàng Phố, Thượng Hải". Trong khi đó, các tác giả viết truyện ký về Hồ Chí Minh lại dẫn dụng những tư liệu sau này về Hồ Chí Minh: "Đầu năm 1933, Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng bằng thuyền đến Hạ Môn". Hai tư liệu đương nhiên là không thống nhất, bởi thời gian này còn dính dáng đến mùa thu năm 1932 báo chí đưa tin Nguyễn Ái Quốc bị bệnh chết. Vì thế, xác định được, thực chất Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng vào thời gian nào là vấn đề vô cùng quan trọng.

Điều cần nói là, việc Nguyễn Ái Quốc chết có phải là sự thật? Và Hồ Chí Minh có phải đã chơi trò ú tim chết rồi sống lại? Vì thế, nhất định phải tìm được chứng cứ gốc, cần trọng so sánh, đối chứng các tài liệu thật giả mới có thể xác định được sự kiện Nguyễn Ái Quốc bị bắt, bị thẩm vấn, bị mất tích, và, cuối cùng là tử vong để trả lại công bằng cho lịch sử.

VỤ ÁN NGUYỄN ÁI QUỐC BỊ BẮT TẠI HƯƠNG CẢNG

Vào lúc 2 giờ sáng ngày 6 tháng sáu năm 1931, tại số nhà 186 phố Tam Long, Hương Cảng, cảnh sát Hương Cảng bắt Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Ái Quốc bị bắt liên quan đến vụ Hilaire Noulens chấn động Trung Quốc một thời. (Hilaire Noulens tên thật là Jakov Rudink, sinh năm 1894 tại Ukraine, liên lạc viên của Quốc tế cộng sản tại Cục Viễn Đông). Bắt đầu là cảnh sát Anh Quốc cùng với mật thám Pháp phối hợp, vào tháng sáu năm 1931, bắt được Joseph Ducroix. vốn là đảng viên Cộng sản Pháp đang giữ chức Bí thư Công hội Quốc tế cộng sản. Joseph Ducroix tên thật là Serge Lefrance, khai ra những bí mật của Cục Viễn Đông đã cử Hilaire Noulens và Nguyễn Ái Quốc chia nhau đến Thượng Hải và Hương Cảng, vì thế cảnh sát Anh đón lõng bắt được. Lúc ấy Serge Lefrance đăng ký địa chỉ tại số nhà 186, phố Tam Long, Hương Cảng.

VỤ ÁN "TÒA HƯƠNG CẢNG THẨM VẤN NGUYỄN ÁI QUỐC"

Sau khi Nguyễn Ái Quốc bị bắt, chính quyền Pháp yêu cầu nhà cầm quyền Hương Cảng dẫn độ về Hà Nội. Lúc này Quốc tế cộng sản thông qua "Hội cứu tế đỏ" đề nghị có biện pháp cứu giúp bằng cách mời luật sư nổi tiếng người Anh là Frank Loseby biện hộ cho Tổng Văn Sơ.

(Tổng Văn Sơ là bí danh của Nguyễn Ái Quốc ở Hương Cảng). Tòa án Hương Cảng đã có chín phiên xử công khai thẩm vấn Nguyễn Ái Quốc, tạo thành một sự kiện quốc tế, khiến cả thế giới phải quan tâm.*

Phiên thứ nhất mở ngày 1 tháng tám, chánh tòa Hương Cảng phán quyết tội danh Tổng Văn Sơ như sau: "Tổng Văn Sơ tức Nguyễn Ái Quốc, là tay sai của Nga Xô, phái viên Đệ tam quốc tế, đến Hương Cảng hoạt động phá hoại, vì thế, đợi đến ngày 18 tháng 8 sẽ trục xuất khỏi Hương Cảng, áp giải về Việt Nam trên chiếc tàu Algiers của Pháp". Vừa nghe chánh tòa tuyên án, trợ lý của luật sư Loseby là luật sư J.C đã kịch liệt lên án việc bắt người trái phép và giam trong ngục 14 ngày mà không trả tự do cho thân chủ của ông ta. Sau một hồi tranh biện, pháp quan rung chuông tuyên bố Tòa tạm nghỉ.

Phiên thứ hai mở ngày 15 tháng tám, tranh luận và thẩm vấn 7 điểm qua các chứng cứ có tính hợp pháp của đương sự. Cuối phiên, Tòa phải thừa nhận sai lầm và rung chuông tạm nghỉ.

Phiên thứ ba mở ngày 17 tháng tám. Thẩm phán trưởng tuyên bố, nếu như tòa án không có khả năng giải quyết những vấn đề đã nêu ra..., nếu không chấp nhận đưa lên tàu Algiers về Việt Nam thì sẽ đưa lên tàu "梅當埃將軍" (Mai Đương Ai Tướng Quân), để đến ngày 1 tháng chín rời khỏi Hương Cảng.

Phiên xử thứ tư vào chiều ngày 17 tháng tám. Bắt đầu phiên tòa, thẩm phán trưởng nói: "Lệnh trục xuất Tổng Văn Sơ đã được ký, đề nghị không tiếp tục xử nữa". Luật sư J.C trong lòng mừng thầm, đồng ý với thẩm phán trưởng và đề nghị, phiên xử cuối cùng vào thứ năm ngày 20 tháng tám. Như vậy, nhà đương cục Hương Cảng không thể thực hiện lời hứa với chính quyền Pháp là trục xuất Tổng Văn Sơ vào ngày 18 tháng tám.

Buổi sáng và buổi chiều ngày 20 tháng tám là ngày xử phiên thứ năm và thứ sáu. Không khí phiên tòa rất căng thẳng. Luật sư J.C đã đề nghị ngày 12 tháng tám sẽ có lệnh trục xuất của Thẩm phán trưởng tại Tòa, vì sao mãi đến ngày 15 tháng tám, trong phiên xử thứ hai mới có? Ông yêu cầu chuyển ý kiến của ông đến Toàn quyền và Ủy viên hành chính Hương Cảng đổi chất. Đến đây chánh án tuyên bố Tòa tạm nghỉ, mời luật sư J.C bàn bạc. Phiên xử tiếp tục, pháp đình đề xuất lý do 2 điểm trục xuất Tổng Văn Sơ như sau:

1- Tổng Văn Sơ tức Lý Thụy, cũng là Nguyễn Ái Quốc, là phần tử Cộng sản, đặc phái viên của Đệ tam quốc tế, đã tuyên truyền những điều có hại đối với an ninh Hương Cảng.

2 - Quê quán của Nguyễn Ái Quốc tại Đông Dương (An Nam), từ năm 1929 đã bị tuyên án tử hình vắng mặt, chính quyền Đông Dương yêu cầu chính quyền Hương Cảng dẫn độ về Đông Dương quy án.

Ngày 25 tháng tám, phiên tòa thứ bảy khai mạc, luật sư J.C có bài có bài thuyết trình về vấn đề chính trị phạm. Tổng Văn Sơ vì nền độc lập dân tộc, tham gia vận động cách mạng, vì vậy không thuộc diện trục xuất mà pháp luật Hương Cảng đề cập tới. Luật sư chỉ trích Thẩm phán trưởng, Công tố viên, Pháp quan, Toàn quyền và Toàn quyền ủy viên hội đều chấp pháp sai lầm trong vụ án Tổng Văn Sơ. Tuy nhiên nhưng lời biện hộ đó chưa làm cho nhà đương cục Hương Cảng thay đổi thái độ.

Phiên thứ tám mở vào ngày 2 tháng chín năm 1931. Tại phiên xử này Chánh tòa Hương Cảng buộc phải thừa nhận:

- Bắt giữ Tổng Văn Sơ là một sai lầm.
- Giam giữ Tổng Văn Sơ trong ngục cũng là một sai lầm.
- Hối cung không phù hợp với trình tự tố tụng.
- Nhà đương cục Hương Cảng ngụy tạo lời khai của đương sự.

Tuy vậy, tại phiên xử thứ chín ngày 19 tháng chín năm 1931, Tòa án vẫn cưỡng ép phán quyết trục xuất Tổng Văn Sơ về Đông Dương. Luật sư J.C cực lực phản đối. Ông tuyên bố sẽ gửi kháng nghị lên Viện Khu mật hoàng gia London, Anh Quốc.

Chú thích:

* Sự việc có liên quan đến tòa án Hương Cảng thẩm tra, có thể xem Dennis Ducanson "Hồ Chí Minh ở Hương Cảng, 1931- 1932", Nguyễn Việt Hồng 1996 "Sự kiện 1931 ở Hương Cảng", Dennis J. Duncanson "Trung Quốc quý san", (tháng 1 đến 3 năm 1974), là tài liệu viết tay Nguyễn Việt Hồng dẫn dụng từ hồ sơ đã giải mật của Anh Quốc ("Hoàng gia đáng án quán", năm 1931 Z225C, HEIII,VOLIII/40 - 1240 hiệu quyển tông đích tư liệu).

VIỆN KHU MẬT HOÀNG GIA LONDON XÉT XỬ - CHÔNG ÁN

Luật sư Loseby đã dự đoán, tTòa án Hương Cảng sẽ phán quyết trục xuất Nguyễn Ái Quốc về Việt Nam, lập tức viết đơn kháng cáo lên Viện Khu mật Hoàng gia Anh Quốc. Tòa Hương Cảng nhận đơn kháng án để chuyển về London với ba điều kiện như sau:

- 1- Trong vòng 14 ngày đương sự phải đệ trình đơn kháng cáo.
- 2 -Trong vòng 90 ngày phải chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về Viện Khu mật.
- 3 - Nộp 500 dollars lệ phí.

Cả ba điều kiện này luật sư Loseby đều chấp nhận.

Do đơn kháng án phải qua thời gian mấy tháng thẩm định mà Nguyễn Ái Quốc lại bị lao phổi trầm trọng, thân thể suy nhược nên ông được chuyển từ nhà tù Victoria đến bệnh xá trại giam Bảo Vân Đạo điều trị.

Người biện hộ cho Nguyễn Ái Quốc là luật sư D. N. Pritt, biện hộ cho nhà đương cục Hương Cảng là luật sư S. Cripps. Hai vị này đều là bạn của luật sư Frank Loseby. Luật sư P. N. Pritt là con trai nghị viên cánh tả, huân tước Palme. Luật sư Pritt đã thu thập đầy đủ thông tin vụ án từ luật sư Loseby. Sau khi thống nhất kế hoạch trong nhóm, ông mời luật sư Cripps đề xuất kế hoạch Tổng Văn Sơ sẽ thắng trong phiên xử, hy vọng luật sư Cripps, vì tình bạn bè và lương tâm nghề nghiệp, đứng ra bảo vệ công lý, bảo vệ chính nghĩa. Hai ông đã thống nhất phương án giải quyết, tìm mọi cách buộc chính quyền Hương Cảng trả tự do cho Tổng Văn Sơ mà không mất thể diện.

Đầu năm 1932, Khu mật viện Hoàng gia Anh Quốc mở phiên tòa. Luật sư D. N. Pritt và luật sư S. Cripps trình bày tóm tắt nội dung vụ án và phát biểu ý kiến cá nhân sau đó đề xuất biện pháp giải quyết:

- 1 - Trả tự do cho Nguyễn Ái Quốc.
- 2 - Nguyễn Ái Quốc chỉ cần rời khỏi Hương Cảng, sau đó có thể đi đến bất cứ nơi nào mình muốn.
- 3 - Lúc ra đi và sử dụng phương tiện giao thông nào đều do tự mình quyết định.

Khu mật viện Hoàng gia Anh Quốc đồng ý với kiến nghị trên, đồng thời yêu cầu chính quyền Hương Cảng thông báo quyết định này. Cuối cùng, ngày 27 tháng sáu năm 1932, luật sư hai bên đã có được kết quả chung, đề nghị Viện Khu mật kết thúc vụ án. Nhà cầm quyền Hương Cảng chấp hành án quyết, trả tự do cho Nguyễn Ái Quốc và cấp cho ông 400 dollars làm lộ phí.**

Chú thích

** London ("Hoàng gia Viện Khu mật - Thẩm thượng tố" án, xem thêm DenisDuncanson "Hồ Chí Minh ở Hương Cảng năm 1931 đến năm 1932", Nguyễn Việt Hồng ,1936 "Sự kiện Hương Cảng năm 1931" và "Truyện Hồ Chí Minh" của William J, Duiker, trang 205-207, nội dung dẫn từ bức thư của Burton ngày 6 tháng tháng 10 năm 1932 gửi Bushe; bức thư của Cowell ngày 30 tháng 12 năm 1931 và của Howard Smith ngày 15 tháng 10 năm 1931 gửi chính phủ thực dân Shuck Burgh đều còn lưu giữ tại chính quyền Hương Cảng. Sophie Quinn-Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 193 viết, nội dung dẫn từ bức điện báo từ Hà Nội gửi đến Sài Gòn ngày 24 tháng 8 năm 1931 và ngày 31 tháng 12 năm 1931 do Cowell gửi (PRO CO 129/535/3 trang 27.

VỤ ÁN NGUYỄN ÁI QUỐC ĐẾN SINGAPORE BỊ BUỘC PHẢI QUAY LẠI HƯƠNG CẢNG

Đầu năm 1932, Khu mật viện Hoàng gia Anh Quốc mở phiên tòa với phán quyết trả lại tự do cho Nguyễn Ái Quốc. Do sự sắp xếp của luật sư Loseby, ngày 6 tháng giêng năm 1932, Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng đến Singapore. Tuy nhiên cảnh sát Singapore không cho nhập cảnh mà bắt ông phải quay lại. Cảnh sát Hương Cảng buộc phải tiếp nhận Nguyễn Ái Quốc và hứa sẽ đăng ký hộ khẩu. Ngày 19 tháng giêng năm 1932, cảnh sát Hương Cảng lại bắt Nguyễn Ái Quốc. Nhà đương cục Hương Cảng chẳng cần để ý đến bản chất sự việc mà tuyên bố Nguyễn Ái Quốc xuất cảnh trái phép, đến ngày 22 tháng giêng lại phóng xuất ông với mệnh lệnh, nội trong 3 ngày phải rời khỏi Hương Cảng. Từ đấy Nguyễn Ái Quốc mất tích.

Tường thuật sự kiện "Nguyễn Ái Quốc đến Singapore nhưng lại buộc phải trở về Hương Cảng", các chuyên gia nghiên cứu đều có quan điểm thống nhất về nội dung nhưng lại không nhất trí được với nhau về thời gian. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là bởi đầu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc tự nhiên mất tích mà không có bất cứ tờ báo nào đưa tin. Sau này người ta chỉ được nghe một câu chuyện có tính chất ngụ ý tạo về Hồ Chí Minh, là đầu năm 1933, Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng đến Hạ Môn, nảy sinh một khoảng thời gian gián đoạn. Liên kết thời gian "rời Hương Cảng" với "đến Hạ Môn" cùng sự thật trước và sau đã xảy ra, các chuyên gia, học giả rất dễ mắc sai lầm khi đem thời gian "rời Hương Cảng" từ đầu năm 1932 kéo dài tới đầu năm 1933 tạo ra sự sai lệch vừa tròn 1 năm.

Giáo sư Tưởng Vĩnh Kính trong "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc", trang 74, cũng giống như Paul Draken trong "Nguyễn Ái Quốc" cùng nói về thời gian Nguyễn Ái Quốc đến Singapore vào đầu năm 1932. Cựu Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam Lý Gia Trung, trong "Chủ tịch nước Việt Nam Hồ Chí Minh", trang 217 viết khá tối nghĩa: "Thời gian đến Singapore không thấy có ghi chép, chỉ nói thời gian đầu năm 1933 rất vội vàng đến Hạ Môn". Thời gian mà William J. Duiker cũng như Sophie Quinn-Judge ghi chép đều vào ngày 6 tháng giêng năm 1933 Nguyễn Ái Quốc đến Singapore. Như vậy, những ghi chép của các nhà nghiên cứu chia thành hai phe rất không trùng khớp với nhau là "đầu năm 1932" và "đầu năm 1933". Về lý mà nói, các học giả hữu quan đều thống nhất nhận định đầu năm 1932, theo phán quyết của Viện Khu mật Hoàng gia Anh Quốc, là đồng ý với đề nghị của luật sư hai bên, trả lại tự do cho Nguyễn Ái Quốc, trong thời hạn 21 ngày phải rời khỏi Hương Cảng, vậy thì làm sao có thể trì hoãn đến đầu năm 1933? Hơn thế, từ Hương Cảng đến Hạ Môn, đường đi cũng chỉ mất một đến hai ngày, chẳng có lý do gì hành trình kéo dài những 1 năm. Lại nữa, trong những hồ sơ liên quan đến Nguyễn Ái Quốc, không tìm thấy bất cứ tài liệu nào ghi chép về chuyến đi dài ngày này. Vì thế, nói rằng "có chuyến đi Singapore vào đầu năm 1933" thật sự là vô lý.

William J. Duiker và Sophie Quinn-Judge đề dẫn tư liệu từ "Hồ sơ Quân đội viễn chinh Pháp Quốc thuộc bộ phận hải ngoại", số hiệu 369 và của Dennis J. Duncanson trong "Hồ Chí Minh ở Hương Cảng, năm 1931- 1932", vậy làm sao có khả năng mãi đến đầu năm 1933 mới đi

Singapore? Rất khó giải thích. Và, nếu quả là vào đầu năm 1933, Nguyễn Ái Quốc mới đi Singapore thì rõ ràng mâu thuẫn với phần tiếp sau (thời gian Nguyễn Ái Quốc từ Hạ Môn đến Thượng Hải).

William J. Duiker và Sophie Quinn-Judge đều là những học giả chuyên nghiệp, làm việc nghiêm cẩn, thực tế không thể mắc sai lầm trong việc xác định thời gian. Sở dĩ có tình trạng này là bởi các vị vẫn cho rằng Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc chỉ là một người, mà không biết rằng, còn có một nhân vật khác ngoài Nguyễn Ái Quốc tham gia vào vở kịch này. Đó là lý do để người ta đem thời gian từ ngày 6 tháng giêng năm 1932, Nguyễn Ái Quốc đi Singapore, kéo dài đến ngày 6 tháng giêng năm 1933, Nguyễn Ái Quốc đi Hạ Môn liên kết thành một chỉnh thể, để tạo ra sự ngộ nhận lịch sử.

Sự kiện "Nguyễn Ái Quốc đi Singapore bị buộc trở lại Hương Cảng", cần xem thêm "Hồ Chí Minh ở Hương Cảng, năm 1931- 1932" của Dennis J. Duncanson và "Sự kiện Hương Cảng năm 1931" của Nguyễn Việt Hồng. Giáo sư Tưởng Vĩnh Kính trong "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc", trang 74, nội dung dẫn từ Bernard B. Fall, "Le Vietminh 31" (Librarie Armand Colin, 1960 see Hoang Van Chi, P.50).

William J. Duiker trong "Truyện Hồ Chí Minh", trang 208- 209, nội dung dẫn từ Dennis J. Duncanson "Hồ Chí Minh ở Hương Cảng năm 1931- 1932", trang 99.

"Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"- Sophie Quinn-Judge, trang 193, nội dung dẫn từ "Hồ sơ Quân đội viễn chinh Pháp Quốc thuộc bộ phận hải ngoại", số hòm 369".

"Nhật ký Paul Draken, ghi chép về Nguyễn Ái Quốc" của Paul Draken.

SỰ KIỆN NGUYỄN ÁI QUỐC MẤT TÍCH Ở HƯƠNG CẢNG

Đầu năm 1932 Nguyễn Ái Quốc đi Singapore, như vậy, thời gian từ Singapore trở lại Hương Cảng cũng trong tháng giêng năm 1932, không thể nào kéo mãi sang năm 1933. Hơn thế, trong năm 1933 không có bất cứ tờ báo nào đưa tin Nguyễn Ái Quốc mất tích. Chuyện Nguyễn Ái Quốc trốn khỏi Hương Cảng đến Hạ Môn đều là lời kể 16 năm sau của Hồ Chí Minh, bút danh Trần Dân Tiên trong cuốn sách "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch". Nói cách khác, sau khi Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hương Cảng vào đầu năm 1932, không một ai biết ông đi đâu, hành tung thật sự bí hiểm, vì thế mới thành sự kiện "mất tích ở Hương Cảng". Mười sáu năm sau Hồ Chí Minh nói ngược lại: "Sau khi trốn khỏi Hương Cảng, tôi đi Hạ Môn", việc này đích thị là trò bịp bợm.

1 - William J. Duiker trong "Truyện Hồ Chí Minh", trang 209 viết:

Sau khi Nguyễn Ái Quốc bị buộc quay trở lại, nhà cầm quyền Hương Cảng không thêm để ý đến bản chất sự việc, mà cho rằng ông ta xuất cảnh trái phép, chẳng quan tâm đến kháng nghị của cảnh sát địa phương, tuy nhiên, ngày 22 tháng giêng năm 1932, lại phóng thích ông, đồng thời ra lệnh trong vòng ba ngày phải rời khỏi Hương Cảng. Vợ chồng luật sư Frank Loseby lần này lại sắp xếp cho Nguyễn Ái Quốc ở một nơi bí mật, sau đó tìm cách để ông rời khỏi Hương Cảng. Kế hoạch được đặt ra là, Nguyễn Ái Quốc sẽ ra đi bằng tàu thủy đến Hạ Môn vào ngày 25 tháng giêng trong vai một nhân viên phiên dịch. Để tránh con mắt lực lượng bảo an Pháp, Nguyễn Ái Quốc đợi trời tối, được cảnh sát mặc thường phục hộ tống xuống thuyền, rồi lại dùng xuồng máy của chính phủ Hương Cảng đưa ra ngoài eo biển Lý Ngư là nơi tàu đậu đón khách.

2 - Sophie Quinn-Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941"-, trang 195 viết:

Nguyễn Ái Quốc buộc phải trở về Hương Cảng, sau đó bị bắt lại vào ngày 19 tháng giêng. Toàn quyền Hương Cảng William Peel ra quyết định (không cần biết lý do) bắt giam Nguyễn Ái Quốc (là di dân trái phép) tổng giam thời hạn 1 năm theo quy định của luật pháp hiện hành, đồng thời cự tuyệt yêu cầu của lãnh sự Pháp Teyssières. Sau đó Hồ Chí Minh rời khỏi Hương Cảng. Lần này Frank Loseby thuyết phục được nhà cầm quyền Hương Cảng để ông tự chọn nơi đến. Toàn quyền Peel giải thích bằng công văn, cuối ngày 22 tháng giêng sẽ sắp xếp cho Hồ Chí Minh lên một chiếc thuyền (không phải của chính phủ Hương Cảng) chở đến chiếc tàu "An Huy Châu Tế" đậu ngoài bến Hương Cảng.

3 - Lý Gia Trung, cựu Đại sứ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam, trong "Chủ tịch nước Việt Nam Hồ Chí Minh", trang 218 viết:

Sau khi Nguyễn Ái Quốc buộc phải trở lại Hương Cảng, bị giam trong ngục, có nhờ một cai ngục chuyển mảnh giấy thông báo tình hình đến luật sư Frank Loseby. Loseby lập tức đến gặp Toàn quyền William Peel. Ông này đồng ý lập tức trả lại tự do cho Nguyễn Ái Quốc và giao phạm nhân cho Loseby xử lý. Lúc này Nguyễn Ái Quốc được bố trí ở tạm trong gian phòng bí mật một nhà thờ Thiên chúa giáo. Phu nhân luật sư làm nhiệm vụ người đưa cơm hàng ngày. Theo lời dẫn của Loseby, thư ký của ông là Long tiên sinh đem đến cho Nguyễn Ái Quốc một chiếc áo lông, một áo khoác ngoài rộng tay, một chiếc quần dài sang trọng và một túi xách trong để tờ giấy đã viết sẵn mấy chữ. Vào lúc hoàng hôn, một người trong trang phục giáo sư, thản nhiên bước ra khỏi ký túc xá, qua cửa lớn rồi lên một chiếc kiệu. Bên cạnh kiệu là một người châu Âu mang kính trắng, tay cầm cây bút. Người đàn ông châu Âu đó chính là luật sư Frank Loseby, còn vị giáo sư chính là Nguyễn Ái Quốc. Luật sư mời Nguyễn Ái Quốc lên xe sau khi liếc mắt nhìn trước nhìn sau không thấy có dấu hiệu mật thám, liền quay xe về phía nhà mình. Vợ chồng Loseby cùng Phó Toàn quyền bàn bạc. Ông ta đồng ý gặp Toàn quyền William Peel đề nghị giúp đỡ và được Toàn quyền chấp thuận.

4 - Paul Draken trong "Nhật ký Long Bào La" viết về Nguyễn Ái Quốc như sau:

Tôi và Nguyễn Ái Quốc gặp nhau trong căn hầm của Tổng bộ cảnh sát. Ông ta là một người trung niên thân hình ốm yếu, mắc bệnh phổi, xem ra tình hình sức khỏe không tốt. Nguyễn Ái Quốc biết tiếng Hoa và tiếng Pháp nên chúng tôi có thể nói chuyện được với nhau: "Tôi là Paul Draken, đại diện Bộ Ngoại giao Anh Quốc, được cử đến đây giúp đỡ tiên sinh xuất cảnh, xin hỏi, ngài định đến nơi nào?". Nguyễn Ái Quốc uể oải trả lời trong khi vẫn không dứt cơn ho: "Tôi muốn đến Liên Xô".

"Liên Xô? Vậy tốt nhất là nên qua lối Thượng Hải, như vậy tôi sẽ có hân hạnh được tháp tùng ngài, đến Thượng Hải sẽ tùy ngài quyết định đi đâu". Tuy nhiên luật sư Loseby tỏ ra lo lắng: "Tôi chỉ sợ mật thám Pháp đã ngầm cử sát thủ đến Hương Cảng, vậy phải làm thế nào để đảm bảo cho Nguyễn tiên sinh an toàn xuất cảnh?". Lúc này, cả hai chúng tôi đều ngẩng lên nhìn Cảnh sát trưởng. Cảnh sát trưởng cáo già khôn khéo xua tay thoái thác: "Tôi đã biết ý các ngài. Chúng tôi có thể bố trí tóm được đám sát thủ Pháp, nhưng việc này phải tuyệt đối giữ bí mật, nếu để lộ ra, chính phủ Anh Quốc sẽ khó ăn nói với người Pháp". Ngẫm nghĩ một lúc, ông ta nói tiếp: "Chỉ cần các ngài đề xuất biện pháp xuất cảnh an toàn, tôi sẽ rất vui được "thuận nước giong thuyền", có điều phải nói trước, vạn nhất, sự việc bị vỡ lở, tôi sẽ không thừa nhận, đến lúc đó sẽ đắc tội với chính quyền địa phương, mong nhị vị thông cảm".

Ra khỏi Tổng bộ cảnh sát, Loseby lớn tiếng chửi Cảnh sát trưởng là một gã xảo trá. Bất chợt, tôi nảy ra một kế. Loseby vốn rất quen thân với Toàn quyền Hương Cảng, nếu được ông ta đứng ra giải quyết vụ này, có thể xem đây như một là bùa hộ mệnh, tránh được thất bại do Cảnh sát trưởng có ý đồ phản thù. Tuy nhiên, cách làm hơi mạo hiểm là đóng giả làm khách của Toàn quyền William Peel ra thăm bến cảng, sau đó chuyển lên chiếc thủy phi cơ "Trên châu Trung Quốc" bay đi Thượng Hải. Nghĩ vậy, tôi bèn đem ý tưởng này bàn với Loseby. Luật sư cảm thấy có thể thành công liền phân công nhau chuẩn bị hành động.

5 - Phân tích về sai lầm và sự thật

Ghi chép về sự kiện Nguyễn Ái Quốc mất tích tại Hương Cảng nhất định phải làm rõ hai vấn đề quan trọng:

a - Thời gian rời Hương Cảng và nơi đã đi qua?

b - Sau khi rời Hương Cảng thì đến nơi nào?

Về cơ bản, các chuyên gia nghiên cứu sự kiện "mất tích" của Nguyễn Ái Quốc tại Hương cảng là khá thống nhất về thời gian và nơi đi qua, được xem là khả tín. Đặc biệt, Đại sứ Lý Gia Trung, trong bài viết của mình, đã trích dẫn "Sự kiện Hương Cảng năm 1931" của Nguyễn Việt Hồng dẫn từ nguồn tư liệu Hồ sơ Hoàng gia Anh Quốc mới được giải mật. Ghi chép về

Nguyễn Ái Quốc, Paul Draken, trong hồi ký của mình đã viết, ông từng tham gia giải cứu Nguyễn Ái Quốc. Hai tác phẩm trên đều đưa ra những thông tin tương đối giống nhau về sự kiện Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hương Cảng, thậm chí còn nói rõ cả việc Toàn quyền Hương Cảng William Peel cũng tham dự vào việc xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho Nguyễn Ái Quốc đào thoát. Khách quan mà nói, những tư liệu trên đều có độ tin cậy cao. Tuy nhiên, đến đoạn tường thuật về quá trình rời khỏi Hương Cảng và sau khi đã rời khỏi Hương Cảng thì độ tin cậy thấp, bởi phần này do Hồ Chí Minh tự mình kể lại cùng những tư liệu của báo chí Cộng sản Việt Nam. Nói cách khác, các ông trình nghiên cứu sự kiện Nguyễn Ái Quốc trốn khỏi Hương Cảng, phần đầu diễn ra đúng với sự thực lịch sử, nhưng phần sau thì tất cả các bài viết đều cùng một giọng, nói rằng: "Sau khi rời Hương Cảng, Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn". Thực ra đây chính là cái bẫy của trò đánh tráo "dời hoa tiếp cây" của Hồ Chí Minh.

Kiến giải về việc Hồ Chí Minh từ Hương Cảng đến Hạ Môn, thời gian là không liên tục. Các tình tiết trong quá trình này là rất bất hợp lý. Duy chỉ có Paul Draken ghi chép về Nguyễn Ái Quốc trong nhật ký của mình là cung cấp thông tin ngược lại. Ông viết: "Sau khi xuống thuyền nhỏ rời cảng, Nguyễn Ái Quốc được đưa lên chiếc thủy phi cơ "Trên Châu Trung Quốc" bay đến Thượng Hải, hạ cánh xuống bến sông Hoàng Phố". Đây là thông tin hợp lý, có thể tin cậy, bởi nó đã giải thích được nguyên nhân Nguyễn Ái Quốc mất tích ở Hương Cảng.

1- Giải thích nguyên nhân Nguyễn Ái Quốc mất tích ở Hương Cảng.

Sau chuyến Nguyễn Ái Quốc đi Singapore bị buộc trở về Hương Cảng, lập tức có tin truyền ra là "mất tích". Cái gọi là "mất tích" chẳng qua là do nhà cầm quyền hương Cảng tung hỏa mù để giấu kín thông tin. Sự thật thì, Toàn quyền Hương Cảng cũng tham dự vào vụ đưa Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng. Chẳng những thế, chính phủ Anh Quốc còn cử nhân viên tình báo đến chỉ đạo công việc, chứng tỏ, nhà đương cục Hương Cảng đặc biệt quan tâm đến vụ việc này. Việc loan truyền tin Nguyễn Ái Quốc mất tích xuất phát từ mấy nguyên nhân sau:

a/ Tránh được sự tranh chấp giữa chính quyền Hương Cảng và Cục cảnh sát di dân (tước đoạt mất tiền thưởng của Cảnh sát trưởng), nên đã bí mật hành động.

b/ Chính quyền Hương Cảng muốn tránh cặp mắt nhòm ngó của lãnh sự Pháp và mật thám Pháp nên phải rất thận trọng khi đưa Nguyễn Ái Quốc ra khỏi Hương Cảng.

c/ Giữ được uy tín của chính phủ Hoàng gia Anh Quốc mà vẫn không ảnh hưởng đến quan hệ bang giao hai nước, nên đã phái tình báo viên đến xây dựng kế hoạch, bí mật đưa Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hương Cảng.

2 - Sự thật về việc Nguyễn Ái Quốc trốn khỏi Hương Cảng.

Như trên đã nói, Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hương Cảng thuận lợi là bởi chính phủ Anh cử tình

báo viên xây dựng kế hoạch cùng với sự tham gia bí mật của Toàn quyền William Peel. Sự kiện này đã được Paul Draken viết trong hồi ký của mình.

Nếu đem ghi chép về Nguyễn Ái Quốc trong hồi ký của Paul Draken đối chiếu với William J. Duiker, Sophie Quinn-Judge, cùng cuốn sách "Chủ tịch nước Việt Nam Hồ Chí Minh " của Lý Gia Trung, cựu Đại sứ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam, có dẫn dụng cả "Sự kiện Hương Cảng năm 1931" của Nguyễn Việt Hồng, thì quá trình rời khỏi Hương Cảng của Nguyễn Ái Quốc hầu như hoàn toàn nhất trí. Có thể xem đây chính là sự thật lịch sử. Từ đó suy luận tiếp theo: "Cuối tháng giêng năm 1932, Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hương Cảng cùng với bạn của Paul Draken là cô Anne Kennedy, người có chiếc thủy phi cơ 'Trần Châu Trung Quốc', bay đến bến sông Hoàng Phố, sau đó một đồng chí chèo con thuyền nhỏ đón Nguyễn Ái Quốc về Thượng Hải". (Anne Kennedy là chị họ của tổng thống Hoa Kỳ thứ 35 John Kennedy, thân phụ là trùm dầu mỏ Hoa Kỳ, giáo phụ hắc bang Thượng Hải Hoàng Kim Vinh là cha nuôi).

NGUYỄN ÁI QUỐC TRÊN ĐƯỜNG TỪ HƯƠNG CẢNG ĐẾN HẠ MÔN

Đầu năm 1933, liệu có phải Nguyễn Ái Quốc đã từ Hương Cảng đến Hạ Môn? Theo đó, vào năm 1932 có đúng là, trên thực tế Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao phổi? Còn Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn đầu năm 1933 chính là Hồ Chí Minh? Đây được xem là văn bản sớm nhất nói về sự kiện này. Sau đó, qua thời gian, người ta đã nhiều lần thêm thắt, sửa chữa. Vì vậy, so với những ghi chép ở nhật ký Paul Draken trong chiến dịch giải cứu Nguyễn Ái Quốc đến Thượng Hải thì hoàn toàn khác nhau. Hai quan điểm này khác nhau về thời gian, địa điểm đến và cả về lịch trình hành động. Vậy quan điểm nào là đúng? Chúng ta hãy tham khảo những đánh giá của các chuyên gia, học giả sau đây:

1 - Giáo sư Tưởng Vĩnh Kính trong tác phẩm "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc" đã viết:

"Đầu năm 1932, Hồ được phóng thích và buộc phải rời khỏi Hương Cảng, căn cứ vào lời tự kể thì ông đã đến Thượng Hải. Để tránh tai mắt mật thám, một luật sư ở Hương Cảng đã sắp xếp cho ông ta cải trang thành nhà buôn Trung Quốc, lên tàu thủy ra khỏi Hương Cảng an toàn. Sau khi đến Hạ Môn, Hồ ở lại đây nửa năm rồi mới đi Thượng Hải".

Nội dung tường thuật của Tưởng Vĩnh Kính dẫn từ cuốn sách "Bác Hồ" của Hoài Thanh và Thanh Tịnh, NXB Ngoại văn Hà Nội, Việt Nam, 1962).

2 - Trong tác phẩm "Truyện Hồ Chí Minh", trang 209, tác giả William J. Duiker viết (Giáo sư William J. Duiker dẫn từ nguồn: "Hồ sơ Quân đội viễn chinh Pháp Quốc thuộc bộ phận hải ngoại", số hiệu 369 và "Hồ sơ thông tin 1932"):

"Nguyễn Ái Quốc được vợ chồng F.Loseby bố trí đi theo một nhân viên phiên dịch, chuẩn bị vào ngày 25 tháng giêng sẽ lên tàu đến Hạ Môn. Sáng sớm hôm sau ngày đến Hạ Môn,

Nguyễn Ái Quốc và người phiên dịch xuống thuyền tìm đến quán trọ thanh niên Trung Quốc và ở đấy qua tiết lập xuân. Sau mấy tuần, cảm thấy chẳng những mất an toàn mà lại còn không biết tình hình bên ngoài ra sao, nên khi nhận được tiền bạn bè quyên góp gửi vào giúp đỡ từ luật sư Loseby, ông cũng được đưa xuống tàu thủy đi Thượng Hải". Trong phần chú giải ở trang 619, giáo sư William J. Duiker viết: "Nguyên nhân Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hạ Môn rất không rõ ràng, có khả năng trốn chạy đến Singapore rồi bị cảnh sát bắt giữ. Sự thật mối quan hệ giữa Đại sứ quán Pháp tại Hương Cảng và cảnh sát Anh rất tốt. Cuối tháng giêng, nhà đương cục Pháp có thông báo cho Singapore biết Nguyễn Ái Quốc đã trốn khỏi Hương Cảng. Như thế có thể cảnh sát Pháp ở Thượng Hải nhận định, nguyên nhân là Nguyễn Ái Quốc đang lẩn tránh ở trung tâm thành phố. Lại căn cứ vào một tài liệu gốc Việt Nam là "Hồ Chí Minh biên niên tụng thư", quyển 2, trang 42, và Trần Đạt Nhân "Vừa đi đường vừa kể chuyện", trang 43, ta dễ dàng nhận thấy, Nguyễn Ái Quốc mới đi khỏi Hạ Môn vào tháng bảy, chứng tỏ ông đã ở Hạ Môn 6 tháng".

Giải thích về sai lầm và sự thật.

Theo phân tích của giáo sư William J. Duiker, trang 209 cùng với phần chú giải bổ sung trang 619, rõ ràng ở thời gian trên, phần trước và phần sau mâu thuẫn với nhau. William J. Duiker cho rằng, ngày 25 tháng giêng Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng, ngày 26 đến Hạ Môn và ở Hạ Môn qua tiết lập xuân mới đi Thượng Hải. Mặt khác, ông lại dẫn chứng những lời biện giải từ tác phẩm "Vừa đi đường vừa kể chuyện" của Trần Đạt Nhân, thì đến tháng bảy Nguyễn Ái Quốc mới rời Hạ Môn, chứng tỏ ông ta lưu lại Hạ Môn 6 tháng. Giải thích sự việc này hiển nhiên là để hợp lý hóa thời gian cho chuyến đi từ Hương Cảng đến Hạ Môn, sau đó là từ Hạ Môn đến Thượng Hải. Dem ba địa danh Hương Cảng, Hạ Môn, Thượng Hải gộp lại với nhau chính là nhằm mục đích định vị thời gian vào cuối tháng giêng năm 1933, có điều đến tháng bảy mới rời Hạ môn mà nói rằng lưu lại Hạ Môn 6 tháng là không hợp lý, rất khó khó có thể vo tròn cho kín kẽ.

3 - Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941", trang 169, 195 và 197 viết:

"William Loseby thuyết phục Toàn quyền Hương Cảng William Peel trợ giúp Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hương Cảng. Trong công văn, William Peel giải thích, ông đã bố trí cho Hồ Chí Minh vào buổi chiều ngày 22 tháng giêng xuống một chiếc thuyền nhỏ của tư nhân, không do chính quyền Hương Cảng quản lý, ra ngoài bến cảng, sau đó lên tàu "An Huy Châu Tế". Hồ Chí Minh cải trang thành một phú thương Trung Quốc cùng thư lý của William Loseby là Long tiên sinh đến Sán Đầu(3)

Một người Thailand mật báo, vào tháng giêng năm 1935 đã chính mắt nhìn thấy Hồ Chí Minh lẩn trốn tại tỉnh Nakhon Phanom (Thailand), tuy vậy về sau tin này được kiểm chứng là

không chính xác-(4).

Tháng chín năm 1933, một người Pháp cũng đã cáo giác, chính mắt nhìn thấy Hồ Chí Minh cùng một đám người Việt ở Nam Ninh. Nữ thám viên Maria nói, trong số 4 thanh niên trú tại số nhà 78, phố Tùng Khai, có một người rất giống tấm ảnh chụp Hồ Chí Minh. Một người họ Tuyển nhìn thấy trong nhà có 3 phụ nữ, 3 cô bé và một cậu bé. Ông ta nói, Hồ Chí Minh dùng tên giả là Lý Tín Sơn.(5)

Vào tháng sáu năm 1931, Cục cảnh sát Anh Quốc bắt giữ một người khả nghi được xem là Nguyễn Ái Quốc thu một hộ chiếu dán ảnh Hồ Chí Minh. Hộ chiếu có thời hạn 6 tháng do Tổng lãnh sự Trung Quốc cấp, nội dung ghi "một công dân Trung Quốc đến công tác Xiêm La".(6)

Chú thích:

(3): Nguồn dẫn từ PRO,CO 129/535/ trang 2,3 và 4, ngày 31 tháng giêng năm 1933, thư Toàn quyền William Peel gửi Cunliffe- Lister.

(4): Nguồn dẫn từ: "Hồ sơ Quân đội viễn chinh Pháp Quốc thuộc bộ phận hải ngoại", số hiệu 369, hồ sơ liên quan đến Hồ Chí Minh tại Liễu Quốc.

(5): Nguồn dẫn từ "Hồ sơ Quân đội viễn chinh Pháp Quốc thuộc bộ phận hải ngoại", số hiệu 383, ngày 5 tháng chín năm 1933, do Barthouet ký.

(6): Nguồn dẫn từ: "Hồ sơ Quân đội viễn chinh Pháp Quốc thuộc bộ phận hải ngoại"(Sự kiện bắt Hồ Chí Minh).

Giải thích về sai lầm và sự thật.

Sophie Quinn - Judge viết về sự kiện Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn: "Hồ Chí Minh cải trang thành một phú thương Trung Quốc cùng thư ký của Loseby là Long tiên sinh đến Sán Đầu. Phần chủ giải nói Long tiên sinh là Long Đình Chương. Dennis J. Duncanson đi theo Long Đình Chương nên được biết thêm một số chi tiết". Đoạn tự thuật này không khỏi làm cho người ta nghi ngờ. Tạm thời chưa đi sâu tìm hiểu về giai đoạn đến Sán Đầu, phải chăng việc đi Hạ Môn là do tác giả viết nhầm? Tự nhiên lại nảy ra một cái tên Long Đình Chương. "Dennis J. Duncanson đi theo Long Đình Chương nên được biết thêm một số chi tiết"(!!) là rất đáng ngờ. Dennis J. Duncanson trong "Hồ Chí Minh ở Hương Cảng năm 1931- 1932" đã ghi chép những sự kiện xảy ra trong hai năm 1931- 1932, vậy làm sao Nguyễn Ái Quốc lại có thể xuất hiện ở Hạ Môn?

William J. Duiker trong phần nhận định về Nguyễn Ái Quốc đi Hạ Môn có dẫn ra 3 tư liệu: "Một người Thailand mật báo, vào tháng giêng năm 1935 đã chính mắt nhìn thấy Hồ Chí Minh lẩn trốn tại tỉnh Nakhon Phanom (Thailand), tuy vậy về sau tin này được kiểm chứng là

không chính xác.

Tháng chín năm 1933, một người Pháp cũng đã cáo giác, chính mắt nhìn thấy Hồ Chí Minh cùng một đám người Việt ở Nam Ninh. Nữ thám viên Maria nói, trong số 4 thanh niên trú tại số nhà 78, phố Tùng Khai, có một người rất giống tấm ảnh chụp Hồ Chí Minh. Một người họ Tuyến nhìn thấy trong nhà có 3 phụ nữ, 3 cô bé và một cậu bé. Ông ta nói, Hồ Chí Minh dùng tên giả là Lý Tín Sơn.

Vào tháng sáu năm 1931, Cục cảnh sát Anh Quốc bắt giữ một người khả nghi được xem là Nguyễn Ái Quốc thu một hộ chiếu dán ảnh Hồ Chí Minh. Hộ chiếu có thời hạn 6 tháng do Tổng lãnh sự Trung Quốc cấp, nội dung ghi "một công dân Trung Quốc đến công tác Xiêm La".

Ba tư liệu đã dẫn chỉ là sự nhầm lẫn hay là đúng với đặc điểm nhân vật? Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ và đi đến kết luận, người ở trong cả 3 tư liệu trên đều không phải là Nguyễn Ái Quốc. Người này thật ra đã bị Hồ Chí Minh thay thế theo kiểu "dời hoa tiếp cây" vốn là Hồ Tập Chương, đến từ Đài Loan. Năm 1931, Hồ Tập Chương đổi tên là Hồ Chí Minh, vì vậy mà hộ chiếu mang tên Hồ Chí Minh, và danh xưng này đến sau năm 1942 thì được dùng thường xuyên. Do đó, tấm ảnh chụp năm 1931, hiển nhiên là của Hồ Tập Chương, bởi vì năm 1931, ông là phái viên của Quốc tế cộng sản, được cử đến Thailand, Singapore tham gia Đại hội Đảng Malaysia (xem Thiên II "Ve sầu thoát xác, thật giả kiếp người").

Kiến giải về việc nhận nhầm người: Lấy ảnh Hồ Tập Chương (Hồ Chí Minh) đem so sánh với Nguyễn Ái Quốc, tự nhiên sẽ nhận ra sự nhầm lẫn, đến mức mật thám Pháp vào tháng chín năm 1933 đã từng nhìn thấy Hồ Chí Minh cùng 4 thanh niên tại Nam Ninh, trong đó có một người rất giống với tấm ảnh chụp Hồ Chí Minh. Căn cứ vào sự kiểm tra các hạng mục tư liệu, 4 thanh niên Việt Nam ấy là Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Phùng Thế (Chí) Kiên và Hoàng Văn Hoan. Hồ Chí Minh đổi tên thành Lý Tín Sơn chính thực là Hồ Tập Chương. Vào mùa hè năm 1932, nhóm người này đang tạm trú ở Long Châu, Quảng Tây để chuẩn bị thành lập Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động hải ngoại sau này.

Ý kiến tận mắt nhìn thấy Hồ Chí Minh ở Nam Ninh vào tháng chín năm 1933, William J. Duiker dẫn từ nguồn "Ghi chép về các hồ sơ" theo trình tự thời gian nhưng chưa phát hiện ra thời gian cư trú tại Nam Ninh của Hồ Chí Minh. Cho nên, cần phải xác định được thời gian trước tháng giêng năm 1933, ông ta ở đâu, làm gì? mới có câu trả lời chính xác.

4- Trong tác phẩm "Chủ tịch nước Việt Nam Hồ Chí Minh"- Lý Gia Trung, cựu Đại sứ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam, trang 220 đến 222, viết:

"Cuối tháng giêng năm 1933, một chiếc tàu biển cập bến Hương Cảng, chuẩn bị đi Hạ Môn, Thượng Hải và Nhật Bản. Luật sư Loseby đã mua sẵn 2 tấm vé đứng đợi khách ở đầu tàu. Đó là một ngày cuối tháng chạp âm lịch, con tàu nhỏ neo rơi Hương Cảng tiếp tục hành trình.

Cùng lúc ấy, Toàn quyền Hương Cảng cử một chiếc ca nô cắm cờ chạy đến bến Tây Hoàng. Thuyền trưởng được lệnh đón một vị khách ở đây rồi chạy thẳng ra cảng, đuổi theo con tàu vừa khởi hành. Chẳng bao lâu ca nô cập bến Hạ Môn. Cửa khẩu lúc này rất vắng, vì nơi đây đang chuẩn bị đón tết Nguyên đán, chốc chốc lại rộn lên tiếng pháo. Long tiên sinh chính là người của luật sư Loseby có nhiệm vụ hộ tống Nguyễn Ái Quốc. Hai người thuê xe tìm đến nhà trọ. Vào phòng rồi, Nguyễn Ái Quốc nhìn ra ngoài cửa nhớ lại những ngày qua, bất giác hình dung những ngày sắp tới của kẻ tha hương. Long tiên sinh nói: "Hôm nay là ngày ba mươi tết, rất tiếc giờ đã muộn, không thể kiếm được hoa đào hay hoa mai".

5 - Sự nhầm lẫn trong sự kiện Nguyễn Ái Quốc đi Hạ Môn.

Trong đoạn ghi chép về sự kiện Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn có mấy điểm sai lầm:

a/ Đầu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc mất tích ở Hương Cảng, đến Hạ Môn vào đầu năm 1933 là bất hợp lý. Hành trình từ Hương Cảng đến Hạ Môn chỉ vài ngày, nhưng ở đây lại mất đúng một năm, rõ ràng là trái logic.

b/ Ý kiến cho rằng Nguyễn Ái Quốc ở Hạ Môn là quan điểm thống nhất theo cách biên giải của báo chí và các công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Rõ ràng cách nói "dưỡng bệnh nửa năm" ở Hạ Môn, đối với họ, không ngoài mục đích giải thích cho việc Nguyễn Ái Quốc đã chết đầu năm 1932, đến mùa xuân năm 1933, Hồ Chí Minh xuất hiện ở Hạ Môn, ngụ ý tạo nửa năm dưỡng bệnh, chính là để tiếp nối với cái "tin đã chết". Hành động trên chính là tạo tiền đề cho việc viết tiểu sử Nguyễn Ái Quốc, nghĩa là, vào thời kỳ đầu năm 1933, tiếp tục đến Hạ Môn, sau đó đi Thượng Hải, nên mới bịa ra chi tiết, trước khi đến Thượng Hải, Nguyễn Ái Quốc ở lại Hạ Môn một số ngày".

c/ Biết được sự kiện Nguyễn Ái Quốc trốn khỏi Hương Cảng là do Long tiên sinh, người cùng đi với ông ta. Long tiên sinh có thể là Paul Draken, tuy nhiên, theo "Nhật ký Paul Draken", thì về căn bản, Paul Draken (Long Bảo La) không cùng đi với Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn. Rõ ràng, ý kiến cho rằng Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn chính là Hồ Chí Minh đã tìm hết cách mượn cái tên Paul Draken để liên kết, thuyết phục mọi người Nguyễn Ái Quốc đích thực đã trốn khỏi Hương Cảng đến Hạ Môn.

(Tác giả nhận định: Trong năm 1932, chỉ biết có một người là Long tiên sinh mà không thấy có người tên là Paul Draken (Bảo La Đức Nhuế Khẳng, Long Bảo La), vì thế, nói rằng Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn hoàn toàn do Hồ Chí Minh hư cấu).

6 - Long tiên sinh là Long Đình Chương hay Long Bảo La (Paul Draken)?

Cả William J. Duiker và cựu Đại sứ Lý Gia Trung đều viết là "Long tiên sinh cùng Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn", vậy Long tiên sinh và Long Bảo La (Paul Draken) trong thời gian này có

mối quan hệ như thế nào? Phải chăng họ chỉ là một người? Sự kiện năm 1932 Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hương Cảng là vô cùng bí mật, vì thế thân phận đích thực của Long Bảo la (Paul Draken) không thể nào được công khai.

Hiện nay, hồ sơ "sự kiện Hương Cảng" của Nguyễn Ái Quốc đã được giải mật. "Nhật ký Long Bảo La" (Paul Draken - Nguyễn Ái Quốc) đã được xuất bản. Đối chiếu toàn bộ đầu cuối "sự kiện Hương Cảng", sẽ rất khó giải thích rõ ràng việc Long Bảo La (Paul Draken) là người trực tiếp đưa Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Hương Cảng. Long tiên sinh tức Long Bảo La, tức tình báo viên Anh Quốc Paul Draken.

Rất đáng tiếc, trước khi hoàn thành công trình lớn của mình, William J. Duiker chưa biết đến "Nhật ký Long Bảo La - Nguyễn Ái Quốc", chưa sử dụng sự kiện Long Bảo La tham gia giải cứu Nguyễn Ái Quốc để chứng minh sự thật là, Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng bằng thủy phi cơ đến Thượng Hải, mặc cho Hồ Chí Minh tự bịa ra câu chuyện hoang đường "từ Hương Cảng đến Hạ Môn".

Từ khi Loseby nhận làm luật sư bào chữa vụ Nguyễn Ái Quốc, Tòa Hương Cảng đã trải qua chín phiên xử. Viện Khu mật Hoàng gia London đã thẩm định đơn kháng cáo của đương sự và đình chỉ vụ án,, chưa từng nghe thấy văn phòng luật sư có một thư ký họ Long, cũng không biết tên của người họ Long là gì. Vậy mà, đột nhiên vào thời điểm Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng đi đi Hạ Môn lại xuất hiện một Long tiên sinh và Long Bảo la. Cách nói tình báo viên "Long Bảo la" và "Long tiên sinh" hình như khớp nhau để tạo ra sự thật là cùng tham gia giải cứu Nguyễn Ái Quốc đào thoát Hương Cảng. Sự kiện Long tiên sinh cùng Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn và sự kiện Long Bảo La cùng Nguyễn Ái Quốc đến Thượng Hải, người sắm vai chính của hai trường hợp này, một là Nguyễn Ái Quốc và Long tiên sinh, một là Nguyễn Ái Quốc và Long Bảo La. Tính chất của hai sự kiện là khớp nhau, chỉ có tên người là không giống nhau mà thôi. Việc này giải thích rất dễ, Long tiên sinh chính là tình báo viên Anh Quốc Paul Draken (Bảo La Đức Nhuế Khăng), cũng chính là Long Bảo La. Từ đó suy ra, Long Bảo La cùng đi với Nguyễn Ái Quốc bằng chiếc thủy phi cơ bay đến Thượng Hải hạ cánh ở bến sông Hoàng Phố là hoàn toàn đúng với sự thật lịch sử, còn nói rằng, Long tiên sinh cùng Nguyễn Ái Quốc đến Hạ Môn là hoàn toàn bịa đặt.

SỰ KIỆN HỒ CHÍ MINH TỪ HẠ MÔN ĐẾN THƯỢNG HẢI

Đại bộ phận chuyên gia, học giả đều trình bày và phân tích: "Đầu năm 1933, Hồ Chí Minh từ Hạ Môn đến Thượng Hải", chỉ có hồi ký của Long Bảo la là viết: "Đầu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc đi chiếc thủy phi cơ nhãn hiệu "Trân Châu Trung Quốc" từ Hương Cảng bay đến bến sông Hoàng Phố rồi về Thượng Hải trên con thuyền nhỏ". Hai đoạn văn này, thời gian, nhân vật và lịch trình đều khác nhau. Một phía là Nguyễn Ái Quốc đầu năm 1932 trực tiếp từ Hương

Cảng đến Thượng Hải, phía kia là Hồ Chí Minh, đầu năm 1933, từ Hạ Môn đến Thượng Hải.

Trong khoảng thời gian này, vấn đề mấu chốt là, thực chất có phải Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh phổi vào mùa thu năm 1932? Và, người từ Hạ Môn đến Thượng Hải vào đầu năm 1933 là Nguyễn Ái Quốc hay Hồ Tập Chương? Rất mong quý vị cao minh tường giải.

1 - Trong tác phẩm "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc", trang 75, 76, giáo sư Tưởng Vĩnh Kính viết:

Đầu năm 1933, Hồ Chí Minh từ Hạ Môn đến Hương Cảng. Lúc này tình hình ở Thượng Hải so với thời gian năm 1930 (khi mà ông ta ở đó) hoàn toàn không giống nhau. Tổ chức bí mật của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở đây được thành lập từ mùa hè năm 1931 đã bị đánh phá tan tác, do đó, vào lúc Hồ đến Thượng Hải thì không làm cách nào liên lạc được với họ. Vừa lúc Ủy viên Trung ương đảng Cộng sản Pháp là Paul Vaillant Couturier đến Thượng Hải, Hồ lập tức viết thư nhờ Tổng Khánh Linh chuyển giúp. Vì phải lẩn tránh các nhân viên trị an nên Hồ Chí Minh đóng vai một công tử hào hoa, thuê hẳn chiếc xe hơi sang trọng, tận tay gửi vào hòm thư gia đình Tôn phu nhân. Mấy ngày sau, Hồ Chí Minh gặp Paul Vaillant Couturier, hai người đi theo một liên lạc viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sau đó, người này bố trí cho Hồ Chí Minh xuống một chiếc tàu thủy Nga Xô, rời Thượng Hải đi Vladivostok để đến Mạc Tư Khoa.

Nội dung tác phẩm "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc" của giáo sư Tưởng Vĩnh Kính đều dẫn nguồn từ cuốn sách "Bác Hồ" trang 67 của Hoài Thanh và Thanh Tịnh do NXB Ngoại văn Hà Nội ấn hành năm 1962.

2 - Giáo sư Hoàng Tranh trong tác phẩm "Hồ Chí Minh và Trung Quốc", trang 51, 52 đã viết:

Đầu năm 1933, Nguyễn Ái Quốc cải trang thành một thương nhân xuống tàu thủy rời Hạ Môn đi Thượng Hải. Lần đến Thượng Hải này, so với 2 năm trước đây, tình hình rất khác nhau, mà trước hết là, không có cách nào liên lạc được với các tổ chức của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Một ngày kia, Hồ Chí Minh đọc được bản tin trên báo nói rằng, Đoàn đại biểu chống chiến tranh của phe Đồng Minh sẽ đến Thượng Hải, bèn viết một bức thư gửi người bạn Pháp là Paul Vaillant Couturier nhờ Tổng Khánh Linh chuyển giúp. Hồ Chí Minh sắm vai một công tử hào hoa, thuê chiếc xe hơi sang trọng, đến số nhà 29, đường Molière, là nơi cư ngụ của Tổng Khánh Linh, tận tay bỏ thư vào hòm thư gia đình. Mấy ngày sau, Hồ Chí Minh và Paul Vaillant Couturier liên lạc được với nhau. Nhờ Paul Vaillant Couturier, Hồ Chí Minh liên lạc được với tổ chức của Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Thượng Hải. Họ bố trí cho ông ta xuống một chiếc tàu thủy Liên Xô đi Vladivostok, sau đó chuyển sang xe lửa về Mạc Tư Khoa.

Nội dung ghi chép của giáo sư Hoàng Tranh đều dẫn từ bài báo "Tổng Khánh Linh giúp đỡ đồng chí Hồ Chí Minh liên lạc với tổ chức Đảng" ("Nhân dân nhật báo", số ra ngày 6 tháng 9 năm 1981).

3 - William J. Duiker trong "Truyện Hồ Chí Minh", trang 210, 211viết:

Sau khi Nguyễn Ái Quốc được Loseby gửi tiền do các bạn Trung Quốc bên ngoài quyên góp, cuối cùng xuống một chiếc tàu thủy rời Hạ Môn đến Thượng Hải. Vì để tránh con mắt các nhân viên bảo an khu tô giới Pháp, Nguyễn Ái Quốc cải trang thành một phú thương, ở trong một khách sạn sang trọng. Một người bạn nhắc Nguyễn Ái Quốc phải đề cao cảnh giác, vì Cục Bảo an cũng có thể đặt lại vấn đề về cái chết năm 1931 mà báo chí đã loan tin, và cho rằng, hiện tại ông ta đang ở Thượng Hải. Trong khi ấy, cảnh sát Pháp khu tô giới ráo riết truy tìm nơi ẩn trốn của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời treo giải thưởng cho người cung cấp thông tin. Từ năm 1927, chính quyền Tưởng Giới Thạch tiến hành đại khủng bố Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Thượng Hải. Đến năm 1931, Pháp và Anh cũng mở chiến dịch quy mô truy bắt các phần tử cộng sản. Lúc này Đảng Cộng sản Trung Quốc đã rút vào hoạt động bí mật, vì thế, Nguyễn Ái Quốc muốn tìm sự giúp đỡ về tài chính từ các đồng chí ở Thượng Hải là không dễ dàng.

Thật may, Nguyễn Ái Quốc tìm được người bạn Ủy viên Trung ương đảng cộng sản Pháp Paul Vaillant Couturier vừa đến Thượng Hải tham gia "Hội nghị Thế giới đồng minh bảo vệ nhân quyền" do do quả phụ của Tôn Trung Sơn là Tống Khánh Linh hiệu triệu, liền quyết định lợi dụng dịp này, gửi một bức thư cho Tôn phu nhân. Quả nhiên, sau đó không lâu, Nguyễn Ái Quốc gặp được Paul Vaillant Couturier thông qua một liên lạc viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nguyễn Ái Quốc cải trang thành một phú thương, Paul Vaillant Couturier bố trí cho ông ta xuống một con tàu Nga Xô đi Vladivostok.(7) Vào một ngày xuân năm 1934, Nguyễn Ái Quốc từ Vladivostok đáp xe lửa băng qua vùng lãnh nguyên Siberi giá lạnh đến Mạc Tư Khoa.(8)

Tư liệu William J. Duiker sử dụng trong phần này được dẫn từ:

(7): Xem Trần Đạt Nhân " Vừa đi đường vừa kể chuyện", trang 51, và của Nguyễn Lương Bằng trong "Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta".

(8): Dẫn từ "Hồ Chí Minh kỷ niệm văn vật" trong "Cùng Hồ thúc thúc ở Liên xô" của Nguyễn Canh Thác.

4 -Sophie Quinn - Judge, trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919-1941", trang 197, viết:

Nếu quả thật Hồ Chí Minh ẩn náu ở Nam Ninh, ta có thể suy đoán ông ta ra đi vào tháng chín, bởi vì, tháng chín năm 1933, một Ủy viên Trung ương đảng Cộng sản Pháp là Paul Vaillant Couturie đến Thượng Hải dự "Đại hội châu Á phản đối chiến tranh". Hồ Chí Minh nói rằng, khi ấy đúng là Paul Vaillant Couturier đã giúp ông ta bắt được liên lạc với tổ chức Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Thượng Hải rồi sắp xếp cho mình đi Mạc Tư Khoa.

Nội dung Sophie Quinn - Judge tường thuật ở trên được dẫn từ "Một ngày của Bác Hồ" của Nguyễn Lương Bằng, NXB Ngoại văn, 1961, trang 81.

5 - Lý Gia Trung, cựu Đại sứ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam, trong "Chủ tịch nước Việt Nam Hồ Chí Minh ", trang 222 đến 224, viết:

Hồ Chủ Tịch ở lại Hạ Môn không lâu, sau đó xuống thuyền đi Thượng Hải. Một hôm, Nguyễn Ái Quốc được biết, có một đoàn đại biểu châu Âu đến thăm vùng Viễn Đông sẽ đến Thượng Hải truyền truyền chống chiến tranh đế quốc. Trong đoàn có một người bạn Pháp là đồng chí Paul Vaillant Couturier. Thế là, Nguyễn Ái Quốc thuê một chiếc xe hơi sang trọng đến biệt thự của Tổng Khánh Linh ở đường Molière nhờ gia nhân chuyển đến Paul Vaillant Couturier, đề nghị giúp đỡ để sang Liên Xô. Một ngày đầu năm 1934, một chiếc ca nô chạy đến gần con tàu Liên Xô đang đậu ở bến cảng Thượng Hải. Hồ Chí Minh lên tàu trở lại quê hương Lenin, cảm động nói: "Lưu lạc quê người ba năm chẵn, trở lại gia đình đại công nông" (Lưu lạc tha hương tam niên chỉnh, hồi đáo công nông đại gia đình).

6 - Bảo La Đức Nhuế Khăng "Nhật ký Long Bảo La- Ghi chép về Nguyễn Ái Quốc ".

Tôi lên tàu, vào buồng lái tìm thuyền trưởng, chỉ vào hải đồ, ra lệnh cho ông ta cho tàu đến một tọa độ ngoài biển. Từ xa đã nhìn thấy chiếc "Trần Châu Hương Cảng", tôi liếc nhìn đồng hồ, vừa đúng giờ, liền dùng ánh đèn làm hiệu. Anne Kennedy cũng dùng đèn hiệu đáp lại. Tôi cùng Nguyễn Ái Quốc chia tay với vợ chồng luật sư Loseby và Phó Toàn quyền phụ nhân. Trước khi chia tay, phụ nhân Loseby còn đặt trên bàn một gói điểm tâm cho tôi và Anne dùng trên đường đi. Rời tàu, tôi và Nguyễn Ái Quốc trèo lên chiếc thủy phi cơ. Anne lập tức khởi động máy cho phi cơ cất cánh về hướng Thượng Hải. Không lâu sau máy bay đậu xuống bến sông Hoàng Phố, tại đây đã có một đồng chí của Nguyễn Ái Quốc chèo thuyền đón ông ta vào thành phố.

7 - Giải thích về sai lầm và sự thật.

a/ Thời gian từ Hạ Môn đến Thượng Hải, phần lớn các nhà nghiên cứu đều ghi chép là đầu năm 1933, nhưng William J. Duiker thì cho rằng, mãi đến sau tháng chín năm 1933 Nguyễn Ái Quốc mới đến Thượng Hải căn cứ vào hai điểm sau:

- Tháng chín năm 1933, Hồ Chí Minh ẩn náu ở Nam Ninh.

- Tháng chín năm 1933, Paul Vaillant Couturier đến Thượng Hải tham gia "Đại hội châu Á phản đối chiến tranh".

Ý kiến của William J. Duiker dẫn từ nguồn "Hồ sơ Quân đội viễn chinh Pháp Quốc thuộc bộ phận hải ngoại", ngày 5 tháng chín năm 1933, do Ba Tùng Uy(1) ký, số hiệu 394. William J. Duiker đã lấy thời gian ký vào hồ sơ làm cơ sở suy luận, vậy thì chính xác phải là trước tháng

giêng năm 1933. Còn giả thiết tháng chín năm 1933, Nguyễn Ái Quốc được Paul Vaillant Couturier giúp đỡ để rời Thượng Hải chỉ là câu chuyện hư cấu.

Từ các nguồn tư liệu trên, có thể phán đoán, Hồ Chí Minh đầu năm 1933 từ Hạ Môn đến Thượng Hải không phải nhằm lẫn, có điều ông Hồ này tuyệt đối không phải là Nguyễn Ái Quốc

b/ Cứ coi Hồ Chí Minh tức là Nguyễn Ái Quốc mà nói, hành trình của Nguyễn Ái Quốc từ Hương Cảng qua Hạ Môn để đến Thượng Hải rồi đi Mạc Tư Khoa sẽ phát sinh mâu thuẫn về thời gian.

- Vì cớ gì Nguyễn Ái Quốc không trực tiếp từ Hương Cảng đi Thượng Hải, liệu có phải ông ta đang mắc bệnh trầm trọng? Vì sao lại phải chịu đựng trăm cay ngàn đắng cả một năm rồi mới đến Hạ Môn? Vì sao lại phải ngụ tạo ra nửa năm dưỡng bệnh ở Hạ Môn làm cho sự việc trở nên rắc rối?

- Nguyễn Ái Quốc chẳng đã tuyên bố tại Thượng Hải là vô cùng túng bấn, vì sao vẫn lưu lại một năm? Có phải đơn giản chỉ là đợi Paul Vaillant Couturier đến giải cứu? Một năm ở Thượng Hải Nguyễn Ái Quốc làm gì? Vì sao kéo dài đến mãi đầu năm 1934 mới rời Thượng Hải? Những lý do được ngụ tạo để giải thích là rất khiên cưỡng, khó thuyết phục người đọc. Chỉ có một khả năng giải thích là, cuộc hội kiến với Paul Vaillant Couturier chính là để liên kết giữa Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc, nhằm hóa giải nghi án về cái chết của ông ta, chứng minh, người năm 1933 có mặt tại Thượng Hải chính là Nguyễn Ái Quốc. Cho nên, đã trót ngụ tạo ra chuyện hoang đường, đến lúc có nguy cơ bị bóc trần, bắt buộc dĩ người ta lại phải hư cấu ra một chuyện hoang đường khác, tuy nhiên, cuối cùng sự thật vẫn bị bóc trần.

- Nếu nói Hồ Chí Minh là Hồ Tập Chương, thì nguyên nhân Hồ Tập Chương trở lại Thượng Hải rất không đơn giản là chỉ có một mục đích. Mùa hè năm 1931, nhân vụ việc Noulens, sau khi rời khỏi Hương Cảng, qua gần hai năm sống lưu vong cùng khổ, sau này, thấy tình hình yên ắng, Hồ Tập Chương mới trở lại làm việc trong " Công hội Thái Bình Dương Thượng Hải".

Trở lại sự kiện sau khi đến Thượng Hải hai năm, Hồ Tập Chương phát hiện ra, tổ chức Quốc tế cộng sản nơi này đã hoàn toàn tan rã. Các cơ quan của Trung Cộng đều rút vào hoạt động bí mật. Ông ta trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan, không thể trở về cơ quan công tác cũ mà cũng chẳng bắt liên lạc được với Đảng Cộng sản Trung Quốc nên đã nảy ra ý định đi Mạc Tư Khoa. Chính vì thế Hồ Tập Chương phải nhờ đến Tống Khánh Linh. Để giữ bí mật, Hồ thuê một chiếc xe hơi sang trọng đến tư dinh Tống phu nhân, số nhà 29, đường Molière, gửi một phong thư vào hòm thư gia đình, hy vọng Tống Khánh Linh giúp đỡ sẽ liên lạc được với Đảng Cộng sản Trung Quốc để đi Mạc Tư Khoa. Còn như việc nhờ làm trung gian để gặp Paul Vaillant Couturier chỉ là sự bịa đặt.

c - Sự kiện Paul Vaillant Couturier có liên quan đến thời gian Hồ Chí Minh rời khỏi Hương Cảng, vì thế, sẽ là một bước tiến làm sáng tỏ vụ việc. Để hoàn thành vở kịch "dời hoa tiếp cây", người ta đã ngụy tạo ra sự kiện Hồ Chí Minh gặp mặt Paul Vaillant Couturier nhằm đạt hai mục đích:

- Chứng thực người ở Thượng Hải vào năm 1933 là Nguyễn Ái Quốc.
- Xóa bỏ thông tin chết do bệnh lao phổi vào mùa thu năm 1932.

Chỉ có điều cố tình kéo dài thời gian đến khi trở lại Mạc Tư Khoa là hoàn toàn mâu thuẫn. Bởi lẽ, vào mùa xuân năm 1933, Hồ Tập Chương đã đi Mạc Tư Khoa, làm sao có thể hội kiến với người bạn Pháp Paul Vaillant Couturier? Rõ ràng việc ngụy tạo đến tháng chín năm 1933, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) mới rời khỏi Thượng Hải là không phù hợp về thời gian. Paul Vaillant Couturier đến Thượng Hải tham gia "Hội nghị thế giới yêu hòa bình, phản đối chiến tranh" vào ngày 30 tháng chín năm 1933 (xem: Tống Khánh Linh truyện, quyển thượng, Istaael Epstein viết, Thẩm Tô Nho dịch, trang 373).

Về phía Hồ Tập Chương mà nói, lúc ấy không hề quen biết Paul Vaillant Couturier, vì thế cũng không thể có cuộc gặp mặt giữa hai người. Sự việc ông ta thuê xe đến nhà Tống Khánh Linh với việc Paul Vaillant Couturier đến Thượng Hải dự hội nghị chẳng liên quan gì với nhau. Mùa hè năm 1931, Hồ Tập Chương vì bị liên quan đến vụ Noulens nên phải trốn khỏi Hương Cảng đến Quảng Châu, từng bị Quốc dân đảng truy đuổi đã lẫn trốn ở Quế lâm, Điền Châu vùng biên giới Thailand, đến mùa xuân năm 1933 mới từ Thailand qua Hạ Môn về Hương Cảng (xem Thiên III "Sự kiện Hồ Tập Chương bị truy đuổi ở Quảng Châu"). Ở lại Hạ Môn một thời gian, biết được Tống Khánh Linh đang vận động thành lập "Hội bảo vệ nhân quyền Trung Quốc" để nỗ lực giải cứu vợ chồng Noulens và các tù nhân chính trị Trung Quốc, Hồ bèn đến Thượng Hải. Nhưng tại đây, ông ta không làm cách nào trở về được nơi công tác cũ, cho nên phải cần đến sự giúp đỡ của "Hội bảo vệ nhân quyền..." thông qua Tống Khánh Linh để về Cục Phương Đông Quốc tế cộng sản ở Mạc Tư Khoa.

Vì thế, sự thật được phơi bày. "Hồ Chí Minh về căn bản không yêu cầu sự trợ giúp của Paul Vaillant Couturier". Vào đầu năm 1933, ông ta rời khỏi Thượng Hải đến Mạc Tư Khoa. Dự đoán thời gian Hồ Tập Chương đến Mạc Tư Khoa là vào mùa hè năm 1933.

BỘ PHIM "NGUYỄN ÁI QUỐC THOÁT HIỂM Ở HƯƠNG CẢNG"

Lần đầu tiên hai nước Trung-Việt hợp tác sản xuất bộ phim về Nguyễn Ái Quốc. Tên phía Trung Quốc đặt là "Thoát hiểm ở Hương Cảng" còn Việt Nam gọi là "Nguyễn Ái Quốc ở Hong kong" do Hội Điện ảnh Việt Nam và Công ty liên hợp Điện ảnh Châu Giang hợp tác sản xuất, phát hành. Phim được khởi quay vào cuối năm 2002, đến ngày 1 tháng chín năm 2003 chiếu

duyet lần đầu tại Trung tâm Chiếu phim quốc gia Việt Nam. Giá thành phim là 15 tỷ đồng Việt Nam (ước khoảng 8 triệu NDT), phát hành bằng tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Anh.

Nội dung phim miêu tả đầu những năm ba mươi của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc bị bắt giữ, bị thẩm vấn rồi được giải cứu khỏi nhà giam. Phim có nhiều đoạn cao trào, gay cấn, sinh động. "Nguyễn Ái Quốc ở Hong kong" khắc họa Nguyễn Ái Quốc vào những năm 1931 - 1932 như một nhân vật thần bí, có những đoạn quá cường điệu, nhất là cảnh các đặc công ẩn trong lòng đất, tiến hành giải cứu vô cùng thông minh, quả cảm. Với mục đích tuyên truyền, họ đã đẩy câu chuyện đến mức bất chấp sự thật lịch sử. Các nam nữ diễn viên và những pha tình cảm luyến ái chẳng qua là để làm trò câu khách. Rốt cuộc, những chuyện tình ái mùi mẫn do các nhà biên kịch, đạo diễn hư cấu không phải là sự thực trong tình yêu và hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc. Ngược lại, sự kiện Nguyễn Ái Quốc bị trọng bệnh tử vong đã được báo chí đưa tin, lại bị các nhà làm phim im đi. Rõ ràng bộ phim Việt- Trung hợp tác sản xuất này chỉ nhằm hướng tới mục đích chính trị, hoàn toàn không phải đi tìm sự thật lịch sử.

Từ bộ phim " Nguyễn Ái Quốc ở Hong kong", nhìn lại hiện thực lịch sử qua vụ án Nguyễn Ái Quốc, tôi đề xuất một bản kết luận giản lược như sau:

(1) - Vào lúc 2 giờ sáng ngày 6 tháng sáu năm 1931, Nguyễn Ái Quốc bị cảnh sát Hương Cảng bắt.

(2) - Từ ngày 1 tháng tám năm 1931 đến ngày 19 tháng chín năm 1931, trải qua chín phiên xử, tòa án Hương Cảng phán quyết giải Nguyễn Ái Quốc về Việt Nam.

(3) - Ngày 12 tháng 12 năm 1931, luật sư Loseby gửi đơn kháng cáo lên Viện Khu mật Hoàng gia London, Anh Quốc.

(4) - Cuối năm 1931, luật sư hai bên hoàn thành một thỏa hiệp, Khu mật viện Hoàng gia London, Anh Quốc quyết định trả tự do cho Nguyễn Ái Quốc.

(5) - Ngày 28 tháng 12 mười hai năm 1931, Nguyễn Ái Quốc được chính phủ Hương Cảng phóng thích và hứa để tự do xuất cảnh.

(6) - Ngày 6 tháng giêng năm 1932, Nguyễn Ái Quốc xuống tàu di Singapore nhưng không được nhập cảnh, phải trở lại Hương Cảng.

(7) - Ngày 19 tháng giêng năm 1932, Nguyễn Ái Quốc buộc phải quay lại Hương Cảng, bị cáo buộc vi phạm điều lệ nhập cảnh, lại bị câu lưu.

(8) - Ngày 22 tháng giêng năm 1932, nhà cầm quyền bất chấp điều lệ nhập cảnh, hạn trong 3 ngày, Nguyễn Ái Quốc phải rời khỏi Hương Cảng.

(9) - Ngày 25 tháng giêng năm 1932, Nguyễn Ái Quốc lên chiếc thủy phi cơ đi Thượng Hải, sau đó mất dấu vết.

(10) - Mùa thu năm 1932, báo chí Cộng sản lần lượt đưa tin Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao phổi.

(11) - Đầu năm 1933, Hồ Tập Chương từ Thailand về Hạ Môn rồi đi Thượng Hải.

(12) - Mùa xuân năm 1933, Hồ Tập Chương từ Thượng Hải đi Mạc Tư Khoa.

(13) - Đầu năm 1934, Vera Vasilieva, thuộc Quốc tế cộng sản phụ trách các vấn đề Việt Nam, yêu cầu Hồ Tập Chương thay thế thân phận Nguyễn Ái Quốc tiếp tục thực hiện cuộc vận động cách mạng Việt Nam, buộc Hồ Tập Chương phải thực hiện chương trình giáo dục cải tạo 5 năm tại Mạc Tư Khoa. Như vậy, cùng với lãnh đạo chớp bu Trung Cộng và Việt Cộng, Mạc Tư Khoa đã phối hợp, từng bước đạo diễn vở kịch "Nguyễn Ái Quốc chết mà sống lại" thực hiện âm mưu xảo trá "tráo rồng đổi phượng", "dời hoa tiếp cây".

Phụ lục

"Nhật ký Long Bảo La" (trích đoạn).

"Tôi rất biết ngài có đủ kinh nghiệm". Tiên sinh M. trong bức điện báo cuối cùng đã viết thêm một câu như vậy. Tôi nghĩ lại, đại khái là vào năm 1924 đã cùng Trương đại soái ra Thanh Đảo, tận mắt nhìn thấy ông ta ra đi, và năm 1928, có tham gia vào vụ giúp công chúa Anna Anastasia trốn thoát đến nước Mỹ. Quả thật là đã làm phiền. Tôi đọc bức điện báo mà ...chảy nước bọt, vì lúc ấy, ông ta đã được phía London đồng ý, chỉ đợi tôi trực tiếp ra lệnh, do đó tôi tìm mọi cách, trong một thời gian ngắn phải đến được Hương Cảng. Lúc này, tàu thuyền các công ty đều không thể phối hợp, ngoại trừ chiếc thủy phi cơ "Trần Châu Trung Quốc". Tôi đã gửi điện tín hỏi Anne, vừa lúc cô ta rất vui khi biết sẽ cùng tôi đồng hành. Buổi sáng ngày thứ hai chúng tôi bay đến Hương Cảng. Tại đây, việc đầu tiên là phải tìm gặp ngay tổ tình báo để nắm rõ tình hình, phát hiện Nguyễn Ái Quốc thực tế đã được Tòa án Hương Cảng xếp vào loại chính trị phạm, đã tuyên án nhưng không phải dẫn độ về An Nam. Ông ta hiện chỉ lưu lại Hương Cảng một thời gian ngắn, rồi lập tức bị buộc xuất cảnh. Sau đó, Nguyễn Ái Quốc lên một chiếc tàu khách Anh Quốc để rời Hương Cảng nhưng bị phía Singapore buộc phải quay lại. Có tin chính phủ Pháp đã cử sát thủ đến Hương Cảng nên cảnh sát không thể không giam Nguyễn Ái Quốc vào ngục.

Cảnh sát Hương Cảng rất cần một người có khả năng bí mật đưa Nguyễn Ái Quốc xuất cảnh an toàn, vì thế họ nhờ MI6 giúp đỡ. Thời kỳ ấy cảnh sát và MI5 cùng thuộc hệ thống nội chính, có quan hệ với nhau mật thiết, còn chúng tôi thuộc bộ phận ngoại giao của MI6, trái lại, thường có mâu thuẫn. Năm trước, khi bắt giữ Nguyễn Ái Quốc, nói thẳng ra là cảnh sát tham

công, đã không biết nhìn sự việc xa hơn, tự tiện hành động, đến nỗi xảy ra sự cố "nướng khoai bỏng tay", bây giờ mới quay về tìm MI6. Vì thế, các điệp viên của tình báo Hương Cảng rất không muốn tham gia vào vụ này. Tuy nhiên, đây cũng là lúc tôi được lệnh của tiên sinh M. từ Thượng Hải đến Hương Cảng xử lý công việc. Rốt cuộc nhiệm vụ lại rơi xuống đầu tôi. Thật là tự mình đâm đầu vào tròng. Nghĩ tới những tình huống phức tạp này, trong đầu tôi mới lơ mờ nghĩ đến mối quan hệ giữa tiên sinh M. và Toàn quyền Hương Cảng. Tuy vậy lại không có bất cứ đầu mối nào nên tôi phải tự mình thăm dò Nguyễn Ái Quốc. Việc này không đơn giản. Ông ta bị giam giữ ở một nơi cực kỳ bí mật mà ngay cả các luật sư biện hộ cũng không được gặp mặt thân chủ, bởi lẽ, về lý mà nói, ông ta đã bị trục xuất khỏi Hương Cảng, không còn liên quan gì đến chính quyền sở tại. Yêu cầu cảnh sát giúp đỡ việc này là vô nghĩa. Thông qua một nguồn tin riêng, cuối cùng tôi cũng đến được nơi giam giữ Nguyễn Ái Quốc, thậm chí còn kéo được cả luật sư Loseby đi cùng.

Biện hộ cho Nguyễn Ái Quốc là luật sư Loseby, chủ tịch Công hội luật sư Hương Cảng, rất có năng lực và kinh nghiệm. Ông ta thu thập chứng cứ, biện giải đanh thép, nên qua chín phiên xử, Tòa án Hương Cảng phải chấp nhận luận điểm Nguyễn Ái Quốc là một phần tử bất đồng chính kiến, mà không bị dẫn độ về An Nam chịu mức án tử hình. Tôi và Nguyễn Ái Quốc gặp nhau trong căn hầm của Tổng bộ cảnh sát. Ông ta là một người trung niên thân hình ốm yếu, mắc bệnh phổi, xem tình hình sức khỏe không tốt. Nguyễn Ái Quốc biết tiếng Hoa và tiếng Pháp nên chúng tôi có thể nói chuyện được với nhau: "Tôi là Paul Draken, đại diện Bộ Ngoại giao Anh Quốc - tôi nghĩ, chẳng cần để lộ mối quan hệ của tôi với MI6 nên nói tiếp - được cử đến đây giúp đỡ tiên sinh xuất cảnh, xin hỏi, ngài định đi đến nơi nào?". Nguyễn Ái Quốc uể oải trả lời trong khi vẫn không dứt cơn ho: "Tôi muốn đến Liên Xô". "Liên Xô? Vậy thì tốt nhất ngài nên qua lối Thượng Hải - tôi nói tiếp - tôi sẽ cùng đi Thượng Hải với tiên sinh, đến đó ngài sẽ tự quyết định nơi đi tiếp". Luật sư Loseby lo lắng hỏi: "Người Pháp đã cử sát thủ đến Hương Cảng, vậy làm sao có thể đảm bảo an toàn cho Nguyễn tiên sinh xuất cảnh?". Cả hai chúng tôi đều liếc mắt về phía cảnh sát trưởng. Ông ta bảo: "Tôi đã biết ý tứ của các ngài. Chúng tôi có thể bắt giữ sát thủ Pháp, chỉ ngại chẳng may bí mật bị lộ, chính phủ làm sao giải thích được với nước Pháp? - Cảnh sát trưởng vốn là tay cáo già, lời đời xưa tay thoái thác - Chỉ đề nghị các ngài tìm được biện pháp xuất cảnh an toàn, tôi sẽ rất vui được thuận nước giong thuyền, tuy nhiên, phải nói trước, vạn nhất sự việc vỡ lở, tôi sẽ không thừa nhận, lúc đó sẽ đắc tội với chính quyền địa phương, mong các ngài thông cảm".

Ra khỏi trụ sở Tổng bộ cảnh sát, Loseby lớn tiếng chửi Cảnh sát trưởng là tên xảo trá, tôi chợt nảy ra một kế hoạch khác. Loseby vốn rất quen thân với Toàn quyền Hương Cảng, nếu được ông ta đứng ra giải quyết vụ này, có thể xem đây là lá bùa hộ mệnh, sẽ tránh được sự thất bại do ý đồ phản thù của Cảnh sát trưởng. Nghĩ vậy, tôi bèn đóng giả làm khách của Toàn quyền William Peel, sau đó sẽ sử dụng chiếc thủy phi cơ "Trân Châu Hương Cảng" (China Pearl) của Anne Kennedy bay đến Thượng Hải. Tôi đem ý kiến này trình bày với Loseby. Ông

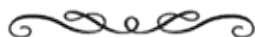
cảm thấy có thể thành công bèn phân công nhau chuẩn bị hành động.

Anne Kennedy và phu nhân Loseby mới gặp nhau mà đã như quen biết từ lâu. Hai người hẹn nhau đi dạo và uống trà vào buổi trưa. Tôi tranh thủ đến bên Anne, nói là có một nhiệm vụ bí mật cần cô giúp đỡ. Nghe xong, Anne vô cùng thích thú. Quen biết Anne đã nhiều năm, đây là lần đầu tiên tôi đề nghị cô tham gia vào một nhiệm vụ mạo hiểm. Tôi cũng nói vài lời để Anne yên tâm rồi thông báo thời gian, địa điểm và ám hiệu, hẹn giữa trưa ngày thứ hai cho máy bay đến đợi sẵn ngoài biển.

Loseby cũng mời Phó Toàn quyền phu nhân xuống ca nô uống trà sau 12 giờ trưa. Hiện tại chỉ còn một việc là làm thế nào đưa được Nguyễn Ái Quốc từ nhà giam ra một cách an toàn. Tôi đồ rằng, thời điểm này, các sát thủ Pháp đã lảng vảng khắp nơi, vì vậy, vào lúc giữa trưa, tôi ăn mặc như một giáo sư đại học bước vào Tổng bộ cảnh sát. Nội vụ đã được Cảnh sát trưởng thỏa thuận. Ông ta nói không cản trở nhưng cũng không giúp đỡ. Tôi đến ngay phòng giam đề nghị Nguyễn Ái Quốc nhanh chóng thay trang phục. Tôi cũng mặc quần áo đã chuẩn bị sẵn từ trước, cùng ông ta thông thả bước ra khỏi cửa chính Tổng bộ cảnh sát. Lúc ấy Loseby đã bố trí một chiếc xe cùng đội bảo vệ đến đón. Chúng tôi lại thay đổi y phục. Lần này Nguyễn Ái Quốc mặc bộ lễ phục sang trọng, còn tôi đóng bộ đồ trung úy hải quân trong vai phó quan, cùng lên chiếc xe hơi sang trọng ra bến cảng rồi xuống tàu.

Hành trình hết sức thuận lợi, tuy rằng lúc ấy mọi việc phải thật khẩn trương. Loseby phu nhân và Phó Toàn quyền phu nhân vốn quen nhau từ trước, nên cuộc gặp mặt hết sức vui vẻ. Bàn trà được bày sẵn trên boong. Loseby nhanh chóng cùng Nguyễn Ái Quốc xuống khoang tàu. Tôi đến buồng máy gặp thuyền trưởng và chỉ vào hải đồ ra lệnh cho tàu chạy đến tọa độ X ngoài biển. Từ xa đã nhìn thấy "China Pearl" đậu tại vị trí dự định. Tôi nhìn đồng hồ, thấy đã đến giờ bèn dùng đèn đánh tín hiệu. Anne cũng dùng ánh đèn đáp lại. Chiếc xuống được hạ thủy. Chúng tôi chia tay vợ chồng Loseby và Phó Toàn quyền phu nhân. Bà Lose by còn gửi theo gói đồ điểm tâm cho ba người. Chúng tôi vừa bước lên "China Pearl" thì Anne đã cho máy bay chạy trên biển rồi bay vụt lên. Trên đường đi tôi đã thử nói chuyện với Nguyễn Ái Quốc nhưng có vẻ như ông ta không muốn đáp lời. Đối với người Anh hình như ông không mấy thiện cảm, cho dù chúng tôi đã làm hết cách để cứu tính mệnh ông, nhưng vẫn không làm thay đổi được quan niệm của người An Nam này coi chúng tôi là tay sai của chủ nghĩa đế quốc phương Tây.

Chiếc thủy phi cơ "China Pearl" hạ cánh xuống bãi sông Hoàng Phố, tại đây những đồng chí của Nguyễn Ái Quốc đưa thuyền ra đón ông. Nhiệm vụ của tôi đến đây là xong. Nghe nói sau này Nguyễn Ái Quốc đi Mạc Tư Khoa vào học ở trường Đại học Lenin với mục tiêu về nước tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, vận động nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tôi có cảm giác quá trình hoạt động này có thấp thoáng hình bóng của M. tiên sinh...



THIÊN II

VE SÀU THOÁT XÁC, THẬT GIẢ KIẾP NGƯỜI THỜI GIAN VÀ VŨ ĐÀI HOẠT ĐỘNG TRÙNG NHAU



Khoảng thời gian từ năm 1929 đến năm 1933, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương mỗi người có một công tác riêng tại vùng duyên hải đông nam Trung Quốc và Thailand, Malaysia, Singapore..., lần lượt thay nhau xuất hiện. Đặc biệt vào năm 1930, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương đã cùng ở trong Ban trụ bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Mùa hè năm 1931, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương đồng thời bị bắt ở Hương Cảng và Quảng Châu. Những hoạt động qua lại của hai người rất không rõ ràng, cũng không được lưu trữ trong hồ sơ nên rất khó chứng minh. Năm 1934, Hồ Tập Chương được trao nhiệm vụ thay thế thân phận Nguyễn Ái Quốc đã bị chết vào tháng tám năm 1932, tiếp tục hoạt động. Vì thế, toàn bộ sự tích cuộc đời Hồ Tập Chương sau này là phải bắt chước làm sao cho giống với phong cách sinh hoạt và làm việc thường ngày của Nguyễn Ái Quốc, nhằm ráp nối cho khớp, mà sự kiện đầu tiên là "Từ Hạ Môn đi Thượng Hải".

Tuy nhiên từ tháng tám năm 1932 đến đầu năm 1933, có nửa năm là thời gian khổng, nên người ta đã ngụy tạo ra sự kiện Nguyễn "Ái Quốc lưu lại Hạ Môn nửa năm dưỡng bệnh". Tiếp nữa là, đầu năm 1933, sau khi đã đến Thượng Hải, lại một lần nữa bắt người ta phải tin vào "giả thuyết Paul Vaillant Couturier" nhằm hóa giải cái chết của Nguyễn Ái Quốc. Tuy nhiên, ngụy tạo ra thời gian từ mùa xuân năm 1934 Nguyễn Ái Quốc đi Mạc Tư Khoa lại nảy sinh những ý kiến khác nhau. Tóm lại, khoảng thời gian từ 1929 đến 1933, đem hành trạng của Nguyễn Ái Quốc và hành trạng của Hồ Tập Chương gộp vào cho một người, tất nhiên sẽ nảy sinh mâu thuẫn. Cho nên, bịa đặt ra những chuyện không có thật trong lịch sử, giống như cây kim bọc trong giẻ, đến một ngày nào đó, sự thật sẽ được phơi bày.

CÙNG LÊN VŨ ĐÀI, MỘT ẮN MỘT HIỆN

Tháng giêng năm 1949, tạp chí "Sinh hoạt nội bộ" kỳ thứ 13 của Việt Nam có đăng tải một bài viết nhan đề "Đảng ta" do Hồ Chí Minh viết dưới bút danh Trần Thăng Lợi. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia đã đưa "Đảng ta" vào Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, trang 547. Trong "Đảng ta" có một đoạn nói rất rõ ràng như sau:

Cuối năm 1929, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở lại Tàu, cùng với đại biểu các nhóm khai hội ở Hương Cảng. Trong 7, 8 đại biểu, ngoài đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tôi, nay chỉ còn đồng chí Hồ Tùng Mậu và đồng chí Trịnh Đình Cửu, đồng chí Tản Anh và vài đồng chí nữa đều oanh liệt

hy sinh cho Đảng và cho dân tộc lâu trước ngày Cách mạng Tháng Tám...

(Tác giả nhận định, nguyên Văn "Tản Anh" là viết tắt của Lê Tản Anh. Hồi ký cách mạng "Giọt nước trong biển cả" của Hoàng Văn Hoan, trang 4 có đoạn viết về Lê Tản Anh là thành viên sáng lập nhóm "Tâm tâm xã").

Đọc đến đoạn văn xác thực này, tôi như muốn nhảy dựng lên. Tại làm sao mà trong một tập san chính thức của nhà nước lại xuất hiện câu văn: "đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tôi". Câu văn này há chẳng khẳng định, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là hai người khác nhau đó sao? Năm 1929, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh cùng tham gia tổ chức Hội nghị Hương Cảng ? Lúc mới đọc, tôi cho rằng có sự nhầm lẫn khi viết, sau đọc đó đọc đi đọc lại nhiều lần, rà soát cẩn thận từng chữ, và đi đến kết luận là hoàn toàn không có chuyện nhầm lẫn làm tôi đặc biệt quan tâm.

Trở về tra xét lại thời kỳ 1929, 1930 trong bối cảnh thành lập Đảng Cộng sản, mới phát hiện ra sự thật là Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương là những người cùng tham gia thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Để tránh hiểu lầm chuyện trích dẫn, cắt xén, tôi xin dẫn nguyên văn từng câu, từng chữ của đoạn văn trên:

" Năm 1929 (chính xác là ngày 19 tháng giêng năm 1929), trong khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi vắng, Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội khai toàn quốc Đại hội ở Hương Cảng. Đại biểu Bắc Kỳ đề nghị tổ chức đảng cộng sản, bị gạt đi, liền bỏ hội nghị ra về.

Sau đó, trong nước dần dần thành lập ba nhóm cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản Liên đoàn.

Một nước mà ba đảng cộng sản. Cả ba nhóm đều ngẫm hiểu như thế là sai. Quần chúng đều hiểu rằng như thế là không đúng. Cả ba nhóm đều tìm cách để đi đến thống nhất. Nhưng bệnh hẹp hòi và cách làm không khéo, cho nên càng muốn gần nhau, lại càng xa nhau.

Cuối năm 1929, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở lại Tàu (chính xác là ngày 20 tháng giêng năm 1930), cùng với đại biểu các nhóm khai hội ở Hương Cảng.

Trong 7, 8 đại biểu,(1) ngoài đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tôi, nay chỉ còn đồng chí Hồ Tùng Mậu và đồng chí Trịnh Đình Cửu, đồng chí Tản Anh và vài đồng chí nữa đều oanh liệt hy sinh cho Đảng và cho dân tộc lâu trước ngày Cách mạng Tháng Tám.

Để giữ bí mật, các đại biểu khai hội bên sân đá banh của người Tàu. Vừa giả xem đá banh, vừa bàn bạc về Đảng. Sau cuộc bàn bạc sôi nổi, và sau lời giải thích rõ ràng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, mọi người đều tán thành thống nhất cả ba nhóm thành một đảng. Thế là Đảng ta chân chính thành lập...".

Câu văn "Ngoài đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tôi, nay chỉ còn đồng chí Hồ Tùng Mậu và đồng chí Trịnh Đình Cửu, đồng chí Tản Anh và vài đồng chí nữa đều oanh liệt hy sinh cho Đảng và cho dân tộc lâu trước ngày Cách mạng Tháng Tám" bao hàm ý nghĩa gì? Vì sao Hồ Chí Minh lại viết câu này? Qua nhiều lần suy nghĩ kết hợp với việc tra cứu hồ sơ, tài liệu "Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam", tôi mới hiểu, thực ra, lúc ấy Hồ Chí Minh chỉ kể lại một cách chân thật quá trình thành lập Đảng mà không hề có ẩn ý gì bên trong. Xét về mặt nội dung, câu văn trên biểu thị ba ý nghĩa sau:

1 - Vào năm 1930, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là 2 trong số 7, 8 đại biểu sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2 - Vào năm 1949 khi Hồ Chí Minh viết bài "Đảng ta", về mặt công khai, ông còn chưa thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, vì thế, vô tình đã hạ bút viết "Nguyễn Ái Quốc và tôi". Việc này trong "Truyện Hồ Chí Minh" của William J. Duiker, trang 449 đã viết rất rõ ràng: "Sau hai mươi năm giấu giếm thân phận, hiện tại Hồ Chí Minh 67 tuổi, cuối cùng ông cũng thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, để rồi các phương tiện truyền thông chính thức của nhà nước ra sức ca ngợi ông như một người suốt đời hy sinh vì lý tưởng cách mạng, phục vụ tổ quốc". Tiếp đó, tác giả lại viết: "Trước đây, Hồ Chí Minh chưa thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, vì vào năm 1946, khi triệu tập Hội nghị Quốc dân đại hội, Bộ trưởng Lao động Nguyễn Văn Thái có đề nghị vinh danh Hồ Chí Minh là "công dân số một" của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Bởi lẽ, lúc ấy thân phận Hồ Chí Minh chưa được xác nhận là Nguyễn Ái Quốc. Hồ Chí Minh chính là Hoa kiều tại Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, phái viên "Quốc tế cộng sản" được cử đến Việt Nam với nhiệm vụ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Quốc dân đại hội biểu dương sự cống hiến của ông, đồng thời ban tặng danh hiệu "người công dân số một". Nếu quả thật Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc cùng là người Việt Nam, liệu còn có động tác giấu đầu hở đuôi "người công dân số một" này không?

3 - Trước sau năm 1930, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh cùng làm việc ở Cục Phương Đông Thượng Hải thuộc Quốc tế cộng sản. Hai người thường qua lại Hương Cảng và Thượng Hải. Lúc ấy Hồ Chí Minh là phái viên của Cục Phương Đông Quốc tế cộng sản đến hoạt động ở Hương Cảng. Vậy thì người mang tên Hồ Chí Minh không phải Nguyễn Ái Quốc này là ai? Ông ta chính là phái viên Quốc tế cộng sản Hồ Tập Chương, thành viên tham gia Ban trụ bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, được các yếu nhân của Trung cộng và Việt cộng hết sức giữ bí mật. Nhân vật vào tháng bảy năm 1931 bị Quốc dân đảng bắt giam tại nhà lao Quảng Châu là Hồ Tập Chương, sau đó, đến năm 1934, ông được Quốc tế cộng sản chỉ thị thay thế thân phận Nguyễn Ái Quốc.

Chú thích (1): Bảy vị đại biểu tại Hội nghị gồm Hồ Tập Chương là phái viên liên lạc của Quốc tế cộng sản, đương nhiên đứng đầu danh sách, tuy nhiên tài liệu ghi chép danh sách không thể tìm thấy, có khả năng đã bị sửa chữa hoặc giấu đi. Chỉ biết, sau khi thành lập

Đảng, có 7 (bảy) vị Ủy viên Trung ương. Căn cứ vào các tư liệu lịch sử còn lại, bảy Ủy viên là: Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu, Trịnh Đình Cửu, Lê Tản Anh, Trần Văn Cung, Lê Hồng Sơn và Hồ Tập Chương.

NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Từ ngày 1 đến 19 tháng năm năm 1929, Đại hội đại biểu toàn quốc "Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí hội" do Lam Đức Thụ khởi xướng tổ chức tại Hương Cảng. Mới vào hội nghị đã xảy ra xung đột nghiêm trọng giữa các phe phái. Các đại biểu Bắc Kỳ đề nghị thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Lam Đức Thụ và Lê Hồng Sơn do chưa có kế hoạch chuẩn bị thành lập chính đảng nên đã cự tuyệt đổi tên "Đồng chí hội". Các đại biểu Bắc Kỳ là Trần Văn Cung, Nguyễn Tuấn, Ngô Gia Tự... giận dữ bỏ hội nghị về nước. Hội nghị tuyên bố tan vỡ.

Ngày 17 tháng sáu năm 1929, Bắc Kỳ tuyên bố thành lập "Đảng Cộng sản Đông Dương". Sau khi Hồ Tùng Mậu và Hoàng Bộ Quân bị khai trừ khỏi "Đồng chí hội", tháng mười cùng năm, Nam Kỳ thành lập "An Nam Cộng sản đảng". Tân Việt đảng của Trung Kỳ cũng chuyển thành "Đông Dương Cộng sản liên đoàn" vào tháng giêng năm 1930.

Ngày 20 tháng giêng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm La về đến Quảng Châu. Hồ Tùng Mậu cử phái viên đón ở Hương Cảng. Sau khi bắt liên lạc được với Đảng Cộng sản Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đề nghị đại diện ba tổ chức cộng sản đối lập ở Việt Nam đến Hương Cảng hợp nhất thành một chính đảng. Từ ngày 3 tháng hai đến ngày 7 tháng hai năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản tại một phòng nhỏ trong khu lao động Cửu Long, sau đó lại được chuyển xuống một căn hầm bên dưới trụ sở câu lạc bộ bóng đá. Các đại biểu nhận đều nhận thấy những bất đồng của ba tổ chức cộng sản dẫn đến sự xung đột nghiêm trọng vừa qua, nên sau đó đã chấp hành chỉ lệnh của Quốc tế cộng sản, hợp nhất ba tổ chức thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

BỆNH PHỔI TRẦM TRỌNG, SỨC KHỎE SUY GIẢM

Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đang dự kiến thành lập "Liên đoàn Thanh niên cách mạng" tại Quảng Châu thì bị bãi miễn. Sự kiện này chứng tỏ, sau khi tân chính đảng hình thành, Nguyễn Ái Quốc tỏ ra không có khả năng lãnh đạo phong trào cách mạng. Ý chí hăm hở tiêu tan dần theo năm tháng, địa vị lãnh đạo lung lay mà nguyên nhân chủ yếu là tình trạng sức khỏe. Lúc này Quốc tế cộng sản cũng không còn xem Nguyễn Ái Quốc là lãnh đạo duy nhất. Những năm ấy, lưu học sinh Việt nam được Quốc tế cộng sản dày công đào tạo tại Liên Xô, rất được chú trọng.

1- Đầu tháng chín năm 1928, Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội đã có sự chuyển biến về tư tưởng sau Hội nghị VI Quốc tế cộng sản. Lúc ấy, Nguyễn Ái Quốc ở Xiêm La, mắc bệnh lao phổi trầm trọng, gần như mất hẳn liên lạc với Quốc tế cộng sản và Việt Nam Thanh

niên cách mạng đồng chí hội. Năm 1930, Nguyễn Ái Quốc thông báo với Ngô Đức Trí là ông ta đang ở Xiêm La, bị bệnh hơn một năm. Từ tháng bảy đến tháng chín, Nguyễn Ái Quốc viết 6 bức thư gửi Cục Viễn Đông, trong bức thư đề ngày 2 tháng chín, ông giải thích, từ ngày 13 tháng tám đã hoàn toàn suy sụp bởi bệnh lao phổi, thường xuyên ho ra máu. Nói cách khác, vì tình trạng sức khỏe không tốt, cứ mỗi ngày, Nguyễn Ái Quốc lại xa dần quyền lực.

2 - Năm 1929, Quốc tế cộng sản đã trì hoãn lâu ngày kế hoạch thành lập Đảng Cộng sản Đông Nam Á, chuyển sang quyết nghị thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngày 27 tháng mười năm 1929, Quốc tế cộng sản ra "Chỉ thị công tác Đông Nam Á", giao cho nhóm lưu học sinh vừa tốt nghiệp Học viện Stalin là Trần Phú và Ngô Đức Trí trở lại Việt Nam thực hiện "Nhiệm vụ cấp bách của đảng viên cộng sản Đông Nam Á". Ở phần phụ lục "Vấn đề kỹ thuật" của "Chỉ thị công tác" đã ghi rõ: "Trong nhiệm vụ của Đông Nam Á, nhất định phải đưa đồng chí Trần Phú và đồng chí Ngô Đức Trí vào cương vị lãnh tụ. Đồng chí Trần Phú làm chủ tịch là phù hợp, ưu tiên đồng chí Ngô Đức Trí".

3 - Cuối tháng 12 năm 1930, vì nhiệm vụ và quyền hạn của Nguyễn Ái Quốc không được xác định, ông liền gửi một bức thư đến Quốc tế cộng sản yêu cầu phải được trao quyền lãnh đạo rõ ràng. Thư viết: "Hiện nay tôi không biết chức vụ của mình như thế nào. Tôi đang là Ủy viên Trung ương mà tự nhiên lại trở thành đảng viên thường. Phải chăng Quốc tế cộng sản đã đình chỉ chức vụ, và giờ đây tôi chỉ là nhân viên của Cục Viễn Đông phải không? Rất mong được các đồng chí giải thích".

CÙNG TÊN NÊN CÓ SỰ NHÀM LẤN

Thời gian từ năm 1929 đến năm 1933, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương cùng hoạt động trên vũ đài chính trị, đặc biệt vào năm 1930 và nửa đầu năm 1931, hai người từng nhiều lần qua lại làm việc với nhau. Sở dĩ vào sau năm 1934, Quốc tế cộng sản có ý đồ lấy Hồ Tập Chương thay thế thân phận Nguyễn Ái Quốc, là bởi vì vào những năm 1929 đến năm 1933, hầu hết những hoạt động của Hồ Tập Chương đều mang tên Hồ Chí Minh. Do đó mọi việc Hồ Tập Chương làm đều được hiểu một cách sai lầm là của Nguyễn Ái Quốc. Tuy nhiên, khi thẩm định kỹ các đoạn tư liệu ghi chép về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, nếu không thật chú ý, sẽ rất khó làm rõ được chỗ nào là thuộc về Nguyễn Ái Quốc, chỗ nào thuộc về Hồ Tập Chương. Ví dụ như, vào tháng sáu năm 1931, cảnh sát Hương Cảng bắt giữ Nguyễn Ái Quốc tại một căn phòng số nhà 186, phố Tam long, Hương Cảng, tìm được một tấm hộ chiếu dán ảnh Hồ Chí Minh. Bản hộ chiếu này đương nhiên không phải của Nguyễn Ái Quốc mà là của Hồ Chí Minh. Nếu không thì việc gì phải nói "hộ chiếu dán ảnh Hồ Chí Minh" mà là "tìm được một hộ chiếu dán ảnh Nguyễn Ái Quốc" chẳng phải là rõ ràng sao? Huống hồ, bí danh Hồ Chí Minh này, mãi đến năm 1942 mới có. Rốt cuộc Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tập Chương là Hồ Tập Chương, hai người hoàn toàn không phải là một. Nội dung đăng ký hộ chiếu càng nói rõ không thể là Nguyễn Ái Quốc. Tấm hộ chiếu ghi "công dân Trung Quốc, đến Thailand

quan hệ công tác, thời hạn 6 tháng, do Lãnh sự quán Trung Quốc ký.

Căn cứ vào tấm ảnh Hồ Chí Minh trong hộ chiếu, sẽ biết rõ vào khoảng trước, sau năm 1930, tất cả những gì Hồ Tập Chương viết và làm đều bị hiểu là của Nguyễn Ái Quốc. Từ năm 1929 đến năm 1931, Hồ Tập Chương là phái viên của Quốc tế cộng sản tại Cục Phương Đông tham gia hoạt động thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam, Thailand, Malaysia cùng nhiệm vụ như Nguyễn Ái Quốc và hai người đã nhiều lần làm việc với nhau. Tuy nhiên, những tài liệu ghi chép về thời kỳ này lại chỉ ghi danh Hồ Chí Minh. Do vậy, công tác của Hồ Tập Chương bị cố ý ẩn giấu hoặc chuyển dịch sang cho Nguyễn Ái Quốc, vì thế, trong tất cả các hồ sơ còn lại đều không có tên Hồ Tập Chương.

Hiện nay, căn cứ theo Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", chương 5, "Cao trào cách mạng 1930-1931", tham chiếu với những tài liệu có liên quan đến Hồ Chí Minh trong thời kỳ này, tôi đã tiến hành phân tích và tách được những ghi chép về hoạt động của Hồ Tập Chương, kết quả cho thấy, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh không phải là một người. Hoạt động của họ, thời kỳ 1929-1933 là tương hỗ theo kiểu "râu ông nọ cắm cằm bà kia"(nguyên văn "mũ ông Trương, ông Lý đội"). Xin dẫn ra một số tài liệu dưới đây để so sánh, đối chiếu:

1 - Mùa thu năm 1928, Bí thư thứ nhất Chi bộ Quốc tế cộng sản Cục Viễn Đông tại Thượng Hải quyết định thành lập tổ chức "Liên minh các dân tộc phương Đông bị áp bức". Trụ sở Liên minh đặt tại Singapore, trực tiếp lãnh đạo các tổ chức cộng sản Đông Nam Á và Bán Đảo Đông Dương. Malaysia, Indonesia, Myanmar, Thailand và Việt Nam đều trực thuộc cơ quan này. (Dẫn từ William J. Duiker, trong "Truyện Hồ Chí Minh", trang 161)

2 - Ngày 12 tháng mười một năm 1929, tiến hành hội nghị thảo luận tái lập Đảng Cộng sản Nam Dương (Indonesia). Quốc tế cộng sản hầu như không giải thích được khái niệm vị trí địa lý của vùng Nam Hải Trung Quốc (vùng biển phía nam Trung Quốc). Người Châu Âu thuộc Cục Viễn Đông cho rằng Singapore nằm giữa Ấn Độ và Indonesia, thuộc quyền quản lý của Cục Trung Đông, cho nên Kuusinen (của Quốc tế cộng sản) mới xem Singapore là khu vực Ấn Độ và Indonesia làm mục tiêu công tác. (Tác giả nhận định: Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội có một bản sơ đồ điều tra thực địa ngày 3 tháng ba năm 1930, vẽ giản đồ vùng phụ cận giữa Singapore và bán đảo Mã lai kèm theo chú giải bằng tiếng Hoa và tiếng Anh, ký tên Mục Hàm. Căn cứ vào bút tích tiếng Anh cùng những chứng cứ tra cứu được, bản sơ đồ này, chính là do Hồ Tập Chương vẽ.

Lúc ấy, Nguyễn Ái Quốc đang ở Xiêm La chữa bệnh lao phổi, thời gian vừa đúng một năm. Hơn nữa, đây cũng là lúc giữa Nguyễn Ái Quốc và Quốc tế cộng sản đã hoàn toàn mất liên lạc, chưa từng được Quốc tế cộng sản giao nhiệm vụ công tác, nên không thể có khả năng qua lại vùng Bán đảo Mã Lai điều tra thực địa vẽ sơ đồ. Từ tấm sơ đồ có thể xác định những

dòng chữ tiếng Anh không phải bút tích Nguyễn Ái Quốc , cũng chưa bao giờ thấy ông có bí danh Mục Hàm ký trên các văn bản).

Nguồn dẫn: . Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 148. Phần phụ lục kèm theo sơ đồ Vùng phụ cận Bán đảo Mã Lai Á của Mục Hàm và Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh thân bút bằng tiếng Anh.

3 - Đầu năm 1930, Rylski báo cáo, khu vực Nam Dương, Đông Nam Á của Cục Viễn Đông đang thiếu người liên lạc, hầu như chỉ trông chờ vào các đồng chí Trung Quốc mà không có biên chế riêng để phái đến Đông Dương chỉ đạo. Thibault và Quốc tế cộng sản cũng đã mất liên lạc. Vì thế, chúng tôi quyết định cử đồng chí Hồ Chí Minh đảm nhiệm công tác liên lạc, đồng thời giao một số công việc, tiếp tục hoạt động ở trong nước. Hồ Chí Minh sẽ có phương pháp làm việc hiệu quả và rất có thể sẽ tìm được nguyên nhân Thibault bị mất liên lạc. Mặt khác Mạc Tư Khoa cử Ryski hay Eisler đều không biết Trung văn nên rất khó làm việc. (Tác giả nhận định: Vào năm 1930, trình độ Nguyễn Ái Quốc nghe, nói, đọc và viết Trung văn là kém, không thể làm công việc phiên dịch tiếng Trung. Nguồn dẫn từ Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 148 và 162).

4 - Ngày 27 tháng mười năm 1929, Quốc tế cộng sản gửi một bức thư đến ban lãnh đạo An Nam cộng sản đảng tại Hương Cảng, nói đến việc phái viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc đến truyền đạt chỉ thị. Ngày 16 tháng mười hai năm 1929, Hồ Tùng Mậu dẫn một phái viên Quốc tế cộng sản đến Hương Cảng. Vị phái viên này thông báo, Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn đều chưa chấp nhận thành lập Đảng Cộng sản, vì thế không được Quốc tế cộng sản công nhận. Cho đến trước khi hợp nhất ba tổ chức cộng sản, khu vực Đông Nam Á vẫn chỉ được coi là một đoàn thể của chủ nghĩa Marx dưới sự chỉ đạo của Quốc tế cộng sản. (Tác giả nhận xét: Vị đại biểu Trung Quốc, phái viên Quốc tế cộng sản chính là Hồ Tập Chương. Thân phận Hồ Tập Chương lúc ấy, ngoài việc là phái viên Quốc tế cộng sản được cử đến hoạt động ở Đông Dương, còn là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nguồn dẫn từ: William J. Duiker, trong "Truyện Hồ Chí Minh"- trang 161).

5 - Năm 1930, "Liên minh mậu dịch Thái Bình Dương" tại Vladivostok lập ra một cơ quan chuyên trách. Hồ Chí Minh được Cục Viễn Đông tại Thượng Hải điều động đến công tác, mở một khóa huấn luyện tuyên truyền 3 tháng cho các Hoa kiều tại Việt nam là Lê Quảng Đạt, Hồ Tùng Mậu và vợ là Lý Phương Thuận. (Tác giả nhận xét: Năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã có thâm niên mười năm là đảng viên cộng sản, và lại, năm 1924, ông ta đã được học một khóa huấn luyện của Quốc tế cộng sản ở Đại học Phương Đông Mạc Tư Khoa, nên không có nhu cầu giáo dục ngắn hạn. Trong khi ấy, Hồ Tập Chương mới đến công tác tại "Liên minh mậu dịch Thái Bình Dương", rất cần tham gia khóa học này. Nguồn dẫn từ Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 162).

6 - Tháng tư năm 1930, Cục Viễn Đông gửi đi một bức thư không ký tên, nói là sẽ có một đồng chí Trung Quốc "nhận chỉ thị của chúng tôi" đến Singapore tham gia Đại hội Đảng Cộng sản Malaysia. Tháng tư năm 1930 Ủy viên Đoàn Chủ tịch Phương Nam lâm thời Ngô Gia Tự được biết, một vị đại biểu Trung Quốc thuộc Cục Viễn Đông, được phái từ Thượng Hải đến Singapore, giữa đường đã ghé qua Sài Gòn. Vị đại biểu này cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam trực thuộc Cục Viễn Đông là không hợp lý. Đây chính là điều ông phản đối.

(Tác giả nhận định: Nguyễn Ái Quốc rất tích cực chủ trương đảng Cộng sản trực tiếp chịu sự chỉ đạo của Cục Viễn Đông, trong khi ấy, vị phái viên Trung Quốc này lại chủ trương các đảng cộng sản vùng Đông Nam Á lại trực thuộc Bí thư xứ Singapore. Rõ ràng hai quan điểm này là bất đồng. Vị đại biểu Trung Quốc ấy chính là Hồ Tập Chương. Nguồn dẫn từ Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 162, 164).

7 - Tháng tư năm 1930, khai mạc lần thứ nhất "Hội nghị Liên minh Trung Quốc phản đối chủ nghĩa đế quốc". Các đại biểu gồm Ấn Độ, Hàn Quốc, Nam Dương, Đài Loan, Đông Nam Á, Trung Quốc. Liên minh sẽ đặt trụ sở ở Singapore. Hồ Chí Minh cũng có khả năng tham gia hội nghị này.

(Tác giả nhận định: Ông Hồ Chí Minh này chính là Hồ Tập Chương. Nguồn dẫn từ Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 167).

8 - Ngày 18 tháng năm năm 1930, Eisler và Bespalov gửi văn bản đến cơ quan bí thư Cục Phương Đông, nội dung là cử Hồ Chí Minh đến Singapore tham dự Hội nghị Malaysia cùng với việc lựa chọn đại biểu đi Mạc Tư Khoa tham gia "Hội nghị Quốc tế Lao động đỏ" lần thứ V. (Tác giả nhận định, Hồ Chí Minh này chính là Hồ Tập Chương, phụ trách công tác liên lạc, tuyên truyền vận động giai cấp công nhân. Nguồn dẫn từ Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 168).

9 - Tháng sáu năm 1930, Ban Bí thư Cục Phương Đông cử một đại biểu đi Xiêm La thúc giục Xiêm La ủy viên hội (do các đảng viên Trung Quốc thành lập), kết hợp với số đảng viên Đông Bắc bộ Việt Nam thành một chi bộ đảng. (Tác giả nhận định, vị phái viên mà Cục Phương Đông cử đến Xiêm la chính là Hồ Tập Chương mà không phải là Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Ái Quốc vào cuối tháng ba năm 1930 đã đến Bangkok thông báo với kiều dân Việt Nam về việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời cũng theo dõi việc thành lập Đảng Cộng sản Thailand. Khoảng thời gian này, cả Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương đều được Quốc tế cộng sản giao phó nhiệm vụ. Có một tài liệu nằm trong văn kiện "Nghiên cứu lịch sử nước Nga hiện đại" là "Báo cáo tình hình phổ biến của Xiêm La", nguyên văn bằng tiếng Trung, không ký tên. Căn cứ vào nội dung mà phán đoán, thì bản báo cáo này do Hồ Tập Chương viết. Trước năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chưa thể đủ trình độ để viết những báo cáo trường thiên đại luận bằng Hoa ngữ, cũng chưa từng thấy ông dùng Trung văn trong bất cứ văn kiện nào. Nguồn

dẫn từ Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 169.

10 - Thời gian 1930 - 1931, căn cứ vào quyển thứ 3 trong "Hồ Chí Minh toàn tập", Các báo cáo gửi Quốc tế cộng sản, nguyên văn bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Trung . Đối với văn kiện bằng tiếng Anh, những bài trường thiên đại luận, chính xác là đều do Hồ Tập Chương viết. Trong đó, hai bản báo cáo đề ngày 5 tháng ba năm 1930 (liên quan đến tình hình vận động cách mạng ở Việt Nam), và ngày 20 tháng chín năm 1930 (vận động cách mạng Đông Dương), cũng có thể khẳng định là do Hồ Tập Chương viết.

Hãy lấy bản báo cáo liên quan đến tình hình vận động cách mạng ở Việt nam để chứng minh. Bản báo cáo này không ký tên (chữ ký hẳn đã bị Quốc tế cộng sản xóa), nguyên văn bằng tiếng Anh, dùng ngôi thứ ba, gồm 8 trang, trình bày từ lúc thực dân Pháp bắt đầu xâm lược Việt Nam đến phong trào Cần vương, phong trào Đông du và quá trình vận động quần chúng Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ đấu tranh chống Pháp. Nội dung bài viết, bút pháp so sánh với Nguyễn Ái Quốc khác nhau rất xa. Đặc biệt, tác giả còn nhận định: "Các phần tử trí thức Việt Nam không ngừng vượt trùng dương theo tổ chức đảng do một vị hoàng thân làm chủ tịch và một vị đại văn hào làm tổng thư ký, hy vọng sẽ được Nhật Bản giúp đỡ". Đoạn văn này được ghi chép vô cùng kỳ lạ, rõ ràng không phải do Nguyễn Ái Quốc viết. "Hoàng thân" ở đây là chỉ thân vương Cường Để, còn "đại văn hào" chính là Phan Bội Châu, lúc ấy là thủ lĩnh của phong trào Đông du. Tuy nhiên, những danh từ "chủ tịch", "tổng thư ký", "đại văn hào"...vào thời điểm những năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đều không thể sử dụng, đơn giản là vì lúc ấy nó chưa phổ biến. Hơn nữa, không ít lần người viết dùng từ "An Nam" là một danh xưng khá miệt thị do thực dân Pháp gọi người Việt Nam.

Tôi đã nghiên cứu kỹ mới phát hiện ra, cách xưng hô này, lúc ấy là thông dụng đối với người Nhật Bản. Hồ Tập Chương là người Đài Loan, rất am hiểu văn hóa Nhật nên mới dùng nhân xưng ngôi thứ ba để viết báo cáo. Tuy nhiên, tôi dám chắc, bản báo cáo đã bị cắt xén. Nguyên văn ở sau hàng thứ ba xuất hiện một tiểu chú thích, lại là chú thích (7) mà không có chú thích (1) đến (6). Bản báo cáo có tất cả 13 tiểu chú nhưng không có nội dung kèm theo, từ đó, tác giả phán đoán, bản báo cáo không phải do Nguyễn Ái Quốc viết, mà người viết chính là Hồ Tập Chương, bút danh Mục Hàm.

Từ hai bản báo cáo trên, ta có thể thấy rõ, Hồ Tập Chương đã từng có mối quan hệ rất mật thiết với Đảng Cộng sản Việt Nam.

11- Tại Long Châu, Quảng Tây vào năm 2005, Nhà triển lãm Hồ Chí Minh tiếp tục mở cửa. Trên tường trái trước cửa là khối đá hoa cương màu hồng nhạt khắc những dòng chữ khái, giới thiệu tóm tắt địa chỉ cơ quan bí mật của Cách mạng Việt Nam tại Long Châu. Nội dung đặc biệt đề cập vào đầu năm 1931, các nhà cách mạng Việt Nam, lấy danh nghĩa buôn bán,

đã thuê phòng thiết lập cơ quan Cách mạng Việt Nam bí mật. Những người thường xuyên làm việc ở đây chủ yếu là lãnh tụ Hồ Chí Minh và các Ủy viên Thường vụ Trung ương, trong đó có Hoàng Văn Thụ, Lý Như Đông...

Ngày 27 tháng mười hai năm 2006, nhật báo Quảng Tây đăng một bài viết của phóng viên Lý Vĩ Đông phỏng vấn Nông Nhị đại tẩu là vợ Nông Nhân Bảo. Nông Nhân Bảo từng là Hoa kiều tại Việt nam. Nhị đại tẩu là người Việt. Nội dung bài viết đề cập đến cuối năm 1930, tại nhà Nông Nhân Bảo, Hồ Chí Minh và Hoàng Văn Thụ lập cơ sở liên lạc Cách mạng Việt Nam. Lúc ấy Hồ Chí Minh đã có được điều kiện thuận lợi để triển khai hoạt động, lại được Nông Nhân Bảo giới thiệu đến làm việc tại một quán rượu ở đường Bạch Sa khoảng nửa năm. Sau khi Hồ Chí Minh rời Long Châu đến Hương Cảng, việc liên lạc ở đây đều do Hoàng Văn Thụ đảm nhiệm.

Một bài viết khác vào ngày 9 tháng mười hai năm 2006, phỏng vấn Tô Thúc Phúc là vợ Nông Kỳ Chấn. Bà Tô Thúc Phúc năm nay đã 99 tuổi nhưng vẫn hoàn toàn minh mẫn. Bà hướng về chúng tôi kể lại tình hình công tác lúc ấy của Hồ Chí Minh ở nhà mình: "Năm 1930, khởi nghĩa Long Châu thành lập Hồng Bát quân, Nông Kỳ Chấn được cử làm tiểu đội trưởng Nông dân xích vệ quân. Không lâu, Hồng Bát quân rút khỏi Long Châu. Cấp trên thông báo là, Nông Kỳ Chấn tạm rút vào hoạt động bí mật, chờ đợi thời cơ. Một thời gian sau, ông ấy trở về làm hương trưởng Long Châu. Chức hương trưởng chỉ là cái vỏ bên ngoài, thực chất bên trong là liên lạc viên của Đảng Cộng sản. Năm ấy, sau khi trạm liên lạc bí mật được thành lập, Hồ Chí Minh lấy nhà Nông Kỳ Chấn làm điểm dừng chân. Để che mắt người ngoài, ông nói Hồ Chí Minh là người bà con từ quê ra giúp việc đồng áng. Hồ Chí Minh giỏi việc nhà nông, từ cho gà lợn ăn đến giã gạo, gánh lúa, cày bừa ruộng đều làm được".

Theo những bài báo trên, rõ ràng cho thấy cuối năm 1930 đến tháng sáu năm 1931, Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông đã hoạt động ở Long Châu thuộc khu vực biên giới Việt Trung. Vì thế, vị Hồ Chí Minh này không thể là Nguyễn Ái Quốc. Căn cứ theo thời gian hoạt động, địa bàn hoạt động, thì lúc ấy, Nguyễn Ái Quốc đang "chu du" ở Hương Cảng. Cũng vào thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai đang yêu nhau thắm thiết, cho nên, không thể bí mật hoạt động ở Quảng Tây.

HỒ SƠ HỒ TẬP CHƯƠNG BỊ BẮT Ở QUẢNG CHÂU

Vào lúc 2 giờ sáng ngày 6 tháng sáu năm 1931, Nguyễn Ái Quốc bị cảnh sát Hương Cảng bắt giữ. Nguyên nhân bị bắt là, một đảng viên Cộng sản tên là Serge Lefrance của Ban bí thư Công hội Thái Bình Dương, đã tiết lộ bí mật Cục Viễn Đông có liên quan đến Nguyễn Ái Quốc. Việc Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng đã trở thành một sự kiện quốc tế được báo chí đưa tin, sau này lại còn được làm thành phim, hầu hết công chúng đều biết. Thế nhưng,

việc Hồ Tập Chương thì ngược lại, hoàn toàn bí mật. Vì có liên quan đến vụ Noulens nên các thành viên của tổ chức "Công hội Thái Bình Dương" trực thuộc Quốc tế cộng sản, đều bị truy bắt, phải bỏThượng Hải chạy về Quảng Châu, cuối cùng Hồ Tập Chương bị đặc vụ Quốc dân đảng bắt được vào mùa hè năm 1931.

Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng và Hồ Tập Chương bị bắt ở Quảng Châu, về thời gian, địa điểm, nội dung sự việc rất giống nhau, rất dễ để liên kết từ hai thành một. Đường nhiên với sự ẩn giấu của Trung cộng, người đời chỉ biết sự kiện "Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng" mà không hề biết đến "Hồ Tập Chương bị bắt ở Quảng Châu", thậm chí còn đem hai sự kiện khác nhau gộp lại làm một. Như trên đã nói, liên quan đến việc Hồ Tập Chương bị bắt ở Quảng Châu, chưa từng thấy báo chí đưa tin, lại càng không được ghi chép ở bất cứ hồ sơ nào. Cho đến năm 2000, khi tập "Hồi ký Trịnh Siêu Lân" được xuất bản, độc giả mới biết đến sự kiện này:

"Mùa hè năm 1931, Phó Đại Khánh ở nhà giam Quảng Châu gặp Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh nhờ Phó Đại Khánh chuyển lời đề nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc tìm cách giải cứu". (Xem thêm: "Lịch sử và hồi ức- Ghi chép cuối đời của Trịnh Siêu Lân", quyển 2 "Truyện Phó Đại Khánh", hoặc tham khảo "Hồi ức Trịnh Siêu Lân", trích yếu như phụ lục 2 của tác giả).

Sự kiện Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu, trước và sau Trịnh Siêu Lân (Truyện Phó Đại Khánh), chưa có bất cứ tờ báo nào đưa tin, thậm chí còn bị ngoa truyền lầm lẫn sang sự kiện Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng. Tuy nhiên, gia đình chúng tôi lại biết khá rõ qua tin đồn. Ước khoảng vào năm 1932, Hồ Tập Chương có gửi người bạn một số tiền về Đài Loan giao cho người nhà, đồng thời thông báo để các bậc phụ huynh biết là ông đang bị giam giữ ở Quảng Châu. Nhiều năm sau, một người anh họ lại đưa cho tôi tấm ảnh Hồ Tập Chương rồi bảo: "bị trói gô cổ, chân xích, tay cùm" làm tôi vô cùng ghi nhớ. Nay đối chiếu với bài báo "Phía dưới Nam Sơn đặng đặc" có một thiên bình luận của Trịnh Siêu Lân trong "Truyện Phó Đại Khánh", đã đủ để chứng minh Hồ Chí Minh quả thực đã bị bắt ở Quảng Châu. Chỉ vì người đời nhầm lẫn từ "Phùng Kinh" thành "Mã Lương" (tự dạng các chữ Hán phần thể này khá giống nhau), nên đã đem Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc đồng nhất thành một người, rồi viết báo, viết tiểu sử, in ấn phát hành rộng rãi, khiến cho " Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng" và "Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu" bị hiểu lầm thành cùng một sự kiện.

NHỮNG GHI CHÉP VỀ SỰ KIỆN HỒ CHÍ MINH BỊ BẮT Ở QUẢNG CHÂU

Mùa hè năm 1931, Hồ Tập Chương bị bắt ở Quảng Châu, Đảng Cộng sản Trung Quốc tất nhiên biết rõ chuyện này. Tuy nhiên, vì có liên quan đến Nguyễn Ái Quốc, nên các hồ sơ của vụ này đều được giấu đi. Mặt khác, cũng có thể, hai sự kiện cùng xảy ra thời gian , tính chất khá giống nhau, nên bị coi là cùng một vụ việc mà không chú ý đến những khía cạnh khác.

Đối chiếu với "Mối tình nồng thắm giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan" của Lương Ích Tân, "Hồi

ký Trịnh Siêu Lân", cùng với "Đài Loan nhật nhật tân báo" ngày 12 tháng mười một năm 1938, thì thấy các tư liệu trong cả ba công trình nghiên cứu này đều khẳng định sự kiện Hồ Tập Chương bị bắt ở Quảng Châu là có thật, đồng thời cũng chứng minh ông là người thuộc sắc tộc Khách Gia quê quán Miêu Lật, Đài Loan: "Năm 1931, Hồ Tập Chương trốn đến Quảng Châu, bị bắt giam trong một thời gian ngắn". Năm 1946, Ngô Trộc Lưu có xuất bản cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Nhật "Hồ Chí Minh", đã viết về sự kiện này như sau: " Vào nửa đêm, Hồ Chí Minh bị cảnh sát bắt đưa đến một gian phòng kín thăm vắn, sau đó gán tội danh gián điệp và bị giam giữ". Ngô Trộc Lưu miêu tả Hồ Chí Minh bị bắt giữ chính là Hồ Tập Chương. Biết tin này, người em ruột của ông là Hồ Tập Dưỡng đã thông báo cho gia tộc biết, Đó chính là người đến từ Miêu Lật, Đồng La, Đài Loan, từng được truyền khẩu trong ký ức của gia đình chúng tôi.

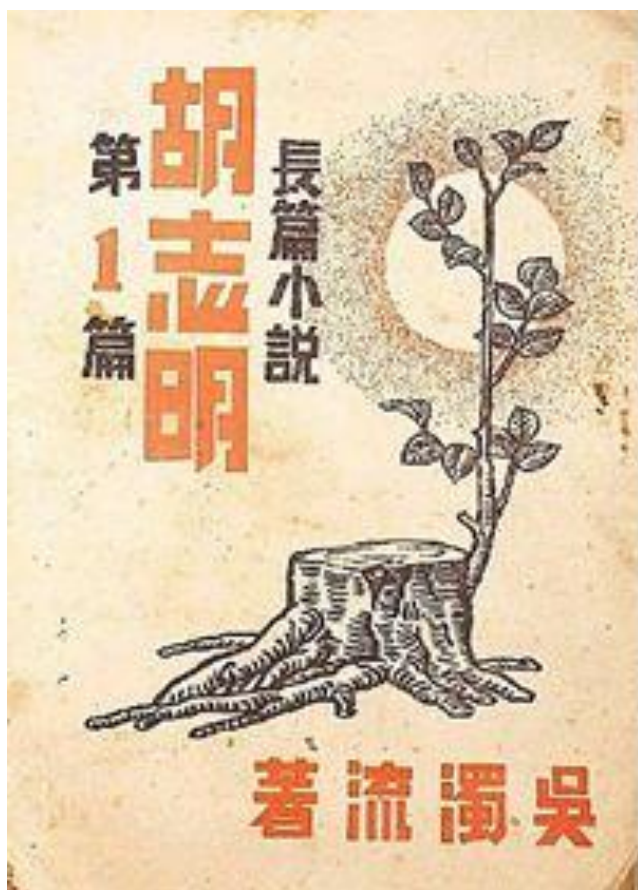
LƯƠNG ÍCH TÂN VIẾT VỀ SỰ KIỆN HỒ CHÍ MINH BỊ BẮT Ở QUẢNG CHÂU

"Mối tình nồng thắm giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan" của Lương Ích Tân, ở mục "Đảng sử thiên địa", đăng tải tại nguyệt san số 12 "Nhân dân văn trích", năm 2004. Trong thiên V nhan đề "Bài ca buồn về tình yêu và hôn nhân", tôi đã tường thuật tóm tắt những sự việc có liên quan đến mối tình của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan.

Trong "Mối tình nồng thắm giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan", Lương Ích Tân, ở phần "Lẩn trốn bị truy bắt ở Quảng Châu", viết: "Đầu năm 1930, Tưởng Giới Thạch điều quân truy bắt Hồng quân khu Giang Tây Tô, đồng thời ra mệnh lệnh các địa phương khẩn trương tìm bắt các phần tử cộng sản. Dương Thành Quảng Châu cũng không ngoại lệ. Thời kỳ này Hồ Chí Minh đã đến Quảng Châu, thông qua liên lạc viên, nhờ Tỉnh ủy Quảng Đông giúp đỡ. Tỉnh ủy bí mật Quảng Đông, do Đào Chú Làm bí thư, bố trí nữ đảng viên Lâm Y Lan đóng giả làm vợ để bảo vệ ông khỏi bị bắt". Tiếp theo mục "Lâm Y Lan chấp hành mệnh lệnh làm vợ", tác giả tường thuật: "Lâm Y Lan làm công tác bảo vệ Hồ Chí Minh tại Quảng Đông, Hương Cảng, lấy danh nghĩa là vợ chăm sóc Hồ Chí Minh rất chu đáo. Không lâu sau, do bị phản bội, Hồ Chí Minh bị bắt". Tiếp đến "Trong hoạn nạn biết tấm lòng thành", đoạn văn kể: "Ba ngày sau, Hồ Chí Minh được ra khỏi nhà giam, Lâm Y Lan nhìn đắm đắm vào gương mặt hốc hác của Hồ Chí Minh nói: ' Chí Minh, huynh khổ sở quá! Vì sao không đợi muội đến đón?'. Theo những lời Lương Ích Tân kể trên, hẳn là đã quá rõ ràng, Hồ Chí Minh, vào mùa hè năm 1931, bị Quốc dân đảng Quảng Châu bắt giữ.

NGÔ TRỘC LƯU Ở ĐÀI LOAN VÀ TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT "HỒ CHÍ MINH"

Ngô Trộc Lưu được vinh danh là "Người cha của nền văn nghệ Đài Loan", vào năm 1946, "Đài Loan quốc hoa thư tịch" đã xuất bản bộ tiểu thuyết "Hồ Chí Minh" của ông bằng tiếng Nhật (Ảnh bìa 1 phía dưới).



Nhan đề cuốn sách là "Hồ Chí Minh", sau được đổi thành "Hồ Thái Minh", khi được chuyển sang Trung văn lại đổi là "Đứa con cô châu Á". Bản "Hồ Chí Minh" bằng tiếng Nhật, Ngô Trộc Lưu đã viết lời nói đầu, trong đó có đoạn làm người ta tỉnh ngộ: "Thế giới ngày nay lại biến thành màu xám, nếu như muốn tìm tòi tận gốc của nó, không nhất thiết phải sợ hãi những sự thật đã bị ẩn giấu. Chúng ta đòi hỏi lịch sử phải được minh bạch. Cần phải xem việc lẫn tránh sự thật chính là xuyên tạc lịch sử. Vì thế chúng ta nhất định phải tìm hiểu sự thật trong quá khứ mới mong có được lời giải".

"Hồ Chí Minh" là bộ tiểu thuyết được viết trong bối cảnh lịch sử Thế chiến thứ hai, khởi thảo năm 1943, hoàn thành năm 1945, bối cảnh là thời kỳ Đài Loan bị Nhật chiếm

đóng. Thời kỳ ấy, bất cứ nhà văn nào cũng không dám lấy hiện trạng lịch sử đương đại để viết tiểu thuyết, tuy nhiên, nếu chỉ dùng hình ảnh có tính ẩn dụ miêu tả thì vẫn được phép.

Ở bản Trung văn "Đứa con cô châu Á", thiên thứ ba có các chương: "Xuân lạnh", "Giam cầm", "Vượt ngục" v.v...có chen lẫn những đoạn Hồ Chí Minh trốn khỏi Quảng Châu và Mỗi tình nồng thắm với Lâm Y Lan đều là những bằng chứng lịch sử. Viết tiểu thuyết "Hồ Chí Minh", hẳn Ngô Trộc Lưu đặc biệt có ẩn ý là bảo tồn tư liệu lịch sử, chứng minh Hồ Tập Chương là người Đài Loan, cũng chính là Hồ Chí Minh. Trong "Hồ Chí Minh", các chi tiết đan xen nhau mà phần lớn kể những chuyện cũ về gia tộc Hồ Tập Chương. Trước đây, Ngô Trộc Lưu và Hồ Tập Chương rất quan biết nhau, sau này ông cùng với em trai Hồ Tập Chương là Hồ Tập Dưỡng, cháu rể Hồ Tập Chương là La Lộc Xuân có mối quan hệ rất thân mật. Những người này, trước sau đều là bạn đồng học trường Đại học Sư phạm Đài Bắc. vào khoảng năm 1943, sau khi Ngô Trộc Lưu biết tin Hồ Tập Chương đổi tên thành Hồ Chí Minh, trong đầu chợt nảy ra ý tưởng viết cuốn tiểu thuyết này để bảo tồn một thời kỳ bí mật của lịch sử.

Ảnh trên: "Người cha của văn nghệ Đài Loan" Ngô Trộc Lưu, viết năm 1946. Bìa tiểu thuyết "Hồ Chí Minh", bản tiếng Nhật, do "Đài Loan quốc hoa thư tịch" xuất bản, gồm 4 thiên.

HỒ TẬP CHƯƠNG BỊ BẮT Ở HÀ NAM, GIAM TẠI NHÀ NGỤC "NAM THẠCH ĐẦU"

Ngày 12 tháng mười một năm 1938, "Đài Loan nhật nhật tân báo" đưa tin, Hồ Tập Chương bị bắt giam tại nhà lao Nam Thạch Đầu, Hà Nam. Rốt cuộc "Hà Nam" là địa phương nào? Nam

Thạch Đầu ngục ở đâu? Căn cứ vào "Lịch sử tổ chức Đảng cộng sản thành phố Quảng Châu" "Hà Nam" ở phía nam sông Châu, còn nhà giam Nam Thạch Đầu ở phố Nam Thạch Đầu, khu Hải Châu, thành phố Quảng Châu gọi là "Trại trường giới". Sự kiện ngày 15 tháng tư năm 1927, Quốc dân đảng mở cuộc càn quét bắt giữ hàng loạt đảng viên cộng sản giam giữ tại đây. Liên quan đến sự kiện "Đài Loan nhật nhật tân báo" đưa tin Hồ Tập Chương bị giam tại nhà lao Nam Thạch Đầu, phải chăng có dính dáng đến việc đồng nhất thân phận Hồ Tập Chương với Hồ Chí Minh, khi Hồ Chí Minh vào tháng mười một đến tháng mười hai năm 1938 đột nhiên mất tích ở cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm, Quảng Tây? Hồ Chí Minh bị giam ở Quảng Châu nhưng lại mất tích ở Quế Lâm nửa tháng đều thuộc tiểu sử Hồ Chí Minh chưa bao giờ được báo chí đưa tin, lại càng chứng thực Hồ Tập Chương chính là Hồ Chí Minh. Mỗi quan hệ nhân quả đặc biệt quan trọng này sẽ được trình bày cụ thể ở mục "Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm" và "Đài Loan nhật nhật tân báo" trong Thiên IV.

"HỒI KÝ TRỊNH SIÊU LÂN": HỒ CHÍ MINH BỊ BẮT Ở QUẢNG CHÂU

Trang mạng "Bách gia tranh minh", chuyên mục "Lĩnh Nam di dân" có bài "Dưới Nam Sơn dăng dặc" đã đăng tải một thiên dẫn từ "Hồi ký Trịnh Siêu Lân" liên quan đến sự kiện Hồ Chí Minh bị bắt ở Long Châu. Cũng ở chuyên mục này, ngày 16 tháng chín năm 2007, đã đăng một bài viết về Hồ Chí Minh bị bắt, nội dung như sau: "Tôi đã nhiều lần đọc trên mạng thấy các bài viết của nữ sĩ Đối Tình dẫn ra hai thiên "Truyện Phó Đại Khánh" của Trịnh Siêu Lân. Trong đó, Trịnh tiên sinh đã đề cập đến Phó Đại Khánh (thân phụ của nữ sĩ Đối Tình), vào năm 1931, đã gặp Hồ Chí Minh ở phòng tạm giam Quảng Châu. Tại đây, Hồ Chí Minh đã nhờ Phó Đại Khánh chuyển tin đến Đảng Cộng sản Trung Quốc đề nghị giải cứu. Từ những điều tác giả viết, Hồ Chí Minh tại đất Trung Quốc đã hai lần bị bắt, lần đầu bị cảnh sát Hương Cảng bắt vào năm 1931, lần sau bị Quốc dân đảng bắt vào tháng tám năm 1942 ở huyện Đức Bảo, Quảng Tây. Sau khi đọc hai bài viết trên, tôi tiến hành điều tra các nguồn tư liệu tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Việt, nhưng không thấy bất cứ tài liệu nào nói đến việc Hồ Chí Minh bị bắt giam ở Quảng Châu vào năm 1931. Sau này, tôi cũng đã hỏi một người rất thông thạo lịch sử Việt Nam là giáo sư Nguyễn Thế Anh, ông trả lời là chưa bao giờ được nghe chuyện ấy. Lẽ nào các sử gia lại để sót sự kiện này? Tôi bèn đọc lại "Hồi ký Trịnh Siêu Lân" và tạm thời đề xuất mấy khả năng có thể xảy ra như sau:

1 - Căn cứ vào văn bản của Trịnh Siêu Lân, Phó Đại Khánh bị bắt tại Calcutta, Ấn Độ, giải về Nam Kinh thẩm vấn, giữa đường gặp Hồ Chí Minh ở Quảng Châu, tức là hành trình Calcutta - Quảng Châu - Nam Kinh. Vậy vì sao Phó lại không đi đường Calcutta - Thượng Hải - Nam Kinh, há chẳng tiện hơn sao? Có lẽ tuyến Thượng Hải - Quảng Châu và Calcutta, thuyền bè qua lại không nhiều, hoặc không có. Về mặt tư liệu và chứng cứ, chúng ta có thể phán đoán, giữa Hương Cảng và Calcutta các phương tiện giao thông rất thuận lợi, hai nơi này lại đều là thuộc địa Anh Quốc, nên có khả năng Phó và Hồ gặp nhau tại Hương Cảng. Trịnh lão tiên sinh, khi viết truyện này đã chín mươi tuổi, những vấn đề thuộc về ký ức rất có thể nhầm lẫn đem

Hương Cảng đổi thành Quảng Châu. Rất tiếc tác giả đã qua đời nên không thể xác minh tường tận. Chỉ có một điểm, thời gian hai người gặp Hồ Chí Minh bị bắt tại Hương Cảng cũng tương đối gần nhau. Trịnh tiên sinh nói sự việc xảy ra vào giữa mùa xuân và mùa hè, mà thời gian chính xác Hồ bị cảnh sát Hương Cảng bắt vào ngày 6 tháng sáu năm 1931.

2 - Hương Cảng và Quảng Châu cách nhau hơn trăm dặm, sau khi Hồ Chí Minh bị bắt ở Hương Cảng, cũng có thể bị giải đến Quảng Châu, vậy vì sao không có bất cứ tờ báo nào của thực dân Anh đưa tin này? Nếu phán đoán và suy luận việc này là không có khả năng, như vậy, sự kiện Hồ Chí Minh từng đến Quảng Châu rồi bị bắt (hoặc bị tạm giam) sẽ là một chi tiết nhỏ trong tiểu sử Hồ Chí Minh mới được phát hiện.

Ở phần trên, chúng ta đã biết đến sự kiện "Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu" của "Lĩnh Nam di dân". "Lĩnh Nam di dân" là chuyên mục của nhóm người Việt gốc Hoa, đã có những nghiên cứu về lịch sử Việt Nam hiện đại. Ở trang web này, đã có nhiều bài nghiên cứu về Hồ Chí Minh rất đáng đọc. "Lĩnh Nam di dân" đề cập đến sự kiện "Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu" có tham vấn ý kiến giáo sư Nguyễn Thế Anh, là chuyên gia nghiên cứu lịch sử cận đại Việt Nam. Đối với Hồ Chí Minh, ông cũng có những phát hiện độc đáo, nhưng lại không hề biết về sự kiện "Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu". Có thể thấy, vào những năm 1929 đến 1932, việc Hồ Tập Chương hoạt động ở Trung Quốc, được Trung cộng bảo mật khá tốt. Trong "Truyện Phó Đại Khánh", Trịnh Siêu Lân tiên sinh viết có đoạn Phó Đại Khánh tham gia giải cứu Hồ Chí Minh. Độc giả có thể đọc trang mạng "Lĩnh Nam di dân" hoặc tham khảo "Lịch sử và hồi ức" của Trịnh Siêu Lân (Sử sự dữ hồi ức - Trịnh Siêu Lân văn niên văn tuyển đệ nhị quyển). Ngoài ra cũng có thể xem thêm "Quốc tế cộng sản và Trung Quốc", quyển 3, ghi chép các sự kiện trước sau năm 1930: "Phó Đại Khánh và Hồ Tập Chương nhiệt tình giúp đỡ nhau cùng tham gia hội nghị Malaysia ở Singapore".

BÍ MẬT "HỒ TẬP CHƯƠNG BỊ BẮT Ở QUẢNG CHÂU"

Liên quan đến bí mật "Hồ Tập Chương bị bắt ở Quảng Châu", gia đình ở Miêu Lật Đài Loan, cả hai lần đều được biết tin. Lần thứ nhất ước vào khoảng trước sau năm 1932, Hồ Tập Chương gửi tiền nhờ người bạn chuyển giúp. Người bạn này từ Đại Lục qua Nhật Bản rồi mới trở về Đài Loan, thông báo với người nhà: "Hồ Tập Chương là công chức trong 'Liên minh mậu dịch Thái Bình Dương' tại Thượng Hải, vì làm công việc in ấn tài liệu, bị kiểm tra, niêm phong nhà, có thể bị bắt, nên phải bí mật đến Quảng Châu tránh nạn, sau đó chuyển đến Quảng Tây, Xiêm La dạy tiếng Nhật và khai khoáng làm kế sinh nhai". Từ sau năm 1933, vì đã nhiều năm không có tin tức gì, gia đình cho rằng Hồ Tập Chương đã mất ở quê người.

Lần thứ hai, vào khoảng tháng mười một đến tháng mười hai năm 1938, tờ "Nhật nhật tân báo" bằng tiếng Nhật ở Đài Loan đưa tin "Hồ Tập Chương, người Đài Loan, được Nhật Bản huấn luyện đặc vụ đưa đến Quảng Châu công tác, vì thân phận bại lộ, bị bắt giam tại nhà

ngục Quảng Châu. Thời kỳ quân đội Nhật tiến đánh Quảng Châu, ông ta chạy thoát khỏi nhà giam, được giao nhiệm vụ thông dịch viên cho "Quân lệnh bộ Quảng Đông". Năm ấy, Hồ Tập Chương có một người em út là Hồ Tập Dưỡng bị quân Nhật trưng binh đưa đến Hạm đội Hương Cảng làm phiên dịch, đọc "Nhật nhật tân báo" mới biết tin về Hồ Tập Chương, liền đến Quảng Châu thăm anh. Sau đó Hồ Tập Dưỡng về Đài Loan thông báo với gia đình tình hình gần đây của Hồ Tập Chương, đồng thời đặc biệt chuyển lời của anh với gia tộc: "Sắp tới anh ấy sẽ đi Vân Nam chuyển đến Việt Nam để phát triển tổ chức, nếu không thành công sẽ không về nhà. Gia đình không cần phải đi tìm".

Từ đấy về sau, Hồ Tập Chương không có bất cứ sự liên lạc nào với gia đình.

TIỂU SỬ GIẢN LƯỢC HỒ TẬP CHƯƠNG

1 - Sinh năm 1901 (Minh Trị thứ 34), tức ngày 11 tháng mười năm Tân Sửu tại trang Đông La, quận Miêu Lật, tỉnh Đài Loan vào thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan. Cha là Hồ Dần Lượng, mẹ là Lý Thị, đứng thứ 7 trong số 10 anh chị em. Cụ Hồ Dần Lượng vốn là tú tài (sinh đồ), mở nhà dạy học kiêm nghề bốc thuốc chữa bệnh cứu người. Dân địa phương phục tài xưng là "Thánh nhân".

2 - Từ năm 1906 đến 1910, học với cha. Ngay từ buổi thiếu thời, Hồ Tập Chương đã được tiếp thụ nền giáo dục Hán học nghiêm ngặt, thông thạo thi từ, viết chữ phỏng, tuy không tinh diệu, nhưng đến việc đọc, viết đều không thành vấn đề. Sau đó ông còn luyện tập viết chữ cho đến khi có khả năng thư pháp.

3 - Từ năm 1910 đến 1915, vào học trường phổ thông Đông La, tiếp thụ nền giáo dục mới của Nhật với 3 năm Hán văn và Nhật văn.

4 - Từ năm 1916 đến năm 1921, học Khoa Hóa học ứng dụng trường Đại học Công nghiệp Đài Bắc số 1 cùng với các sinh viên Nhật Bản. Căn cứ vào lời người chú của tác giả, thì, lúc bấy giờ cả quận Miêu Lật chỉ có một người là Hồ Tập Chương được tuyển chọn. Năm 1921 đỗ tốt nghiệp cấp ưu tú. Sau năm 1921, Đại học Công nghiệp Đài Bắc số 1 và số 2 hợp nhất, đổi tên là Đại học Công nghiệp Châu lập Đài Bắc. Đến năm 1943, số sinh viên là 1545, trong đó, Nhật Bản 1105, như vậy Đài Loan chỉ có 429. Người Đài Loan lấy lý do chỉ có một nửa sinh viên so với Nhật nên đã phản đối sự thống trị của đế quốc Nhật, chủ trương giành độc lập cho Đài Loan.

5 - Từ năm 1922 đến 1928, Hồ Tập Chương trở về Miêu Lật cùng với huynh trưởng mở xưởng nấu rượu và khai trương hiệu thuốc. Cùng với rượu và thuốc, Hồ Tập Chương còn kết hợp với một người bạn sản xuất xì dầu. Ông thường xuyên giao du, tụ tập bạn bè trao đổi tin tức chống Nhật, học thêm tiếng Anh và đọc các sách báo cộng sản, có đủ điều kiện hoạt động

chống Nhật nhưng chưa tham gia các tổ chức cộng sản.

6 - Năm 1926, kết hôn với người con gái cùng thôn là Lâm Quế.

7 - năm 1928, Sinh con gái đầu lòng là Hồ Tố Mai.

8 - Mùa thu năm 1929, Hồ Tập Chương có người anh thứ ba là Hồ Tập Phi cùng với em rể Lưu Anh Hán và một người bạn ở Trung Lịch, đến bến Cơ Long, xuống tàu Nhật đi Thượng Hải. Sau chuyến đi, người bạn trở lại Đài Loan thông báo, gia đình mới biết Hồ Tập Chương đi Thượng Hải tham gia "Tổ chức lao động Thái Bình Dương" của Quốc tế cộng sản. Trước khi rời Đài Loan, Hồ Tập Chương đã đốt hết sách báo tài liệu liên quan đến cộng sản khiến người nhà không hiểu lý do, sau này mới rõ, ông làm thế là để tránh liên lụy đến gia đình.

9 - Mùa xuân năm 1930, con trai trưởng Hồ Thự Quang ra đời nhưng không biết mặt cha. Tôi có hỏi về mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh với gia đình qua những thông tin trên báo chí, Hồ Thự Quang vào năm 2005 đã 75 tuổi, bị trúng gió nhẹ, cặp mắt hơi lệch, nói câu được câu mất: "Lúc còn nhỏ, bác Ba (Hồ Tập Phi) từng nói với tôi: 'Cha cháu làm nghề buôn bán ở Thượng Hải'. Khi tôi mười lăm, mười sáu, chú Út (Hồ Tập Dưỡng) lại bảo: 'Cha cháu có khả năng là Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Việt Nam'. Chú Thự Quang thở dài nặng nhọc, nói đứt quãng: "Mấy chục năm nay đã nghe nhiều tin đồn, chẳng biết có dụng ý gì. Chú muốn hỏi thân mẫu nhưng bà đã qua đời. Từ lúc phụ tử phân ly, mỗi người một phương, chưa từng gặp mặt, cũng chẳng để lại một dòng lưu bút nào. Được tôn xưng là 'Cha già Việt Nam', nhưng chú chắc rằng, trong lòng ông lúc nào cũng thương cảm mà thôi". Nói rồi, ông đứng dậy, nghẹn ngào. Tôi vội vàng đỡ lấy, an ủi: "Thời tao loạn, tạo hóa trêu ngươi. Từ lúc chính phủ Quốc dân đảng tiến nhập Đài Loan, ông không thể về, chứ không phải không muốn về. Tiểu thúc công chẳng đã từng nói, trên hành trình bốn ba, Người lấy tên Hồ Quang làm bí danh, đó chẳng phải là tình cảm của Người với gia đình sao?"

10 - Trước sau năm 1932, những người bạn thay nhau truyền tin về gia đình là, Hồ Tập Chương làm việc tại "Liên minh mậu dịch Thái Bình Dương" Thượng Hải, khoảng thời gian giữa mùa hạ và mùa thu năm 1931, vì việc in ấn tài liệu mà bị bắt tạm giam nhưng đã trốn đến được đến Quảng Châu, sau đó lại bị bắt ở Quảng Châu, đến khi được giải cứu thì chuyển về vùng biên giới Việt Trung, Xiêm La hoạt động.

11 - Năm 1932-1933, có tin Hồ Tập Chương đến vùng núi Quảng Tây khai thác quặng, giám định ngọc quý rồi sau đó sang Xiêm La hoạt động, có nhờ một người bạn gửi tiền về cho gia đình. Từ năm 1933, sau nhiều năm không nhận được tin tức, người nhà cho rằng Hồ Tập Chương đã qua đời.

12 - Từ tháng mười một đến tháng mười hai năm 1938, tờ báo Đài Loan bằng tiếng Nhật "Nhật nhật tân báo" đưa tin: "Hồ Tập Chương trốn khỏi nhà giam, bí mật đến quân doanh

Nhật ở Quảng Đông làm nhiệm vụ thông dịch cho quan chỉ huy "Quảng Đông quân lệnh bộ". Như chúng ta đã biết, Hồ Tập Chương vốn tinh thông nhiều ngoại ngữ như là một vốn quý nên bị các thế lực tranh thủ lôi kéo không có gì lạ. Đến đây người nhà mới biết tin về ông.

13 - Đầu năm 1939, người em út của Hồ Tập Chương là Hồ Tập Dưỡng, bị quân Nhật trưng binh đưa đến Hạm đội Hương Cảng làm phiên dịch đã tìm đến Quảng Châu gặp Hồ Tập Chương. Khi về Đài Loan, ông đã báo tin cho gia đình, đồng thời chuyển lời dặn của Hồ Tập Chương là: "Anh ấy sắp sửa sang Việt Nam hoạt động, nếu không thành công sẽ không về nhà, gia đình đừng tìm kiếm".

14 - Đầu năm 1939, Hồ Tập Chương rời quân đội Nhật, gia nhập cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm Quảng Tây thì không gặp lại Hồ Tập Dưỡng nữa, đồng thời cũng không có bất cứ sự liên lạc nào với gia đình.

15 - Năm 1946, Ngô Trục Lưu ở "Đài Bắc Quốc hoa thư tịch", xuất bản 4 cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Nhật, trong đó có cuốn "Hồ Chí Minh" nổi tiếng, có xen kể một số sự kiện Hồ Tập Chương hoạt động ở Thượng Hải, bị bắt giam, chính là đã truyền đạt ngầm một thông tin tối quan trọng về bí mật Hồ Chí Minh ở Việt Nam chính là Hồ Tập Chương đến từ Đài Loan. Sau này, tiểu thuyết "Hồ Chí Minh" chuyển ngữ sang Trung Văn được đổi tên thành "Đứa con cô châu Á", bởi lẽ, sau khi quân đội Quốc dân đảng tiến ra Đài Loan, Hồ Tập Chương không thể trở về quê hương, cuối cùng trở thành "Đứa con cô châu Á".

TIỂU SỬ NGUYỄN ÁI QUỐC

1- Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19 tháng năm năm 1890 tại thôn Kim Liên, xã Nam Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Tên hồi nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, đến năm 11 tuổi đổi thành Nguyễn Tất Thành. Năm 17 tuổi, lúc ấy ông đang ở Paris đổi thành Nguyễn Ái Quốc. Cha là Nguyễn Sinh Sắc, mẹ là Hoàng Thị Loan, là con thứ 3 trong số 4 anh chị em. Cụ Nguyễn Sinh Sắc đỗ phó bảng được bổ tri huyện, sau khi bị cách chức chuyển sang làm thầy lang, lưu lạc đến phương Nam, bị bệnh chết năm 1928.

2 - từ năm 1900 đến 1904, theo học chữ Hán nhưng không liên tục, thời gian rất ngắn.

3 - Năm 1905 đến 1908, vào học dự bị trường Quốc học Huế, học Pháp văn, Việt văn, thời gian không quá 4 năm.

4 - Năm 1910 làm giáo viên trường tiểu học Dục Thanh, giảng dạy môn thể dục, thời gian khoảng 1 học kỳ.

5 - Năm 1911, khi mới đến Sài Gòn, tạm thời học nghề làm bếp, sau đó lên tàu Amiral Latouche Trevil xin làm phụ bếp. Ngày 6 tháng năm, Nguyễn Tất Thành theo tàu đến

Singapore rồi tiếp tục hành trình sang Pháp, bắt đầu cuộc đời phiêu bạt hoạt động cách mạng.

6 - Năm 1913, tàu đến Marseille, sau khi bốc hàng, lại tiếp tục đến Tây Phi rồi đi Bắc Mỹ.

7 - Thời gian từ 1914 đến 1917, tạm trú ở London, ban ngày làm nghề quét tuyết, buổi tối phụ bếp cho một quán ăn, học tiếng Anh, tham gia tổ chức Công nhân ngoại kiều phản đối chủ nghĩa thực dân. Sau này, do tàu thủy cần người làm việc, lại tiếp tục hành trình sang NewYork.

8 - Cuối năm 1917, quay lại Paris, lấy tên Nguyễn Ái Quốc, kết giao thân thiết với các nhà cách mạng Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường v.v..

9 - Năm 1919, làm quen với các chính khách Tả khuynh Pháp Marcel Cachin, Paul Vaillant Couturier, Léon Blum và gia nhập đảng Xã hội Pháp cùng với nhóm Phan Văn Trường, xuất bản tờ tuần san "Việt Nam hồn". Từ đó tên tuổi Nguyễn Ái Quốc nổi tiếng ở Pháp, ảnh hưởng trở lại Việt Nam.

10 - Gửi bản kiến nghị 8 điểm đến Hội nghị hòa bình Versailles, ký tên Nguyễn Ái Quốc, đã có ảnh hưởng lớn đến cả hai nước Pháp, Việt.

11 - Năm 1920, tham gia Đại hội Tours của đảng Xã hội Pháp, lên án tội ác của chủ nghĩa tư bản Pháp đối với nhân dân Việt Nam. Cũng ở Đại hội này, Nguyễn Ái Quốc gia nhập đảng Cộng sản, trở thành đảng viên sáng lập của đảng Cộng sản Pháp.

12 - Năm 1921, Đại hội đại biểu toàn quốc đảng Cộng sản Pháp cử hành tại Marseille, tích cực hoạt động tuyên truyền phản đối chủ nghĩa thực dân Pháp, trở thành chuyên gia về vấn đề "Chủ nghĩa thực dân" của Đảng Cộng sản Pháp.

13 - Cùng một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp ở Bắc Phi và Madagasikara đang sống tại Paris thành lập "Hội Liên hiệp thuộc địa" ((L'Union Intercoloniale) và xuất bản tờ báo "Người cùng khổ" (Le Paria), phát hành được 38 kỳ.

14 - Tháng sáu năm 1923 rời Paris, tháng bảy đến Mạc Tư Khoa, được phân công làm việc tại Cục Viễn Đông của Quốc tế cộng sản. Tháng mười, tham gia Đại hội thành lập "Hội nông dân quốc tế", sau đại hội được bầu vào Đoàn chủ tịch của tổ chức này. Tháng mười hai, vào học trường Đại học Lao động phương Đông, tiếp thụ khóa trình huấn luyện 7 tháng về chủ nghĩa Marx-Lenin.

15 - Tháng sáu năm 1924, tham gia Hội nghị Quốc tế cộng sản lần thứ V, tìm mọi cách tranh thủ mọi cơ hội lên án đế quốc Pháp xâm lược và chủ nghĩa thực dân. Đảng Cộng sản Pháp giới thiệu ra tranh cử dân biểu khu vực Paris, mở ra cho Nguyễn Ái Quốc chỗ đứng trong vai trò vận động các nhà lãnh đạo quốc gia đối với phong trào Cộng sản.

- 16 - Tháng mười năm 1924, rời Mạc Tư Khoa đến Vladivostok, từ đây, xuống tàu về Quảng Châu ngày 11 tháng mười một.
- 17 - Năm 1925, tại Quảng Châu, tham gia thành lập tổ chức bí mật "Tâm tâm xã", sau đổi thành "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội", kết nạp 10 thành viên, trở thành nhóm đảng viên dự bị đầu tiên cho việc thành lập Đảng sau này, là tiếng kèn hiệu đưa Việt Nam vào quỹ đạo phong trào Cộng sản thế giới. Từ tháng sáu năm 1925 đến tháng năm năm 1930, tuần san "Thanh niên" bằng tiếng Việt đã phát hành 208 kỳ, phần lớn các bài xã luận là do Nguyễn Ái Quốc viết.
- 18 - Năm 1926 tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc Quốc dân đảng lần thứ II tại Quảng Châu, gửi Đại hội một bức thư ngắn gọn bằng tiếng Trung (tôi nhận thấy, đây là lần thứ nhất và cũng là duy nhất, Nguyễn Ái Quốc công khai viết bằng tiếng Trung), trình bày Việt Nam bị thực dân Pháp áp bức thống khổ. Trong Đại hội, Nguyễn Ái Quốc phát biểu bằng tiếng Pháp được Lý Phú Xuân chuyển dịch sang tiếng Hoa. Được Trung cộng giúp đỡ, Nguyễn Ái Quốc tích cực vận động người Việt Nam gia nhập "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội".
- 19 - Ngày 18 tháng mười năm 1926, tại nhà hàng Thái Bình Dương, kết hôn với Tăng Tuyết Minh. Đặng Dĩnh Siêu và Thái Sướng là người giới thiệu và làm chứng. Borodin và Trương Thái Lô cũng đến dự hôn lễ.
- 20 - Năm 1927, vì có cuộc thanh trừng cộng sản của Quốc dân đảng nên phải bí mật rời đến Vũ Hán. Tháng bảy, hợp tác Quốc Cộng tan vỡ, rời Vũ Hán đến Mạc Tư Khoa.
- 21 - Tháng mười một năm 1927, được lệnh đến Paris trợ giúp đảng Cộng sản Pháp xây dựng kế hoạch phát triển có hiệu quả cuộc vận động cách mạng Đông Nam Á. Đầu tháng mười hai, được Quốc tế cộng sản cử đến Bruxelles tham dự "Hội nghị Đồng minh phản đối đế quốc", sau đó qua Thụy Sĩ, Italia và Pháp khảo sát thực tế.
- 22 - Cuối tháng sáu năm 1928, đi tàu thủy của hãng vận tải Nhật Bản đến Bangkok Thailand vào tháng bảy, kiểm tra các tổ chức cách mạng Việt kiều và thành lập "Xiêm La cách mạng đồng chí hội".
- 23 - Năm 1929, tìm kiếm phương pháp chữa bệnh đông y để điều trị lao phổi. Sau này, ông có báo cáo với các đồng chí Việt Nam ở Hương Cảng là phải tạm thời dừng chân ở Xiêm chữa bệnh một năm, không thể tiếp tục công tác được.
- 24 - Đầu năm 1930, rời Bangkok đến Quảng Châu. Ngày 3 tháng hai, tại Hương Cảng, tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc Việt Nam cách mạng đảng do Nguyễn Ái Quốc điều hành. Ba tổ chức cộng sản vốn mâu thuẫn với nhau, hợp nhất thành một đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng mười, chủ trì hội nghị lần thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,

chấp hành chỉ thị của Quốc tế cộng sản, lại đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

25 - Năm 1931, được cử làm đại biểu Quốc tế cộng sản tại Hương Cảng, phụ trách Cục Nam Dương. Cục Viễn Đông Quốc tế cộng sản bị khám xét. Ngày 6 tháng sáu, chính quyền Hương Cảng gán cho tội danh là phần tử phá hoại. Nhà đương cục Pháp tại Việt Nam trước đó cũng đã truy tố các tội danh chống Pháp và phán quyết tử hình vắng mặt, yêu cầu chính quyền Hương Cảng dẫn độ về Việt Nam thụ hình. Tại Hương Cảng, luật sư Loseby tìm mọi cách cứu Nguyễn Ái Quốc và bố trí cho ông đi Singapore.

26 - Đầu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc bị thêm tội danh nhập cảnh trái phép do cảnh sát Singapore không cấp thị thực, buộc phải trở lại nhà giam Hương Cảng. Tại đây, luật sư Loseby cùng với tình báo viên Anh Quốc Paul Draken đã bí mật giải cứu đưa lên một chiếc thủy phi cơ bay đến bến sông Hoàng Phố, sau đó được các đồng chí của ông đưa thuyền ra đón về Thượng Hải. Mùa thu năm 1932, từ Thượng Hải đi Mạc Tư Khoa, bệnh lao phổi tái phát nguy kịch, đã chết trên đường đi.

(Tác giả nhận xét: Có thể căn cứ vào những tấm ảnh đã chụp từ 10 đến 20 năm về trước để phân biệt được Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đối với người phương Tây nhìn người phương Đông thì hoàn toàn không dễ. Khuôn mặt người ta qua thời gian có sự biến đổi, nhưng cái tai và nhất là vành tai, trái lại không dễ biến dạng. Tai và vành tai Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh có không nhiều những nét khác nhau để chứng minh sự bất đồng. Tấm ảnh Nguyễn Ái Quốc (trong hồ sơ), phía trên cùng bên phải, William J. Duiker không ghi chú thời gian. Tác giả Trung Quốc Tào Tấn Kiệt trong tác phẩm "Các lãnh đạo quốc gia nước ngoài trong chiến tranh chống Nhật tại Trung Quốc", ghi chú ảnh chụp vào mùa xuân năm 1925 tại Quảng Châu. Tấm ảnh này thường xuyên được lưu trong hồ sơ Hồ Tập Chương (ảnh 1) cùng thay nhau xuất hiện là có sự liên kết về diện mạo giữa Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương). Như ảnh (1), (2), ảnh (1) là Nguyễn Ái Quốc, ảnh (2) là Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương). Tôi nhận ra tấm ảnh Nguyễn Ái Quốc này, cơ bản là ảnh giả, nhất là phía tai trái hiện ra rất rõ. Ý đồ là, dùng tấm ảnh Hồ Tập Chương chụp năm 1934 tại Mạc Tư Khoa làm ảnh Nguyễn Ái Quốc để hợp nhất hai người làm một. So sánh một loạt ảnh chụp của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh, có thể thấy, diện mạo của hai người có nhiều nét khác nhau.

PHỤ LỤC 1:

ẢNH CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ HỒ CHÍ MINH TRONG HỒ SƠ

Ảnh chụp trong hồ sơ Nguyễn Ái Quốc



1/ Ảnh chụp năm 1923 tại Pháp trong "Truyện Hồ Chí Minh" của William J. Duiker.

2/ Ảnh chụp năm 1923 tại Nga Xô trong "Truyện Hồ Chí Minh" của William J. Duiker.

3/ Ảnh Hồ Chí Minh không rõ xuất xứ và thời gian. Đây là tấm ảnh nghi vấn trong "Truyện Hồ Chí Minh" của William J. Duiker.

4/ Tấm ảnh này của Nguyễn Ái Quốc được chụp năm 1925 tại Nga Xô

5/ Ảnh Nguyễn Ái Quốc trong nhà triển lãm ở Việt Nam

Ảnh truyền thần của của Nguyễn Sinh Huy, thân phụ Nguyễn Ái Quốc.

6/ Tấm ảnh này chụp năm 1924 tại Liên Xô trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1919- 1941" của Sophie Quinn - Judge.



Ảnh trong hồ sơ Hồ Tập Chương



6/ Ảnh Hồ Chí Minh năm 1934 tại Mạc Tư Khoa trong "Truyện Hồ Chí Minh" của William J. Duiker.

9/ Tấm ảnh này do Andred Roth chụp đăng trong "Tân Việt Nam" năm 1946 tại Việt Bắc.

PHỤ LỤC 2:

"HỒI ỨC TRỊNH SIÊU LÂN - TRUYỆN PHỐ ĐẠI KHÁNH"

Sau khi các lưu học sinh theo phái Troskism (Thác phái) từ Mạc Tư Khoa về, lần lượt tổ chức thành 3 nhóm:

1- Đầu tháng giêng năm 1928, Sử Đường (Thi Thúc Vân), Lương Cán Kiều, Trần Diệc Mưu thành lập "Trung Quốc đệ nhất Thác phái" (Phái phản đối chủ nghĩa Bolshevik Lenin tại Trung Quốc).

2 - Phái Troskism phản đối bí mật của lưu học sinh Trung Quốc tại Liên Xô, sau khi họ về nước, phía Liên Xô cung cấp danh tính, nên toàn bộ đã bị khai trừ hoặc tự ly khai Đảng. Vương Văn Nguyên, Lưu Nhân Tĩnh, Ngô Quý Nghiêm, Lê Thái Liên đều ở trong số đó. Tháng giêng năm 1930, Lưu Nhân Tĩnh, Vương Văn Nguyên thành lập "Liên minh cộng sản Phái Tả Trung Quốc" - "Thập nguyệt xã".

3 - Nhóm Triệu Tế, Lưu Dân, Vương Bình gồm 7 người, sau khi từ Mạc Tư Khoa về, thành lập tổ chức "Chiến đấu xã".

Trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trần Độc Tú, Doãn Khoan, Bành Thuật Chi, Trịnh Siêu Lân phát hiện Vương Bình trong nhóm lưu học sinh từ Mạc Tư Khoa về, chẳng những đã tiếp thu lý thuyết của Léon Troski mà còn mang theo tài liệu nghiên cứu, đồng thời có ý kiến khác biệt đối với tiến trình cách mạng Trung Quốc. Từ đó, trong Đảng Cộng sản Trung Quốc đã hình thành phái Troskism do Trần Độc Tú cầm đầu. Thật ra, lúc ấy, Đảng Cộng sản Trung Quốc chưa có một tổ chức cụ thể mà chỉ tập hợp xung quanh Trần Độc Tú một số thành viên thường xuyên trao đổi với nhau về những vấn đề chính sách của Đảng mà thôi. Trong tình hình ấy, nhóm Trần Độc Tú đề nghị gia nhập nhóm "Đối thoại" nhưng nhiều lần bị cự tuyệt, đến tháng chín năm 1929 thành lập "Đảng Cộng sản Trung Quốc phái Tả phản đối phái", xuất bản "Người vô sản" được gọi là "Vô sản giả xã".

Bốn phái Troskism sau được thống nhất thành một tổ chức. Ngày 1 tháng năm năm 1935, triển khai Đại hội gồm 17 đại biểu chính thức, 4 đại biểu dự thính, đại diện cho 482 đảng viên. Tại Đại hội, Trần Độc Tú đọc báo cáo cương lĩnh chính trị của "Đảng Cộng sản Trung Quốc phái Tả phản đối phái" gồm 5 phần:

1- Nhiệm vụ thời kỳ quá độ của Phản đối phái.

2 - Bài học kinh nghiệm về sự thất bại của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

3 - Chính sách của Đảng trong thời kỳ quá độ.

4 -Tiền đồ cách mạng Trung Quốc.

5 - Nhiệm vụ trước mắt của Phản đối phái.

Cương lĩnh xác định, xã hội Trung Quốc thành phần tư bản chủ nghĩa chiếm ưu thế so với tư bản chủ nghĩa xã hội, do đó mà xuất hiện tính chất của cách mạng Trung Quốc là cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản lãnh đạo nông dân lật đổ chính quyền tư sản, "kiến lập giai cấp chuyên chính vô sản". Trung Quốc phải hoàn thành nhiệm vụ Cách mạng dân chủ tư sản rồi mới tiếp tục tiến trình Cách mạng vô sản, chuyên chính giai cấp. Nhiệm vụ trước mắt là, triệt để thực hiện khẩu hiệu dân chủ theo hướng Cách mạng lần thứ ba (Sau này đề xuất lấy "Tổng tuyển cử quốc dân hội nghị" làm khẩu hiệu trung tâm đấu tranh đòi dân chủ, vận động quần chúng ủng hộ cách mạng), lật đổ chính phủ Quốc dân đảng. Đại hội thông qua dự thảo cương lĩnh, bầu ủy viên Trung ương, cử 5 người vào Ban Bí thư do Trần Độc Tú làm Tổng Bí thư, Trịnh Siêu Lân là trưởng ban Tuyên truyền, chủ nhiệm báo Đảng là Vương Văn Nguyên, trưởng ban Thư ký là Tống Phùng Xuân. Đại hội biểu quyết thông qua tên đảng là "Đảng cộng Tả phái tả phản đối phái" còn gọi là " Đảng cộng sản Bolshevik-Lenin Trung Quốc", là một phái riêng của những người cộng sản Trung Quốc.

Năm 1933, phái Troskism ly khai Đảng Cộng sản, tiến hành cải tổ đảng theo đường lối riêng. Năm 1935 chuẩn bị thành lập Quốc tế cộng sản mới. Cũng trong năm này, Đại hội đại biểu phái Troskism tại Thượng Hải quyết định đổi tên thành "Liên minh Cộng sản chủ nghĩa Trung Quốc". Từ đó, phái Troskism Trung Quốc, một lần nữa không coi mình là một phái lệ thuộc Đảng cộng sản và cũng không cùng là một chính đảng cộng sản chủ nghĩa của Đảng Cộng sản.

Trong một hoàn cảnh đặc biệt, tôi gặp được Phó Đại Khánh. Đó là thời gian vào giữa mùa hè và mùa thu năm 1931. Khi ấy tôi đã bị Đảng Cộng sản khai trừ, vì hoạt động Troskism, bị Quốc dân đảng bắt giam ở Bộ tư lệnh Cảnh bị Long Hoa (tác giả nhận định: địa điểm ở gần khuôn viên lăng liệt sĩ Long Hoa, đường Tào Khê, Thượng Hải), chờ đợi phán quyết. Tôi ở "Nhân tự gian", nơi có rất nhiều tù chính trị. Một hôm, cai ngục dẫn vào một phạm nhân đến từ Quảng Châu. Thoạt nhìn, tôi xuất nữa tôi nhảy dựng lên bởi người này chính là Phó Đại Khánh. Phó Đại Khánh lướt nhìn hết lượt phạm nhân nhưng đều không nhận ra ai quen, bỗng trông thấy tôi, vội vàng chạy đến, khẽ bảo: "Có chút việc muốn báo về Trung ương". Rõ ràng ông không biết tôi đã bị khai trừ, tuy nhiên lúc này cũng chẳng cần phải nói mình thuộc phái Troskism. Tôi đồng ý, ông ấy bèn nói cho biết.

Nguyên là Phó Đại Khánh làm báo tiếng Anh ở Calcutta, Ấn Độ. Tờ báo bị đóng cửa, Phó bị bắt, dẫn độ về Nam Kinh thẩm vấn. Lúc bị giam ở nhà lao Quảng Châu, ông ta có gặp Hồ Chí Minh. Hồ nhờ ông ta thông báo đến Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tìm cách giải cứu, vì thế ông ta mới đề nghị tôi giúp đỡ. Vì nghĩa không thể từ chối, hơn nữa, tôi và Hồ Chí Minh

đã từng quen biết nhau, chỉ có điều, làm cách nào chuyển tin cho Đảng Cộng sản Trung Quốc đây? Tôi suy nghĩ và dự đoán, ở nhà giam Long Hoa nhất định phải có chi bộ Đảng bí mật, có thể truyền đạt được tin này. Nhưng tôi lại không biết người phụ trách là ai. Trong sổ các chính trị phạm ở "Nhân tự gian", tôi chỉ biết hai người là Trần Vi Nhân và Quan Hướng Ứng. Dẫn đo mãi, cuối cùng tôi tìm gặp Trần Vi Nhân, nói: "Phạm nhân Phó Đại Khánh bị bắt ở Ấn Độ, vừa được giải đến, sẽ được đưa về Nam Kinh. Ông ấy có một báo cáo quan trọng với Trung ương, nhờ tôi chuyển đến ông". Trần Đạt Nhân lập tức đứng lên. Tôi đem lời Phó Đại Khánh nói không sai một chữ. Nghe xong, Trần Vi Nhân không nói một lời. Tôi hiểu mình đã đạt được mục đích. Ba ngày sau, Phó Đại Khánh bị giải đi.



THIÊN III

NHỮNG NĂM THÁNG PHIÊU BẠT

MÀN MỘT



HỒ CHÍ MINH Ở LIÊN XÔ (1933 - 1938)

Sau năm 1923, có đến bảy, tám lần Hồ Chí Minh đến Mạc Tư Khoa. Thời gian lưu lại thường không quá một năm, duy chỉ có lần từ năm 1933 đến năm 1938 là ở đến 5 năm. Trong 5 năm ấy, phong trào cách mạng Việt Nam chống Pháp vô cùng sôi nổi, vậy vì sao Hồ Chí Minh lại bị giam lỏng ở Mạc Tư Khoa, dùng thời gian nhàn rỗi để nghiên cứu chủ nghĩa Marx mà không trở về nước cùng các đồng chí của mình chỉ đạo quần chúng đấu tranh? Việc này nếu đem so sánh với phong cách hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc thì hoàn toàn khác nhau. Vì sao Hồ Chí Minh không báo cáo với Quốc tế cộng sản về hoàn cảnh của mình? Kỳ lạ hơn nữa, trong 5 năm ấy, những ghi chép về Hồ Chí Minh khiến người ta đặt ra đặt dấu hỏi nghi ngờ về thân phận cũng như các mối quan hệ của ông khá bí hiểm và phức tạp. Ví như, thời gian nào Hồ Chí Minh đến Mạc Tư Khoa? Vì sao hói đầu và bị phán quyết tử hình? Vì sao bị cưỡng chế học tập cải tạo? Vì sao ở Đại hội VII Quốc tế cộng sản chỉ đóng vai im lặng? Lại vì sao nhần nhục chịu đựng khi mà vợ mình kết hôn với người khác? Năm 1938 rời khỏi Mạc Tư Khoa theo chỉ thị của ai? Vì sao trên đường ngàn dặm tìm đến Diên An Trung Quốc mà không quay về Việt Nam? Vô số những điều nghi vấn đặt ra chứng tỏ bên trong ẩn giấu nhiều bí mật.

Nhiều hồ sơ đã được Quốc tế cộng sản giải mật nhưng không phải là tất cả. Thành ra, như William J. Duiker nói: "Rõ ràng những tài liệu quan trọng đã có ở đó nhưng trước sau vẫn không thấy". Đơn cử như trường hợp Hồ Chí Minh bị phán xử tử hình hiện tại ở đâu? Vì sao

"Hồ Chí Minh tự truyện" hai lần xuất bản lại có năm sinh khác nhau là 1890 và 1893? Hồ sơ lưu của Quốc tế cộng sản có một phần từ 17 tháng tư năm 1938 viết, bút danh P. C. Lin trong tự truyện có phải tự truyện của Nguyễn Ái Quốc hay là tự truyện của Hồ Tập Chương? Vợ Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Thị Minh Khai vì sao lại tự mình điền vào bản khai cá nhân đã kết hôn, chồng tên là Lin (Lâm), trong khi ấy, ngay trước mặt Lin lại làm lễ thành hôn với Lê Hồng Phong? Có quá nhiều những dấu hiệu không bình thường ấy đã chứng tỏ, những ghi chép về thân phận Hồ Chí Minh có vẻ như đã bị sửa chữa hoặc thay đổi. Vì sao Quốc tế cộng sản phải làm như vậy? Căn cứ vào những manh mối qua các ghi chép mơ hồ mà phân tích, chỉ có một khả năng là, người ta đã cố ý đem Hồ Tập Chương hoán đổi thành Nguyễn Ái Quốc để đạt mục đích "mượn xác hoàn hồn".

HỒ CHÍ MINH ĐẾN MẠC TƯ KHOA VÀO THỜI GIAN NÀO?

Hồ Chí Minh rời Thượng Hải đi Mạc Tư Khoa khi nào? Có nhiều ý kiến khẳng định là không thể xác định được thời gian cụ thể. William J. Duiker cho rằng vào mùa xuân năm 1934. Sophie Quinn - Judge căn cứ vào chữ ký "Lin" trong "Tự truyện" dẫn lời Hồ Chí Minh kể, tháng bảy năm 1934, ông mới đến Mạc Tư Khoa" nhưng lại tỏ ra nghi ngờ, không có bất cứ tài liệu nào làm rõ, từ mùa thu năm 1933 đến những tháng đầu năm 1934 ông ở đâu? Cả William J. Duiker lẫn Sophie Quinn - Judge đều cho rằng, thời gian Hồ Chí Minh đến Mạc Tư Khoa căn cứ vào lúc Hồ Chí Minh rời Thượng Hải đi Mạc Tư Khoa chỉ là suy đoán. Tuy nhiên, thời gian Hồ Chí Minh rời Thượng Hải, bản thân nó vẫn là một câu đố. Riêng quan điểm cá nhân, tôi cho rằng, thời gian ấy vào cuối năm 1933, muộn lắm cũng không quá mùa hè.

Thời gian Hồ Chí Minh đến Mạc Tư Khoa liệu có khó xác minh đến như vậy không? Vào lúc Hồ Chí Minh đến Mạc Tư Khoa, phô trương náo nhiệt, được Bí thư thứ nhất Cục Viễn Đông đón tiếp như nghi thức của bậc anh hùng, khó có thể làm thủ tục xuất nhập cảnh nếu không có những ghi chép của hải quan về nhân thân. Những năm ba mươi của thế kỷ XX, Nga Xô đang ở vào thời kỳ đại thanh trừng. Mọi công dân đều bị giám sát, có thể bị điều tra, bắt giữ hoặc xử tử bất cứ lúc nào nếu được gán cho tội danh "kẻ thù của nhân dân". Tác phẩm "Chân dung bạo chúa" của An Đông Lạc Phu. Áo Phí Thân Khoa (2) đã viết: "Từ năm 1935 đến năm 1940, Liên Xô đã bắt giữ 19 triệu 840 nghìn người, trong đó có 7 triệu người bị chết". Mạc Tư Khoa là trung tâm cao độ giám sát, khống chế một cách ráo riết mọi lời nói và hành vi của người dân".

Những tài liệu ghi chép về thời kỳ Hồ đến Mạc Tư Khoa rất dễ dàng nhận biết, vậy vì sao Quốc tế cộng sản không có tài liệu khi ông nhập cảnh? Nhất định là phải có nguyên nhân đặc biệt không thể tiết lộ nên đã giấu kỹ thậm chí tiêu hủy. Lại như, vào đầu năm 1923, khi Nguyễn Ái Quốc đến Mạc Tư Khoa thì trong truyện có viết không? Đến năm 1938, nghĩa là 15 năm sau, tuyệt nhiên chẳng có trang nào ghi chép sự kiện này. Thời gian nào Hồ Chí Minh bị phán xử tử hình? Hồ sơ điều tra vụ án này hiện ở đâu? Từ rất nhiều những chi tiết bất hợp lý trên,

tôi suy đoán là, các hồ sơ liên quan đều đã bị tiêu hủy.

Căn cứ vào thời gian Hồ Tập Chương rời Thượng Hải và suy đoán, ông đến Mạc Tư Khoa vào khoảng từ mùa xuân đến mùa hè năm 1933.

SỰ THẬT VỀ SỰ KIỆN HỒ CHÍ MINH BỊ KẾT ÁN TỬ HÌNH



Ảnh chụp Nguyễn Ái Quốc vào năm 1934 tại Mạc Tư Khoa (lấy từ tác phẩm "Tóm tắt về sự nghiệp Hồ Chí Minh", NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007

Theo Sophie Quinn - Judge, vào năm 1992, cùng với Anatoly Voronin là cựu Ủy viên Trung ương Bộ Quốc tế, nói chuyện về những tư liệu đã được ghi chép: " Hồ Chí Minh chịu sự điều tra của tổ 3 người gồm Dmitry Manuisky, Vera Vasilieva và trùm đặc vụ Trung Quốc Khang Sinh. Dmitry Manuisky thuộc thành phần trung lập, trong khi Khang Sinh giữ quan điểm đề nghị xử tử Hồ Chí Minh. Vera Vasilieva lấy lý do phải làm theo trình tự để tránh sai lầm do mình còn thiếu kinh nghiệm, đã thay Hồ Chí Minh bào chữa. Đến năm 1935, Khang Sinh mới tin Hồ Chí Minh bị bắt vào năm 1931 nên đã đề nghị khai trừ ông ra khỏi đảng. Tuy nhiên vẫn còn thiếu một số tài liệu quan trọng có khả năng đã bị Cục An ninh Liên Xô giấu đi, vì thế chúng ta không thể nào biết được Hồ Chí Minh bị chỉ trích nghiêm trọng đến mức nào.

Do nhu cầu chính trị, Hồ Chí Minh đã có những quyết sách nhiều khi vượt ra ngoài phạm vi quyền hạn, đặc biệt vào giai đoạn những năm 1930. Cũng có khả năng Hồ Chí Minh ngả theo con đường Lý Lập Tam khiến Khang Sinh nghi ngờ, nhưng Dmitry Manuisky và Vera Vasilieva

vẫn giữ quan điểm. vì thế, khi biểu quyết hình thức kỷ luật, trùm đặc vụ Trung Quốc bị thiếu số". Đoạn ghi chép trên là của Sophie - Quinn Judge trong tác phẩm "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 207.

Án tử hình của Hồ Chí Minh đối với Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn không liên quan. Đối tượng bị điều tra không phải là Nguyễn Ái Quốc. Tôi xin nhấn mạnh một lần nữa, vào mùa thu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao phổi. Khoảng giữa xuân hè năm 1933, người từ Thượng Hải đi Mạc Tư Khoa là Hồ Tập Chương mà không phải Nguyễn Ái Quốc. Huống nữa, Quốc tế cộng sản đã cử đại biểu đến làm lễ truy điệu Nguyễn Ái Quốc, làm sao có thể truy cứu trách nhiệm để xử án một người đã chết? Án đặc biệt điều tra Hồ Chí Minh, phần quan trọng nhất, có liên quan đến việc chấp hành công tác được Quốc tế cộng sản giao phó thời kỳ năm 1930. Đó là ông đã truyền đạt sai lạc chỉ lệnh về công tác liên lạc giữa Trung cộng và Việt cộng.

Rất có khả năng là vào năm 1930, Hồ Chí Minh tham gia Hội nghị "Liên minh Trung Quốc phản đối chủ nghĩa đế quốc" của Lý Lập Tam và ngã theo đường lối sai lầm của họ Lý ảnh hưởng đến Việt Nam, làm cho Trần Phú và một số lãnh đạo cao cấp của Đảng Cộng sản Đông Dương bị bắt. Đây là nguyên nhân khiến cho Lý Lập Tam và Khang Sinh đối với nhau như kẻ thù không đội trời chung, dẫn đến hệ lụy là Hồ Chí Minh bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản Trung Quốc, thậm chí trùm đặc vụ còn đề xuất mức án tử hình. Trong khi ấy, Khang Sinh và Nguyễn Ái Quốc chưa từng quen biết nhau, lại không có mâu thuẫn gì trong quan hệ để khép một người đã qua đời vào trọng tội.

Trong quá trình điều tra, Hồ Chí Minh bị hỏi đầu, nhưng tấm ảnh lưu trong hồ sơ so với ảnh chụp Nguyễn Ái Quốc lại không giống nhau (Hồ Chí Minh bị hỏi đầu trong tấm ảnh bên có đóng dấu và chữ ký). Đặc biệt, tại bản báo cáo điều tra về Hồ Chí Minh năm 1934, ông đã tự điền vào bản khai là sinh năm 1903, so với Nguyễn Ái Quốc sinh năm 1890 thì chênh nhau 13 năm. Nhân vật vào năm 1934 vào học trường Đại học Lenin, bí danh P.C.Lin là Hồ Chí Minh mà nhân viên điều tra đã viết như sau: "Ông ta không có gia đình, vợ con, không nghề nghiệp chuyên môn, không biết bất cứ ai là lãnh đạo, cũng không biết mình có thể làm được công tác gì". Phần tử bị điều tra này so với Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn trái ngược nhau. Bất cứ một điều tra viên nào của Quốc tế cộng sản cũng không thể tin được mình đang điều tra về Nguyễn Ái Quốc. Huống chi, từ năm 1923 đến 1927, Nguyễn Ái Quốc đã hai lần lưu lại Mạc Tư Khoa, có hồ sơ lưu trữ tại Quốc tế cộng sản. Thân phận chân chính của Hồ Chí Minh đã bị Quốc tế cộng sản che giấu nên đã nảy sinh vô số câu hỏi nghi vấn. Từ sự kiện điều tra về án tử hình, chính là bằng chứng rõ ràng khẳng định Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là hai người khác nhau. Hồ Chí Minh đã được Vera Vasilieva ra sức bảo vệ may mắn thoát khỏi kiếp nạn.

QUỐC TẾ CỘNG SẢN ĐẠO DIỄN VỠ KỊCH "MƯỢN XÁC HOÀN HỒN"

Từ năm 1929 đến 1933, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh phân biệt nhau hoạt động ở vùng Đông Nam Trung Quốc, Xiêm La và Singapore. Nội dung hoạt động của họ không giống nhau, chỉ là ghi chép vào hồ sơ duy nhất một danh xưng Hồ Chí Minh làm lịch sử bị lẫn lộn. Đặc biệt vào năm 1930, hai người cùng tổ chức thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, năm 1931, một người bị bắt ở Hương Cảng, một người bị bắt ở Quảng Châu. Chuyện sờ sờ trước mắt nhưng lại bị Quốc tế cộng sản cùng với Trung cộng, Việt cộng che giấu quy về cho một Hồ Chí Minh. Thậm chí, mùa thu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao phổi, vậy mà đến đầu năm 1933 tự nhiên được dựng dậy, sau đó dùng Hồ Tập Chương thay Nguyễn Ái Quốc, tạo ra một nhà cách mạng mới là Hồ Chí Minh tiếp tục vai diễn trên vũ đài chính trị. Ai đã ra lệnh cho Hồ Tập Chương thay thế Nguyễn Ái Quốc và đạo diễn vở kịch "Người chết sống lại"? Ai đã chỉ đạo Hồ Chí Minh tiếp tục diễn xuất trên vũ đài lịch sử và tính toán để lại cho hậu thế một loại hồ sơ chắp vá, một tiểu sử lắp ghép về Hồ Chí Minh?

Căn cứ vào trước tác của các nhà nghiên cứu về Hồ Chí Minh, kiên trì tìm kiếm, cuối cùng tôi cũng phát hiện ra vô số điều bất hợp lý trong lịch trình hoạt động của Hồ Chí Minh, mới tìm được cái cần tìm trong cả mớ bong bóng tư liệu thật giả lẫn lộn ấy. Như vén mây thấy mặt trời, tôi nhìn ra chân tướng lịch sử, và phần nào giải thích được mối quan hệ nhân quả của giai đoạn lịch sử này, đồng thời khâm phục thủ pháp cao tay của đạo diễn đứng sau sân khấu. Ấy là những tay tổ của Quốc tế cộng sản, Trung cộng và Việt cộng chớp bu đã phối hợp nhịp nhàng với nhau, tạo ra một nhân vật Hồ Chí Minh đầy bí hiểm.

VERA VASILIEVA VÀ HỒ CHÍ MINH

Vera Vasilieva là người chịu trách nhiệm chính trong ban lãnh đạo Quốc tế cộng sản về những vấn đề Việt Nam, từ khi Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng đã tham gia vào công tác giải cứu. Trên đường đi, không ngờ, Nguyễn Ái Quốc bị bệnh qua đời. Vera Vasilieva được cử làm người bào chữa cho Hồ Tập Chương, do vậy mà phát hiện ra Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương là hai người khác nhau, có hoàn cảnh khá giống nhau, thân thế, ngoại hình, ngôn ngữ gần nhau, và nhất là thông thạo nhiều ngoại ngữ. Hai người này từ năm 1929 đến 1931 cùng công tác tại Cục Viễn Đông Quốc tế cộng sản, cùng được giao những công việc quan trọng, và đặc biệt là lại cùng bị bắt vào năm 1931.

Tuy vậy, Xung quanh sự kiện Nguyễn Ái Quốc rời Thượng Hải đến Mạc Tư Khoa, ngoài quan điểm cho rằng ông đã qua đời trên đường đi vì bệnh lao phổi, còn một ý kiến khác là cuộc trốn chạy thành công, có điều những chứng cứ đưa ra đều rất khó thuyết phục, trong khi báo chí cộng sản đã đồng loạt đăng tin nhà cách mạng đã chết, thậm chí đại biểu Quốc tế cộng sản còn đến dự lễ truy điệu. Từ những hoàn cảnh và điều kiện phức tạp như vậy, Vera Vasilieva nảy ra ý nghĩ, đề nghị Hồ Tập Chương thay thế vai trò của Nguyễn Ái Quốc, tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ của ông. Hơn thế nữa, Hồ Tập Chương lại biết tiếng Nhật, có kinh nghiệm đấu tranh chống Nhật, càng phù hợp với nhiệm vụ chống Nhật trước mắt của Liên Xô.

Vera Vasilieva bèn xin ý kiến Cục Phương Đông, lên kế hoạch giáo dục 5 năm đào tạo Hồ Tập Chương thay thế cho Nguyễn Ái Quốc. Việc làm của Vera Vasilieva cùng với hồ sơ ghi chép của lịch sử để lại đã chứng minh, Quốc tế cộng sản đã bí mật chơi trò "phục sinh" cho người đã chết.



Vera Vasilieva và Hồ Chí Minh

Các tấm ảnh này được lấy trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", của Sophie Quinn - Judge ở phần phụ lục. Bên trái là Vera Vasilieva, bên phải là Hồ Chí Minh. Ảnh chụp tại Mạc Tư Khoa, Liên Xô, năm 1934.

1- Cuối tháng chín năm 1931, Ban Hồ sơ Quốc tế cộng sản chuyển cho Vera Vasilieva một bản tin với nội dung: "Sự kiện Nguyễn Ái Quốc bị đuổi ra khỏi Đông Nam Á đã bị cự tuyệt". Vera Vasilieva vô cùng phấn khởi vội thông báo với các bạn bè, đồng chí của Nguyễn Ái Quốc về tin này, đồng thời viết ba bản tin bằng tiếng Nga ký tên Vasilieva.

2 - Mùa thu năm 1932, báo chí cộng sản lần lượt đưa tin Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao phổi cùng với tin nhóm lưu học sinh Việt Nam tại Mạc Tư Khoa đã tổ chức tang lễ và Quốc tế cộng sản cử đại biểu đến truy điệu. (tác giả nhận xét: Chủ nhiệm Ban Việt Nam Vera Vasilieva chắc là sẽ cử một người không quen biết Nguyễn Ái Quốc đến viếng tang, ít ra bà cũng đã biết việc Nguyễn Ái Quốc bị bệnh chết).

3 - Mùa hè năm 1934, Hồ Chí Minh từ Thượng Hải đến Mạc Tư Khoa, Vera Vasilieva, Dmitry Manuilsky và trùm đặc vụ Trung cộng Khang Sinh tạo thành nhóm ba người điều tra, phán xét Hồ Chí Minh. Do được Vera Vasilieva bảo vệ, Hồ Chí Minh thoát khỏi án tử hình nhưng bị

giữ lại Mạc Tư Khoa học tập cải tạo, một mặt vào học trường Đại học Lenin, mặt khác nghiên cứu về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa thực dân thuộc địa.

4 - Tháng ba năm 1935, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Áo Môn thông qua một Báo cáo chính trị dài 32 trang. Hội nghị đã bầu bổ sung 13 ủy viên Trung ương do Lê Hồng Phong làm tổng bí thư gồm 8 đại biểu công nhân, 3 đại biểu trí thức, 1 đại biểu dân tộc thiểu số. (Tác giả nhận xét: Hồ Chí Minh xếp cuối cùng trong số 13 ủy viên Trung ương tuyệt nhiên không phải Nguyễn Ái Quốc. Xét về tiểu sử và quá trình hoạt động, thứ bậc của Nguyễn Ái Quốc xếp quá xa so với Lê Hồng Phong trong danh sách các Ủy viên Trung ương đặt ra một vấn đề đạo lý. Cho nên phải hiểu người xếp cuối cùng ấy là Hồ Tập Chương, bí danh P.C.Lin. Bởi vì, lúc ấy, Nguyễn Ái Quốc đã chết, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai cùng P.C.Lin ở Mạc Tư Khoa tham gia Hội nghị VII Quốc tế cộng sản. Đưa P.C.Lin vào danh sách Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn do Vera Vasilieva chủ trương).

5 - Tháng tư năm 1935, Đảng Cộng sản Việt Nam gửi Ban bí thư Cục Phương Đông công khai khiển trách Hồ Chí Minh, yêu cầu không để Hồ Chí Minh tham gia Hội nghị VII Quốc tế cộng sản. Tổng bí thư Đảng Cộng sản Xiêm La còn cho biết, trước năm 1930, Hồ Chí Minh không phải là đảng viên cộng sản. Sau khi đọc văn bản kiến nghị, Vera Vasilieva trả lời Đảng Cộng sản Việt Nam như sau: "Hồ Chí Minh đã dành ra 2 năm học tập nghiên cứu, không có thời gian làm công việc khác, sau khi Hội nghị kết thúc, chúng tôi sẽ có kế hoạch đặc biệt giao cho ông ta". Ít lâu sau, Vera Vasilieva gửi một bức thư cho lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc nói: "Đối với Nguyễn Ái Quốc, sau hai năm học tập, nhất định sẽ hiểu được nội dung và mục đích của chương trình đào tạo, vì vậy, không có lý do gì xử lý kỷ luật ông ta. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ có kế hoạch đặc biệt sử dụng".

6 - Cuối năm 1935, Hồ Chí Minh trở lại trường Đại học Lenin, năm 1936 chuyển sang Đại học Stalin làm giảng viên bộ môn Đông Nam Á bằng tiếng Việt. Tháng tư năm 1936, một bản báo cáo đã chỉ rõ, Hồ Chí Minh và Vera Vasilieva hợp tác xây dựng khóa trình giảng dạy bộ môn Đông Nam Á. Vera Vasilieva nhận xét về vai trò giảng viên của Hồ Chí Minh như sau: "Được làm việc với ông tôi thật vinh dự. Ông nghiên cứu về thực trạng xã hội trong nước rất công phu, chỉ có điều chưa được hệ thống lắm. Ông vốn có nhiều kinh nghiệm hoạt động cách mạng, nhưng cũng có lúc phạm phải sai lầm như sai lầm của người dân vùng Đông Nam Á. Chúng tôi sẽ nghiên cứu cải tiến, nâng cao, chắc chắn ông sẽ tiến bộ".

Trước khi kết thúc năm 1936, Vera Vasilieva lên kế hoạch chi 3000 dollars để bồi dưỡng cho 10 học viên Đông Nam Á dự khóa huấn luyện 2 tháng. "Chúng tôi đã quyết định là, có nên cử Hồ Chí Minh đã tốt nghiệp Học viện Mạc Tư Khoa đến tổ chức và chỉ đạo khóa học này hay không?".

Nhưng ghi chép trên đã được lưu giữ tại Hồ sơ Quốc tế cộng sản ở Mạc Tư Khoa. Trong "Truyện Hồ Chí Minh" của William J. Duiker và "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", của Sophie Quinn - Judge đều đã viết rất rõ ràng về sự kiện trên. Việc công khai bí danh P.C.Lin là Hồ Chí Minh vào năm 1934, chắc chắn không phải là Nguyễn Ái Quốc. Quốc tế cộng sản yêu cầu Hồ Tập Chương lấy bí danh P.C.Lin để tiếp tục nhiệm vụ của Nguyễn Ái Quốc mà chủ nhiệm đề tài Vera Vasilieva chính là người đạo diễn màn kịch "mượn xác hoàn hồn", "dời hoa tiếp cây".

VIỆC HỌC TẬP VÀ CẢI TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH

Trong thiên "Ve sầu thoát xác thật giả kiếp người", tôi đã trình bày kỹ: "Mùa xuân năm 1932, Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao phổi, khoảng giữa mùa xuân và mùa hè năm 1933, người từ Hạ Môn đến Thượng Hải rồi đi Mạc Tư Khoa không phải Nguyễn Ái Quốc mà là Hồ Tập Chương". Hồ Tập Chương đến Mạc Tư Khoa, Vera Vasilieva, Dmitry Manuisky, và trùm đặc vụ Trung cộng Khang Sinh, lập thành tổ đặc biệt ba người điều ra về ông, chỉ cần sai phạm một điểm là bị tuyên án tử hình. May mà được Vera Vasilieva bảo vệ, Hồ Tập Chương mới thoát nạn. Tuy nhiên sau đó ông phải mất gần 5 năm học tập, cải tạo để sau này thay thế vai trò Nguyễn Ái Quốc. Trong 5 năm học tập cải tạo này, nhân vì Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương liên quan đến việc chuyển đổi thân phận, nên hồ sơ của Quốc tế cộng sản không thể ghi chép rõ ràng. Vì thế, chỉ có thể căn cứ vào những tài liệu liên quan, ta mới hiểu được trong 5 năm ấy, Hồ Tập Chương, học tập cải tạo như thế nào.

Trong "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc", trang 81, 82, giáo sư Tưởng Vĩnh Kính có nói đến: "Từ năm 1933 đến mùa thu năm 1938, Hồ Chí Minh ở Mạc Tư Khoa, bị bắt buộc học tập cải tạo. Thứ trưởng Bộ Văn hóa Việt Nam Nguyễn Khánh Toàn nhớ lại: 'Lúc ấy, không khí khủng bố bao trùm, Hồ Chí Minh muốn gặp gỡ các đảng viên Cộng sản Việt Nam đều phải xin phép nhà đương cục Mạc Tư Khoa. Nếu trước khi được phép mà tự động gặp nhau thì không được nói chuyện'. Nguyễn Khánh Toàn kể tiếp: 'Các đồng chí Việt Nam ở Mạc Tư Khoa lúc ấy đều không biết Hồ Chí Minh đã đến Liên Xô. Có một nữ bí thư trong "Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa", nhân việc gặp một đồng chí phụ trách "Tổ Việt Nam" nói chuyện, mới biết tin ấy. Nữ đồng chí phụ trách "Tổ Việt Nam" này cũng là cán bộ Quốc tế cộng sản. (Tác giả nhận định: đồng chí nữ bí thư chỉ Nguyễn Thị Minh Khai), xem "Chị Minh Khai", phần 2, mục 13, còn đồng chí nữ cán bộ Quốc tế cộng sản phụ trách "Tổ Việt Nam", chỉ Vera Vasilieva). Sau mấy năm, tôi gặp Hồ Chí Minh trên phố, nhưng do nguyên tắc tổ chức cũng không thể nói chuyện với nhau. Mãi mấy năm sau nữa, chúng tôi mới chính thức được làm quen với ông. Hồ Chí Minh một mặt học tập tại Học viện Lenin, mặt khác lại làm việc ở Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Học viện Lenin là trường Đảng huấn luyện cán bộ đảng viên các nước. Hồ Chí Minh khi ở học viện này dùng bí danh bằng tiếng Nga là "Linov", nhưng tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa thì lại dùng tên "Lin" lãnh đạo tiểu tổ Việt Nam học tập.

Tổ chất học sinh Việt Nam rất kém, trình độ thấp, phần lớn họ đến từ Pháp, có tiền sử thường là đầy tớ hoặc thủy thủ. Hồ Chí Minh chỉ đạo nhóm này học tập chẳng khác gì dạy học sinh tiểu học. Mùa thu năm 1934, Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa lại thành lập thêm một tiểu tổ. Tiểu tổ này do một người mới đến Mạc Tư Khoa là Lê Hồng Phong cùng Nguyễn Thị Minh Khai và ba đảng viên cộng sản Việt Nam hợp thành. Lê Hồng Phong phụ trách công tác Đảng, Hồ Chí Minh kiêm nhiệm chỉ đạo học tập. Vì lý do bảo mật, hai tổ học tập Việt Nam bị cách ly hai địa điểm, không được liên lạc với nhau. Sau Đại hội đại biểu Quốc tế cộng sản VII, trước mắt Stalin, Hồ Chí Minh hiển nhiên không có vai trò gì đáng kể. Ông ta chẳng những không phải là Ủy viên chấp hành Quốc tế cộng sản mà còn mất đi địa vị lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, thậm chí còn bị coi là phần tử không đáng tin cậy. Bị buộc phải lưu lại Mạc Tư Khoa học tập cải tạo, Hồ Chí Minh chẳng những không thực hiện được nguyện vọng của mình mà còn rơi vào hoàn cảnh bị đối xử lạnh nhạt.

Sau khi Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai lần lượt trở về Việt Nam, Hồ Chí Minh lại theo học "Ban nghiên cứu lịch sử" thuộc "Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa" một năm. Lúc này, phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới đang sôi sục, Hồ Chí Minh làm sao có thể yên tâm ngồi học tập? Trong "Truyện Hồ Chí Minh", trang 212, William J. Duiker có dẫn ra hồi ức của một học sinh là Nguyễn Khai Quyền như sau: "Nguyễn Ái Quốc được chỉ làm giảng viên của 144 học sinh, văn phòng đặt tại tầng bốn của ngôi nhà thuộc đại lộ Ulyanovsk Mạc Tư Khoa. Có một số thanh niên trẻ không hài lòng hoặc tỏ ra ngạo mạn, thường chỉ vì một vài việc vặt vãnh mà to tiếng với nhau. Lúc ấy thường là Nguyễn Ái Quốc phải đến hòa giải". Ngoài ra, ở trang 227, tác giả cũng nói đến: "Mùa thu năm 1936, tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc sau khi soạn xong bài giảng, lại từ Học viện Lenin trở về căn phòng nhỏ của mình trong ngôi nhà thuộc đường phố Bô Lỗ Nạp Nhã(3) (布魯納雅街). Học trình gồm triết học, lịch sử và Nga văn. Thế nhưng, Bí thư thứ nhất Cục Viễn Đông lại giao cho ông nghiên cứu về vấn đề nông dân, đồng thời phiên dịch 'Tuyên ngôn của Đảng cộng sản' của Karl Marx và 'Bàn về sự ấu trĩ của phái cực tả' của V.I. Lenin sang tiếng Việt. Trong niên học 1937-1938, Nguyễn Ái Quốc vừa soạn giáo trình, vừa làm việc tại văn phòng Bí thư thứ nhất Cục Viễn Đông, lại vừa giảng dạy tại lớp, chuẩn bị cho công trình nghiên cứu về ruộng đất Đông Nam Á".

Sophie Quinn - Judge trong "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941", trang 217 có nói đến: "Cuối năm 1935, Hồ Chí Minh trở lại Học viện Lenin, năm 1936 chuyển đến Học viện Stalin phụ trách giảng dạy bộ môn Đông Nam Á bằng tiếng Việt. Tháng tư năm 1936, một bản báo cáo chỉ rõ Hồ Chí Minh và Vera Vasilieva hợp tác xây dựng khóa trình giảng dạy bộ môn Đông Nam Á. Vera Vasilieva lên kế hoạch chi 3000 dollars để bồi dưỡng cho 10 học viên Đông Nam Á dự khóa huấn luyện 2 tháng. "Chúng tôi đã quyết định là, có nên cử Hồ Chí Minh đi tốt nghiệp Học viện Mạc Tư Khoa đến tổ chức và chỉ đạo khóa học này hay không?". Năm 1937, Học viện Stalin sắp xếp lại tổ chức, đưa những học sinh nước ngoài về

bộ môn " Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa". Hồ Chí Minh thuộc hệ Lịch sử (kỳ thứ nhất), vừa là giảng viên, vừa là học sinh, tuy nhiên không có biểu hiện gì là nhiệt tình trong học tập. Thành tích của ông ta đối với các môn "Chủ nghĩa duy vật biện chứng", "Lịch sử cổ đại" cùng với "Lịch sử trung đại" đều thuộc loại trung bình, chỉ có "Lịch sử hiện đại" là xuất sắc. Với tư cách giảng viên, ông chỉ dùng Việt văn để giảng khóa trình "Nghiên cứu Đông Nam Á".

Trong tác phẩm "Chị Minh Khai", tác giả Nguyệt Tú đã viết ở trang 73: "Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dùng 'Linov' làm bí danh tại 'Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa'. Được sự ủy nhiệm của Viện, đồng chí đến Đại học Phương Đông giảng cho học sinh Việt Nam về lịch sử và tổ chức của Đảng Cộng sản Liên Xô. Trong nhận thức của chị Minh Khai, đồng chí Nguyễn Ái Quốc phân tích về quan điểm tư tưởng cộng sản Lenin vô cùng sâu sắc. Minh Khai và 5 học sinh Việt Nam ở Đại học Phương Đông cũng biết Nguyễn Ái Quốc đã gửi Cục Phương Đông Quốc tế cộng sản một lá thư, đề cập đến việc giáo dục cộng sản còn thiếu phần lý luận của chủ nghĩa Marx - Lenin, khiến cho công tác tuyên truyền của các đảng gặp nhiều khó khăn, thậm chí còn phạm sai lầm nghiêm trọng. Vì thế việc xuất bản sách giáo dục lý luận về Đảng Cộng sản dưới nhiều hình thức là điều cấp thiết phải làm. Đó cũng là điều mà Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai hết sức quan tâm.

THÀNH QUẢ 5 NĂM HỌC TẬP CẢI TẠO

Như trên đã nói, từ năm 1933 đến 1938, Hồ Tập Chương học tập cải tạo ở Mạc Tư Khoa. Quốc tế cộng sản tích cực bồi dưỡng Hồ Tập Chương thành một đại biểu Việt Nam của Quốc tế cộng sản, tham gia Đảng Cộng sản Việt Nam, hướng đến cách mạng giai cấp vô sản thế giới, thay thế Nguyễn Ái Quốc mà không một ai hoài nghi. Hơn thế nữa, Vera Vasilieva đã hết sức đào tạo ông thành một nhà lý luận kiên thực tiễn của Chủ nghĩa Cộng sản. Trong 5 năm học tập và rèn luyện này, Hồ Tập Chương, ngoài việc nghiên cứu lý luận của Chủ nghĩa Cộng sản và lịch sử văn hóa Việt Nam, ông còn tích cực học tập môn tiếng Pháp và tiếng Việt, nắm rõ từng chi tiết nhỏ nhất trong hồ sơ lý lịch Nguyễn Ái Quốc. Hồ Chí Minh học Việt văn và Pháp văn đến mức có thể nghe, đọc, viết, nói thành thạo, thậm chí còn phiên dịch cả "Tuyên ngôn của đảng cộng sản" và "Luận về sự ấu trĩ của phái cực tả" từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Chỉ cần đọc mấy bài viết ở tập 3 trong "Hồ Chí Minh toàn tập" dưới đây, độc giả sẽ thấy rõ ràng Hồ Tập Chương đã làm mọi cách để tạo ra dấu vết Nguyễn Ái Quốc:

1 - Ngày 12 tháng mười năm 1937, Hồ Tập Chương dùng tên Nguyễn Ái Quốc ký vào một bức thư viết bằng tiếng Pháp gửi một người bạn Pháp là Marcel Gabriel, tỏ lòng vô cùng thương tiếc về việc Paul Vaillant Couturier từ trần. Tôi đã tra cứu văn bản thư tín đối ngoại của Hồ Chí Minh (bao hàm cả Nguyễn Ái Quốc) từ năm 1921 đến năm 1937, không có bất cứ một bức thư nào gửi Paul Vaillant Couturier hoặc Marcel Gabriel. Nguyễn Ái Quốc cũng không gửi

một bức thư nào chia buồn với các đồng chí Việt Nam đã hy sinh vì tổ quốc. Trái lại, đột nhiên vào thời điểm này lại gửi thư tới Marcel Gabriel chia buồn về việc Paul Vaillant Couturier qua đời, ắt không tránh khỏi người ta nghi ngờ cố ý ngụy tạo. Hồ Tập Chương có khá nhiều bài viết với dụng ý hai mặt, một là bịa đặt P.C.Lin (Hồ Tập Chương) thành Nguyễn Ái Quốc, một là Quốc tế cộng sản kiểm tra trình độ tiếng Pháp của Hồ Tập Chương. Trong bức thư có một đoạn như sau:

"Đồng chí Marcel Gabriel thân mến! Chúng tôi vô cùng đau đớn được tin đồng chí Paul Vaillant Couturier từ trần. Đây là một tổn thất lớn đối với Đảng Cộng sản Pháp, với giai cấp vô sản Pháp và vô sản các nước thuộc địa cùng giai cấp vô sản thế giới. Vào lúc được tin đồng chí qua đời, lòng tôi vô cùng thương cảm. Đối với tôi mà nói, Paul Vaillant Couturier là một người đồng chí, một người anh em thân thiết. Chúng tôi quen biết nhau không thể nào quên tại Đại hội Tour. Đến năm 1934, chúng tôi cùng nỗ lực nghiên cứu về 'Chủ nghĩa thực dân' mà đồng chí đặc biệt quan tâm. Đồng chí là đại biểu tổ chức 'Hội nghị hòa bình phản chiến' và đã đến Viễn Đông, do vậy, chúng tôi gặp nhau tại Trung Quốc. Và lần ấy là một cơ hội, đồng chí đã giúp tôi thoát khỏi cảnh khốn khổ.

Mùa hè năm ấy chúng tôi gặp nhau, cùng thảo luận về vấn đề thực dân, đặc biệt là vấn đề Đông Dương. Giai cấp vô sản các nước thuộc địa mất đi một chiến sĩ, một người bạn chân chính. Paul Vaillant Couturier đã mất nhưng sự tận tụy công tác, phong cách mẫu mực và tinh thần dũng cảm, bất khuất mãi mãi sống trong lòng chúng ta. Học tập phẩm cách cao quý của đồng chí, chúng tôi nguyện kiên trì đấu tranh cho đến khi sự nghiệp cách mạng thanh công. Ngày 12 tháng mười năm 1937, Nguyễn Ái Quốc".

Ngày 6 tháng sáu năm 1938, cùng lúc dùng cả tên Nguyễn Ái Quốc và P.C.Lin ký vào bức thư bằng tiếng Pháp gửi một đồng chí Quốc tế cộng sản:

"Đồng chí thân mến! Hôm nay là kỷ niệm 7 năm ngày tôi bị cảnh sát Hương Cảng bắt giữ, nghĩa là đã 8 năm nay tôi không có bất cứ hoạt động nào. Dịp này viết thư gửi đến đồng chí, thỉnh cầu đồng chí giúp đỡ tôi để có thể thay đổi hoàn cảnh hiện tại. Phân công tôi về địa phương hay giữ tôi ở lại, mong đồng chí triệt để sử dụng. Đề nghị đồng chí không nên để tôi xa rời tổ chức Đảng quá lâu. Tôi rất cảm kích nếu đồng chí cho phép được gặp mặt. Mong đồng chí hãy tiếp kiến một người anh em cộng sản trung thành, tận tụy. Ngày 6 tháng sáu năm 1938, Lin (Nguyễn Ái Quốc).

(Tác giả nhận xét: Bức thư bằng tiếng Pháp gửi một đồng chí Quốc tế cộng sản chính là gửi cho Vera Vasilieva. William J. Duiker, trong "Truyện Hồ Chí Minh", trang 228 có viết: "Hồ Chí Minh thông qua Vera Vasilieva nhờ giúp đỡ mới rời khỏi được Mạc Tư Khoa).

"HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP", VĂN BẢN CHÍNH THỨC CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Bộ "Hồ Chí Minh toàn tập" có một số bản in màu đẹp, tôi đã dùng bộ sách 12 tập do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia in năm 2002 để nghiên cứu. "Hồ Chí Minh toàn tập" gồm những bài viết và nói bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Việt và Hán văn trong cuộc đời hoạt động chính trị của ông. Nội dung văn bản ngắn thì chỉ có vài chục chữ đối với thư chúc mừng, dài thì hàng ngàn vạn chữ đối với các chuyên khảo như "Binh pháp Tôn Tử", "Chiến tranh du kích" v.v... Trước tác của Hồ Chí Minh phần lớn là các bài viết đăng báo, tạp chí, ngoài ra còn có một số lượng không nhỏ thư từ, thơ qua lại giữa bạn bè với nhau. Tôi đã căn cứ vào thời gian, số bài, đặc trưng ngôn ngữ phân loại, chỉnh lý. Lấy năm 1932 làm chuẩn để phân định, so sánh những bài viết trước với bài viết sau, kết quả phát hiện ra hai điểm quan trọng, một là, tiếp tục khẳng định Nguyễn Ái Quốc đã chết vào năm 1932, và một là, Nguyễn Ái Quốc không thông thạo Hán văn. Nay, tôi đem những bài viết được đưa vào "Hồ Chí Minh toàn tập", căn cứ thời gian, sau khi chỉnh lý, kê ra được một bản dưới đây:

Bảng thống kê các tác phẩm của Hồ Chí Minh

Năm	Số bài	Ngữ văn	Loại hình
1919	7	Tiếng Pháp	Chuyên văn 3, thư từ 3, phỏng vấn 1
1920	2	Tiếng Pháp	Chuyên văn 1, bài giảng 1
1921	14	Tiếng Pháp	Chuyên văn 12, thư từ 1, báo cáo 1
1922	35	Tiếng Pháp	Chuyên văn 33, thư từ 2
1923	35	Tiếng Pháp	Chuyên văn 30, bài giảng 2, thư từ 2, phỏng vấn 1
1924	62	Pháp 13, Anh 1, Nga 8	Chuyên văn 44, thư từ 12, bài giảng 5, phỏng vấn 1
1925	24	Pháp 13, Anh 9, Nga 2	Chuyên văn 13, thư từ 8, bài giảng 2, chuyên khảo 1 (100 trang)
1926	19	Pháp 10, Anh 4, Nga 2, Trung 1	Chuyên văn 10, thư từ 8, bài giảng 1
1927	11	Pháp 8, Anh 3	Chuyên văn 9, thư từ 2, sách 1 "Đường khách mệnh", 52 trang
1928	12	Pháp 11, Anh 1	Chuyên văn 7, thư từ 5
1929	0		Nguyễn Ái Quốc ở Xiêm La chữa bệnh
1930	18	Pháp 5, Anh 11, Việt 1, Nga 1	Chuyên văn 6, thư từ 12, trong đó có 4 bài không rõ ngôn ngữ nào, tạm xếp vào tiếng Anh
1931	9	Pháp 3, Anh 5, Việt 1	Chuyên văn 3, thư từ 6
1932	0		Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng sau đó trốn khỏi Hương Cảng
1933	0		Hồ Chí Minh lưu vong ở Trung Quốc, Việt Nam và Xiêm La
1934	0		Thời gian Hồ Chí Minh lưu vong ở Mạc Tư Khoa
1935		Tiếng Pháp 1	"Báo cáo"(thời kỳ Hồ Chí Minh lưu vong ở Mạc Tư Khoa)
1936	0		Thời kỳ Hồ Chí Minh lưu vong ở Mạc Tư Khoa
1937	1	Tiếng Pháp	Thời kỳ Hồ Chí Minh lưu vong ở Mạc Tư Khoa (thư)
1938	2	Tiếng Pháp	Thư và báo cáo (8 trang)
1939	11	Pháp 3, Trung 8	Chuyên văn 3, thư từ 8 (Thời kỳ Hồ Chí Minh ở Mạc Tư Khoa)
1940	12	Tiếng Trung 12	Chuyên văn 11, thư từ 1 (Viết từ TQ gửi về VN)
1941	12	Trung 3, Việt 9	Chuyên văn 10, thơ 2

1942	19	Trung 5, Việt 14	Chuyên văn , thơ (Trung 2, Việt 8), giảng nghĩa: "Du kích chiến", Thơ: "Nhật ký trong tù" 134 bài
1943	2	Việt văn 2	Chuyên văn 1, thư từ 1
1944	8	Trung 2, Việt 6	Chuyên văn 3, thư 4 , sách "Phương pháp chiến tranh du kích", 13 chương
1945	86	Anh 8, Trung 5, Việt 73	Sách "Bình pháp Tôn Tử" 13 chương, "Thư Tổng khởi nghĩa", "Tuyên ngôn độc lập", chuyên văn, thư từ, bài nói chuyện
1946	175	Tiếng Việt 175	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1947	164	Việt163, Pháp1	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1948	108	TiếngViệt104, tiếng Trung 4	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo, thơ chữ Hán 4 (đăng trên báo chí Việt Nam)
1949	114	Tiếng Việt 114	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1950	81	Việt 79, Trung 2	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo, thơ chữ Hán 2 (đăng trên báo chí Việt Nam)
1951	120	Tiếng Việt 120	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1952	116	Tiếng Việt 116	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1953	79	Tiếng Việt 79	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1954	96	Tiếng Việt 96	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1955	73	Tiếng Việt 73	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1956	86	Tiếng Việt 86	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1957	99	Tiếng Việt 99	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1958	98	Tiếng Việt 98	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1959	150	Tiếng Việt 150	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1960	109	Tiếng Việt 109	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1961	85	Tiếng Việt 85	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1962	78	Tiếng Việt 78	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1963	71	Tiếng Việt 71	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1964	64	Tiếng Việt 64	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1965	86	Tiếng Việt 86	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)

1966	83	Tiếng Việt 83	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1967	65	Tiếng Việt 65	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1968	60	Tiếng Việt 60	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)
1969	36	Tiếng Việt 36	Thư từ, chuyên khảo, phỏng vấn, điện báo (đăng trên báo chí Việt Nam)

Thuyết minh:

* Ngữ văn: Ghi chú Tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nga và tiếng Việt là căn cứ vào "Hồ Chí Minh toàn tập", phần cuối cùng có chú thích "Tư liệu tiếng Pháp", "tư liệu tiếng Anh", "tư liệu tiếng Trung". Tác giả dựa vào nơi công bố như báo, tạp chí, nhà xuất bản, ví dụ: Hà Nội, báo "Độc lập", Nhà xuất bản Sự thật, xếp vào mục "Tư liệu tiếng Việt".

* Từ năm 1919 đến 1923, bài được công bố trên các báo, tạp chí, nói chuyện, bài giảng, thư từ, bên dưới đều ghi chú: "Tư liệu đánh máy tiếng Pháp" hoặc công bố trên báo, tạp chí tiếng Pháp.

* Năm 1924 có 8 bài công bố trên mục "chuyên luận" các tạp chí tiếng Nga có một bản viết tay bằng tiếng Anh, còn lại đều ghi là "Tư liệu đánh máy tiếng Pháp" hoặc "Đã công bố trên báo và tạp chí tiếng Pháp".

* Năm 1925, có một thiên gần trăm trang, chia thành 12 chương tổ cáo và lên án chế độ thực dân Pháp. Từ năm 1925 đến 1927, Nguyễn Ái Quốc lấy bí danh là Vương Đạt Nhân, thời kỳ ở Quảng Châu đã xuất bản tờ báo "Thanh niên" gửi về Việt Nam truyền truyền, ghi chú là chuyển dịch từ bản tiếng Pháp.

* Đầu năm 1926, có 2 thiên được ghi chú dẫn từ bản thảo của Viện Bảo tàng Cách mạng Quảng Châu, trong đó, một thiên là bức thư gửi Đoàn chủ tịch Đại hội đại biểu toàn quốc Quốc dân đảng Trung Quốc, chưa xác định được là tư liệu bằng ngôn ngữ nào. Ngoài ra, một thiên bản thảo diễn giảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc Quốc dân đảng Trung Quốc lần thứ II có ghi chú: "Tư liệu chữ Hán. Bộ "Hồ Chí Minh toàn tập" phần trước năm 1932 này, chỉ duy nhất có 1 tư liệu chữ Hán, tuy nhiên không biết có phải Nguyễn Ái Quốc viết hay không., tôi rất nghi ngờ.

Cũng trước đó không lâu, Nguyễn Ái Quốc còn phải học Trung văn từ Đặng Dĩnh Siêu, vậy mà trong Đại hội lại tự mình diễn giảng thì chắc là nói bằng tiếng Pháp thông qua tư liệu Trung cộng do Lý Phú Xuân phiên dịch.

Khoảng tháng mười một đến tháng mười hai năm 1926, có 8 bài với tiêu đề "Sự biến Các Thung của Trung Quốc", miêu tả tình hình Quốc Cộng hợp tác

* Năm 1927, ở Quảng Châu xuất hiện cuốn sách "Đường khách mệnh" 52 trang, chia thành 16

tiêu đề, theo tư cách của nhà cách mạng bàn đến việc hợp tác quốc tế. Phần ghi chú không thấy nói đến tư liệu được viết bằng ngôn ngữ nào, nhưng theo nội dung là gửi về để tuyên truyền cách mạng ở Việt Nam. Tác giả nghiên cứu, suy đoán thấy văn chương của cuốn sách thuộc dòng báo "Thanh niên", vốn được viết bằng tiếng Pháp.

* Năm 1929, Nguyễn Ái Quốc không còn lưu lại bài viết nào. Ngô Đức Trí nói, sau khi nhận được báo cáo của Nguyễn Ái Quốc : "Ông ta đi Xiêm La già một năm, không làm được bất cứ việc gì". Từ đó ta có thể thấy, trong năm ấy Nguyễn Ái Quốc không có một liên lạc nào với Quốc tế cộng sản, chỉ đến khi "Thanh niên đồng chí hội" cử người đến Xiêm La yêu cầu ông ta đến Hương Cảng hòa giải việc tranh chấp giữa các đảng phái, đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc mới về Quảng Châu để sang Hương Cảng.

* Đầu năm 1930, viết 5 bài: "Chính cương của đảng", "Sách lược của đảng", "Chương trình của đảng", "Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam", "Lời kêu gọi". Những bài này đều không ký tên, cũng không ghi rõ nguồn gốc văn bản, rất chung chung. (Dẫn từ "Văn kiện của Đảng"). Tác giả xác định, 5 bài viết trên, tương ứng với thời kỳ Hồ Tập Chương gửi báo cáo lên Quốc tế cộng sản. Đặc biệt bài "Lời kêu gọi", phần cuối có ghi tên Nguyễn Ái Quốc, bút tích bằng tiếng Anh, hình như không phù hợp với phong cách văn chương Nguyễn Ái Quốc. Thông thường, lúc liên lạc hay viết báo cáo Nguyễn Ái Quốc mới sử dụng tiếng Anh, còn phần lớn đều viết bằng tiếng Pháp. Rất khó có chuyện, viết bài kêu gọi đồng bào trong nước đấu tranh chống thực dân, đế quốc lại dùng thứ tiếng nước ngoài trong khi hầu hết nhân dân đều không biết chữ. Lại nói, "Lời kêu gọi" có một đoạn cường điệu, chứng tỏ "lạ ông tôi ở bụi này" (nguyên văn "thử địa vô ngân tam bách lượng"): "Tôi là Nguyễn Ái Quốc, trân trọng ngẩng cao đầu nói với đồng bào thuộc các thành phần công nhân, nông dân, binh sĩ, thanh niên, học sinh bị áp bức! các anh chị em! các đồng chí!"...là thứ ngôn ngữ chưa bao giờ Nguyễn Ái Quốc sử dụng, đặc biệt là đoạn mở đầu: "Chấp hành chỉ thị của Quốc tế cộng sản, giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời còn nhận trách nhiệm chuyển sang cho anh chị em, cho các đồng chí". Cường điệu "chấp hành chỉ thị", "giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta" v.v...đều rất không phù hợp với cách sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Ái Quốc.

Lại nữa, ngày 28 tháng hai năm 1930, Nguyễn Ái Quốc gửi một bức thư cho các đồng chí Liên Xô: "Người An Nam, đặc biệt là người lao động luôn hướng về nước Nga cách mạng. Phàm là báo chí có liên quan đều bị chế độ hà khắc của thực dân Pháp cấm đoán, huống hồ, đại bộ phận công nhân và nông dân An nam mù chữ, cho dù có biết chữ, thì người An nam chỉ đọc được chữ An Nam mà thôi. Chúng ta có nhiệm vụ là giới thiệu cho mọi người hiểu biết về tổ quốc và giai cấp của nhà nước Cộng sản này. Để hoàn thành nhiệm vụ, chúng ta nên có kế hoạch dùng chữ An Nam viết một cuốn sách...". Điều đó chứng tỏ khả năng vận dụng ngôn ngữ của Nguyễn Ái Quốc khác hẳn với ngôn ngữ của Hồ Chí Minh thay thế ông hoạt động sau này. Những bài viết từ năm 1930 trở về sau còn lưu lại, phần lớn là do Hồ Tập Chương chấp bút. Phàm là những ghi chép bằng tiếng Anh, thư gửi Quốc tế cộng sản đều không phải do

Nguyễn Ái Quốc viết. Điều này rất cần sự nỗ lực nghiên cứu, giám định, phân tích của các nhà chuyên môn có hứng thú với chuyên đề Hồ Chí Minh.

* Từ đầu năm 1931 đến 24 tháng tư năm 1931 ngừng viết, có 9 bài. Thời kỳ Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh cùng xuất hiện, cùng hoạt động với nhau, trong đó, phần lớn các bản báo cáo đều do Hồ Tập Chương chấp bút. Có một bức thư phần cuối chỉ ghi năm mà không có ngày tháng bằng tiếng Anh gửi Quốc tế cộng sản, theo phán đoán cũng là do Hồ Tập Chương viết.

* Từ năm 1932 đến năm 1934, không có bất cứ bài viết nào lưu lại. Tháng sáu năm 1931, Nguyễn Ái Quốc bị bắt giam, năm 1932, mùa thu, chết vì bệnh lao phổi, trong khi đó, Hồ Tập Chương bị bắt giam từ tháng bảy năm 1931, sau đó thoát được, đến Mạc Tư Khoa vào khoảng giữa mùa xuân đến mùa hè.

* Năm 1935, chỉ có 1 bức thư còn lưu tại Ủy viên hội Phương Đông Quốc tế cộng sản, ký tên P.C.Lin bằng tiếng Pháp. Nội dung là, "P.C.Lin" hoặc "Lin", từ những kinh nghiệm hoạt động có được ở Hoa Nam Trung Quốc, Việt Nam, Xiêm La và Mã Lai Á, gửi kiến nghị đến các đồng chí Việt Nam. Cái người có bí danh "Lin" này hẳn là mượn bí danh của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ hoạt động 1930, 1931, gửi báo cáo lên Quốc tế cộng sản. Nói cách khác, đây chính là Hồ Tập Chương, lấy "Lin" làm bí danh. Các bản báo cáo bằng tiếng Pháp chính là kết quả nghiệm thu của Quốc tế cộng sản trong việc hoán đổi Hồ Tập Chương thành Nguyễn Ái Quốc

* Năm 1936 đến 1938, chỉ có 3 bài viết. Năm 1936 không có bài viết nào. Năm 1937, bức thư gửi Marcel Gabriel tuyệt đối không phải Nguyễn Ái Quốc. Trong mục "5 năm học tập cải tạo", tôi đã phân tích kỹ, xin được lướt qua. Năm 1938 có 2 bức thư, một viết tại Mạc Tư Khoa, rất ngắn bằng tiếng Pháp, nội dung báo cáo về thành quả nghiên cứu cá nhân. Chỉ có điều, bức thư này biểu thị những nét rất khác nhau là, P.C.Lin và Nguyễn Ái Quốc cùng ký tên. Thời gian vào ngày 6 tháng sáu lại càng phù hợp, trừ việc cùng với Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hương Cảng một ngày ra, lại còn khớp cả với thời gian P.C.Lin chuẩn bị rời khỏi Mạc Tư Khoa, cũng là ngày thành lập "Mặt trận Việt Minh, ngày viết thư gửi đồng bào toàn quốc mà Nguyễn Ái Quốc ký tên. Có thể nói, ngày 6 tháng sáu là một ngày có quá nhiều sự kiện đáng cho ta phải suy nghĩ. Bức thư thứ hai viết năm 1938 bằng chữ Hán vào tháng mười hai, ký tên P.C.Lin tại Quảng Tây, Trung Quốc "Người Nhật Bản muốn khai thác Trung Quốc như thế nào?" gửi đến Việt Nam, (đăng tại tạp chí "Tiếng nói của chúng ta"), nội dung là một thiên bình luận dài "Người Nhật Bản xâm lược Trung Quốc tàn bạo như thế nào?" và "Tân tứ quân" của Đảng Cộng sản Trung Quốc", "Bát lộ quân anh dũng chống Nhật". Vào lúc ấy, P.C.Lin tự xưng là người Trung Quốc.

Năm 1939, có 11 bài viết đều ký tên P.C.Lin. Trừ 3 bài bằng tiếng Pháp gửi Mạc Tư Khoa, 8 bài còn lại đều bằng Trung văn theo hình thức "Thư gửi từ Trung Quốc" đến Việt Nam đăng trên tạp chí "Tiếng nói của chúng ta" và tập san tiếng Việt "Dân chúng". Bảy bài viết, trừ 2 bài tố cáo hành vi xâm lược Trung Quốc tàn bạo của Nhật Bản, 5 bài còn lại thì, một là báo cáo tình hình kháng Nhật của nhân dân Trung Quốc, một bài kiểm điểm về hoạt động quân

sự của Việt Nam hai năm gần đây, ba bài giới thiệu về Chủ nghĩa Trosky và phái Troskism hoạt động tại Trung Quốc. P.C.Lin trong thời gian này, ngoài việc tự xưng là người Trung Quốc ra, còn lại đều viết bằng tiếng Việt, vậy mà đột nhiên lại biến thành người thông thạo tiếng Nhật. Tám bài trong trong "Thư gửi từ Trung Quốc" và các bài viết trong năm 1940 đăng trên "Cứu vong nhật báo" bao gồm 13 chuyên đề sẽ được phân tích kỹ ở mục "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc".

* Năm 1940 có 11 bài, trong đó, 1 bài gửi Quốc tế cộng sản Mạc Tư Khoa, không ký tên, sử dụng lối văn tả rất đặc biệt. Nội dung báo cáo về tình hình Việt Nam hiện tại như hoàn cảnh địa lý, tài nguyên, dân tộc, kinh tế, quốc phòng, các đảng phái chính trị, trong đó không ít tư liệu được dẫn từ báo chí Nhật Bản. Ngoài 11 bài chuyên đề dùng bút danh "Bình Xuyên" viết bằng Trung văn đăng tải trên "Cứu vong nhật báo", thể hiện quan điểm về thời cuộc và Chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt thái độ phản đối kịch liệt đối với Phát xít Nhật và đế quốc Pháp xâm lược. Phần lớn văn chương đều sử dụng thủ pháp cường điệu đề cao mối quan hệ đồng minh Trung -Việt trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

* Năm 1941, các bài viết đều có những nét đặc biệt. Đó là 2 bài thơ ngắn, một đề ngày 6 tháng sáu năm 1941, ký tên Nguyễn Ái Quốc, dưới hình thức thư từ nước ngoài "gửi toàn thể đồng bào". Tiếp đó là 9 bài bằng tiếng Việt đăng trên báo "Việt Nam độc lập", ngoài ra, chưa thấy các báo chí Việt Nam lúc ấy đăng các bài bằng tiếng Việt của ông.

* Năm 1942, các bài viết đều không ký tên, hầu hết đều đăng tải trên "Việt Nam độc lập", trong đó 2 bài thơ ngắn, 2 bài dưới dạng bút ký, 2 bài giải nghĩa về chiến tranh du kích. Một điều đặc biệt chú ý là, danh xưng Hồ Chí Minh bắt đầu được sử dụng từ thời kỳ này, và từ đó về sau, không dùng bí danh nữa. Cũng trong năm này, Hồ Chí Minh bị Quốc dân đảng bắt giữ, trong tù, ông đã viết 134 bài thơ chữ Hán lấy tên là "Nhật ký trong tù".

* Năm 1943, Hồ Chí Minh bị giam trong ngục, trừ việc viết "Nhật ký trong tù", còn có bài thơ ngắn gửi bạn bè, một bài giới thiệu về nước Syria làm thế nào để thoát khỏi bàn tay ma quỷ của chủ nghĩa đế quốc, một bài là "Máu và nước mắt trong giữ gìn tổ quốc độc lập" và bài "Đồng chí, đồng bào Việt Nam hãy cố gắng". Các bài này đều đăng trên tờ "Đồng minh báo" của "Việt Nam Cách mạng đồng minh hội" tại Liễu Châu, Trung Quốc, bút danh Hồ Chí Minh.

* Năm 1944 có 2 bài được ghi chú là Hán văn, bút danh Hồ Chí Minh đăng ở mục "chuyên đề" của "Đồng minh báo" Liễu Châu. Ngoài ra còn có bài "Phương pháp chiến tranh du kích" lấy bút danh "Việt Minh". Bài "Phương pháp chiến tranh du kích" này, tương ứng vào thời kỳ năm 1939, Hồ Chí Minh lúc ấy ở Hành Sơn, Hồ Nam, tham gia khóa huấn luyện cán bộ du kích, giải nghĩa cải biên thành.

* Năm 1945, trước tháng tám, Việt Nam gọi là "Cách mạng tháng Tám thành công", Việt Minh suy tôn Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ lâm thời. Ngày 2 tháng chín năm 1945, tại Ba Đình Hà Nội, ông đọc "Tuyên ngôn độc lập", từ đó ba chữ "Hồ Chí Minh" nổi tiếng trên toàn thế giới.

* Từ năm 1946 đến 1969, trong "Hồ Chí Minh toàn tập" đã đưa vào hầu hết các loại hình tác phẩm của ông, gồm thư tín, chuyên đề, nói chuyện, điện báo v.v... đều ký tên Hồ Chí Minh, từng đăng tải trên các báo, tạp chí hoặc công bố trên Đài phát thanh rất rõ ràng. Trong số này, tuy đôi lúc có chen vào một, hai bài thơ chữ Hán hoặc thư từ bằng tiếng Pháp, tiếng Anh nhưng chủ yếu vẫn là các tư liệu tiếng Việt.

Tổng hợp các tác phẩm của Hồ Chí Minh trong "Hồ Chí Minh toàn tập", có thể quy về một số đặc điểm sau:

1- Từ năm 1919 đến 1923, thời kỳ Nguyễn Ái Quốc ở Pháp, các bài viết đều dùng tiếng Pháp.

2 - Từ năm 1924 đến 1927, cho dù Nguyễn Ái Quốc đã đến Quảng Châu , chủ yếu vẫn sử dụng tiếng Pháp để viết bài. Tuy nhiên, cũng có một bài viết bằng Trung văn, hiện lưu giữ ở Viện bảo tàng Cách mạng Quảng Châu", có điều không chắc đây là bút tích của Nguyễn Ái Quốc. Càng kỳ lạ hơn là, bài viết gửi về Việt Nam đăng trên tờ báo "Thanh niên" hoặc cuốn "Đường cách mệnh", Nguyễn Ái Quốc đều dùng tiếng Pháp chứ không dùng tiếng Việt.

3 -Từ năm 1929 đến 1931, những bài viết còn lại rất ít, hầu hết đều bằng tiếng Pháp và tiếng Anh. Thời kỳ Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) cùng ở Thượng Hải, Hương Cảng, Singapore, Xiêm La hoạt động, mà thời gian này Nguyễn Ái Quốc bị bệnh phổi nghiêm trọng, nên hầu hết các báo cáo, thư từ gửi Quốc tế cộng sản đều do Hồ Tập Chương viết.

4 - Từ năm 1932 đến năm 1934, không còn bất kỳ bài viết nào lưu lại. Mùa thu năm 1932, báo chí cộng sản đã đưa tin Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao phổi. Tin này là chính xác, mà Hồ Tập Chương lúc ấy, cuộc sống vô cùng khó khăn.

5 - Từ năm 1935 đến 1938, thời kỳ này Hồ Chí Minh ở Mạc Tư Khoa, hầu như không để lại bất cứ bài viết nào. Người lúc ấy mang bí danh P. C.Lin có thể xác định được chính là Hồ Tập Chương. Một số bút tích, thư tín, chứng tỏ lúc ấy Hồ Tập Chương đã biến đổi thân phận, tiếp tục vai trò hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

6 - Từ năm 1938 đến năm 1945, đột nhiên dùng Trung văn để viết những bài trường thiên, chuyên đề, sáng tác thơ, viết thư pháp...càng cho thấy P.C.Lin chính là Hồ Tập Chương, rất uyên bác văn hóa Hán, có khả năng phân tích được tình hình quân đội Nhật qua các tư liệu báo chí.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU QUỐC TẾ CỘNG SẢN LẦN THỨ VII

Ngày 25 tháng bảy năm 1935, Hội nghị VII Quốc tế cộng sản khai mạc tại Mạc Tư Khoa, khai trừ Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Quốc tế cộng sản Lev Kamenev và cựu Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Quốc tế cộng sản Grigori Zinoviev ra khỏi đảng, đồng thời tiến hành xét xử, cuối cùng cả hai đều bị tử hình.

Mục tiêu hàng đầu của Hội nghị VII là vạch ra sách lược mới cho phong trào cộng sản thế giới

để đối phó mới những nguy cơ của các thế lực mới đang trỗi dậy. Trước khi tiến hành hội nghị, tình hình thế giới đối với Liên Xô vô cùng bất lợi. Quân phiệt Nhật Bản nêu cao chính sách "diệt cộng" đã đem quân đánh chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc, với ý đồ thâm hiểm xâm lăng toàn bộ lục địa Trung Hoa, thực hiện cái gọi là "Chính sách Đại Đông Á". Chính phủ Adolf Hitler ở Đức xưng bá chủ châu Âu, lớn tiếng hô hào thành lập "Đế quốc thứ ba" chống lại chủ nghĩa Marx- Engels. Điện Kremli đã nhìn thấy đảng Nazi của nước Đức phát xít mỗi ngày một mạnh, cùng với quân đội Nhật Bản hiếu chiến, lúc nào cũng giương cao ngọn cờ chống cộng. Liên Xô đang đứng trước nguy cơ đất nước bị xâm chiếm, Stalin quyết định hủy bỏ sách lược của phái cực tả đã được thông qua tại Hội nghị VI Quốc tế cộng sản năm 1928. Bí thư thứ nhất Quốc tế cộng sản Grigori Dimitrov chủ trì hội nghị đề xuất cương lĩnh "Thống nhất chiến tuyến" để các đại biểu thông qua. Quốc tế cộng sản chuyển sang sách lược toàn thế giới phản đối chủ nghĩa phát xít, cùng với lực lượng dân chủ, tổ chức thành liên minh thống nhất chống chủ nghĩa phát xít và quân phiệt Nhật Bản.

Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai cùng Hoàng Văn Nọn là 3 đại biểu chính thức của Đảng Cộng sản Đông Dương tham gia Hội nghị VII Quốc tế cộng sản. Ban tổ chức chỉ đạo, mỗi đại biểu Việt Nam đều được đọc tham luận. Nguyễn Thị Minh Khai phát biểu về "Người phụ nữ châu Á bị chế độ thực dân áp bức". Hoàng Văn Nọn nói về "Phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam với chủ nghĩa thực dân Pháp", còn trưởng đoàn Lê Hồng Phong có bài "Những thiếu sót của Đảng Cộng sản Đông Dương những năm qua và nhiệm vụ cấp bách trước mắt". Sau khi Hội nghị bế mạc, Lê Hồng Phong được bầu là Ủy viên thường vụ Ban chấp hành Quốc tế cộng sản.

Hồ Chí Minh lấy "P.C.Lin" hoặc "Lý Nặc Phu" làm bí danh, lúc ấy là Bí thư Cục Viễn Đông, đến hội nghị với tư cách quan sát viên, không có quyền phát biểu, chỉ giữ vai trò im lặng, rất không phù hợp với tác phong của một cán bộ từng đảm nhiệm chức vụ phát ngôn viên dày dạn kinh nghiệm của Quốc tế cộng sản Đông Nam Á. Việc Lê Hồng Phong trúng cử vào Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, trở thành lãnh tụ mới của Đảng Cộng sản Đông Dương, cùng với tiếng vang của những bản tham luận tại Hội nghị VII, chắc chắn sẽ tác động đến tâm lý Hồ Chí Minh, một người gần như bị gạt ra ngoài lề mọi sự kiện chính trị lúc ấy.

Hội nghị kết thúc không lâu, Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai làm lễ thành hôn tại Mạc Tư Khoa.

Từ nghị quyết Hội nghị VII, để hóa giải nguy cơ trước mắt, Quốc tế cộng sản hiệu triệu giai cấp vô sản thế giới, chuyển sang liên minh với các lực lượng dân chủ, hợp thành trận tuyến rộng lớn, chống lại chủ nghĩa phát xít ngày càng bành trướng. Cử hành lễ cưới xong, Lê Hồng Phong về Thượng Hải trước, đến năm 1936 thì triệu tập Hội nghị trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương truyền đạt những nhiệm vụ chủ yếu mà Hội nghị VII Quốc tế cộng sản đã đề ra, đồng thời giải thích sự thay đổi chính sách của Mạc Tư Khoa.

Tôi đã nghiên cứu, thẩm định, Lê Hồng Phong trở về Thượng Hải với một nhiệm vụ đặc biệt

quan trọng là, truyền đạt cho Đảng Cộng sản Trung Quốc như sau: "Đảng viên cộng sản Hồ Tập Chương, trong 2 năm đã ra sức học tập, rèn luyện đạt được thành tích tốt, sau này sẽ thay thế vai trò Nguyễn Ái Quốc, vì hai đảng anh em ra sức phấn đấu, tuy nhiên, thân phận của Hồ Tập Chương phải được tuyệt đối giữ bí mật".

Hồ Chí Minh, P.C.Lin, Lý nặc Phu, với tư cách quan sát viên tham dự Hội nghị VII Quốc tế cộng sản chỉ lẳng lặng ngồi nghe không nói một lời. Nếu đem đối chiếu với Hội nghị V Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc ung dung lên diễn đàn, tranh thủ tối đa hoàn cảnh để phát biểu, thì hai người khác nhau một trời một vực. Nếu xem Hồ Chí Minh như là Nguyễn Ái Quốc, vậy thì vì sao, trong hội nghị lại không được phát biểu, hơn thế nữa, lại để cho người vợ yêu dấu của mình là Nguyễn Thị Minh Khai công nhiên tổ chức hôn lễ với Lê Hồng Phong? Trường hợp này, chỉ có một khả năng giải thích, người tham gia Hội nghị VII này, không phải là Nguyễn Ái Quốc mà là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Tập Chương, đến từ Đài Loan, là phái viên liên lạc của Quốc tế cộng sản. Ông cũng là Hồ Chí Minh, đã trải qua khóa học tập cải tạo của Quốc tế cộng sản 5 năm ở Mạc Tư Khoa

HỒ CHÍ MINH RỜI KHỎI MẠC TƯ KHOA

Hồ Chí Minh phải qua 5 năm học tập cải tạo ở Mạc Tư Khoa, không phải vì nguyện vọng cá nhân mà là bị cưỡng bách, không biết làm thế nào, đành phải chấp nhận. Vào lúc Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn sắp trở về Việt Nam đã đến từ biệt Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh chính là giảng viên đã dạy họ ở Mạc Tư Khoa, đã từng chỉnh sửa, bổ sung các bản tham luận của họ để đọc tại Hội nghị VII Quốc tế cộng sản. Ông cũng sẽ là đại biểu được phái đến Việt Nam trong thời gian tới. Vào lúc chia tay, Hồ Chí Minh đã hướng dẫn Hoàng Văn Nọn và Nguyễn Thị Minh Khai về cách thức liên lạc với các đảng phái trong và ngoài nước, đồng thời truyền đạt chỉ thị của Quốc tế cộng sản, giao cho Lê Hồng Phong ba việc như sau:

1 - Chính phủ Pháp hiện nay do Mặt trận Bình dân nắm giữ, nhất định sẽ dẫn đến thay đổi cục diện chính trị ở Bán đảo Đông Dương. Các Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đang ở nước ngoài phải lập tức về nước ngay để chỉ đạo phong trào đấu tranh của quần chúng, chỉ lưu lại một vài đồng chí để duy trì liên lạc.

2 - Các phần tử Troskism ở các nước và Việt Nam, bản chất là phản động và phản bội, đảng của chúng ta phải kiên quyết ly khai chúng, không được có bất cứ sự thỏa hiệp nào.

3 - Nhất định phải tập trung hình thành trận tuyến chống chủ nghĩa phát xít và phản đối chiến tranh, chỉ có điều, trong khi tổ chức liên minh này, không được quên lấy lợi ích của giai cấp cần lao làm nhiệm vụ hàng đầu.

Vào lúc mọi người đã rời khỏi Mạc Tư Khoa, hiển nhiên là Hồ Chí Minh có cảm giác trống vắng nhưng không thể làm gì khác. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn vào năm 1935, ông nói chuyện với nhà báo Liên Xô Ilya Erenburg là, trước mắt chỉ có một hy vọng được trở về tổ

quốc. Ngay sau Hội nghị VII kết thúc, Hồ Chí Minh đã đề nghị được tạm thời về nước, chỉ vì tình hình nội bộ Đông Nam Á lúc ấy rất phức tạp nên đã bị cự tuyệt. Cho đến mùa hè năm 1936, ông lại đề nghị được qua Berlin và Pháp trở về Việt Nam, cuối cùng do nội chiến Tây Ban Nha liên quan đến nước Pháp nên kế hoạch lại bị hủy bỏ. Năm học 1937 - 1938, ngoài việc soạn thảo, tu sửa một số giáo trình, Hồ Chí Minh còn làm việc ở Cục Viễn Đông. Hoàn cảnh hiện tại của ông khá là buồn thảm. Đối với phái hành động thiếu lý luận mà nói, qua thời gian phiên dịch tác phẩm của các nhà cộng sản chủ nghĩa và thảo luận về hình thái ý thức, nhất định là một sự thử thách gian nan. Tháng sáu năm 1938, Hội nghị VII Quốc tế cộng sản đã qua được ba năm, Hồ Chí Minh tuyệt vọng, viết thư gửi một cán bộ trong ban lãnh đạo Quốc tế cộng sản như sau: "Tôi bị bắt giữ đến nay đã 7 năm, tức là đã 8 năm tôi không được hoạt động. Tôi thỉnh cầu được sự giúp đỡ để thoát khỏi tình thế đáng buồn này. Đưa xuống địa phương hay giữ lại thì nên sử dụng khả năng chuyên môn của tôi, chỉ xin đừng để tôi xa rời hoạt động quá lâu". Vì việc này nên Hồ Chí Minh yêu cầu được gặp người phụ trách của Quốc tế cộng sản, ông ta rất cần sự đồng tình của Vera Vasilieva. Cuối cùng nguyện vọng rời Mạc Tư Khoa đã được chấp nhận.

Sau khi nhận được mật lệnh, ngày 6 tháng sáu, Hồ Chí Minh đáp xe lửa về Trung Quốc với bí danh "Lin" là "học sinh đã hoàn thành khóa học". Vì sao Hồ Chí Minh được phóng thích sau nhiều năm bị quản chế ở Liên Xô dưới danh nghĩa học tập cải tạo? Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, nội bộ Mạc Tư Khoa không muốn để ông ra đi. Thế nhưng, vào thời kỳ những năm 1930, hồ sơ liên quan đến Hồ Chí Minh còn lại rất ít, cho nên, để biết được nguyên nhân và động cơ thoát khỏi Mạc Tư Khoa của ông, ta chỉ có thể suy đoán. Tuy vậy, không thể biết Quốc tế cộng sản đã giao cho Hồ Chí Minh nhiệm vụ gì? Chỉ thấy ông ta hầu như đặt nhiều hy vọng vào Cộng sản Trung Quốc tích cực can thiệp đối với nhà đương cục Mạc Tư Khoa. Hồ Chí Minh báo về với người phụ trách mới của Mạc Tư Khoa ở Trung Quốc, tiếp đó là giúp đỡ ông thực hiện nhiệm vụ vận động cách mạng ở Việt Nam.

William J. Duiker cho rằng, việc Hồ Chí Minh rời Mạc Tư Khoa năm 1938 là do Quốc tế cộng sản cho phép, giao phó một mật lệnh, làm xong sẽ báo cáo giải trình. Vì sao lãnh tụ cách mạng Việt Nam không trực tiếp trở về nước tham gia chỉ đạo phong trào, mà lại trải qua ngàn dặm xa xôi đến tận căn cứ địa cách mạng Diên An, Trung Quốc, sau khi bàn mưu tính kế với trùm đặc vụ Khang Sinh mới cùng Diệp Kiếm Anh về làm việc ở Bát lộ quân Quảng Tây Trung cộng? Tôi có nhận xét, William J. Duiker giải thích: " Căn cứ vào khoảng thời gian từ mùa thu năm 1938 đến tháng năm năm 1943, có thể phán đoán những hoạt động của Hồ Chí Minh tại Trung Quốc, mà chủ yếu là cung cấp tin tức về Mạc Tư Khoa". Giải thích như thế xem ra có vẻ hợp tình hợp lý nhưng rất không chính xác. Vì sao Hồ Chí Minh lại phải đi theo Diệp Kiếm Anh một chặng đường dài đến làm việc ở Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm, Quảng Tây? Duyên cớ gì trong thời gian 5 năm, ông chỉ hoạt động ở các tỉnh vùng biên giới Trung Quốc như Quế, Kiềm, Diên cùng với lãnh đạo cao cấp của Đảng Cộng sản Trung Quốc Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh, Khang Sinh, Lý Khắc Nông bàn mưu tính kế? Nội dung những vấn

đề cơ mật là gì? Tôi cho rằng thân phận đích thực của Hồ Chí Minh có liên quan đến việc Quốc tế cộng sản giao cho ông nhiệm vụ bí mật. Căn cứ vào những hồ sơ ghi chép về những hoạt động của Hồ Chí Minh tại Trung Quốc, tôi đã thấy xuất hiện một vài manh mối mới. Kết hợp với những tài liệu lưu trữ trong gia tộc, tôi đem so sánh, đối chiếu, và, phần nào đã phục hồi được sự thật lịch sử.

MÀN HAI



HỒ CHÍ MINH Ở TRUNG QUỐC (1938 - 1945)

NGÀN DẶM XA XÔI ĐẾN DIÊN AN

Đầu năm 1938, Hồ Chí Minh rời Mạc Tư Khoa bằng xe lửa xuyên qua vùng lãnh nguyên phía nam nước Nga, lưu lại Alma-Ata, thủ phủ của nước Cộng hòa Kazakhstan, sau đó tiếp tục đến vùng biên giới Trung Quốc, nhập vào một đoàn thương gia, qua Urumchi (Ô Lỗ Mộc Tề) rồi về Lan Châu. Tại Lan Châu, Hồ Chí Minh gặp được người của Đảng Cộng sản Trung Quốc giúp đỡ tiếp tục hành trình tới Tây An. Đến Tây An, ông lại được thủ trưởng cơ quan Giải phóng quân nhân dân Tây An Ngũ Tu Quyền tiếp đón. Hồi ký Ngũ Tu Quyền viết: "Các đồng chí lãnh đạo cao cấp phân công tôi tiếp đón một nhân vật rất quan trọng. người châu Á, tuy không biết họ tên nhưng được lệnh phải tiếp đãi chu đáo, sau đó bảo vệ cẩn thận để ông ta đến Diên An an toàn". Tại Tây An, Hồ Chí Minh đợi hai ngày, sau đó nhập vào một đoàn xe trâu và xe ngựa, đi lên phía bắc chừng hơn trăm dặm thì đến sơn khu Diên An. Trên đường đi gặp khá nhiều quân đội Quốc dân đảng. Hồ Chí Minh cải trang thành người đánh xe đi cùng đoàn dân phu, vì thế, phần lớn hành trình đều phải đi bộ.

Cuối tháng mười, Hồ Chí Minh đến nhà khách "Vườn Táo" do đặc vụ Khang Sinh tiếp đón. Lúc ấy, Khang Sinh là Bộ trưởng Bộ Xã hội, phụ trách công việc an toàn điều tra, Lý Khắc Nông là Phó bộ trưởng kiêm nhiệm thủ trưởng Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm, Quảng Tây. Thật là, ở đời người ta gặp nhau khó lường. Những tưởng vào khoảng năm 1934, tại Mạc Tư Khoa, Khang Sinh đã đề xuất mức án xử tử Hồ Chí Minh, vậy mà ngày nay, tại "Vườn Táo", ông ta lại trở thành khách quý của trùm đặc vụ. Căn cứ vào những bằng chứng có được, Hồ Chí Minh và Khang Sinh bàn mưu với mật lệnh do Quốc tế cộng sản giao phó là có liên quan đến, một là, quét sạch chủ nghĩa Trosky và những phần tử theo chủ nghĩa Trosky, hai là, chấp hành tuyệt đối không được để lộ bí mật cho người ngoài biết". Trong tập 3 "Hồ Chí Minh toàn tập", có bức thư Hồ Chí Minh gửi "Tiếng nói của chúng ta" ở Việt Nam (Ngã môn chi thanh), năm 1939, nội dung đề cập đối với chủ nghĩa Trosky là phải phân định rạch ròi, có đầy đủ chứng cứ. Nhiệm vụ bí mật có thể liên quan đến thân phận người Đài Loan của Hồ Chí Minh. Theo quan niệm người đời "chết mà sống", "nghèo mà quý", vật đổi sao dời, họa phúc sớm chiều, thì rất khó dự đoán.

Sau khi đến nhà khách "Vườn Táo" một tuần, Hồ Chí Minh cải trang thành lính cần vụ của Diệp Kiếm Anh trên hành trình dậm trường cát bụi đến Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm, Quảng Tây. Đây là bước đi đầu tiên trong sự nghiệp vinh quang của Hồ Chí Minh sau này. Thời kỳ Hồ Chí Minh đến Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm, Quảng Tây không có cách nào tra cứu chính xác. Tài liệu Trung cộng thì ghi là cuối năm 1938. Căn cứ vào giáo sư Hoàng Tranh trong bài phỏng vấn Hà Khải Quân ngày 23 tháng chín năm 1982 như sau: "Vào khoảng cuối năm 1938 đến đầu năm 1939. lúc ấy, tôi và Hồ Chí Minh, bí danh là Hồ Quang, cùng làm việc tại Tổng bộ Bát lộ quân Quế Lâm, Quảng Tây, hết giờ lại về ở trong một căn phòng lớn phía tây đường Mạc Thôn. Nghe giọng nói, tôi biết ông là người Quảng Đông.

Hồ Chí Minh phụ trách công việc vệ sinh kiêm viết báo tân văn, vì thế cũng là một vị lãnh đạo cơ quan. Ông còn phụ trách biên tập tờ nội san "Sinh hoạt tảo báo" (Sinh hoạt buổi sáng). Tất nhiên chúng tôi hoàn toàn không biết thân phận của ông, sau này mới phát hiện ra, Hồ Quang có rất nhiều nét đặc biệt. Có một lần, tôi phê bình ông ấy một vài vụ việc nho nhỏ, đến ngày thứ hai, Lý Khắc Nông phụ trách "Bát biện" (Quế Lâm Bát lộ quân biện sự xứ), tìm gặp hỏi tôi phê bình Hồ Quang về việc gì? Sao lại dám tự tiện phê bình như vậy? Đến lúc ấy tôi mới biết thân phận Hồ Quang không đơn giản. Ông là người rất có khí thế".

CƠ QUAN BÁT LỘ QUÂN QUẾ LÂM

Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm đóng tại nhà số 96, đường Trung Sơn Bắc, thành phố Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, cũng gọi là Cơ quan Tập đoàn quân 18 Quốc dân cách mạng quân, là một cơ quan bí mật của Cục Phương Nam Trung cộng. Hạ tuần tháng mười một năm 1938, căn cứ vào chỉ thị của Trung ương, sau khi Chu Ân Lai cùng Quốc dân đảng Quế Lâm hiệp thương, Lý Khắc Nông lấy tư cách Bí thư trưởng Cục Phương Nam kiêm chủ nhiệm Cơ quan Bát lộ quân, toàn quyền phụ trách Quế Lâm. Từ tháng mười hai năm 1938 đến tháng năm năm 1939, Chu Ân Lai đã ba lần đến Quế Lâm trực tiếp chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Cơ quan Bát lộ quân và lãnh đạo Cục Phương Nam, tích cực tuyên truyền chủ trương kháng Nhật, đoàn kết các nhân sĩ yêu nước kháng nhật, hợp thành mặt trận thống nhất, triển khai các hình thức vận động cứu quốc.

Ngày 20 tháng giêng năm 1941, xảy ra sự biến "Miền nam An Huy" (Hoãn Nam sự biến), ảnh hưởng đến vận mệnh Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm, nên buộc phải triệt hồi rút về Diên An. Thời gian này, Diệp Kiếm Anh, Diệp Đĩnh, Quách Mạt Nhược, Hạ Diễn cũng đã rút về đây tiếp tục hoạt động.

Từ cuối tháng mười hai năm 1938, sau khi Chu Ân Lai đến Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm chỉ đạo công tác, Hồ Chí Minh cũng được bố trí là Phó chủ nhiệm "Cứu vong thất" kiêm Ủy viên phụ trách vệ sinh và Ủy viên biên tập báo tường. Lúc ấy, trừ chủ nhiệm Lý Khắc Nông ra, rất ít người biết Hồ Chí Minh là Ủy viên Đông Phương bộ, Quốc tế cộng sản và thân phận thực

của ông. Hồ Chí Minh là bạn rất thân thiết của Chu Ân Lai, tích cực vận động Diệp Kiếm Anh phụ trách quân sự và Lý Khắc Nông phụ trách đặc vụ, nên đã thành lập được "Đảng bộ Hải ngoại" của Đảng Cộng sản Việt Nam, hoạt động rất có hiệu quả.

BAN HUẤN LUYỆN CÁN BỘ CHIẾN TRANH DU KÍCH HÀNH SƠN, HỒ NAM

Tháng hai năm 1939, người chỉ huy quân sự của Đảng Cộng sản Trung Quốc là Diệp Kiếm Anh chuyển từ Quế Lâm về phía đông bắc khoảng hai trăm dặm, đến phía nam dãy núi Hành Sơn, thành lập "Trung tâm huấn luyện cán bộ du kích". Kế hoạch này hình thành từ 25 tháng mười một năm 1938, khi tại Hành Sơn, triệu tập Hội nghị quân sự, đề xuất "hai giai đoạn kháng chiến". Hội nghị nhận thấy, chiến tranh du kích có ưu thế hơn chiến tranh chính quy nên đã quyết định thành lập. Giai đoạn thứ nhất của Ban huấn luyện cán bộ du kích bắt đầu từ ngày 15 tháng hai năm 1939. Giai đoạn thứ hai từ 20 tháng sáu đến 20 tháng chín năm 1939.

Hồ Chí Minh sau 6 tháng rời Quế Lâm, lấy bí danh Hồ Quang, tham gia giai đoạn hai lớp huấn luyện cán bộ du kích. Chương trình huấn luyện đã cung cấp cho Hồ Chí Minh rất nhiều phương tiện và kiến thức bổ ích. Sau này, khi rời khỏi sơn khu Tĩnh Tây, Hồ Chí Minh đã sử dụng những kiến thức và kinh nghiệm quý đó, về căn cứ địa Việt Bắc, mở lớp huấn luyện chiến tranh du kích và lập ra một chi đội giải phóng quân vũ trang đầu tiên.

Một mặt tham gia huấn luyện "Du kích ban", mặt khác, Hồ Chí Minh còn đảm nhiệm công việc điện báo viên điện đài, nghe các thông tin từ đài phát thanh nước ngoài, đặt trụ sở trong một trang viên phía tây thành Nhạc Dương. Hồi ký của Ngô Khê Như, một người từng là giáo viên giảng dạy tại "Du kích ban", viết về Hồ Chí Minh như sau: "Đồng chí Hồ Chí Minh tham gia khóa học Huấn luyện cán bộ du kích vài tháng, cũng kiêm nhiệm luôn công việc phiên dịch, chức danh là Trưởng ban thông tin cơ quan Quế Lâm, thường gọi là Ngoại công". Hồi ký của Lý Bội Quần cũng viết: "Hồ Chí Minh nói chuyện bằng tiếng Quảng Đông rất giỏi nhưng tiếng phổ thông thì không được lưu loát. Khi ấy, các đồng chí được Đảng Cộng sản cử đến Ban huấn luyện cán bộ du kích ở Nhạc Dương rất ít người biết tiếng Quảng Đông, nhưng Hồ Chí Minh chỉ thích nói chuyện với chúng tôi bằng tiếng phổ thông".

(Tác giả nhận định, Lý Bội Quần là liên lạc viên giao thông Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm, sau khi khóa "Huấn luyện cán bộ du kích Hành Sơn" kết thúc, Hồ Chí Minh được đưa đến Long Châu Quảng Tây để liên lạc với người của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những người chạp, không hoạt bát khó có thể làm liên lạc. Lý Bội Quần nói "Hồ Chí Minh nói tiếng Quảng Đông rất giỏi" chính là nói tiếng Khách, bởi Lý Bội Quần cũng là người Khách nên rất thông thạo thứ ngôn ngữ này. Vào năm 1930, Chu Ân Lai đã biết rõ Hồ Tập Chương là người Khách đến từ Đài Loan, cho nên, năm 1931, Hồ Tập Chương trốn khỏi Quảng Châu, một người Khách khác là Đào Chú đã cử một nữ đảng viên Khách Gia đi cùng để bảo vệ. Năm 1932, vào lúc Hồ

Tập Chương đang lẩn trốn ở Long Châu, lại cùng một người Khách Gia khác là Đặng Tiểu Bình bàn mưu tính kế cho cuộc khởi nghĩa Long Châu. Năm 1938, lúc từ phía nam Diên An xuống Quế Lâm, Hồ Chí Minh được bố trí làm lính cần vụ cho một người Khách Gia khác là Diệp Kiếm Anh. Hàng loạt những sự việc trùng hợp nhau hoàn toàn không đơn giản, bởi lẽ đều là có sự sắp xếp từ trước).

Trong một cuốn sách nhỏ nhan đề "Thông tin về đợt hai Ban huấn luyện cán bộ du kích quân huấn Bộ Tổng tham mưu, Ủy viên quân sự hội", có đăng tải công khai hồ sơ Hồ Chí Minh như sau:

Họ tên: **Hồ Quang**
Chức vụ: **Thiếu tá, nhân viên Đài tân văn.**
Tuổi: **38**
Quê quán: **Quảng Đông**
Đơn vị: **Tập đoàn quân 18.**

Từng làm công tác: Giáo viên trung học, hiệu trưởng trường ngoại ngữ.

ĐẢNG BỘ HẢI NGOẠI ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 9 năm 1939, sau khi lớp "Huấn luyện cán bộ du kích" kết thúc, Hồ Chí Minh lại trở về Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm. Tháng mười hai năm 1939, ông được điều đến Cơ quan Bát lộ quân Quý Dương giúp việc cho đồng chí cấp dưỡng. Mọi người đều hoan hỷ đón tiếp Hồ Chí Minh. Ông cũng thường dạy mọi người tiếng Nga và tiếng Anh, vào lúc có tiền thì bỏ ra một ít mua rau quả mời mọi người cùng ăn.

Đầu năm 1940, Hồ Chí Minh ở thôn Hồng Nham thuộc Cơ quan Bát lộ quân Trùng Khánh, đã có vài lần cùng Chu Ân Lai và Diệp Kiếm Anh bí mật bàn bạc. Tháng hai năm 1940, Hồ Chí Minh đến Côn Minh, với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã liên lạc được với Đảng bộ Hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng Cộng sản Đông Dương dưới danh nghĩa Việt Kiều ở Côn Minh đã sớm xây dựng tổ chức, triển khai hoạt động. Thời kỳ năm 1939, tại Côn Minh đã thành lập được bộ phận hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương, những người lãnh đạo gồm Phùng Chí Kiên, Vũ Anh (bí danh Trịnh Đông Hải), Hoàng Văn Hoan (bí danh Lý Quang Hoa). Tháng năm năm 1940, Hồ Chí Minh cùng nhóm Phùng Chí Kiên tại Vân Nam (tỉnh Điền) đi xe lửa về Côn Minh. Lúc này, Phạm Văn Đồng (bí danh Lâm Bá Kiệt), Võ Nguyên Giáp (bí danh Dương Hoài Nam) đã từ Việt Nam đến Côn Minh. Sau khi đến trụ sở Đảng bộ Hải ngoại, nhóm này được gặp Hồ Chí Minh tại công viên Thúy Hồ. Lúc ấy họ hoàn toàn không biết Hồ Chí Minh đã đề nghị Đảng Cộng sản Đông Dương thu nhập Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương hải ngoại, đồng thời cử họ đi Diên An học tập. Đầu tháng sáu, Cao Hồng Lĩnh

dẫn đường đưa Hoàng Văn Hoan và Võ Nguyên Giáp đến Cơ quan Bát lộ quân Quý Dương chờ để đi Diên An học tại "Đại học kháng Nhật Tây Nam" do trùm đặc vụ Khang Sinh chủ trì.

Ngày 27 tháng sáu năm 1940, quân đội Hitler đánh chiếm thủ đô Paris, nước Pháp đầu hàng. Ngày 22 tháng chín năm 1940, đại tướng Decoux vừa nhậm chức Toàn quyền Đông Dương, đã thỏa thuận ngầm cho quân đội Nhật vượt qua ải Nam Quan tiến xuống Hải Phòng. Hồ Chí Minh suy nghĩ, tình hình này sẽ đẩy Việt Nam và Đông Dương đến một cục diện mới, liền triệu tập Đảng bộ Hải ngoại, đề xuất chuyển địa bàn hoạt động về vùng biên giới Quảng Tây-Việt Nam, sau đó về nước trực tiếp chỉ đạo đấu tranh vũ trang. Mọi người đều đồng ý kế hoạch này. Sau đó, Hồ Chí Minh từ Côn Minh đi Trùng Khánh gặp Chu Ân Lai, một tháng sau lại trở về Côn Minh.

Thời gian này, Đảng bộ Hải ngoại nhận được thư của Hồ Học Lãm do Văn phòng ủy viên quân sự Quế Lâm của tướng Lý Tế Thâm chuyển cho. Trong thư, Hồ Học Lãm nói, Tư lệnh trưởng Đệ tứ chiến khu Liễu Châu có một sĩ quan người Việt là Trương Bội Công, nhận được chỉ lệnh quan trọng của Quốc dân đảng là quân đội Trung Quốc sắp tiến vào Việt Nam. Để đối phó với sự kiện này, Trương Bội Công đã tiến hành chiêu mộ nhân sĩ Việt Nam, tổ chức tại biên giới một đội công tác. Hồ Học Lãm cũng đề nghị các đồng chí ở Đảng bộ Hải ngoại từ Côn Minh sang Quảng Tây để tiện khống chế Trương Bội Công. Hồ Chí Minh nhận thấy đây là thời cơ thuận lợi, lập tức yêu cầu Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, Hoàng Văn Hoan phải nhanh chóng sang Quảng Tây, đồng thời thông báo đến Quý Dương cho Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp tạm thời không đi Diên An mà trở lại Quảng Tây. Việc tiếp theo là chuyển trụ sở Đảng bộ Hải ngoại về đóng tại Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm, coi như trung tâm chỉ huy tác chiến, thành lập căn cứ địa cách mạng, triển khai phương thức đấu tranh mới.

Tháng mười năm 1940, Hồ Chí Minh trở lại Quế Lâm. Không lâu sau, Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, Hoàng Văn Hoan, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp cũng từ chỗ Trương Bội Công ở Liễu Châu về Quế Lâm. Có Hồ Chí Minh tại Cơ quan Bát lộ quân ngầm yểm trợ, Vũ Anh, Phạm Văn Đồng làm liên lạc, đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương Hải ngoại đã tổ chức được lực lượng. Trong khi ấy, ở Quế lâm, Hồ Chí Minh thành lập cơ quan "Việt Nam độc lập đồng minh hội" do Hồ Học Lãm làm Chủ nhiệm, Phạm Văn Đồng làm Phó chủ nhiệm. Hồ Chí Minh lại bố trí Hoàng Văn Hoan, Phạm Văn Đồng gặp gỡ Lý Tế Thâm, đồng thời mở tiệc chiêu đãi thư ký của ông ta để cho "Việt Nam độc lập đồng minh hội" được thành lập từ ngày 8 tháng mười hai năm 1940. Từ nay, những người cộng sản Việt Nam tại Quế Lâm đã có một tổ chức hoạt động công khai, hợp pháp.

Như vậy, mọi hoạt động của "Việt Nam độc lập đồng minh hội", thực tế là do Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Hải ngoại chỉ đạo, đồng thời, Hồ Chí Minh còn thông qua quan hệ với Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm để Hồ Học Lãm, Phạm Văn Đồng tiếp xúc với giới ký giả tân văn, nhân sĩ văn hóa, với mục đích quảng bá rộng rãi cho cách mạng Việt Nam. Tiếp sau đó lại

thành lập "Trung Việt văn hóa công tác đồng chí hội" nhằm triển khai các hoạt động của "Việt Nam độc lập đồng minh", kiên trì đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc.

MẶT TRẬN VIỆT NAM ĐỘC LẬP ĐỒNG MINH

Sau khi thành lập được "Việt Nam độc lập đồng minh hội", dưới sự yểm trợ của Hồ Chí Minh, Đảng bộ Hải ngoại Đảng Cộng sản Việt Nam lại tổ chức thành công "Trung Việt văn hóa công tác đồng chí hội" để có chỗ dựa, đã tranh thủ lợi dụng hoàn cảnh, tạo điều kiện tối đa cho các đảng viên Đảng bộ Hải ngoại hoạt động công khai.

Thời kỳ này, những người cộng sản Việt Nam lợi dụng sự kiện Pháp Nhật xung đột ở Lạng Sơn để tổ chức cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn. Sau đó không lâu, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan chuyển về huyện Tĩnh Tây, thành lập "Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên hội" vào tháng bảy năm 1940 tại Liễu Châu với lời phát biểu "Tuyên ngôn thành lập" kêu gọi các dân tộc Việt Nam vùng lên đấu tranh thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp, phát xít Nhật. Có được nguồn kinh phí do Trương Bội Công xin được từ Quốc dân đảng, "Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên hội" mở lớp huấn luyện cán bộ thanh niên Việt Nam, làm nòng cốt cho công cuộc giải phóng dân tộc. Đầu năm 1941, Hồ Chí Minh đem "Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên hội" phân chia làm hai tổ. Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan ở lại Tĩnh Tây, Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, Lê Quảng Ba về Cao Bằng làm cơ sở nòng cốt công tác. Sau khi thành lập cơ quan tại thôn Bắc Pha thuộc huyện Hà Quảng, Cao Bằng, Hồ Chí Minh lần này cải tên là Thu Ông, từ Tĩnh Tây về Bắc Pha. Bắc Pha là một thôn nhỏ hẻo lánh vùng núi cao, cư dân toàn là người Nùng. Đây là lần đầu tiên Hồ Chí Minh đến Việt Nam trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Nhóm Phạm Văn Đồng lưu lại Tĩnh Tây vẫn sử dụng mối quan hệ giữa Trương Bội Công và Quốc dân đảng làm chỗ dựa, đến ngày 12 tháng tư năm 1941 thì chính thức thành lập "Việt Nam dân tộc Giải phóng đồng minh hội".

Đến lúc này, những tổ chức thành viên do Đảng Cộng sản Việt Nam lập ra và chỉ đạo gồm có Đảng Dân chủ Việt Nam và "Việt Nam độc lập đồng minh hội". "Việt Nam dân tộc Giải phóng đồng minh hội" thành lập không lâu, Hồ Chí Minh lại thành lập Cơ quan Trung ương chỉ huy bí mật của Đảng cộng sản Đông Dương. Ngày 10 tháng năm năm 1941, tại Bắc Pha, triệu tập Hội nghị VIII Đảng Cộng sản Đông Dương do Hồ Chí Minh chủ trì. Tham gia Hội nghị gồm có Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh (Đặng Xuân Khu), Phùng Chí Kiên, Hoàng Văn Hoan, Hoàng Quốc Việt. Hội nghị quyết định thành lập và phát triển căn cứ địa du kích, thành lập "Mặt trận Việt Minh", lấy "Việt Nam độc lập đồng minh" làm trung tâm cùng 16 tổ chức "Cứu quốc hội". Ngày 19 tháng năm năm 1941, thành lập "Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh", gọi tắt là "Việt Minh". Hội nghị suy tôn Hồ Chí Minh là Tổng bí thư Đảng, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tuy nhiên Hồ Chí Minh kiên quyết từ chối, đề nghị chuyển chức vụ này cho Trường Chinh, người đã có nhiều năm hoạt động bí mật trong nước. Cương lĩnh của Việt Minh quy định, mục tiêu phấn đấu trước mắt của nhân dân Việt Nam là, sau khi lật đổ phát xít Pháp,

Nhật, sẽ thành lập Chính phủ cách mạng của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đồng thời sử dụng cờ đỏ sao vàng làm quốc kỳ.

BỊ BẮT Ở QUẢNG TÂY VÀ TẬP THƠ "NHẬT KÝ TRONG TÙ"

Sau khi kết thúc Hội nghị VIII Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và thành lập "Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh", trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, thời gian này, Hồ Chí Minh thường qua lại giữa Bắc Pha và Tĩnh Tây. Ngày 6 tháng sáu năm 1941, Hồ Chí Minh viết bức thư nhan đề "Thư hiệu triệu gửi đồng bào Việt Nam", ký tên Nguyễn Ái Quốc, nguyên văn bằng chữ Hán, qua phương thức "thừ từ nước ngoài gửi về" kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên, thành lập "Hội cứu quốc", đánh đổ đế quốc Nhật, Pháp xâm lược. Bức thư hiệu triệu này rất nhanh chóng lan truyền đến các địa phương, cổ vũ mãnh liệt tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam, làm cho không khí cách mạng lan rộng khắp các tỉnh, các giới nhân sĩ tham gia các "Hội cứu quốc" mỗi ngày một đông.

(Tác giả nhận định, căn cứ vào lời giáo sư Tưởng Vĩnh Kính, 16 tổ chức "Hội cứu quốc" dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương bao gồm các đoàn thể: công nhân, nông dân, quân nhân, văn hóa, thanh niên, phụ nữ, nhi đồng, phụ lão, Phật giáo, Thiên chúa giáo, thương nhân v.v... Mặt trận Việt Minh có sức lan tỏa rộng khắp, ảnh hưởng ngày càng lớn đến quần chúng nhân dân, nguyên nhân cũng bởi hình tượng Nguyễn Ái Quốc bỗng nhiên sống lại trong lòng nhân dân Việt Nam sau 10 năm vắng bóng vì cái tin ông đã chết do bệnh lao phổi vào mùa thu năm 1932. Lần đầu tiên cái tên Nguyễn Ái Quốc xuất hiện công khai trước báo chí quốc tế.

Hạ tuần tháng tám năm 1942, được Lê Quảng Ba dẫn đường, Hồ Chí Minh lại một lần nữa rời Bắc Pha sang Trung Quốc. Mục đích sang Trung Quốc của ông lần này là để di Trùng Khánh gặp Chu Ân Lai báo cáo tình hình Việt Nam hiện tại và trao đổi về tình hình thế giới.

(Tác giả nhận định, Hồ Chí Minh sau khi bị Quốc dân đảng bắt giữ, trong tập "Nhật ký trong tù" của ông có bài "Tưởng công huấn từ" (Lời dạy của Tưởng công), đã bị giải thích thành "Lần này đến Trung Quốc để gặp Tưởng Giới Thạch" là sai lầm. Từ những năm 1929, Chu Ân Lai đã sớm biết Hồ Tập Chương là người Đài Loan, cũng biết Nguyễn Ái Quốc đã chết năm 1932, và đến năm 1935, Quốc tế cộng sản dùng Hồ Tập Chương thay thế thân phận Nguyễn Ái Quốc. Năm 1938, Hồ Tập Chương đến "Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm", họ Chu đã dành cho Hồ Quang sự giúp đỡ đặc biệt. Từ năm 1940 đến 1941, Hồ Quang và Chu Ân Lai nhiều lần gặp nhau tại Trùng Khánh bàn việc cơ mật. Được các Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm, Quý Châu, Trùng Khánh hết sức yểm trợ, Hồ Quang đã có những sáng tạo mới làm thay đổi sự nghiệp cách mạng. Về điểm này, chắc Hồ Tập Chương ghi nhớ rõ từng chi tiết trong lòng, cho nên đã nhiều lần xưng hô với Chu Ân Lai là "Ân ca". Tình cảm bạn bè giữa hai người còn hơn cả tình đồng chí).

Trước khi đi, Hồ Chí Minh đóng dấu tên mình, ở giữa là ba chữ Hồ Chí Minh, hai bên phải trái viết các chữ "Tân văn ký giả" và "Việt Nam Hoa kiều". Danh xưng Hồ Chí Minh này được bắt đầu dùng từ ngày 25 tháng tám khi ông đến Ba Mông Thành, huyện Tĩnh Tây, ở lại nhà người anh em kết nghĩa Từ Vĩ, vui vẻ đón tết rằm tháng bảy. Sáng sớm ngày 27 tháng tám, Hồ Chí Minh được một người dân biên giới là Dương Đào dẫn đi Trùng Khánh. Vào lúc hai người đang trên đường đến Túc Vinh, huyện Đức Bảo thì bị đám hương cảnh thuộc Sở Cảnh sát bắt giữ. Khi hương cảnh Dương Phúc Mậu tra vấn Hồ Chí Minh, đối chiếu với lai lịch của ông, người này tỏ vẻ hoài nghi, phát hiện ngoài những giấy tờ chứng minh là hội viên "Phân hội quốc tế phản xâm lược" còn mang theo thẻ phóng viên "Trung Quốc thanh niên tân văn ký giả", thông tin viên đặc biệt "Quốc tế tân văn xã" cùng với giấy thông hành quân đội do Tư lệnh trưởng Đệ tứ chiến khu cấp. Những giấy tờ này đều được cấp vào năm 1940, đã hết hạn sử dụng, chứng tỏ lai lịch Hồ Chí Minh rất phức tạp, có khả năng là gián điệp nên bắt lại, giải đến trụ sở hương, giao cho điều tra viên Mã Hiển Vinh, sau đó, ông được chuyển đến cơ quan quân sự tối cao Quảng Tây thẩm vấn. Từ ngày 27 tháng tám bị bắt ở Túc Vinh, Hồ Chí Minh bị giả qua Tĩnh Tây, Nam Ninh, Liễu Châu, Quế Lâm v.v... tất cả 13 huyện, hương, trấn, tạm giam ở 18 nhà ngục. Tính ra, Hồ Chí Minh bị giam trong ngục 14 tháng, trong tù, ông dùng Hán văn viết tập thơ "Nhật ký trong tù" gồm 133 bài. Giáo sư Hoàng Tranh nhận xét: "Nhật ký trong tù" gồm thơ thất luật (thất ngôn bát cú), thất tuyệt (thất ngôn tứ tuyệt), ngũ luật (ngũ ngôn) và tạp văn, nội dung phần lớn đều để thư giãn đầu óc hoặc phản ánh hiện thực, lúc hứng lên thì ngâm ngợi. Thơ ông thường xuất khẩu mà thành, không có sự gia công chỉnh sửa nhưng rõ ràng, dễ hiểu. 134 bài thơ (tính gộp cả bài "Mới ra tù tập leo núi") trong tù, không đơn giản chỉ là thơ, mà là một bộ sử thi tự họa chân dung của một nhà cách mạng. Mỗi bài thơ trên hành trình đều phản ánh một cách sinh động tư thế ung dung tự tại, một trí tuệ lớn của nhà cách mạng lão luyện, kiên nghị - hình tượng Hồ Chí Minh".

Sau khi Hồ Chí Minh bị bắt, Việt cộng Trung ương vô cùng hoang mang, đã nhiều lần điện báo hỏi chính phủ Quốc dân đảng, lại thông qua các hãng thông tấn REUTERS Anh Quốc, AFP của Pháp và TASS của Liên Xô loan báo tin tức, tạo dư luận. Họ dùng trăm phương ngàn kế gây áp lực với nhà đương cục Trung Quốc, yêu cầu phóng thích Hồ Chí Minh, nhưng chính phủ Quốc dân đảng đều không chấp nhận. Lúc ấy, Chu Ân Lai ở Trùng Khánh biết tin, phải nhờ đến Phùng Ngọc Tường và Lý Tông Nhân, còn Tưởng Giới Thạch thì gây áp lực với các địa phương, đến cuối tháng giêng năm 1943, ra lệnh cho Đệ tứ chiến khu phóng thích Hồ Chí Minh, giao cho Ban chính trị thẩm tra, xử lý. Hồ Chí Minh từ nhà tù Quế Lâm đến trại tạm giam quân đội Liễu Châu. "Nhật ký trong tù" có 2 bài ghi lại sự việc xảy ra lúc ấy. Bài 108, nhan đề "Đến Ban chính trị Đệ tứ chiến khu":

*Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua,
Phạm tội gì đây ? Ta thử hỏi,*

Tội trung với nước, với dân à ?

Và bài: "Nhà giam của Cục chính trị":

*Ba thước chiều dài hai thước rộng,
Bốn người chen chúc ở bên trong.
Duỗi chân một tí cũng không thể,
Nhà hẹp mà người lại quá đông.*

Ngày 10 tháng chín năm 1943, Hồ Chí Minh từ nhà tạm giam quân đội được trả tự do.

TRỞ LẠI BẮC PHA, THÁNG TÁM KHẢI CA

Ra khỏi ngục không lâu, Hồ Chí Minh được Tư lệnh trưởng Đệ tứ chiến khu Trương Phát Khuê ngưỡng mộ đề nghị tham gia hoạt động "Việt Nam cách mạng đồng minh hội" và cử làm Phó chủ tịch (Chủ tịch là Nguyễn Hải Thần). Tổ chức có sự hiệp trợ của nhân sĩ các đảng phái Việt Nam tại Đệ tứ chiến khu, được thành lập từ tháng mười năm 1942. Tháng ba năm 1944, "Việt Nam cách mạng đồng minh hội" khai mạc Hội nghị đại biểu "Hải ngoại cách mạng đoàn thể", bầu ta ban chấp hành. Tháng sáu năm 1944, Hoàng Văn Hoan sang Liễu Châu hội kiến với Hồ Chí Minh báo cáo về tình hình cách mạng Việt Nam và những hoạt động của Việt Minh. Hồ Chí Minh nhân thời cơ khi Hội nghị đại biểu "Hải ngoại cách mạng đoàn thể" kết thúc, nói với Trương Phát Khuê ý định trở lại Việt Nam, đồng thời đệ trình ông ta một bản dự thảo tổng quát kế hoạch công tác là phát triển "Việt Nam cách mạng đồng minh hội", giành độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. Sau khi Trương Phát Khuê đồng ý, Hồ Chí Minh bèn tổ chức "Chiến địa công tác tổng đội", chọn được 18 thanh niên ưu tú rời Liễu Châu vào ngày 9 tháng tám năm 1944 về Bắc Pha.

Ngày 27 tháng chín năm 1940, phát xít Nhật đánh chiếm Lạng Sơn, quân Pháp thua trận rút lui qua Bắc Sơn về Thái Nguyên. Phùng Chí Kiên, Chu Văn Tấn, Lương Văn Chi lấy danh nghĩa Đảng Cộng sản Đông Dương, lãnh đạo nhân dân Bắc Sơn khởi nghĩa, đánh bại quân pháp, thu vũ khí, xây dựng căn cứ địa cách mạng Bắc Sơn - Vũ Nhai. Năm 1943, tại căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan, Vũ Anh lãnh đạo xây dựng Cao Bằng thành căn cứ địa cách mạng trung ương. Hồ Chí Minh và các lãnh đạo cao cấp của Đảng Cộng sản Đông Dương nghiên cứu, khảo sát tình thế cách mạng, quyết định thành lập "Đội tuyên truyền Việt Nam giải phóng quân" vào ngày 22 tháng mười hai năm 1944 do Võ Nguyên Giáp làm chỉ huy trưởng, Hoàng Văn Thái làm chính trị viên, đặt nền móng cho lực lượng quân đội Cộng sản Việt Nam sau này.

Ngày 4 tháng sáu năm 1945 "Việt Nam cứu quốc quân" và "Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân" hợp nhất thành "Việt Nam giải phóng quân". Cũng trong tháng tám, chớp được thời cơ quân đội Nhật đầu hàng Đồng Minh, cao trào cách mạng bùng phát, Võ Nguyên Giáp, Chu

Văn Tấn, Hoàng Văn Thái chỉ huy đội "Việt Nam giải phóng quân" tiến về thủ đô Hà Nội, không mất một viên đạn, một người lính.

Trung tuần tháng tám năm 1945, Hồ Chí Minh sau khi được tin Nhật Bản đã chấp nhận "Tuyên bố Potsdam", từ ngày 13 đến 15 tháng tám năm 1945, tại Tuyên Quang, Đảng Cộng sản Đông Dương triệu tập hội nghị chuẩn bị công tác vũ trang khởi nghĩa.

Ngày 15 tháng tám, Nhật Bản đầu hàng. Ngày 16 tháng tám, Tổng bộ Việt Minh tổ chức "Hội nghị toàn quốc" thông qua nghị quyết, tập trung toàn bộ lực lượng, phát động tổng khởi nghĩa toàn quốc. Sau khi giành được hoàn toàn độc lập, sẽ thành lập nhà nước "Việt Nam Dân chủ Cộng hòa", thực hiện cải cách dân chủ với 10 chính sách lớn, suy tôn Hồ Chí Minh làm chủ tịch, quyết định trước khi quân đội Đồng Minh tiến nhập lãnh thổ Việt Nam, phải giành được chính quyền từ tay quân đội Nhật.

Ngày 16 tháng tám, "Việt Nam giải phóng quân" tiến đánh Thái Nguyên, mở đầu cho cuộc tổng khởi nghĩa. Ngày 19 tháng tám năm 1945, Hà Nội khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 23 tháng tám, tại Trung bộ, Huế khởi nghĩa. Ngày 25 tháng tám, Sài Gòn khởi nghĩa. Từ 16 đến 28 tháng tám, khởi nghĩa đã nổ ra ở sáu mươi tỉnh trong cả nước, từ Bắc đến Nam đều thành lập chính quyền mới.

Ngày 27 tháng tám, thành lập Chính phủ Lâm thời "Việt Nam, dân chủ cộng hòa", đề cử Hồ Chí Minh là chủ tịch. Ngày 30 tháng tám, tại triều đình Huế, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Cách mạng tháng Tám toàn quốc thắng lợi, ngày 2 tháng chín năm 1945, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời, tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội, đọc bản "Tuyên ngôn độc lập", tuyên bố chấm dứt ách thống trị tám mươi năm của thực dân Pháp và chế độ chuyên chế nghìn năm phong kiến, đồng thời tuyên bố nước Việt Nam độc lập và thành lập nhà nước "Việt Nam Dân chủ Cộng hòa".

CON NGƯỜI THẬT CỦA HỒ CHÍ MINH

Trong Thiên I "Hài kịch tráo rỗng đối phương" tôi đã dành khá nhiều trang phản biện, chứng minh Nguyễn Ái Quốc đã chết vào mùa thu năm 1932 do bệnh lao phổi. Ở Thiên II "Ve sầu thoát xác, thật giả kiếp người", tôi cũng chỉ ra từ năm 1929 đến 1933, có hai vị Hồ Chí Minh đồng thời xuất hiện, một người là Nguyễn Ái Quốc, còn người kia là Hồ Tập Chương. Và Thiên IV, Màn một, "Hồ Chí Minh ở Liên Xô", tôi cũng đã làm rõ, Hồ Tập Chương tiếp tục thân phận của Nguyễn Ái Quốc theo phương pháp "dời hoa tiếp cây" là bởi kế hoạch của Quốc tế cộng sản, đồng thời cũng là âm mưu của lãnh đạo Trung cộng, Việt cộng và bản thân Hồ Chí Minh phối hợp với nhau. Trong thiên này, tôi viết, Hồ Chí Minh từ năm 1938 đến 1945, những năm tháng ở Trung Quốc đã từng bước chứng minh thân phận của ông, chính là Hồ Tập Chương

đến từ Đài Loan.

Vì sao vào tháng mười năm 1938, Hồ Chí Minh đi hàng ngàn dặm đường xa xôi để đến căn cứ địa Diên An mà không trở về Việt Nam? Tại nhà khách "Vườn Táo" Diên An, Hồ Chí Minh đã mật đàm những gì với trùm đặc vụ Khang Sinh? Vì sao lại vội vàng theo Diệp Kiếm Anh về "Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm"? Vì sao đến Quế Lâm lại đột nhiên mất tích nửa tháng? Vậy trong nửa tháng ấy Hồ Chí Minh ở đâu? Trên đường đi Quế Lâm là biên giới Việt Trung, vậy vì sao không trực tiếp về Việt Nam mà lại theo dự "Lớp huấn luyện cán bộ du kích Hành Sơn, Hồ Nam"? Vì sao phải nhiều lần thông qua liên lạc Trung cộng mới gặp mặt phía Việt cộng? Càng kỳ lạ hơn nữa là, vào những năm 1938, 1939, phần lớn các bài viết của Hồ Chí Minh đều bằng Hán văn, điều mà trước đây hầu như chưa từng có. Những chuyện này khiến người ta không khỏi nghi ngờ là trong đó còn che giấu những chuyện bí mật chẳng?

Thực ra, thời kỳ từ năm 1938 đến 1945, Hồ Chí Minh ở Trung Quốc, lãnh đạo cao cấp Trung cộng đã biết rõ về lai lịch của ông, nhưng vì lợi ích tối cao của Đảng Cộng sản, ngoài việc giúp đỡ Hồ Chí Minh tạo ra một nước Việt Nam cộng sản độc lập, Trung cộng luôn che giấu thân phận Hồ Chí Minh nhằm mạo dụng thân phận Nguyễn Ái Quốc. Vì thế, những hồ sơ, tài liệu có liên quan đến lai lịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ này đều không hợp tình hợp lý, không phản ánh đúng diện mạo lịch sử, cho dù chúng đã được các học giả nổi tiếng viết thành truyện ký, tiểu sử, tuy vậy, tất cả đều là những lầm lẫn lớn, hoặc vô tình, hoặc cố ý, biến Hồ Tập Chương thành Nguyễn Ái Quốc, tạo nên một huyền thoại Hồ Chí Minh lừa dối người đời.

HỒ CHÍ MINH CHẤP HÀNH "NHIỆM VỤ BÍ MẬT"

Mùa thu năm 1938, vào thời điểm Hồ Chí Minh rời khỏi Mạc Tư Khoa, Liên Xô và chính phủ Quốc dân đảng lại tái lập đồng minh. Từ tháng Tám năm 1937, hai bên đã lần lượt gặp nhau tại Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh ký hiệp định không xâm phạm lẫn nhau, đồng thời xúc tiến hợp tác hai đảng Quốc Cộng lần thứ hai để chống lại quân đội Nhật xâm nhập Trung Quốc.

Từ năm 1939 đến 1944, Hồ Chí Minh hoạt động ở vùng tây nam Trung Quốc, rõ ràng là thực hiện nhiệm vụ Quốc tế cộng sản giao phó khuếch trương thanh thế hai đảng Trung -Việt, thống nhất chiến tuyến chống phát xít Nhật. Lúc này, Liên Xô phải đối mặt với sự uy hiếp của quân đội Nhật, ngoài việc viện trợ cho chính phủ Tưởng Giới Thạch 300 đến 450 triệu rúp để thiết lập mặt trận chống phát xít, còn lại là chuyển giao vũ khí, khí tài quân sự. Đúng vào thời điểm và hoàn cảnh này, Hồ Chí Minh rời khỏi Mạc Tư Khoa đến Trung Quốc thực hiện nhiệm vụ của Quốc tế cộng sản.

Vậy thì Quốc tế cộng sản đã giao cho Hồ Chí Minh nhiệm vụ bí mật gì? Không có bất cứ một nguồn thông tin công khai nào cho biết một cách đầy đủ nhiệm vụ ấy. Sau này, theo báo cáo của Hồ Chí Minh gửi các "Ủy viên Trung ương hội" và Quốc tế cộng sản, chẳng ngại "Chỉ thị 7

điểm" hay "8 điểm", đều không triển khai việc thanh trừng các phần tử Troskism, không khai triển trận tuyến liên hợp chống phái Trosky giữa Trung cộng và Việt cộng. Vậy mà, một năm sau, Hồ Chí Minh dựa vào trí nhớ, gửi Quốc tế cộng sản một bản báo cáo bằng Hán văn: "Khi tôi ở Diên An làm kẻ lữ hành, những ghi chép kẹp giữa bản chỉ lệnh về công tác chính trị của Quốc tế cộng sản bị mất, cho nên, bắt buộc phải căn cứ vào trí nhớ để báo cáo công tác".

Có phải Hồ Chí Minh bị mất tài liệu thật hay ông ta chỉ mượn cớ để tránh né? Tôi thật sự nghi ngờ, chỉ lệnh công tác có hay không có một điều "Yêu cầu đồng chí Hồ Chí Minh đến Quân khu Quảng Châu của Nhật Bản"? Mật lệnh này liên quan đến thân phận chân chính Hồ Chí Minh và những hoạt động của Hồ Chí Minh sau khi ông mất tích tại miền nam nửa tháng.

SỰ MẤT TÍCH NỬA THÁNG KỲ LẠ CỦA HỒ CHÍ MINH

Các tài liệu trong và ngoài nước đều ghi chép rõ, tháng mười năm 1938, Hồ Chí Minh đến Diên An, sau khi nghỉ ngơi 2 tuần lại cùng quân đội Diệp Kiếm Anh hỏa tốc đến Cơ quan Bát lộ quân Trung cộng ở Quế Lâm Quảng Tây vào cuối tháng mười hai cùng năm. Giả thiết trung tuần tháng mười hoặc cuối tháng mười, Hồ Chí Minh xuất phát từ Diên An, hành trình được dự tính là nửa tháng, thế nhưng mãi đến cuối tháng mười hai mới đến Cơ quan Bát lộ quân Trung cộng Quế Lâm. Như vậy, từ đầu tháng mười một đến cuối tháng mười hai, ít ra thời gian cũng gần nửa tháng, Hồ Chí Minh mất tích một cách thần bí.

Thời gian nửa tháng này, Hồ Chí Minh đến nơi nào, làm những việc gì, đều chưa thấy được ghi chép trong bất cứ tài liệu nào. Liệu có phải Hồ Chí Minh thực hiện chỉ lệnh thần bí của Quốc tế cộng sản? Từ Mạc Tư Khoa, Hồ Chí Minh đi một chặng đường dài vất vả đến Diên An gặp trùm đặc vụ trùm đặc vụ Khang Sinh bàn mưu tính kế gì? Vội vàng theo Diệp Kiếm Anh đến Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm Quảng Tây gặp người chủ trì cơ quan đặc vụ Lý Khắc Nông bàn những chuyện gì? Những cuộc gặp gỡ giữa Hồ Chí Minh với Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh, Lý Khắc Nông bàn những vấn đề gì? Và, trong nửa tháng mất tích Hồ Chí Minh ở đâu?

"ĐÀI LOAN NHẬT NHẬT TÂN BÁO"

Từ tháng mười một đến tháng mười hai năm 1938, Hồ Chí Minh đột nhiên mất tích nửa tháng, trong nửa tháng này, thật kỳ diệu, tôi tìm được trong "Đài Loan nhật nhật tân báo". Liên kết "Đài Loan Nhật nhật tân báo" với ngày tháng Hồ Chí Minh mất tích, tôi đã tìm được câu trả lời rõ ràng. "Đài Loan nhật nhật tân báo" số ra ngày 12 tháng 11 năm 1938 có bài viết: "Thông dịch viên quân đội Nhật là Hồ Tập Chương, người gốc Đài Loan, đã trốn khỏi nhà ngục Nam Thạch Đầu, Hà Nam (Quảng Châu). Sau khi tạm trú tại bản doanh quân đội Nhật Ōta, ông được tuyển vào làm thông dịch cho quan chỉ huy Nhật Bản Quân khu Quảng Đông Tiểu Lạp Nguyên Thái Úy(4). (Tác giả nhận định: thông dịch tức là phiên dịch).

Nhận định hoạt động trong nửa tháng mất tích của Hồ Chí Minh, có liên quan đến việc Hồ Tập Chương làm thông dịch cho quân đội Nhật ở Quảng Châu hoàn toàn không phải là võ đoán hoặc tùy ý bịa đặt. Trong tay tôi có những chứng cứ tương đối sát thực để khẳng định Hồ Chí Minh là Hồ Tập Chương. Từ việc Hồ Chí Minh tại Liên Xô bị cưỡng chế học tập cải tạo 5 năm, vì sao đến mùa thu năm 1938, vào lúc quân đội Nhật chiếm đóng Quảng Châu mới đột nhiên để Hồ Chí Minh rời khỏi Mạc Tư Khoa? Sau khi vượt ngàn dặm xa xôi trở về Trung Quốc gặp trùm đặc vụ Khang Sinh, Diệp Kiếm Anh, Lý Khắc Nông, Chu Ân Lai hội đàm mật, Hồ Chí Minh lại đến Cơ quan Bát lộ quân Trung cộng Quế Lâm. Đặc biệt lúc ấy, trên dọc các tuyến đường Quế Lâm, Liễu Châu Quảng Tây, quân đội các nước Trung, Nhật, Pháp, Việt đang tranh chấp nhau. Quân cảnh, đặc vụ, gián điệp đủ loại thường xuyên bắt giữ, tra hỏi những đối tượng khả nghi. Trong khi ấy, một người không thuộc đường đi lối lại như Hồ Chí Minh làm sao dám công nhiên đi Quế Lâm? Chuyện này chỉ có một cách giải thích hợp lý là, Hồ Chí Minh thực hiện "nhiệm vụ bí mật" của Quốc tế cộng sản. Nhiệm vụ này phải tuyệt đối giữ kín. Một khi bí mật bị bại lộ, thân phận thực của Hồ Chí Minh cũng bại lộ theo. Vì thế, Quốc tế cộng sản, Trung cộng và Việt cộng luôn tìm cách giấu nhem bí mật này mà cho đến nay vẫn còn là một nghi án nằm trong bóng tối.

Vậy nhiệm vụ bí mật mà Hồ Chí Minh phải thực hiện là gì? Và Quốc tế cộng sản đã giao cho Hồ Chí Minh bao nhiêu nhiệm vụ bí mật?

Từ các chứng cứ ta có thể xác định theo hướng sau: Được nhân viên đặc tình giúp đỡ, Hồ Chí Minh thâm nhập vào Quân khu Quảng Châu của quân đội Nhật, tìm hiểu những hoạt động của chúng để báo cáo cho Quốc tế cộng sản. Về sự kiện này, giáo sư William J. Duiker, trong "Truyện Hồ Chí Minh" đã viết: "Hồ Chí Minh báo cáo về Mạc Tư Khoa nhưng hoạt động của mình tại Trung Quốc, đó là nhiệm vụ chính". Quốc tế cộng sản vì sao lại giao nhiệm vụ này cho Hồ Chí Minh? Căn cứ vào tình hình lúc ấy mà phân tích, kết hợp với bản tin trên "Đài Loan nhật nhật tân báo", có thể suy đoán như sau:

1 - Tìm hiểu những hoạt động của quân đội Nhật làm tài liệu tham khảo cho Quốc tế cộng sản và Đảng Cộng sản Liên Xô. Như bài viết của Hồ Chí Minh trên tờ "Cứu vong nhật báo" Quảng Tây ngày 18 tháng mười hai năm 1940: "Việt Nam phục quốc quân hoàn thị mại quốc quân", có thể chứng minh, sau năm 1931, Trần Văn An, từng là Bộ trưởng ngoại giao Chính phủ Mãn Châu, sau năm 1938 Quảng Châu thất thủ, ông ta quay về vùng biên giới Quảng Đông - Việt Nam hoạt động. Cuối tháng chín năm ấy, Nhật Bản xâm chiếm Việt Nam, Nguyễn Cường Để, Trần Văn An theo sau quân Nhật về hoạt động tại vùng Lạng Sơn-Cao Bằng. Trước mắt, quân đội Nhật còn bị Anh, Mỹ, Nga ngăn trở, chưa dám xâm phạm Việt Nam nhưng vẫn nhòm ngó một cách thèm khát nguồn tài nguyên phong phú trên lãnh thổ của họ, nên đã tìm cách chiêu mộ Việt gian, mục đích nhiễu loạn dân tâm, mượn cớ đưa quân vào Việt Nam. Việc này, lẽ nào không phải do Hồ Chí Minh thâm nhập vào Quân khu Quảng Châu thu thập thông tin tình báo? (Xem thêm bài trong "Cứu vong nhật báo", chuyên đề 11 thiên).

2 - Hồ Chí Minh có đủ điều kiện, năng lực chọn một phụ nữ tuyệt đẹp để thực hiện nhiệm vụ đặc biệt. Căn cứ vào "Đài Loan nhật nhật tân báo", Hồ Tập Chương tuyển chọn những thanh niên ưu tú Đài Loan đến quân đội Nhật Bản để huấn luyện gián điệp, sau đó phái đến các vùng hậu địch Trung Quốc để thu lượm thông tin tình báo. Hồ Tập Chương vốn sinh ra ở quận Miêu Lật, châu Tân Trúc, đã tốt nghiệp Khoa Hóa học, Đại học Công nghiệp Đài Bắc, thầy hướng dẫn là tiên sinh Tataru. Chỉ huy tối cao quân đội Nhật tại Quân khu Quảng Đông là Tiểu Lạp Nguyên Thái Úy (小笠原太尉), những năm trước đã từng chỉ huy quân đội Nhật ở Đài Loan, với Tataru (Đa Điền La) là chỗ quen biết. Tôi dẫn ra hai sự kiện trên để chứng minh, Hồ Chí Minh thực hiện mật lệnh không phải do hai người này tuyển chọn. Khả năng tiếng Nhật của Hồ Chí Minh đã được trang bị từ trước. Ông hiểu rất rõ tình hình Nhật bản, phân tích thông tin có cơ sở khoa học, lại ở ngay Bộ chỉ huy Quân khu Quảng Châu, đồng thời được cơ quan đặc vụ Trung cộng yểm hộ nên mọi công việc tiến hành khá thuận lợi. Như vậy mới có thể giải thích, vì sao Quốc tế cộng sản chuẩn y cho Hồ Chí Minh rời khỏi Mạc Tư Khoa, cấp thời cùng Diệp Kiếm Anh đến Cơ quan Bát lộ quân Quế Lâm cùng Khang Sinh, Diệp Kiếm Anh, Chu Ân Lai, Lý Khắc Nông mật đàm. Đây chính là nguyên nhân khi Hồ Chí Minh đến cơ quan đặc vụ của Lý Khắc nông thì đột nhiên mất tích nửa tháng, tạo nên những nghi vấn khó giải thích.

Quy nạp từ "Đài Loan nhật nhật tân báo", đặc phái viên Quảng Châu Tấn Trung ngày 12, 18, 21 tháng mười một và ngày 7 tháng mười hai năm 1938 tại "Đài Loan nhật nhật tân báo", có những điểm chủ yếu liên quan đến Hồ Tập Chương như sau:

1 - Hồ Tập Chương tuyển chọn các thanh niên ưu tú từ Đài Bắc, Tân Trúc, Đài Trung, Đài Nam, Cao Hùng đến học tại "Trung tâm huấn luyện gián điệp Nhật Bản". Sau khi mãn khóa, vào ngày 8 tháng... năm... được cử đến các vùng hậu địch của Trung Quốc hoạt động tình báo. Hồ Tập Chương vốn là người trang Đồng la, quận Miêu Lật, châu Tân Trúc, Đài Loan, tuổi 38, tốt nghiệp Khoa Hóa học ứng dụng, Đại học Công nghiệp Đài Bắc. Bài đăng kèm một tấm ảnh Hồ Tập Chương rất mờ.

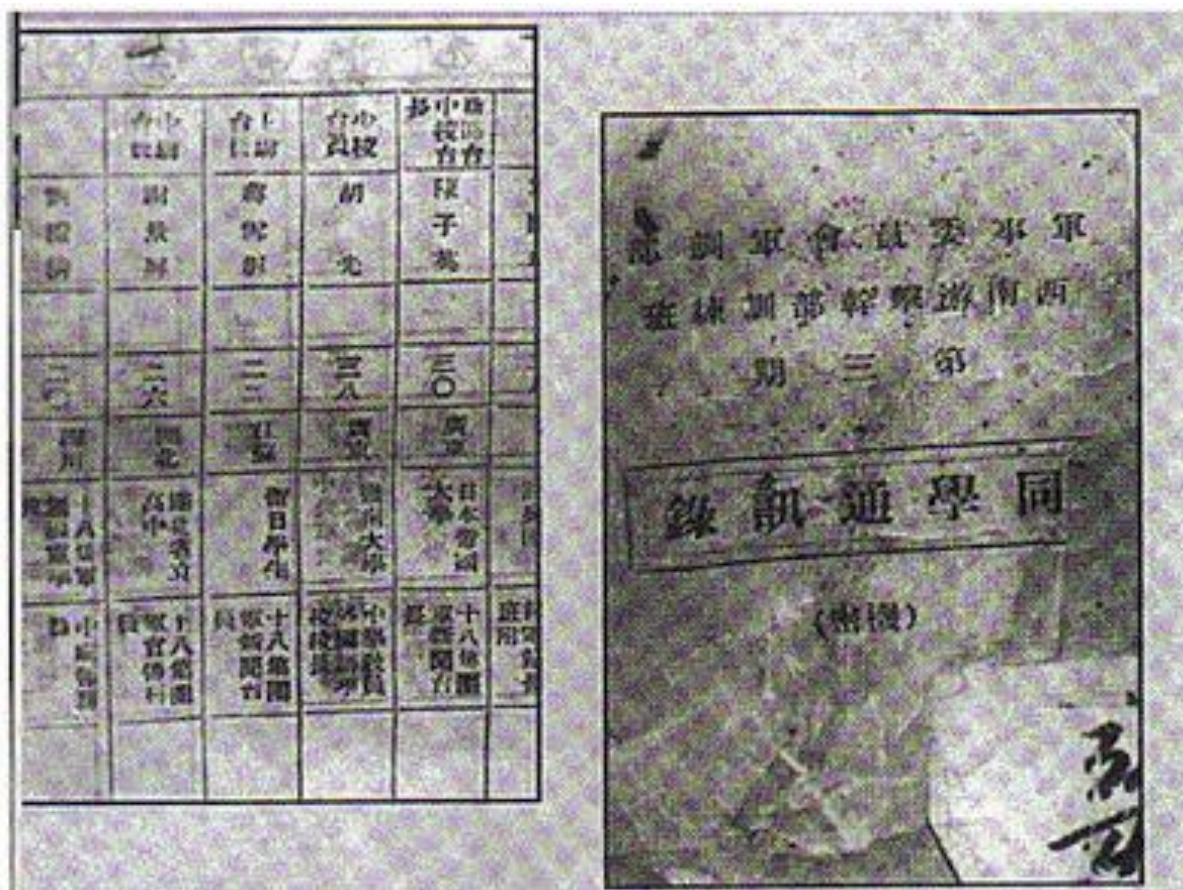
2 - Vào năm Thiên Hòa thứ năm (1930), Hồ Tập Chương bất chấp nguy hiểm tính mệnh, từ biệt vợ con đến Quảng Đông thực hiện lý tưởng của mình. Ông từng mở xưởng sản xuất hương chống muỗi, hương sồi và nấu rượu, cũng từng cư trú ở khu Nam Đường đối ngạn với Quảng Châu làm kỹ sư khai thác, phân tích và giám định quặng của công ty khai thác quặng Nam Phương thực nghiệp.

3 - Sự kiện "Song thất" bùng nổ, Hồ Tập Chương bị quân đội Quốc dân đảng bắt với tội danh Hán gian, ông nhận là người Trung Quốc nên được thả, sau đó có người mật báo, ông là người Nhật nên lại bị bắt tổng giam vào nhà lao Nam Thạch Đầu, Hà Nam. Lúc ấy, quân đội Nhật bất ngờ đột kích vào vùng tây nam duyên hải, chiếm đóng Quảng Châu, quân đội Trung Quốc thất bại thảm hại, Hồ Tập Chương thừa cơ trốn khỏi nhà giam về khu Nam Đường. Nhà giam Nam Thạch Đầu nhốt hai nghìn tù nhân, phần lớn là những kẻ bị tình nghi gián điệp Nhật,

trước khi quân đội Nhật đột kích đã bị thẩm sát.

4 - Khi Hồ Tập Chương thoát khỏi ngục về khu Nam Đường, lại bị quân đội Nhật của Ota tuần tra phát hiện. Ông ta nói rõ về thân phận mình, liền được đưa đến Bộ chỉ huy tối cao Quân khu Quảng Đông của tướng Tiểu Lạp Nguyên Thái Úy làm thông dịch viên. Tiểu Lạp Nguyên Thái Úy từng đóng quân ở Đài Bắc, sau sự biến "Song thất" về Nhật, ít lâu sau gia nhập bộ đội Kawaguchi, được phái sang Quảng Châu. Hồ Tập Chương: "Tôi có một người thầy giảng dạy ở Đại học Công nghiệp Đài Bắc là ngài Ota. Tôi rời quê hương đã 4, 5 năm, từng bị giam giữ trong nhà tù hơn một năm, có thời kỳ làm việc khai mỏ quặng ở vùng núi Lưỡng Quảng, hiện tại cuộc sống rất là khó khăn". Phái viên Tân Trung theo dõi quá trình hoạt động của Hồ Tập Chương, đặc biệt nhấn mạnh: "Trước mắt Hồ Tập Chương sống trong quân đội. Ông ta chỉ có một mình, nên trọng dụng, sẽ rất được việc".

Sau khi tin tức trên báo chí Đài Loan truyền đến, Đài Loan tổ chức đoàn Ủy vấn đến Quảng Châu thăm Hồ Tập Chương. Người anh thứ tư của Hồ Tập Chương là Hồ Tập Phi đã viết thư đặc biệt cảm ơn "Đài Loan nhật nhật tân báo". "Đài Loan nhật nhật tân báo" năm Chiêu Hòa thứ mười ba (1938), tháng mười một và tháng mười hai có đăng tải 4 bài về Hồ Tập Chương. Dưới đây là ảnh chụp từ tờ báo đã được cắt ra.



Hồ Tập Chương thoát khỏi nhà giam ngày 12 tháng 11 năm 1938

cộng sản và dân chúng đem về giam giữ tại đây, trong đó có những nhân vật nổi tiếng của Đảng Cộng sản như Lưu Nhĩ Tung, Thẩm Tĩnh Trai, Tống Thời Luân, Tiêu Sở Nữ, Hùng Hùng, Lý Sâm, Đặng Bồi v. v...

Nói rằng, "khoảng thời gian từ tháng mười một đến tháng mười hai, Hồ Chí Minh bí mật đến Quảng Châu, trà trộn vào quân đội Nhật", tuy nhiên đó lại là mưu kế đã được bàn bạc kỹ giữa Hồ Chí Minh và ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, chỉ là vì Hồ Tập Chương bị giam giữ tại nhà ngục Nam Thạch Đầu, Hà Nam, rốt cuộc sự thực sờ sờ trước mắt, không thể bác bỏ.

Tại Thiên III "Ve sầu thoát xác, thật giả kiếp người", tôi đã dẫn ra một đoạn "Hồi ký Trịnh Siêu Lân": "Mùa hè năm 1931, Phó Đại Khánh ở nhà giam Quảng Châu gặp Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh nhờ Phó Đại Khánh chuyển lời đề nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc tìm cách giải cứu". (Xem thêm: "Lịch sử và hồi ức - Ghi chép cuối đời của Trịnh Siêu Lân", quyển 2 "Truyện Phó Đại Khánh" trang 506, hoặc tham khảo "Hồi ức Trịnh Siêu Lân", trích yếu như phụ lục 2). Mùa hè năm 1931, Phó Đại Khánh bị giam ở nhà lao Nam Thạch Đầu, Hà Nam có gặp Hồ Chí Minh, tự nghĩ là, đây không thể nào là Nguyễn Ái Quốc, Thời gian ấy, Nguyễn Ái Quốc đang bị giam tại nhà tù Victorria Hương Cảng, không thể đồng thời lại bị giam ở nhà ngục Nam Thạch Đầu. Vì thế vị "Hồ Chí Minh" bị giam ở đây nhất định phải là Hồ Tập Chương. Cả Trịnh Siêu Lân và Phó Đại Khánh đều là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc thuộc phái Troskism. Thời kỳ đầu kháng chiến chống Nhật, Phó Đại Khánh bị hiến binh Nhật sát hại, Trịnh Siêu Lân bị giam trong ngục, hưởng thọ 98 tuổi.

Trước sau năm 1930, Hồ Tập Chương nhận nhiệm vụ tại "Liên minh mậu dịch Thái Bình Dương", là liên lạc viên của Cục Viễn Đông Quốc tế cộng sản, do đó đã sớm có mối quan hệ mật thiết với các đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, quen biết cả Trịnh Siêu Lân và Phó Đại Khánh. Hai người này nhất định nhận ra Hồ Chí Minh chính là Hồ Tập Chương, chỉ có cái tên khác nhau mà thôi.

Trong bài "Mối tình sống chết giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan", Lương Ích Tân có viết một đoạn "Ẩn trốn tại Quảng Châu, tránh bị truy bắt" như sau:

"Năm 1930, Tưởng Giới Thạch điều động quân đội Quốc dân đảng bao vây tiểu trừ Hồng quân khu Giang Tây Tô, đồng thời ra lệnh cho các địa phương khẩn trương truy bắt các phần tử cộng sản. Dương Thành (Quảng Châu) cũng không ngoại lệ. Hồ Chí Minh lúc này đang ở Quảng Châu. Nơi đây, trước đó do nhu cầu công tác, ông đã mấy lần về Việt Nam, tuy nhiên, lần này thì khác, Hồ Chí Minh bị đặc vụ truy đuổi ráo riết, không chốn nương thân, chỉ còn cách liên lạc với Tỉnh ủy Quảng Đông nhờ giúp đỡ. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Đông Đào Chú đã bố trí một nữ đảng viên là Lâm Y Lan, đóng giả làm vợ Hồ Chí Minh để bảo vệ an toàn cho ông ta". Tiếp đến mục "Lâm Y Lan lấy tư cách là vợ" đã chăm sóc Hồ Chí Minh trong sinh hoạt thường ngày vô cùng tận tình, chu đáo làm cho ông đặc biệt cảm kích, đã có lúc muốn thổ lộ

tình cảm, nhưng vì thời cơ chưa chín muồi nên trong lòng vẫn trù trừ. Lâm Y Lan thấy Hồ Chí Minh nói với mình những lời chân thành, thâm tâm đã có phần ưng ý, nhưng vì là phận nữ nhi, không tiện nói ra. Không lâu sau, do bị một đồng chí phản bội, Hồ Chí Minh bị bắt. Lúc chia tay, Hồ Chí Minh ôm lấy Lâm Y Lan, dùng khăn tay lau nước mắt chonàng : " Hãy cứng rắn lên, đừng để kẻ thù cười chúng ta mềm yếu", nói rồi lấy quyển nhật ký đưa cho Lâm Y Lan : " Tâm sự của tôi đều ở trong này, sẽ cùng đi với em".Tiếp đó là "Trong hoàn nạn mới thấy lòng thành", một lần nữa tác giả kể lại: "Ba ngày sau khi Hồ Chí Minh được cứu thoát, Lâm Y Lan nhìn đắm đắm vào khuôn mặt hốc hác của ông, hỏi : "Chí Minh, sao không đợi muối đến đón?". Theo lời Lương Ích Tân tường thuật lại, ta sẽ thấy rất rõ, đây là những ghi chép về Hồ Chí Minh thời kỳ đầu những năm 1930, chính xác là bị Quốc dân đảng Quảng Châu bắt giữ, mà không phải là Nguyễn Ái Quốc bị cảnh sát Hương Cảng bắt giữ. (Xem thêm Thiên V "Khúc ca buồn về tình yêu và hôn nhân".

Tại "Đài Loan Quốc hoa thư tịch", năm 1946, Ngô Trọc Lưu xuất bản cuốn "Hồ Chí Minh" bằng tiếng Nhật, sau này, khi dịch sang Trung văn, lấy tên là "Đứa con cô châu Á". Tại Thiên 3 gồm các chương "Xuân lành", "Bị giam", "Thoát ngục", tác giả có chèn lẫn vào một đoạn sử liệu về tình yêu giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan khi ông ta bí mật đến Quảng Châu. Đọc kỹ những tư liệu này cùng những tư liệu ghi chép về Hồ Tập Chương người Đài Loan, độc giả sẽ thấy ngay đó là Hồ Chí Minh ở Việt Nam (Xem bài báo "Hồ Chí Minh của Ngô Trọc Lưu Đài Loan").

Theo "Đài Loan nhật nhật tân báo", từ năm 1938 và "Hồ Chí Minh" của Ngô Trọc Lưu tại Đài Loan năm 1946, đều có ghi chép sự kiện Hồ Tập Chương bị bắt giữ ở Quảng Châu. Trong bài "Mối tình sống chết giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan" (Hồi ký Trịnh Siêu Lân) viết cũng có sự kiện Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu. Những tư liệu này đều chứng minh Hồ Tập Chương tức là Hồ Chí Minh, cũng chứng thực về bí mật của dòng họ Hồ Miêu Lật, Đài Loan mấy đời truyền khẩu cho nhau, nhất định không phải là ngụy tạo cố sự.

Năm 1938, người em út của Hồ Tập Chương là Hồ Tập Dưỡng đã từ Đài Loan đến Quảng Châu gặp anh. Lúc ấy, Hồ Tập Dưỡng, cũng tốt nghiệp hạng ưu Đại học Sư phạm Đài Bắc, bị quân đội Nhật trưng dụng đưa đến Quân hạm hải quân Hương Cảng làm thông dịch. Tình cờ đọc "Đài Loan nhật nhật tân báo", biết tin về Hồ Tập Chương đã chín năm bất vô âm tín, vì vậy Hồ Tập Dưỡng đã đến Quảng Châu gặp anh vào khoảng trung tuần tháng mười hai, báo tin về người con trai là Hồ Thự Quang. Năm 1939, Hồ Chí Minh lấy bí danh là Hồ Quang có lẽ là do nhớ đến tình cha con. Đây là lời Hồ Tập Dưỡng sau khi trở về Đài Loan đã thông báo cho gia đình:

"Tôi phải trải qua vô cùng khó khăn gian khổ, thậm chí còn xuống cả thuyền hải tặc mới gặp được Hồ Tập Chương". Câu đầu tiên khi gặp tôi Hồ Tập Chương hỏi: "Tại sao chú tìm được đến đây? Nguy hiểm lắm!". Sau khi hai anh em nói chuyện với nhau về tình hình gia đình, Hồ

Tập Chương bảo: "Tôi hiện đang làm công tác đặc biệt, có thể nguy hiểm đến tính mạng bất cứ lúc nào". Rồi anh ấy dặn tôi chuyển lời đến gia đình: "Không được đến đây tìm tôi nữa, sắp tới tôi sẽ đi Vân Nam sang công tác ở Việt Nam, nếu không thành công sẽ không về nhà".

"Đài Loan nhật nhật tân báo" và "Những tư liệu về Nam Nhạc du kích ban":

Có một chứng cứ quan trọng nữa để chứng minh Hồ Tập Chương chính là Hồ Chí Minh. "Đài Loan nhật nhật tân báo" đưa tin: "Hồ Tập Chương là người trang Đồng La, quận Miêu Lật, Đài Loan. tuổi 38". Cách đây không đến nửa năm, Ban huấn luyện cán bộ du kích Nam Nhạc, Hồ Nam có in cuốn sách nhỏ nhan đề "Thông tin về đồng môn", ghi danh Hồ Chí Minh, 38 tuổi là hoàn toàn phù hợp. Nếu so với Nguyễn Ái Quốc 49 tuổi thì khoảng cách chênh lệch những 11 tuổi, sẽ là sự lầm lẫn lớn. Vào năm 1939, Hồ Chí Minh ở Ban huấn luyện cán bộ du kích Nam Nhạc, có đầy đủ chứng cứ ghi trong cuốn sách "Thông tin về đồng môn", đã đưa công khai lý lịch của ông qua phần phụ lục dưới đây:



Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai

Tên họ:	Hồ Quang
Chức vụ:	Thiếu tá
Tuổi:	38
Quê quán:	Quảng Đông
Đơn vị:	Tập đoàn quân 18
Tốt nghiệp trường nào:	Lĩnh Nam đại học
Từng làm công tác gì:	Giáo viên trung học, hiệu trưởng trường ngoại ngữ.

Tên họ: Hồ Quang. Hồ Quang chính là bí danh Hồ Chí Minh từ năm 1939 đến 1942 sau khi từ Mạc Tư Khoa về Trung Quốc. Bí danh của Hồ Chí Minh ở Liên Xô là P.C.Lin (Lin là phiên âm

của chữ "Lâm", cũng là họ bên vợ của Hồ Tập Chương tại Đài Loan Lâm Quế muội. "P.C" thì không rõ có dụng ý gì, nhưng chữ "Quang" trong "Hồ Quang" thì chính là tên người con trai duy nhất của ông ở Đài Loan "Hồ Thự Quang". Gia phả họ Hồ tại Miêu Lật, Đồng La, Đài Loan có ghi như sau: Đời thứ 21 dựa vào hàng chữ "Tập" như Tập Trân, Tập Phi, Tập Chương, Tập Đường v.v... Đời thứ 22 dựa vào hàng chữ "Quang" như Sùng Quang, Quan Quang, Hoán Quang, Thự Quang v.v...

Chức vụ: Thiếu tá, nhân viên điện đài tân văn (Tân văn đài thiếu hiệu đài viên). Hồ Quang đích thực là nhân viên điện đài của Ban huấn luyện cán bộ du kích Nam Nhạc, Hành Sơn, Hồ Nam, phụ trách thu thập thông tin từ các đài phát thanh. Tôi rất chú ý đến chi tiết, chưa đầy nửa năm, sau khi theo Diệp Kiếm Anh làm cần vụ, từ một anh binh nhì, Hồ Quang được thăng lên cấp bậc thiếu tá, điện đài viên, phụ trách thu lượm tin tức từ các đài phát thanh. Đối chiếu với Hồ Quang trong "Thông tin về đồng môn", ta sẽ thấy xuất hiện manh mối. Họ tên người xếp phía trước là Trần Tử Anh, cấp bậc trung tá trưởng đài, tốt nghiệp Đại học Nhật Bản đế quốc, đơn vị công tác là Tập đoàn quân 18. Người ở phía dưới là Tưởng Tuyết Ảnh, cấp bậc thượng úy, đài viên, lưu học sinh tại Nhật Bản, đơn vị công tác là Tập đoàn quân 18. Hồ Quang vốn là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, phụ thuộc vào Tập đoàn quân 18. Những nhân viên chuyên môn điện đài thu thập thông tin tình báo từ Nhật Bản đều từng học tại Nhật và thông thạo tiếng Nhật. Hồ Quang (Hồ Tập Chương) phụ trách công việc này hiển nhiên là rất phù hợp. Tuy nhiên, ở mục "Quá trình học tập và tốt nghiệp trường nào", Hồ Quang lại không đăng ký "Tốt nghiệp Đại học Công nghiệp Đài Bắc". Rõ ràng, thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan, Hồ Tập Chương từng học tiểu học, trung học rồi Đại học Công nghiệp Đài Bắc, vì thế, trình độ tiếng Nhật và văn hóa Nhật của ông rất khá.

Tuổi 38: Ngày 11 tháng mười hai năm 1938, "Đài Loan nhật tân báo" đăng tải bài viết về Hồ Tập Chương nói ông 38 tuổi mà năm sinh đích thực của Hồ Chí Minh không phải là năm sinh của Nguyễn Ái Quốc. Theo thông tin chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19 tháng năm năm 1890, đến năm 1939 đã 49 tuổi. Trong khi đó, gia phả họ Hồ Miêu Lật ghi, Hồ Tập Chương sinh vào giờ Thân, ngày 11 tháng mười năm Tân Sửu, tức năm Minh Trị thứ 34, chuyển sang dương lịch là năm 1901, vừa tròn 38 tuổi. Điều này càng chứng tỏ, Nguyễn Ái Quốc của Việt Nam không phải là Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh chính là Hồ Tập Chương đến từ Miêu Lật, Đài Loan.

Quê quán gốc Quảng Đông: Quê gốc Nguyễn Ái Quốc là làng Kim Liên, xã Nam Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Quê gốc của Hồ Quang (Hồ Tập Chương) ở huyện Trường Lạc, phủ Huệ Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, vì thế ông mới đăng ký nguyên quán Quảng Đông. Là người Quảng Đông, nói tiếng Quảng Đông lưu loát, tự nhiên hợp tình hợp lý. Dưới đây là bản phụ lục gia phả giản lược họ Hồ Miêu Lật do thân phụ Hồ Tập Chương là Hồ Dẫn Lượng ghi chép:

"Đài Loan nhật nhật tân báo" và "Nhật ký trong tù"

Hồ Tập Chương tức là Hồ Chí Minh, nếu ta liên kết các sự kiện lại với nhau. "Đài Loan nhật nhật tân báo" đưa tin, Hồ Tập Chương tốt nghiệp Khoa Hóa học ứng dụng, Đại học Công nghiệp Đài Bắc, từng làm kỹ sư giám định chất lượng khoáng sản trong công ty khai thác và tinh tuyển khoáng thạch Nam Phương thực nghiệp Quảng Đông tại tỉnh Quảng Tây. Đối với Hồ Tập Chương, việc khai thác, tinh luyện, giám định khoáng sản chính là chuyên môn của ông. Trong khi đó, Hồ Chí Minh vào năm 1942 - 1943 bị Quốc dân đảng bắt giam 1 năm 12 ngày. Trong thời gian bị giam giữ, Hồ Chí Minh viết tập thơ "Nhật ký trong tù", trong đó, bài thứ 28 có nhan đề "Bạn tù nguyên chủ nhiệm L" viết:

*Quốc gia phó thác giữ biên khu
Sao nhãng việc công mãi việc tư
Khoáng sản tuần qua biên giới hết
Nên lò đúc bạc đúc thơ tù.*

Giáo sư Hoàng Tranh chú giải bài thơ như sau: "Phía tây nam biên giới Quảng Tây có nhiều quặng antimoine (cứng và có ánh kim), Hồ Chí Minh viết bài thơ này để bình luận về một đồng sự đem loại quặng này bán lậu qua biên giới lấy tiền bỏ túi, chính là hành vi tham ô phá rối kỷ cương của nguyên chủ nhiệm L".

"Đài Loan nhật nhật tân báo" viết: "Hồ Tập Chương từng làm kỹ sư giám định chất lượng khoáng sản trong công ty khai thác và tinh luyện khoáng thạch (antimoine) "Nam Phương thực nghiệp Quảng Đông" tại vùng mỏ Quảng Tây. Việc này rất phù hợp với tập thơ "Nhật ký trong tù" của Hồ Chí Minh. "Nguyên chủ nhiệm L." vốn là đồng sự ngày trước, vì bán trộm quặng antimoine lấy tiền bỏ túi, chẳng may lại gặp Hồ Chí Minh tại nhà ngục Tĩnh Tây nên rơi vào hoàn cảnh khó xử". Việc này há chẳng gián tiếp chứng thực Hồ Tập Chương và Hồ Chí Minh cùng là một người sao?

Chấp hành mật lệnh của Quốc tế cộng sản, Hồ Chí Minh tìm cách thâm nhập vào Quân khu Quảng Châu Nhật Bản làm thông dịch, thời gian khoảng 2 tháng, động cơ không hoàn toàn rõ ràng. Căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử lúc ấy mà nhận xét thì cũng không ngoài việc đánh cắp thông tin tình báo của quân đội Nhật, phân tích thông tin đối ngoại của Nhật, có thể lôi kéo được quân đội Nhật, nhờ Nhật giúp đỡ Việt Nam đánh Pháp, triển khai trận tuyến liên hợp giữa Đảng Cộng sản và quân đội Nhật.

Thế nhưng, vào thời điểm ấy, quân đội Nhật lại ưu tiên giúp đỡ chính quyền bù nhìn của hoàng thân Cường Để, cho nên Quốc tế cộng sản mới sử dụng thân phận Hồ Chí Minh với mục đích thân Nhật đã hoàn toàn thất bại. Tuy nhiên, tình thế xoay chuyển, khó ai dự đoán chính xác được diễn biến thời cuộc, chính bởi việc Hồ Chí Minh thâm nhập vào quân đội Nhật Quảng Đông không đạt kết quả đã bộc lộ lại lịch phức tạp của ông. Việc này có lẽ phù hợp với câu

cách ngôn "Lưới trời tuy thưa mà không lọt ", mặc cho bất cứ sự chối cãi nào.

HỒ CHÍ MINH CÓ PHẢI LÀ NGƯỜI TRUNG QUỐC?

Hồ Chí Minh là người Trung Quốc hay người Việt Nam? Có không ít Hoa kiều ở Việt Nam coi Hồ Chí Minh là người Việt Nam bị Trung Quốc hóa. Họ căn cứ vào lý do Hồ Chí Minh biết nói tiếng Quảng Đông, biết viết chữ Hán, lại biết làm thơ chữ Hán, từ đó cho rằng tổ tiên ông là người Trung Quốc di cư sang Việt Nam, vì vậy đương nhiên là người Trung Quốc.

Những nhận định này, về cơ bản đều không giải thích được tiểu sử của Nguyễn Ái Quốc, bởi họ chịu ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông chính thống nhà nước Việt Nam khẳng định Nguyễn Ái Quốc biết nói tiếng Hán và làm thơ chữ Hán. Từ năm 1938 đến 1945, sau khi Hồ Chí Minh đến Trung Quốc, đã hoàn toàn biến thành một người khác, hầu như không còn bóng dáng Nguyễn Ái Quốc . Hồ Chí Minh chưa từng mở miệng nói tiếng Việt, thậm chí tự mình cũng không hiểu tiếng Việt, trái lại, nói tiếng Quảng Đông rất thành thạo hoặc dùng tiếng phổ thông nói chuyện với mọi người. Hồ Chí Minh cũng không dùng tiếng Pháp hoặc tiếng Việt viết văn, trái lại, đều sử dụng Hán ngữ với số lượng lớn trong các bài viết chuyên đề, chuyên luận, bao hàm cả 134 bài thơ trong tập "Nhật ký trong tù". Càng kỳ lạ hơn là, Hồ Chí Minh dùng chữ Hán viết thư gửi về Việt Nam, lại được các báo, tạp chí Việt Nam dịch sang tiếng Việt và tiếng Pháp, rồi phổ biến khắp các địa phương, tuyên truyền Trung Quốc kháng Nhật cùng những hoạt động của phái Troskism tại Trung Quốc. Hơn thế nữa, Hồ Chí Minh còn không dám thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, chỉ biểu thị thái độ ba phải, tự cho mình là Hoa kiều. Hồ Chí Minh đã từng gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc, tham gia lớp huấn luyện cán bộ du kích của quân đội Trung Cộng. Tất cả những thái độ khác thường, những hành vi không phù hợp đạo lý trên, tác giả chỉ có thể giải thích, từ năm 1938 đến năm 1945, Hồ Chí Minh hoạt động ở Trung Quốc không phải là Nguyễn Ái Quốc người Việt Nam. Liên quan đến khả năng nghe, nói, đọc và viết chữ Hán, tôi đã trình bày trong Thiên V, nhan đề "Chữ Hán, 'Nhật ký trong tù' và 'Di chúc'". Ở phần này, thời gian từ năm 1938 đến năm 1945, Hồ Chí Minh hoạt động tại Trung Quốc, tôi đã đưa ra những tư liệu để so sánh, đối chiếu, xem xét, vậy rốt cuộc, Hồ Chí Minh là người Trung Quốc hay người Việt Nam?

BẢY BỨC THƯ TỪ TRUNG QUỐC

Từ tháng mười hai năm 1938 đến tháng sáu năm 1939, Hồ Chí Minh lấy tư cách ký giả Trung Quốc, bí danh P.C.Lin, qua phương thức "Thư từ nước ngoài", viết bằng chữ Hán (bản thảo viết tay), từ Quảng Tây gửi về Hà Nội: "Người Nhật Bản muốn khai hóa Trung Quốc như thế nào?" (tháng mười hai năm 1938), "Thư gửi từ Trung Quốc" (tháng hai năm 1939), "Thư gửi từ Trung Quốc" (tháng ba năm 1939), "Chủ nghĩa anh hùng của nhân dân Trung Quốc chống Nhật" (tháng tư năm 1939), "Thư gửi từ Trung Quốc" (tháng tư năm 1939), "Thư gửi từ Trung Quốc" (tháng năm năm 1939), "Thư gửi từ Trung Quốc" (tháng sáu năm 1939)... trong đó có

một bài "Nhật Bản khai thác Trung Quốc như thế nào?" dài khoảng hai nghìn chữ. Tập chí bằng tiếng Pháp "Tiếng nói của chúng ta", số ra ngày 12 tháng hai năm 1939 có đăng bài viết này nhưng nhan đề đã được đổi thành "Các hành động tàn bạo của đế quốc Nhật Bản". Tờ báo tiếng Việt "Dân chúng" kỳ 46, ra ngày 21 tháng giêng năm 1939, kỳ 47, ngày 24 tháng giêng năm 1939 và kỳ 48, ngày 28 tháng giêng năm 1939 đã đăng toàn văn bản dịch này.

Hồ Chí Minh lấy tư cách ký giả Trung Quốc, bút danh P.C.Lin thông qua phương thức "Thư gửi từ nước ngoài", gửi 7 bài bằng chữ Hán đến Việt Nam. Những sự việc bất bình thường này làm các nhà nghiên cứu bắt buộc phải chú ý. Hồ Chí Minh lấy bí danh P.C.Lin, việc này chứng tỏ, Hồ Quang đã ở Trung Quốc năm 1939 và P.C.Lin vào đầu năm 1934 ở Mạc Tư Khoa chỉ là một người. Trong khi ấy, theo hồ sơ lưu trữ tại Mạc Tư Khoa thì, P.C.Lin lại là Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam, vậy thì tại sao ông ta lại đến Quế Lâm trong vai ký giả Hoa kiều? Nguyễn Ái Quốc bỗng nhiên không biết dùng tiếng Việt, chữ Việt để viết văn mà bắt đầu viết những bài trường thiên đại luận bằng chữ Hán. Không những thế, phong cách văn chương, nội dung diễn đạt đều khác xa với cách viết của Nguyễn Ái Quốc trước đây, càng kỳ lạ hơn, khi mà trong nội dung các bài viết, nhiều lần xuất hiện cụm từ "Tôi là người Trung Quốc", "Tôi không hiểu tiếng Việt Nam".

Nếu so với thời kỳ năm 1925 - 1926, Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu viết 88 bài xã luận bằng tiếng Pháp đăng trên báo "Thanh niên" thì có vẻ như phong cách khác nhau rất xa. Thật sự không thể biết vì sao đột nhiên ông lại thành thực Hán ngữ như vậy? Trong 7 bài viết, trừ 2 bài lên án hành vi xâm lược tàn bạo của đế quốc Nhật, 5 bài còn lại dưới hình thức "Thư gửi từ Trung Quốc", một bài viết về tình hình kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, một bài kiểm điểm quá trình hoạt động quân sự ở Việt Nam, 3 bài giới thiệu chủ nghĩa Trosky và những hoạt động của phái Troskism ở Trung Quốc. Văn chương sử dụng kiểu xưng hô là "Bạn bè của chúng tôi" hoặc "Các bạn thân mến", cuối bài ký tên P.C.Lin. Xin trích lục một đoạn ở thiên thứ nhất "Nhật Bản muốn khai thác Trung Quốc như thế nào?". Phần đầu, Hồ Chí Minh viết: "Thân là người Trung Quốc, nếu như tôi nói tôi đã nhìn thấy tận mắt những hành vi tàn bạo của quân đội Nhật Bản, thì có lẽ người ta sẽ cho là nói quá lên. Vì vậy, xin trích lời một ký giả ngoại quốc đã viết về các hành vi bạo ngược của quân đội Nhật Bản. Bài báo này đã được in trong "Ý nghĩa của chiến tranh, sự bạo hành của quân đội Nhật Bản ở Trung Quốc", để báo cáo với các bạn. Ngoài ra, tôi còn kèm thêm một số bài đã đăng tải trên những tờ báo rất có uy tín, trong đó có lời kể của các vị tư lệnh Tân Tứ quân và Bát Lộ quân nhân dân cách mạng".

"Người Nhật Bản muốn khai thác Trung Quốc như thế nào?". Từ "khai thác" là theo bản tiếng Việt trong "Hồ Chí Minh toàn tập" được chuyển từ Hán ngữ. Giáo sư Hoàng Tranh trong tác phẩm "Hồ Chí Minh ở Quảng Tây" đã trực tiếp đăng lại nguyên văn "Nhật Bản muốn khai hóa Trung Quốc như thế nào?" mà không lưu ý đến hai từ "khai thác" và "khai hóa", như vậy không phù hợp với cách dùng từ của Trung văn. Chẳng những thế, phần nội dung lại chèn thêm

những cụm từ "Tư lệnh Nhật Bản nói", "Tình hình quân đội Nhật Bản chứng tỏ" v.v... Tôi rất lấy làm lạ, Nguyễn Ái Quốc vào thời gian nào học tiếng Nhật, tiếp xúc với văn hóa Nhật mà có những bài viết sâu sắc như vậy?

BẦY BẢN BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Từ ngày 20 tháng tư năm 1939 đến 12 tháng bảy năm 1940, Hồ Chí Minh gửi Quốc tế cộng sản Mạc Tư Khoa 7 bản báo cáo. Trên đầu các báo cáo đều xưng là Ủy viên hội Quốc tế cộng sản Phương Đông hoặc Ủy viên chấp hành Quốc tế cộng sản, cuối bài ký tên P.C.Lin, hoặc phụ thêm cam kết "Tiếng nói của chúng ta". Có bản viết bằng tiếng Pháp, có bản viết bằng chữ Hán, nội dung báo cáo về tình thế cách mạng Việt Nam, sự phát triển cũng như hoạt động của phái Troskism tại Trung Quốc. Trong số này, có một báo cáo đề ngày 12 tháng bảy năm 1940, dùng tiếng Trung, dài 12 trang, ký tên P.C.Lin, gửi Ủy viên Phương Đông hội Mạc Tư Khoa mà trước đây, các báo cáo gửi đến Quốc tế cộng sản chưa bao giờ Nguyễn Ái Quốc dùng Trung văn. Từ nội dung văn bản báo cáo, tôi đã tiến hành phân tích và nhận thấy, về căn bản, không giống với văn bản của người Việt Nam viết. Điều đó chứng tỏ P.C.Lin không phải là Nguyễn Ái Quốc. Nội dung bài viết về Việt Nam hoặc giới thiệu địa lý, nhân văn, tài nguyên, chế độ chính trị Việt Nam đều dùng đại từ nhân xưng ngôi thứ ba, đặc biệt có một số danh từ khá kỳ lạ, ví như "Đảng Cộng sản An Nam đã vượt quá vạn người" (đảng viên Hoa kiều), có ba cái tên tay sai "Hán gian", truyền đơn cảnh cáo của "Việt kiều", gọi Tưởng Giới Thạch là "Tưởng công", Tống Tử Văn là "Tống công", Bạch Sùng Hy là "Bạch công" v.v... tất cả những từ ngữ đã dùng đều không phải là từ, ngữ thông dụng của người Việt Nam.

Cũng tương tự như vậy, khi Hồ Chí Minh nói về những vấn đề liên quan đến phái Troskism ở Trung Quốc, về cơ bản không phải là cách sử dụng giọng điệu của người Việt Nam. Ví dụ như: "Phái Troskism liên tục phản bội Tổ quốc chúng ta như thế nào?", "Phái Troskism Liên Xô chẳng những đã bán rẻ vùng duyên hải Siberie cho đế quốc Nhật mà còn có ý đồ bán cả đất nước Trung Quốc của chúng ta cho chúng", "Tháng chín năm 1931, chính vào lúc quân đội Nhật chiếm đóng Mãn Châu, Cục tình báo Nhật ở Thượng Hải bám theo bọn Troskism. Hai bên đã ký kết hợp đồng với nhau, nội dung như sau: Phái Troskism cam kết không tiếp tục tuyên truyền cản trở Nhật Bản xâm lược. Cục tình báo Nhật Bản cam kết, trả cho phái Troskism mỗi tháng ba ngàn dollars để Trần Độc Tú và đồng bọn hoạt động. Chúng lấy tiền của Nhật xuất bản báo chí, thay Nhật tuyên truyền cái gọi là "Quân đội Nhật đến Mãn Châu chỉ hy vọng nhanh chóng giải quyết vấn đề tranh chấp, hoàn toàn không có một chút ý đồ xâm chiếm Trung Quốc". Cục tình báo Nhật đã thừa nhận, những người Troskism tại Thượng Hải, mỗi tháng nhận được mười ngàn dollars để hoạt động tại miền trung và miền nam Trung Quốc. Ở Thiên Tân và Bắc Kinh, phái Troskism nhận được năm mươi ngàn dollars mỗi tháng làm kinh phí hoạt động ở vùng Hoa Bắc. Mục đích của họ chỉ là phản đối Bát Lộ quân và các tổ chức yêu nước".

Trong các bức thư, tác giả thường dẫn dụng "Nhật Bản quân tình cực" (Cực tình báo Nhật Bản), "Nhật Bản mật thám", cùng với "Nhật Bản nội mạc đích tiêu tức" (Tin tức nội bộ nước Nhật). Ví như: "Chỉ cần 2 sư đoàn là có thể chinh phục Đông Dương", "Nhật Bản chi ra mười tỷ yên và hy sinh hoặc chịu thương tật bảy vạn người là cái giá để chiếm 12 tỉnh của chúng ta", xem ra chuyện này thật kỳ lạ. Nguyễn Ái Quốc học tiếng Nhật thông thạo từ lúc nào mà có mối quan hệ với "Nhật Bản mật thám", gọi phiên hiệu quân đội Nhật là "sư đoàn", thậm chí, sau khi nước Pháp đầu hàng phát xít Đức, ông còn bình luận về tương lai của Việt Nam như sau: "Người Pháp... người Đức... người Anh... người Mỹ... người Trung Quốc... người Nhật Bản..., chính phủ Pháp giải quyết vấn đề Việt Nam như thế nào? Dự định giao cho nước Đức? Hay là trao trả cho Việt Nam? Chẳng bằng đem Việt Nam trao cho Nhật Bản là tốt hơn cả. Ngược lại, người Việt Nam có suy nghĩ như thế nào về Nhật Bản? Bởi vì họ đã vô cùng căm hận nước Pháp mà lại chưa từng được nghe về việc Nhật Bản cưỡng bức, bạo hành, tàn sát nhân dân Trung Quốc. Vì thế, một khi họ nhận thấy đất nước vẫn không được độc lập tự do, thì bọn giặc lùn này cũng chẳng khác gì giặc Pháp".

Đoạn văn trên đây có phải là của Nguyễn Ái Quốc viết trong báo cáo gửi Quốc tế cộng sản. Ngoài ra, còn có những câu "Ở các tỉnh Bắc Kỳ có một đảng xưng là "Bảo hoàng". Họ ra một tờ báo, các quan lại dựa vào thế lực hoàng đế để hoạt động". Trung Quốc dưới triều đại Mãn Thanh có một tổ chức gọi là "Đảng Bảo hoàng" ra đời nhằm củng cố chính quyền, trong khi đó, ở Việt Nam xuất hiện phong trào "Cần vương", chắc là chưa từng nghe tên tổ chức "Đảng Bảo hoàng". Cách dùng từ ngữ kiểu như thế rất nhiều, không thể liệt kê hết. Cho nên, tôi dám khẳng định, người ký tên P.C.Lin trong các bản báo cáo tuyệt nhiên không phải là Nguyễn Ái Quốc mà phải là một người tinh thông Nhật ngữ, đồng thời lại phải uyên thâm Hán văn viết.

MƯỜI MỘT (11) BÀI VIẾT TRONG "CỨU VONG NHẬT BÁO"

Sau khi Quảng Châu thất thủ, tờ "Cứu vong nhật báo" chuyển về Quế Lâm, Quảng Tây, đến đầu năm 1939 thì xuất bản trở lại do Quách mạt Nhược làm chủ bút, Hạ Diễn làm tổng biên tập. Các bài viết của Hồ Chí Minh trên "Cứu vong nhật báo" đều ký tên "Bình Xuyên" với 11 bài chuyên đề, nguyên tác bằng Trung văn, gồm có: "Thiên thượng cổ muội" (15 tháng 11 năm 1940), "Ếch đầm và trâu vàng" (24 tháng 11 năm 1940), "Tiên sinh Roosevelt và trò đùa dai" (27 tháng 11 năm 1940), "Hai chính phủ Versailles" (29 tháng 11 năm 1940), "Phao tin" (1 tháng 12 năm 1940), "Báo chí Trung Quốc nói về nhân dân Việt Nam" (2 tháng 12 năm 1940), "Ca dao An Nam về Trung Quốc kháng chiến" (4 tháng 12 năm 1940), "Thật giả lẫn lộn" (5 tháng 12 năm 1940), "Bàn về huyết thống" (8 tháng 12 năm 1940), "Nghĩa Đại Lợi (Italia) thực bất đại lợi" (16 tháng 12 năm 1940), "Quân Phục quốc Việt Nam thành quân Bán nước Việt Nam" (18 tháng 12 năm 1940). Đặc điểm của 11 bài chuyên đề là ngôn ngữ phong phú, ngụ ý sâu sắc. Nội dung văn chương đều nói đến thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ hai và quan điểm của mình về tình hình chính trị, đặc biệt là kịch liệt phản đối phát xít Nhật

và phát xít Đức. Hầu hết các bài viết đều nhấn mạnh hai nước Trung - Việt là đồng minh chống chiến tranh, chống chủ nghĩa phát xít.

Từ 11 bài viết này, chưa cần nói đến nội dung thông tin phản ánh, chỉ căn cứ vào ngữ pháp câu văn và phong cách diễn đạt, ta cũng dễ dàng nhận ra, không thể do người Việt Nguyễn Ái Quốc mà phải là một người Trung Quốc có trình độ hiểu biết khá rõ về Nhật bản viết. Xin dẫn ra 3 ví dụ để chứng minh:

1 - Trong bài "Báo chí Trung Quốc nói về nhân dân Việt Nam", tác giả dùng ngôi thứ nhất: "Phong trào vận động giải phóng Việt Nam là quân Đồng Minh Trung Quốc kháng chiến chống Nhật. Trên tinh thần và vật chất, chúng ta dành cho họ sự cổ động và giúp đỡ. Tôn tiên sinh(5) thường dạy chúng ta là phải giúp đỡ các nước nhược tiểu, cùng nhau phấn đấu giành lấy độc lập tự do, vì vậy, chúng ta phải thực hiện di huấn ấy".

2 - Trong bài "Ca dao An Nam nói về cuộc kháng chiến của Trung Quốc", Hồ Chí Minh lấy giọng ký giả Trung Quốc, đưa tin nhân dân Việt Nam chi viện Trung Quốc kháng chiến. Bài viết có đoạn: "Khi ký giả đến Việt Nam, ở thành thị cũng như nông thôn, đều lan truyền một bài hát, tuy tôi không biết tiếng Việt nhưng nghe đến câu "Giúp Tàu là tự giúp mình" (Niếp tào là tự niếp mình) cũng có thể hiểu được lời ca này đồng tình với nhân dân Trung Quốc. Sau này ở Hà Nội, tôi đem sự việc trên nói với một Hoa kiều đang sống ở Việt Nam, ông ta bảo, đại đa số nhân dân Việt Nam đều ủng hộ Trung Quốc kháng chiến, họ còn cầu mong cho chúng ta chiến thắng. Từ đoạn văn vừa dẫn, ta có thể biết được, thời kỳ đầu những năm 1940, việc nghe và nói tiếng Việt đối với Hồ Chí Minh là rất khó khăn. Trong bài viết của mình, Hồ Chí Minh đã hướng đến độc giả Trung Quốc, giới thiệu việc ông đã chỉnh lý bài ca dao "Cứu Trung Quốc là tự cứu mình", xin trích dưới đây để bạn đọc tham khảo:

Nguyên văn:

*Cứu Trung Quốc thì tự cứu tự kỷ
Nhật bản đông phương pháp tây tư(6)
Dã man, hung bạo hựu tàn khốc
Phát động liêu xâm hoa chiến tranh
Trung Quốc nhân dân bị đồ độc
Nhân bị sát liêu gia bị phần
Mẫn địa huyết hồng mẫn sơn cốt
Phi cơ tạc đạn vô khả miễn
Ngạ hàn tật bệnh nan sinh hoạt
Tha môn gian khổ địa đấu tranh
Bảo vệ dân chủ dữ hòa bình
Tha môn nhu yếu viện trợ giả*

*Tha môn nhu yếu hữu đồng tình
Nhật quỷ hướng thế giới tiến công
Tha thị nhân loại chi công địch
Việt Nam huynh đệ thư muội a
Khoái khoái khởi lai trợ Trung Quốc
Nỗ lực bang trợ Trung Quốc nhân
Trung Quốc Việt Nam như thần xỉ
Tu tri thần vong tặc xỉ hàn
Cứu Trung Quốc thị tự cứu kỷ.*

Tạm dịch:

Cứu Trung Quốc là tự cứu mình.

*Phương đông Nhật Bản nước phát xít
Dã man hung bạo lại tàn khốc
Phát động chiến tran xâm Trung Hoa
Nhân dân Trung Quốc bị thống khổ
Người thì bị giết, nhà bị đốt
Xương chất thành núi, máu ngập đất
Máy bay ném bom không chỗ ẩn
Bệnh tật, đói rét khó sống sót
Nhưng họ vùng lên quyết đấu tranh
Bảo vệ dân chủ và hòa bình
Trung Quốc rất cần sự giúp đỡ
Trung Quốc rất cần tình đồng chí
Quỷ Nhật tấn công cả thế giới
Trung Quốc kháng Nhật vì nhân loại
Việt Nam vốn dĩ là anh em
mau mau đứng lên giúp Trung Quốc
Hết sức giúp đỡ người Trung Quốc
Trung Quốc, Việt Nam môi với răng
Nên biết môi hở tất răng lạnh
Cứu Trung Quốc là tự cứu mình.*

3 - Trong bài "Quân Phục quốc Việt Nam thành quân Bán nước Việt Nam", Hồ Chí Minh bỗng nhiên lại không biết tiếng Nhật hoặc tỏ ra không hiểu mối quan hệ Việt - Nhật vào thời điểm ấy. Tôi lại xin trích dẫn một đoạn để chứng minh: Năm 1907, Nhật Bản xét thấy "Hiệp ước Nhật Pháp" đối với Nhật là rất có lợi, lập tức ra lệnh đuổi tất cả thanh niên Việt Nam về nước,

chỉ còn hoàng thân Cường Để và con nuôi ông ta là Trần Văn An, được thủ tướng Inukai Tsuyoshi, lấy tư cách cá nhân cho phép ở lại Nhật Bản, với ý đồ, trong tương lai sẽ đưa ông ta lên làm vua bù nhìn Việt Nam. Sau năm 1931, Trần Văn An đã từng giữ chức vụ bộ trưởng Ngoại giao trong chính phủ Mãn Châu. Năm 1938, sau khi Quảng Châu thất thủ, Trần Văn An trở về khu vực biên giới Quảng Đông - Việt Nam. Cuối tháng chín năm ấy, Nhật Bản xâm chiếm Việt Nam, Nguyễn Cường Để, Trần Văn An cũng theo về hoạt động ở vùng Lạng Sơn - Cao Bằng. Chúng tôi ở Trung Quốc rất hiểu lắm về tình hình Việt Nam. Ví dụ như, ngày mồng 5 tháng này, các báo đều đưa tin, bọn địch ở vùng phụ cận Lạng Sơn chiêu mộ dân chúng, tổ chức "Phục quốc quân", mỗi người được lĩnh 30 đồng một tháng, cán bộ các cấp đều do quân địch tuyển chọn, số người đã lên đến hàng vạn. Mục đích của họ là xúi giục dân chúng giành chính quyền từ tay thực dân Pháp, sau đó đất nước sẽ do họ thống trị". Vào ngày mồng 10, các báo đưa tin khác nhau: "Những ngày gần đây, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam lại càng sôi sục, tư lệnh Việt Nam Phục quốc quân Trần Mỗ, mấy ngày trước đã phát động khởi nghĩa. Dân chúng chuẩn bị lương thực rầm rộ đi theo, trước mắt đã thu hút được vài vạn người...". Thế là ngày mồng 5 thành lập tổ chức Việt gian "Phục quốc quân" mà ngày mồng 10 "Phục quốc quân" lại biến thành đội tiên phong cách mạng dân tộc? "Phục quốc quân" là bộ đội vũ trang của nhân dân Việt Nam hay đã trở thành tổ chức Việt gian? Rốt cuộc, đó có phải là lực lượng vũ trang chân chính của nhân dân Việt Nam? Cái người họ Trần kia thực chất là ai? Ký giả căn cứ vào các thông tin, sau khi tiến hành điều tra, có thể khẳng định, Trần Mỗ chính là Trần Văn An. Ngụy "Phục quốc quân" và "Phục quốc quân" là hai hợp làm một, mà cũng là một phần của hai. Lực lượng vũ trang chân chính của nhân dân Việt Nam chưa ra đời. Trước mắt tôi xét thấy có mấy điểm như sau:

a - Người Nùng ở Lạng Sơn suy nghĩ đơn thuần, do đã căm thù đến tận xương tủy đế quốc Pháp, không hiểu rõ lai lịch Trần Văn An, chỉ nghe thấy mấy tiếng "Phục quốc quân" liền lập tức đi theo. Một khi được biết Trần Văn An là Việt gian, họ nhất định từ bỏ "Phục quốc quân", tham gia vào đội ngũ giải phóng dân tộc chân chính.

b - Lúc này, Nhật Bản đang bị Anh, Mỹ, Nga cản trở, chưa dám kéo quân vào Việt Nam. Chúng hy vọng Việt Nam có nhiều tài nguyên nên tìm cách chiêu mộ Việt gian, ra sức nhiễu loạn lòng dân, tạo cơ xâm lược Việt Nam.

c - Quân địch không ở Việt Nam nên chúng tìm cách tổ chức, nuôi dưỡng lực lượng Việt gian chiêu mộ tại vùng biên giới Quảng Tây, Lạng Sơn, Cao Bằng. Sự kiện này khiến chúng ta phải thật chú ý.

d - Chúng tôi có nhu cầu cần phân biệt rõ ràng những đoàn thể chính trị và vũ trang chân chính của Việt Nam, quyết không chấp nhận các tổ chức hoạt động Việt gian, lại càng không thể chấp nhận những tổ chức hoạt động thổ phỉ hoặc bị kẻ địch lôi kéo.

(Tác giả nhận định: "Inukai Tsuyoshi" là thủ tướng Nhật lúc ấy, "uy khẩu", "dịch quân", "tha môn" là chỉ quân đội Nhật Bản, các báo là chỉ "Cứu vong nhật báo" lúc ấy ở Quảng Tây, "Quảng Đông nhật báo", "Tào đặng báo" v.v... "ký giả" chỉ Hồ Chí Minh lúc ấy lấy bí danh Hồ Quang với tư cách Hoa kiều Trung Quốc. Khoảng năm 1940 đến 1941, hoàng thân Cường Để cũng đến Đài Loan với động cơ không rõ ràng. Thời gian từ tháng mười một đến tháng mười hai năm 1938, Hồ Tập Chương đến Quảng Đông, thâm nhập vào Bộ tư lệnh Quân khu Quảng Châu Nhật Bản làm thông dịch, hiển nhiên giai đoạn lịch sử này có mức độ liên quan tương đối với nhau).

4 - "Thiên thượng cổ muội": Thật ra tôi cũng không hiểu bốn chữ "Thiên thượng cổ muội" là như thế nào. Chúng có phải do từ ngữ Việt Nam chuyển dịch sang chữ Hán hay là nguyên bản chữ Hán? Nội dung "khai tông minh nghĩa" ("mới bắt đầu đã nêu ý nghĩa chủ yếu", chương I "Hiếu kinh"): Câu này vốn là tục ngữ Việt Nam tương ứng với câu trong Hán văn "Thiên công hữu mục" (ông trời có mắt) từ khi nước Pháp bắt đầu xâm lược Việt Nam, hiện tại nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng, há chẳng ứng nghiệm "ông trời có mắt" sao?

Theo nội dung văn bản mà cần nhắc câu chữ "Thiên thượng cổ muội" nên chuyển đổi thành "Thiên công hữu mục" mới phù hợp với nội dung tiêu đề. Lẽ nào Hồ Chí Minh lại gửi "Cứu vong nhật báo" bản thảo chuyên mục nhan đề bằng chữ Việt còn nội dung mới bằng chữ Hán? Căn cứ vào "Hồ Chí Minh toàn tập", tập III, xuất bản năm 2002, nhan đề bài này là "ÔNG-TRÔI-CO-MAT" thì không thể nào dịch được, mà "Thiên công hữu mục" lại tương ứng với "Ông trời có mắt" của Việt Nam mới mới chính xác. Do vậy, tôi cứ băn khoăn, không hiểu lúc ấy Hồ Chí Minh chưa thông thạo tiếng Việt, hay tiếng Việt chưa thống nhất quy cách ngữ pháp, chưa tiêu chuẩn hóa hoặc cũng có thể là báo chí xuất bản mắc lỗi?

CHUYỆN CŨ TRANG CHU HIẾU MỘNG

(Trang Tử, "Tề vật luận") , kết vĩ, một truyện ngụ ngôn lưu truyền "Trang Chu mộng điệp":

"Ngày trước, Trang Chu nằm mơ thấy mình biến thành bướm, lướt bay bồng bềnh ngao du khắp nơi, quên mất bản thân mình trước đây là Trang Chu, bỗng nhiên giấc mơ tan sự tỉnh mới biết rõ mình lại là Trang Chu".

Không thể biết Trang Chu nằm mơ hóa thành bướm hay là bướm nằm mơ hóa thành Trang Chu ? Rốt cuộc Trang Chu và bướm là có sự phân biệt! Trang Tử căn cứ vào sự chuyển biến này mà viết truyện (vật hóa). Cái mà Trang Tử gọi là "vật hóa" là chỉ cái khoảng cách người và vật chuyển hóa. Quốc tế cộng sản mượn "phách" của Nguyễn Ái Quốc để hóa thành "hồn" Hồ Chí Minh. Ý đồ đem Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh hợp nhất hồn phách, chết mà lại sống, đây phải chăng có thể gọi là "vật hóa"? Thời gian Hồ Chí Minh bị bắt giữ, thẩm vấn ở Quảng Tây, thân phận của ông đã chuyển hóa giống như kết quả "vật hóa" của Trang Chu, chỉ là thời gian này, Hồ Chí Minh không dám đột nhiên tự nhận mình là Nguyễn Ái Quốc . Rốt cuộc việc

này là như thế nào?

Thông thường, người đời đều nhận biết tác giả "Nhật ký trong tù" đương nhiên là Hồ Chí Minh, cũng chính là Nguyễn Ái Quốc. Việc này không có gì phải nghi ngờ. Thế nhưng, lúc ấy, vào hạ tuần tháng giêng năm 1943, Hồ Chí Minh bị giải tới Văn phòng của Ủy viên quân sự hội chính phủ Quốc dân đảng Quế Lâm để điều tra., vị Ủy viên này tuyệt đối không điều tra lai lịch Hồ Chí Minh mà lại cho là "hiềm nghi chính trị phạm", chuyển giao cho Ban chính trị "Đệ tứ chiến khu" Liễu Châu xác minh. Sau đó, ngày 10 tháng chín năm 1943, Hồ Chí Minh được "Đệ tứ chiến khu" Liễu Châu phóng thích, tiếp tục ở lại Ban chính trị để giám sát. Cuối cùng, Văn phòng Ủy viên hội Quế Lâm và "Đệ tứ chiến khu" Liễu Châu đã thống nhất phán quyết như sau: "Hồ Chí Minh bị nghi ngờ hoạt động chính trị chống lại nhà nước, nhận thấy, ông ta là Hoa kiều tại Việt Nam, là phần tử Đệ tam quốc tế, nhưng chưa khẳng định Hồ Chí Minh tức là Nguyễn Ái Quốc".

Trong thời gian Hồ Chí Minh bị giam giữ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhờ Phân hội "Quốc tế chống xâm lược" ở Việt Nam, gửi điện đến viện trưởng Tôn Khoa và thông tấn xã TASS của Liên Xô đóng tại Trùng Khánh để công bố thông tin. Đồng thời họ cũng thông qua Chu Ân Lai nhờ Phùng Ngọc Tường và Lý Nhân Tông giải cứu, tuy vậy cũng không thấy nói đến Hồ Chí Minh tức Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam. Mãi đến ngày 10 tháng chín năm 1943, Hồ Chí Minh mới được phóng thích. Sau khi Hồ Chí Minh về Việt Nam, Trung ương Quốc dân đảng, thông qua "Việt Nam cách mạng đồng minh hội", đến ngày 1 tháng mười năm 1944, mới biết Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, thủ lĩnh Đảng Cộng sản Việt Nam. Nói cách khác, từ tháng tám năm 1942, Hồ Chí Minh bị Quốc dân đảng bắt, đến 23 tháng giêng năm 1944, Trương Phát Khuê gửi thư đến Tưởng Giới Thạch đề nghị phóng thích, ông ta đều nói quanh co về nhiệm vụ được cử đến Việt Nam công tác. Đối với Hồ Chí Minh, chính quyền Tưởng Giới Thạch trước sau đều có sự nghi ngờ về lai lịch không rõ ràng, còn Trương Phát Khuê thì nửa tin nửa ngờ nên mới tạm trọng dụng.

Từ ngày 9 tháng tám năm 1944 "Kế hoạch đại cường nhập Việt công tác" được Trương Phát Khuê phê chuẩn cấp kinh phí là 7 vạn 6 ngàn đồng (nguyên), dẫn đầu gồm 18 cán bộ trở về Việt Nam khai triển nhiệm vụ mới.

Tác giả Vương Tâm Cương viết truyện "Trương Phát Khuê" trang 225 đã nói rất rõ ràng; "Hồ Chí Minh trở về Việt Nam không lâu, ngày 1 tháng mười năm 1944, Trung ương Quốc dân đảng lúc ấy mới biết, Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc, thủ lĩnh Cộng sản Việt Nam và Việt Minh". Cũng trang đó, tác giả viết tiếp: "Trương Phát Khuê gửi công văn đến Tưởng Giới Thạch đề nghị phóng thích Hồ Chí Minh với lý do "tỷ dư nhiệm vụ":

1- Chúng ta không phản đối những người Cộng sản chủ nghĩa, đặc biệt là người Quốc tế cộng sản.

2 - Hồ Chí Minh chỉ thừa nhận là cán bộ cách mạng Việt Nam, chưa từng tham gia Đảng Cộng sản nên không liên quan gì đến Đảng Cộng sản Trung Quốc. Qua quá trình điều tra, chỉ thấy bằng chứng xác minh ông ta là phần tử Đệ tam quốc tế.

3 - Trương Phát Khuê có ấn tượng khá tốt về Hồ Chí Minh, cho rằng, theo ngôn ngữ văn tự mà suy đoán, đối với "Chủ nghĩa Tam dân" Hồ Chí Minh, chẳng những hiểu rất rõ về chính sách kháng Nhật, mà còn là người có tư duy sâu sắc, thái độ ôn hòa, rất xứng đáng là đại biểu của đất nước với hơn 20 triệu dân.

Theo phần trích dẫn trên, thời gian Hồ Chí Minh bị giam giữ ở Quân ủy hội Quế Lâm và Ban chính trị Đệ tứ chiến khu Liễu Châu, đều không coi Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc. Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng chưa nói Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc. Bản thân Hồ Chí Minh cũng chưa từng thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc. Như vậy, trong sự việc này tồn tại rất nhiều nghi vấn. Lúc ấy Trung cộng và Quốc tế cộng sản đang hợp tác với Quốc dân đảng chống Nhật, Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo Việt Minh cũng là đối tượng để Quốc dân đảng tranh thủ cho kế hoạch "Hoa quân nhập Việt".

Hồ Chí Minh chỉ thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc sau khi được phóng thích, vậy vì sao phải tổn hao tâm trí thông qua "Phân hội quốc tế chống xâm lược" ở Việt Nam, thông tấn xã Nga Xô TASS và Chu Ân Lai giải cứu? Sự việc bỏ đường tắt, phù phép đi đường vòng để giải cứu Hồ Chí Minh làm cho người ta cảm thấy phí công suy nghĩ.

VÌ SAO HỒ CHÍ MINH KHÔNG THỪA NHẬN MÌNH LÀ NGUYỄN ÁI QUỐC

Hồ Chí Minh ở Mạc Tư Khoa bắt đầu từ năm 1934, do áp lực của Quốc tế cộng sản phải sắm vai Nguyễn Ái Quốc. Trước ngày 6 tháng sáu năm 1941 không lâu, ông ta lại ký tên Nguyễn Ái Quốc trong bài báo "Thư hiệu triệu gửi đồng bào toàn quốc Việt Nam". Thế nhưng, vào ngày 27 tháng tám năm 1942, bị quân cảnh Quốc dân đảng bắt giữ điều tra, Hồ Chí Minh vẫn không dám nhận tên mình là Nguyễn Ái Quốc, việc này rất cuộc vì sao?

Tôi phải suy nghĩ rất lâu mới phát hiện ra trò trí trá quỷ thuật trong thời gian này. Nguyên lai, quân Quốc dân đảng bắt giữ Hồ Chí Minh lúc đầu không biết ông là người có lai lịch phức tạp cho dù các giấy tờ tùy thân đều đã quá hạn sử dụng. Tuy nhiên, công an huyện Đức Bảo, Quảng Tây lại nghi ngờ Hồ Chí Minh là gián điệp, tên thực là Hồ Quang, đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã từng tham gia lớp huấn luyện cán bộ du kích Nam Hành Sơn. Ký giả Hoa Kỳ Andrew Roth, vào năm 1948, trong cuốn sách "Nước Việt Nam mới", trang 89, đã viết rất rõ: "Hồ Chí Minh lấy Trung Quốc làm cơ sở, sau mười năm hoạt động, đột nhiên vào năm 1943, bị nghi ngờ là gián điệp Nhật nên bị nhà đương cục Trung Quốc bắt giữ". Cho nên, để điều tra lại lịch, ông ta bị chuyển đến Ủy viên quân sự hội Quế lâm của chính phủ Tưởng Giới Thạch. Lại căn cứ vào bản báo cáo điều tra về Cộng sản Việt Nam của chính quyền Quốc dân đảng năm 1941, thì: "Nhận định là Việt cộng và Trung cộng đã hợp thành một tổ chức", đồng

thời có biểu hiện lợi dụng quân đội Nhật để chống lại Quốc dân đảng, nhân đó tạo thành sự kiện "Hoãn Nam Tân tứ quân".

Những nhân tố trên mới là nguyên nhân chủ yếu bắt giữ Hồ Chí Minh. Nhân đó, trong thời gian bị thẩm vấn, Hồ Chí Minh không dám thừa nhận mình là Hồ Quang, càng không dám thừa nhận bản thân từng bị bắt ở Quảng Châu. Lúc ấy, Hồ Chí Minh rất sợ bị mất đầu bởi các tin đăng tải trên "Nhật nhật tân báo" liên quan đến sự kiện "Gián điệp Nhật Bản".

(Tác giả nhận định: Lúc ấy, Thượng Hải, Quảng Châu thuộc khu vực Nhật Bản chiếm đóng, đều phát hành tờ "Nhật nhật tân báo"). Đương nhiên Hồ Chí Minh không dám thừa nhận mình là Hồ Quang, sợ bị Trung cộng nghi ngờ, cũng không dám thừa nhận là Hồ Tập Chương, sợ liên lụy đến tội danh gián điệp Nhật. Lúc này, tự nhận là Nguyễn Ái Quốc, tuy cũng chẳng phải là thượng sách nhưng có thể tránh được sự nguy hiểm một khi chính quyền Quốc dân đảng muốn lật lại bản án, tránh phải tái nhập nhà tù. Mặt khác, Hồ Chí Minh lại không dám công nhiên thừa nhận là Nguyễn Ái Quốc, mà chỉ lén lút tung tin vĩa hè, kể cho thiên hạ loan truyền như một tin đồn, bởi vì, ông rất lo, nếu tự nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, đến một ngày nào đó, lai lịch bất minh bị tố giác, chân tướng sẽ bị vạch trần. Thời gian từ năm 1924 đến 1927, nhân sự kiện hoạt động của nhóm "Tân tâm xã" ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Hải Thần từng là bạn bè tâm đầu ý hợp. Một câu nói, một việc làm của Nguyễn Ái Quốc Nguyễn Hải Thần đều hiểu rõ ràng. Trước mắt, Nguyễn Hải Thần đang là khách của Đệ tứ chiến khu, nếu Hồ Chí Minh thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, gặp nhau mặt đối mặt, nhất định Nguyễn Hải Thần sẽ vạch trần tại chỗ Hồ Chí Minh nguy trang thân phận.

Cuối năm 1934, Trương Phát Khuê chỉ đạo ban tổ chức tru bị Đại hội đại biểu toàn quốc "Việt Nam cách mạng đồng minh hội". Ông ta đề nghị Hồ Chí Minh giữ chức Phó chủ tịch, mà Chủ tịch lúc ấy là Nguyễn Hải Thần. Hồ Chí Minh và Nguyễn Hải Thần, vì thế, hợp tác làm việc với nhau một thời gian tại Liễu Châu. Có một ngày, Chủ nhiệm Ban chính trị Hầu Chí Minh mở tiệc chiêu đãi. Nguyễn Hải Thần, Hoàng Văn Hoan, Lê Hồng Sơn, Hồ Chí Minh được mời dự. Trong tiệc, Nguyễn Hải Thần cao hứng xuất một vế đối: "Hầu Chí Minh, Hồ Chí Minh, lưỡng vị đồng chí, chí giai minh"(Hầu Chí Minh, Hồ Chí Minh, hai người đồng chí, chí đều sáng). Đọc xong, ông hỏi: "Vị nào có thể đối được?" Vào lúc mọi người còn đang tìm câu chữ chưa biết làm thế nào cho chỉnh thì Hồ Chí Minh thông thả đọc ngay vế sau: " Nhĩ cách mệnh, ngã cách mệnh, đại gia cách mệnh, mệnh tất cách"(Ngài cách mạng, tôi cách mạng, mọi người cách mạng, việc tất thành). Nghe xong, Hầu Chí Minh luôn miệng tán thưởng: "Đôiì giỏi quá! Đốiì giỏi quá!". Nguyễn Hải Thần cũng tăng bốc: "Hồ tiên sinh có tài suy nghĩ mẫn tiệp, bội phục, bội phục!". Với Nguyễn Ái Quốc trước đây là chiến hữu thân mật, nay gọi Hồ Chí Minh là "Hồ tiên sinh", đủ để chứng minh, Nguyễn Hải Thần biết rõ Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh là Hồ Chí Minh. Cố nhiên, lúc ấy Hồ Chí Minh đang ở Liễu Châu, làm sao dám nhận mình là Nguyễn Ái Quốc.

Tháng mười năm 1944, Trung ương Quốc dân đảng, sau khi Hồ Chí Minh trở về Việt Nam mới biết ông ta là Nguyễn Ái Quốc, thủ lĩnh Việt cộng và Việt Minh. Trương Phát Khuê được biết sớm hơn vào đầu năm 1943 khi mà Hồ Chí Minh bị chuyển giao cho Ban chính trị Đệ tứ chiến khu thẩm tra.

Trung cộng và Việt cộng đều không công khai thừa nhận Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc nhưng lại lén lút để bí mật này lọt ra ngoài bằng con đường truyền miệng. Đây chính là thủ đoạn hai mặt, một mặt yêu cầu Hồ Chí Minh không thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, nhưng mặt khác lại thông qua những đảng viên cộng sản như Hoàng Quốc Việt tán phát bí mật Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc. Thời kỳ ẩn mình làm việc dưới trướng của Trương Phát Khuê, hoạt động của những người cộng sản là rất rõ ràng. Ví như, Bí thư Trung cộng Tả Hồng Đào phục vụ trong chi đội đặc biệt của Tập đoàn quân thứ 8, thời kỳ năm 1941, thư ký cơ yếu của Trương Phát Khuê biết tin Hồ Chí Minh bị chuyển từ Quế Lâm đến Ban chính trị Đệ tứ chiến khu, lập tức liên lạc với những người thân tín của Trương Phát Khuê là Ngô Trọng Hy, Cao Nhược Ngu, Trương Lệ, Hoàng Trung Căn... truyền đạt tin tức can ngăn: Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, khuyên can Trương Phát Khuê hủy bỏ lệnh giam lỏng ông ta để "tỷ dư nhiệm vụ" (dùng vào việc sau này).

Không lâu sau, Chủ nhiệm Ban chính trị Hồ Chí Minh đi họp từ Trùng Khánh về, thực hiện lệnh phóng thích Hồ Chí Minh. Trương Phát Khuê tự mình đưa Hồ Chí Minh đến ở tại "Bân Lu" trên đường Diêu Phụ, coi như thượng khách.

Đoạn văn trên là do Vương Tâm Đồng viết trong "Truyện Trương Phát Khuê", chương 17, trang 215 và "Ghi chép về Tả Hồng Đào mười năm trong hang hổ"

LẠI LỊCH HỒ CHÍ MINH VÌ SAO KHÔNG BỊ VẠCH TRẦN?

Quá trình chuyển hóa thân phận từ Hồ Chí Minh đến Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn không phải mọi việc đều thuận lợi trong một sớm một chiều. Đó là cả một công việc diễn ra lâu dài, bền bỉ với không ít người tham gia thúc đẩy mới đạt thành hiệu ứng của màn hý kịch. Xét về mặt thời gian, sau khi Nguyễn Ái Quốc bị bệnh lao phổi chết vào mùa thu năm 1932, chẳng phải đã có ngay kế hoạch "mượn xác hoàn hồn" hay "dời hoa tiếp cây".

Năm 1934, Hồ Tập Chương đến Mạc Tư Khoa với bí danh P.C.Lin, sau khi chịu sự điều tra của tổ chuyên án ba người, Quốc tế cộng sản mới bắt đầu đề nghị Hồ Tập Chương thay thế vai trò Nguyễn Ái Quốc, lấy tư cách đại biểu Quốc tế cộng sản tiến hành hoạt động giành độc lập cho Việt Nam. Khoảng thời gian ấy, sự việc luôn ở trong tình trạng mập mờ, bán tín bán nghi, cho đến tháng sáu năm 1957, khi về thăm quê hương Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An, Hồ Chí Minh mới chính thức công khai thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc. Thời gian này, song thân Nguyễn Ái Quốc đã qua đời từ lâu, một người anh là Nguyễn Sinh Khiêm mất vào năm 1950 và người chị là Nguyễn Thị Thanh cũng mất vào năm 1954. Ông Khiêm và bà Thanh, năm

1945 cũng đã ra Hà Nội gặp Hồ Chí Minh, vội vàng nói chuyện về thời thơ ấu rồi lại trở về quê. Vậy tình hình lúc gặp mặt ra sao, Nói những chuyện gì, trước sau vẫn còn là một bí mật. Vì thế, vào năm 1957, khi Hồ Chí Minh về thăm quê hương Nguyễn Ái Quốc, những người trong làng, có thể nói, không một ai phát hiện ra vị Chủ tịch nước Việt Nam không phải là Nguyễn Ái Quốc. Huống hồ, các phe cánh đối lập như Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh cũng lưu lạc ở Trung Quốc Đại lục, chết vì bệnh tật chốn tha hương. Hồ Chí Minh đến lúc này với vượt qua các trở ngại, hoàn thành kế hoạch "dời hoa tiếp cây", thay thế vai trò Nguyễn Ái Quốc do Quốc tế cộng sản sắp đặt.

Công bằng mà nói, Hồ Chí Minh hoàn thành nhiệm vụ "dời hoa tiếp cây" tuyệt đối không phải do năng lực cá nhân. Màn kịch này là sự hợp tác diễn xuất tuyệt vời của những nhân vật chớp bu Đảng Cộng sản Việt Nam mà đạo diễn chính là Vera Vasilieva, phụ trách thiết kế quy hoạch, trong đó, diễn viên chính là Hồ Chí Minh, chịu trách nhiệm biên tập kịch bản và thượng đài diễn xuất. Phối hợp diễn xuất là các lãnh đạo cao cấp như Lê Hồng Phong, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Hoàng Văn Hoan, Nguyên Lương Bằng cùng với lãnh đạo cao cấp Đảng Cộng sản Trung Quốc Chu Ân Lai, Đặng Dĩnh Siêu, Lý Phú Xuân, Thái Sướng, Khang Sinh, Lý Khắc Nông..., phụ trách yểm hộ, bao che lai lịch Hồ Chí Minh. Họ giấu kỹ lai lịch cùng những chứng cứ liên quan đến Hồ Chí Minh. Họ dùng các phương thức yểm hộ khác nhau rồi ren như tơ nhện để ngụy tạo thông tin, khiến cho nhất thời có người tỏ ra hoài nghi, thì bất quá cũng như một cánh hoa trôi giạt trên biển lớn, chỉ cần một đợt sóng trào là mất hút, không để lại dấu vết.

Năm 1945, vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn là Bảo Đại đã từng nói: "Chỉ cần chứng minh được Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc tôi sẽ lập tức thoái vị". Không lâu sau, Bảo Đại thoái vị thật, có thể thấy, giới lãnh đạo Việt Nam che đậy lai lịch Hồ Chí Minh đặc biệt thành công. Một lần nữa, tôi nhấn mạnh, Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao phổi vào mùa thu năm 1932, năm 1942 mới thấy tên tuổi Hồ Chí Minh xuất hiện. Như vậy, từ trước năm 1932, người ta rất quen biết Nguyễn Ái Quốc, sau năm 1933, người ta không quen biết Hồ Chí Minh, vậy, theo lý mà nói, Nguyễn Ái Quốc không phải là Hồ Chí Minh, chỉ có điều, vì sao Nguyễn Ái Quốc có mối quan hệ đặc biệt thân thiết với một lãnh đạo nổi tiếng của Đảng Cộng sản Pháp là Paul Vaillant Couturier và vị luật sư Anh Quốc Frank Loseby đã từng tham gia giải cứu Nguyễn Ái Quốc thoát khỏi nhà tù Hương Cảng, đều chưa từng đề cập đến những nghi vấn về thân phận Hồ Chí Minh? Hồ Chí Minh và những người cộng sản đã dùng những cách gì mà lừa bịp thành công? Chỉ xin dẫn ra trường hợp Paul Vaillant Couturier và Frank Loseby làm ví dụ. Vậy thì làm thế nào Hồ Chí Minh và những đồng chí của ông ngụy tạo cổ sự để che mắt người nước ngoài, khiến họ tin rằng Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc? tôi xin lấy một tiêu đề trong thiên này là "Những năm tháng phiêu bạt" để làm lời kết.

HỒ CHÍ MINH NGUY TẠO SỰ KIỆN NGUYỄN ÁI QUỐC SỐNG LẠI

Paul Vaillant Couturier là chuyên gia nước Pháp về "Chủ nghĩa xã hội", từng là Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, chủ bút tờ báo "Nhân đạo". Tháng chín năm 1933, Paul Vaillant Couturier đã đến Thượng Hải tham gia "Hội nghị thế giới phản đối chiến tranh đế quốc". Tháng mười hai năm 1920, Nguyễn Ái Quốc có tham gia "Hội nghị Tour" của Đảng Xã hội Pháp, sau khi Đảng Xã hội bị phân liệt, đã quen biết Marcel Gabriel và Paul Vaillant Couturier là thành đảng viên cộng sản. Dưới sự chỉ đạo của Marcel Gabriel và Paul Vaillant Couturier, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động tuyên truyền phản đối chủ nghĩa thực dân, trở thành chuyên gia nghiên cứu về vấn đề thực dân của Đảng Cộng sản Pháp.

Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương), từ đầu đến cuối, chưa bao giờ quen biết Marcel Gabriel và Paul Vaillant Couturier. Mùa thu năm 1937, Paul Vaillant Couturier qua đời, lúc ấy Hồ Tập Chương đang ở Mạc Tư Khoa, bí danh P.C.Lin, chấp hành chỉ thị của Quốc tế cộng sản, lấy danh nghĩa Nguyễn Ái Quốc, viết một bức thư bằng tiếng Pháp gửi tới Marcel Gabriel tỏ lòng thương tiếc và chia buồn về việc Paul Vaillant Couturier qua đời. Nói cách khác, Hồ Chí Minh sau khi Paul Vaillant Couturier chết mới mượn mối quan hệ giữa Nguyễn Ái Quốc và Paul Vaillant Couturier để liên kết Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh thành một người, dụng ý che mắt thế gian, tái hiện hình ảnh Nguyễn Ái Quốc vẫn sống trên đời.

Trần Đạt Nhân, vào năm 1963, trong cuốn sách "Vừa đi đường vừa kể chuyện", và Nguyễn Lương Bằng năm 1965, trong cuốn sách "Tôi đã mấy lần được gặp Bác Hồ" đều nhắc đến sự kiện năm 1933 Paul Vaillant Couturier đến Thượng Hải, đồng thời gộp Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh làm một, ngụy tạo sự kiện Paul Vaillant Couturier gặp Nguyễn Ái Quốc ở Thượng Hải để tạo điều kiện thuận lợi cho Hồ Chí Minh đến Mạc Tư Khoa. Thời điểm những cuốn sách này xuất bản, Nguyễn Ái Quốc đã qua đời gần ba mươi năm, Paul Vaillant Couturier cũng đã mất hai mươi sáu năm. Trần Đạt Nhân là bút danh của Hồ Chí Minh, Nguyễn Lương Bằng là Phó chủ tịch nước Việt Nam, hai người đều đồng lòng, nhất trí chế tạo Hồ Chí Minh tức Nguyễn Ái Quốc mà không bị lật tẩy bởi nhân chứng đã chết, Hồ Chí Minh vẫn đường đường chính chính tiếp tục sắm vai Nguyễn Ái Quốc.

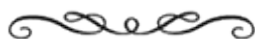
Ngày 6 tháng sáu năm 1931, Nguyễn Ái Quốc bị cảnh sát Hương Cảng bắt giữ, luật sư Frank Loseby nhận lời biện hộ. Sau chín phiên xử, Nguyễn Ái Quốc được phóng thích. Vợ chồng Frank Loseby cũng có mặt trong buổi tiễn đưa Nguyễn Ái Quốc rời Hương Cảng. Mùa thu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc mắc bệnh lao phổi sau đó qua đời. Tất nhiên, luật sư Frank Loseby cũng biết tin này qua báo chí. Năm 1956, trong đoàn ký giả Anh Quốc thăm Việt Nam, có một thành viên là đảng viên Cộng sản Anh. Hồ Chí Minh có cuộc gặp gỡ riêng với ký giả cộng sản này, sau khi được biết ông ta sẽ đến Hương Cảng nên có viết bức thư gửi luật sư Frank Loseby. Không lâu sau, Hồ Chí Minh lại gửi hai tấm ảnh chân dung kèm theo bức tranh thêu "Chùa Một cột" và bức tranh sơn mài tặng vợ chồng luật sư, đồng thời mời hai ông bà thăm Việt Nam.

Mùa xuân năm 1960, tại trụ sở tiếp khách Trung ương Đảng, Hồ Chí Minh đón tiếp vợ chồng luật sư Frank Loseby và ái nữ của họ là tiểu thư Patricia. Lúc ấy vợ chồng Loseby đã gần 80, Patricia cũng đã 30, mới gặp Hồ Chí Minh lần đầu, trong khi Nguyễn Ái Quốc đã qua đời 28 năm. Luật sư nói: "Từ sau năm 1933, tôi có nhận được của Nguyễn Ái Quốc một bức thư đề nghị gửi ảnh cùng địa chỉ, nhưng trong lòng tôi nghi hoặc, chỉ sợ đây là trò chơi "bịt mắt bắt dê" của cảnh sát nên không dám trả lời. Không lâu, lại nhận được bức thư hai, nội dung giống như bức thư nhất, tôi vẫn giữ cẩn thận, để nhớ lại hình ảnh Nguyễn Ái Quốc đã qua đời". Luật sư giải thích nguyên nhân không liên lạc với Nguyễn Ái Quốc là do không biết Nguyễn Ái Quốc chính là Hồ Chủ Tịch. Sau này vợ chồng Frank Loseby còn mấy lần được mời tham dự hội thảo tại Viện bảo tàng Cách mạng Việt Nam, băng ghi âm lời phát biểu của ông và những tư liệu quý do ông tặng vẫn được lưu giữ. Luật sư Loseby còn căn cứ theo kiểu dáng quần áo Nguyễn Ái Quốc từng mặc năm 1931, đã dùng vải bông gai may một chiếc áo khoác dài gửi tặng Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Năm 1967, Frank Loseby qua đời, Hồ Chí Minh gửi một vòng hoa đặc biệt đặt bên linh cữu ân nhân với dòng chữ: "Hồ Chí Minh đau xót tưởng nhớ luật sư Frank Loseby".

Trở lên trên là những ghi chép có liên quan đến Hồ Chí Minh và luật sư Frank Loseby được dẫn từ "Hồ Chí Minh, cha già dân tộc Việt Nam" của cựu Đại sứ Lý Gia Trung, từ trang 226 đến 228, Nguyễn Việt Hồng chuyển dịch, in trong chuyên mục "Hồ sơ Hương Cảng năm 1931". Từ những lời kể trên, vợ chồng Frank Loseby đã biết rõ Nguyễn Ái Quốc chết vào mùa thu năm 1932, vậy mà đến sau năm 1933 lại nhận được thư của Nguyễn Ái Quốc, vì thế ông cho là cảnh sát chơi trò "bịt mắt bắt dê", không dám trả lời. Đến năm 1956, một ký giả cộng sản Anh Quốc chuyển tới Frank Loseby bức thư của Hồ Chí Minh, sau này lại gửi tặng ảnh chân dung, tranh thêu, tranh sơn mài cùng với lời mời thăm Việt Nam, thậm chí còn cử người đại diện mặt dịch ở Hương Cảng là Nguyễn Văn Phối và Đỗ Xuân Phong đến thăm gia đình luật sư.

Tác giả không thể biết nội dung bức thư Hồ Chí Minh nói những gì, chỉ căn cứ vào những động tác liên hoàn từ năm 1956, có thể phỏng đoán, Hồ Chí Minh có ý ngầm thông báo cho vợ chồng luật sư Loseby biết là, Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, tin tức đăng trên các báo về sự kiện Nguyễn Ái Quốc chết bởi bệnh lao phổi chỉ là tin tức giả. Lại lại vấn đề, nếu như Nguyễn Ái Quốc không chết, chân thành báo đáp ơn cứu mạng, vì sao đến mãi năm 1956 mới ba lần liên lạc với vợ chồng luật sư Frank Loseby, năm 1960 mới chính thức mời thăm? Thời gian kéo dài những 20 năm, lẽ nào Nguyễn Ái Quốc không có cơ hội đến Hương Cảng cảm tạ ân nhân? Lại vì sao 28 năm sau, khi mà vợ chồng luật sư đã gần 80 mới mời đến Việt Nam gặp mặt? Tác giả nhận thấy "Hồ Chí Minh có thể làm bất cứ việc gì để chờ đợi thời cơ, sau đó chọn dịp thuận lợi nhất mới gặp mặt". Thử nghĩ, một ông già đã xấp xỉ 80 tuổi, sau 28 năm bặt vô âm tín, đặc biệt là người Âu Mỹ nhìn người phương Đông, liệu có khả năng phân biệt được thật giả? Hồ Chí Minh chơi trò bịp bợm chẳng qua là để vợ chồng Loseby ghi nhớ "Hồ Chí

Minh là Nguyễn Ái Quốc" mà thôi. Hơn thế nữa, Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam lại còn mời vợ chồng Frank Loseby tham dự hội thảo, lưu lại các tài liệu liên quan và băng ghi âm lời phát biểu cùng chiếc áo khoác vải bông kiểu dáng năm 1931, làm cho khắp nơi đều hiểu rõ mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh với luật sư Loseby chính là bằng chứng tuyệt vời khẳng định Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc.



THIÊN IV

KHÚC CA BUỒN VỀ CHUYỆN HÔN NHÂN TÌNH ÁI



HỒ SƠ HÔN NHÂN HỒ CHÍ MINH

Trong bài "Nguyễn Ái Quốc chết rồi sống lại", tôi đã nhấn mạnh, vào mùa thu năm 1932, Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao phổi, người xuất hiện sau này tuyệt đối không phải Nguyễn Ái Quốc mà chính là Hồ Tập Chương, làm nhiều chuyên gia nghiên cứu về Hồ Chí Minh đặt câu hỏi nghi ngờ. Trong quá trình viết cuốn sách này, tôi đã tham khảo không chỉ một vài tài liệu mà thực chất đã tiếp cận hàng đồng hồ sơ, do đó đã phát hiện ra những điều bất hợp lý thậm chí mâu thuẫn nhau trong cuộc đời nhân vật lịch sử này. Vấn đề quan trọng nhất là cần phải khách quan và trung thực trên cơ sở những chứng cứ khoa học, đồng thời hết sức tránh thái độ cực đoan do thành kiến, nhằm loại trừ những sai lầm để tìm ra sự thật.

Nghiên cứu hồ sơ hôn nhân, tình ái của Hồ Chí Minh chính là để làm sáng tỏ Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh là Hồ Chí Minh, người này không thể là người kia và ngược lại. Hôn nhân, tình ái của Nguyễn Ái Quốc cần được phân biệt giữa Breiere, Tăng Tuyết Minh với Nguyễn Thị Minh Khai. Hôn nhân tình ái của Hồ Chí Minh cũng phải được phân biệt giữa Lâm Y Lan, Đỗ Thị Lạc và Nông Thị Xuân. Một số cuộc hôn nhân, tình ái này đã được đề cập rải rác trong "Truyện Hồ Chí Minh" của Willam J. Duiker và "Những năm tháng Hồ Chí Minh mất tích, 1919 - 1941" của Sophie Quinn - Judge, quyển 2, nguyệt san "Vũ Hán văn sử tư liệu" (Đại lục) với bài "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh", nguyệt san "Nhân dân văn trích" (Đại lục) có bài "Mỗi tình sống chết giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan". Về phía Việt Nam có tác phẩm "Chị Minh Khai" của nhà văn Nguyệt Tú, "Việt duệ Hoa nhân Lĩnh Nam di dân" chuyên san có bài "Thê thiếp và tình nhân của Hồ Chí Minh". Nói chung, các tác phẩm trên đều có những phát hiện và trình bày, phân tích về tình trạng hôn nhân, tình ái của HCM tương đối đúng sự thực. Tuy nhiên, về phía nhà nước Việt Nam, những người

lãnh đạo cao cấp đều ra sức phản bác, cũng như lúc sinh thời, Hồ Chí Minh chưa bao giờ thừa nhận mình từng có vợ có con. Họ coi Hồ Chí Minh là thần thánh, biểu tượng tối cao của sự nghiệp cách mạng, nên sẵn sàng nhắm mắt, bịt tai trước sự thật lịch sử. Hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là hiện thực khách quan, được bạch hóa tại nhiều hồ sơ lưu trữ, không thể xóa bỏ được vết hằn lịch sử.

Từ sau năm 1933 cho đến lúc qua đời, Hồ Chí Minh không bao giờ thừa nhận các quan hệ hôn nhân, gia đình, nhưng trước năm 1933, tình trạng hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc lại được công khai rõ ràng. Nhà nước Cộng sản Việt Nam cường điệu chuyện Hồ Chí Minh vì sự nghiệp độc lập giải phóng dân tộc mà hy sinh tình cảm cá nhân, bởi vì họ không muốn và cũng không dám đối mặt với một sự thật chết người, ấy là Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh không phải là một. Không còn cách nào khác, các nhà lãnh đạo cao cấp, thông qua bộ máy tuyên truyền, đã lợi dụng những chuyện cường điệu, bịa đặt về thứ tình yêu “đồng chí cộng sản” để nấp sau tấm màn nhung, điều khiển vở hài kịch “tráo rồng đổi phượng”, “dời hoa tiếp cây”.

CHUYỆN HOANG ĐƯỜNG VỀ ĐẠO ĐỨC THÁNH NHÂN

Trong nhận thức của một số người, ấn tượng phổ biến về việc ông Hồ Chí Minh không có vợ con là bởi sự nghiệp cách mạng, vì độc lập dân tộc nên đã hy sinh hạnh phúc gia đình. Đại sứ Trung Quốc Lý Gia Trung đã viết trên tờ “Thế giới tân văn” ngày 11 tháng bảy năm 2005 như sau : “ Hồ Chí Minh vì sự nghiệp cách mạng chấp nhận sống độc thân, không xây dựng gia đình, không vợ không con. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, vào những năm năm mươi, các nhà lãnh đạo Việt Nam đã từng có ý sắp đặt một nữ thanh niên ưu tú bên cạnh Bác để giúp đỡ Người trong công tác cũng như sinh hoạt. Thế nhưng, khi người phụ nữ ấy được đưa đến, Hồ Chí Minh lại bảo : “Bác ở đây không có việc gì, cháu hãy về cơ quan công tác cho tốt”. Có lần Hồ Chí Minh tâm sự với các nhân viên phục vụ về nguyên nhân mình không xây dựng gia đình : “ Thời trẻ, Bác bôn ba nước ngoài, đi đến đâu cũng được phụ nữ để ý, chỉ hiềm lúc ấy Bác đang hoạt động bí mật, sẽ có ngày trở về nước làm cách mạng, một khi thành gia thất thì rất khó bảo vệ được bí mật”. Lý Đại sứ viết tiếp : “ Hồ Chí Minh vì tự do độc lập của nhân dân mà dẫn thân cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ, không màng đến sự sống chết và hạnh phúc cá nhân, cho nên chấp nhận suốt đời sống độc thân”. Việc không có vợ con của Hồ Chí Minh có đúng như Lý Gia Trung nhận định là chỉ vì nền độc lập dân tộc hay là còn có lý do khác quan trọng hơn mà họ cố ý giấu nhẹm sự thật, tạo ra chung quanh một vòng hào quang để biến ông thành vị thánh sống?

Căn cứ vào những hồ sơ từ thời thực dân Anh Pháp để lại, mới được giải mật gần đây, thì Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh đã có thời kỳ hôn nhân tốt đẹp, đồng thời cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn trong các mối quan hệ. Tuy nhiên, nhà nước cộng sản Liên Xô Trung Quốc và Việt Nam cho đến nay chẳng những không chịu thừa nhận thực trạng hôn nhân của

Hồ Chí Minh mà còn cố ý làm sai lệch các hồ sơ trên. Họ làm vậy mới mục đích gì? Lần lượt phân tích các hồ sơ qua nội dung đã được bạch hóa, có thể suy đoán, Nga cộng, Trung cộng, Việt cộng, không dám công bố sự thật hôn nhân Hồ Chí Minh là bởi họ đã hiểu Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là hai người khác nhau. Một khi các chuyên gia nghiên cứu về Hồ Chí Minh công bố trước thế giới sự thật này thì thân phận Hồ Chí Minh sẽ trở thành một "song bào án", hình tượng Hồ Chí Minh bỗng chốc sụp đổ, làm gì còn đủ tư cách "Cha già dân tộc"!

Những năm ấy Quốc tế cộng sản phải khó khăn lắm mới tạo ra được vở kịch "mượn xác hoàn hồn" với kế hoạch cài cắm một phái viên của mình vào Việt Nam nhằm thực hiện mục đích "nhuộm đỏ" khu vực Đông Nam Á, nay có nguy cơ bị vạch trần nên tất yếu họ tìm mọi cách bưng bít.

Vào những năm đầu thế kỷ XXI (năm 2000), sự thực về hôn nhân, tình ái của Hồ Chí Minh còn được Sophie Quinn- Judge trong "Những năm tháng Hồ Chí Minh mất tích 1919 -1941", quyển I, ở phần mở đầu, giới thiệu tóm tắt đã viết : " Hồ Chí Minh không phải là hòa thượng độc thân, qua thẩm xét, nghiên cứu kỹ lưỡng, ông ta từng có quan hệ chính thức với hai người phụ nữ". Phần tổng kết, tác giả nhắc lại : " Hồ Chí Minh tuyệt đối không phải là một vị thánh của Chủ nghĩa cộng sản chỉ vì ông ta không có cơ hội chung sống cùng phụ nữ mà thôi". Một tác giả người Việt là nhà nghiên cứu Trần Gia Phụng trong tác phẩm " Ông Hồ có bao nhiêu vợ?", đã viết : " Hồ Chí Minh cũng chỉ là một người bình thường. Ông đã từng trải qua mấy cuộc hôn nhân, có vợ có con, thậm chí có đến mấy bà vợ cùng nhân tình". Trong xã hội Việt Nam năm sáu mươi năm về trước, đây là hiện tượng cực kỳ phổ biến. Chỉ có điều, đã trót suy tôn ông ta là "nhà chính trị kiệt xuất", "Cha già dân tộc", "biểu tượng của cách mạng Việt Nam" nên bắt buộc phải giấu biệt các mối quan hệ hôn nhân, tình ái, vô hình chung Cộng sản Việt Nam đã biến ông Hồ thành kẻ phụ tình, bất nghĩa, thoái thác trách nhiệm làm chồng làm cha, một lễ thường của đạo nhân luân.

CẦU TRẢ VỀ CẦU, ĐƯỜNG TRẢ VỀ ĐƯỜNG

Qua những sự thực lịch sử về tình trạng hôn nhân của Hồ Chí Minh , cẩn thận xem xét, kiểm nghiệm kết hợp với so sánh, đối chứng, ta có thể thấy rõ, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh có những quan hệ hôn nhân, tình ái vào các thời kỳ khác nhau. Nếu đem hai người có tình trạng hôn nhân ở hai thời kỳ khác nhau gộp lại cho một người rồi đồng nhất cùng một thời gian thì chẳng khác gì câu chuyện dân gian "râu ông nọ cắm cằm bà kia", làm biến dạng bản chất sự việc. Muốn làm rõ việc này cần phải lấy năm 1932 làm mốc phân ranh giới giữa Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh. Trước năm 1932, thuộc hôn nhân, tình ái của Nguyễn Ái Quốc với Breiere, Tăng Tuyết Minh và Nguyễn Thị Minh Khai. Từ năm 1933 về sau, thuộc hôn nhân tình ái của Hồ Chí Minh với Lâm Y Lan, Đỗ Thị Lạc và Nông Thị Xuân. Đem Nguyễn Ái Quốc ghép với Hồ Chí Minh là không thể. Để loại trừ những kết luận chủ quan, sai lầm, cần phải đối chiếu

thời gian, tìm hiểu các mối quan hệ, phân tích dữ liệu một cách cẩn trọng trong đồng hồ sơ lưu trữ về Hồ Chí Minh để trả lại sự minh bạch cho lịch sử như tục ngữ của người Trung Quốc là “cầu trả về cầu, đường trả về đường”. Xin độc giả tham khảo những tư liệu sau đây:

1 – Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc ở trọ tại biệt thự Goblin thủ đô Paris nước Pháp, làm quen với một thiếu nữ người Pháp là cô Briere. Cảnh sát xác nhận cô này là tình nhân của Nguyễn Ái Quốc .

2 – Năm 1925, tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc quen biết một thiếu nữ Trung Quốc là Tăng Tuyết Minh, năm 1926 hai người kết hôn. Sau khi kết hôn hai người ở trong biệt thự của Mikhail Brodin.

3 – Năm 1930, tại Hương Cảng, Nguyễn Ái Quốc mang theo từ Việt Nam một người đồng hương đồng thời là người yêu của ông ta tên Nguyễn Thị Minh Khai. Mùa xuân năm 1931, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai cử hành hôn lễ đơn giản tại nhà khách qua sự chứng kiến của các đồng chí đến từ Sài Gòn và Đông Kinh.

4 – Năm 1935, Mạc Tư Khoa triệu tập Hội nghị lần thứ VII Quốc tế cộng sản. Thời gian này Nguyễn Ái Quốc bị bệnh đã qua đời, Nguyễn Thị Minh Khai với tư cách là vợ của Nguyễn Ái Quốc , khi đến Mạc Tư Khoa, ghi trong tờ khai là đã kết hôn với một người đồng chí có tên P.C. Lin. Hội nghị kết thúc, Nguyễn Thị Minh Khai ở lại Liên Xô, đến phòng đăng ký giá thú làm thủ tục kết hôn với Lê Hồng Phong, là người lãnh đạo mới của Đảng Cộng sản Đông Dương.

5- Cuối năm 1944, Hồ Chí Minh trở lại căn cứ địa cách mạng Việt Bắc. Trong số 18 cán bộ nòng cốt theo về Việt Nam có một phụ nữ là Đỗ Thị Lạc, mọi người quen gọi “chị Thuận”. Tại Cao Bằng, Hồ Chí Minh và Đỗ Thị Lạc sống chung với nhau một thời gian.

6 – Năm 1955, một thiếu nữ xinh đẹp người Nùng, quê Hòa An, Cao Bằng là Nông Thị Xuân được cử làm y tá bên cạnh Hồ Chí Minh . Hai người sống chung với nhau gần một năm thì cô Xuân sinh hạ một bé trai. Đứa bé lúc đầu gửi Hội Phụ nữ rồi Chu Văn Tấn chăm sóc, sau này thư ký riêng của ông Hồ là Vũ Kỳ bí mật nhận làm con, nuôi dưỡng tại nhà mình.

7 – Năm 1965, nhân việc Đào Chú, một yếu nhân của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời là bạn thân của Hồ Chí Minh viếng thăm Hà Nội, ông Hồ có nhờ Đào Chú tìm giúp một phụ nữ từng quen biết thời trẻ ở Quảng Đông là Lâm Y Lan để nối lại tình xưa nghĩa cũ. Họ Đào trở về Trung Quốc báo cáo việc này với Tổng lý Chu Ân Lai, tuy nhiên quan hệ ngoại giao hai nước lúc ấy không còn mặn mà như trước vì cuộc “Đại cách mạng văn hóa” nên đề nghị của ông Hồ tạm thời bị xếp lại.

MỐI TÌNH ĐẦU CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI CÔ BREIERE

BREIERE VÀ BOURDON

Breiere có phải là người tình đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc hay không, việc này xác minh không khó. Qua quá trình thẩm xét, các hồ sơ liên quan đến Nguyễn Ái Quốc đều cho thấy, Breiere đúng là người tình đầu tiên của ông. Mỗi quan hệ tình ái này, cả trong tác phẩm của William J. Duiker và Nguyễn Thế Anh đều không được đề cập đến, bởi các nhà nghiên cứu quan niệm, chuyện yêu đương thời kỳ đầu của Nguyễn thường là giả tạo, thậm chí còn bị tô vẽ phóng đại với mục đích chính trị.

Người tình đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc là một phụ nữ Pháp tên Breiere, chẳng hiểu vô tình hay hữu ý đã bị lẫn lộn với mối tình của nữ chiến sĩ cách mạng Nguyễn Thị Minh Khai. Việc làm này rõ ràng có ý đồ tạo ra một giả tượng đồng nhất Hồ Chí Minh với Nguyễn Ái Quốc. Giáo sư Nguyễn Thế Anh trong tác phẩm “Con đường chính trị của Hồ Chí Minh”, khẳng định người tình đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc là cô Bourdon, còn William J. Duiker trong “Truyện Hồ Chí Minh”, trang 76 lại ghi người tình đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc là cô Bourdon Breiere. Có nhiều khả năng, từ tiếng Pháp chuyển dịch sang tiếng Trung, danh xưng này bị phiên âm khác đi. Theo các tài liệu lịch sử để lại, cô Breiere và cô Bourdon đều là người tình của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ đầu đến nước Pháp thực chất chỉ là một người. William J. Duiker dẫn theo tài liệu thời kỳ đầu còn Nguyễn Thế Anh dẫn theo tài liệu ở thời kỳ kết thúc của mối tình này nên mới có sự bất đồng.

MỐI TÌNH ĐẦU CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

Giáo sư Nguyễn Thế Anh trong “Con đường chính trị của Hồ Chí Minh ” có ghi chép về mối tình đầu của HCM như sau : “ Năm 1923, HCM từng bị thất tình với một cô gái người Pháp là Bourdon. Cô này đã trách móc Hồ vì việc Hồ tuyên bố với mọi người cô là vợ mình. Từ một bức thư đề ngày 10 tháng 5 năm 1923, Hồ Chí Minh gửi cho Bourdon có thể biết được mối quan hệ tình ái của họ trong thời gian ấy : “Nhận được thư của em làm anh vô cùng sung sướng. Anh cũng gửi đến em lời cảm ơn về những tấm ảnh đẹp. Anh tạm gửi lại em hai tấm, còn giữ lại ba tấm, nếu có thời gian sẽ in tráng. Mong em cho phép anh in tráng hai bộ, một bộ gửi em, một bộ anh giữ để làm kỷ niệm tình đồng chí của chúng ta”. Sau đó hai người còn thư từ qua lại với nhau một thời gian nữa, hẹn sẽ có ngày gặp mặt. Có khả năng, theo lá thư đề ngày 11 tháng 6 năm 1923 gửi cho Bourdon, Hồ Chí Minh viết : “ Vừa nhận được thư cô, xin cô hãy giữ gìn các tấm ảnh, nhưng không cần thiết phải phóng đại số ảnh ấy. Đọc thư, tôi rất sững sốt, không sao hiểu được ý tứ của những lời nói ấy. Nếu cô nghĩ rằng tôi làm việc ấy, xin mời cô hãy đến quán ăn, ta sẽ làm rõ sự thật”. (Tác giả nhận định, thời gian ấy, Nguyễn Ái Quốc làm việc tại một hiệu ảnh , còn cô Bourdon có thể làm làm bồi bàn trong một nhà hàng). Trích dẫn từ một lá thư do Cục Bảo an Pháp thu được, hiện bảo tồn tại Trung tâm hồ sơ Pháp quốc hải ngoại (SLOTFOM), hàng thứ 2, hòm số 4), William J. Duiker trong “Truyện Hồ Chí Minh”, chương 2, trang 76, viết : “ Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc quyết định gia

nhập Đảng Cộng sản Pháp, việc này đã tạo ra sự căng thẳng với nhóm người cùng ngụ trong biệt thự Globin. Họ xem Nguyễn là nhân vật cấp tiến và hành động của anh ta có mùi vị súng đạn. Thời kỳ Hội nghị Versailles, Nguyễn Ái Quốc có kể với người đồng hương là Trần Tiến Nam về người bạn gái bất đồng quan điểm với mình vì cô cho rằng anh ta có tư tưởng cực đoan. Cũng cuốn sách trên, trang 593 (chú giải số 49), có ghi : “Căn cứ Hồ sơ Pháp quốc hải ngoại của Trung tâm viễn chinh quân bảo hộ, tù thứ 36, ngày 27 tháng 12 năm 1920, Deveze viết như sau : “Người bạn gái là Breiere, cảnh sát tin là nhân tình của Nguyễn Ái Quốc”.

Mối tình đầu giữa Nguyễn Ái Quốc và Breiere là tình yêu chân chính của những người tuổi trẻ. Nó thường bị lợi dụng gắn kết với mối tình giữa Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai, cố ý gây lẫn lộn, làm mối tình đầu thất bại này mang phong vị lãng mạn, tạo ra một hình ảnh Hồ Chí Minh thánh nhân, đạo đức “đất nước chưa độc lập thống nhất, Hồ Chí Minh không thể xây dựng gia đình riêng”. Theo các đề mục ở phần sau của tác phẩm “Hồ Chí Minh vì sao không lấy vợ?” và “Tình yêu vượt qua Hồng Hà, truyện tình Hồ Chí Minh”, hai thiên này rất không đúng sự thực, chứng tỏ vòng hào quang chung quanh Hồ Chí Minh chỉ là thần thoại giả tạo.

NGHI ÁN ÁI TÌNH GIẢ TẠO

HCM vì sao suốt đời không lấy vợ?, tờ “Nhân dân nhật báo” Trung Quốc, bản hải ngoại (bản số 3, ngày 16 tháng 9 năm 2000), Hồ Văn Sinh viết : “Năm 20 tuổi Hồ Chí Minh lên một chiếc tàu thủy đến nước Pháp, bắt đầu tìm thấy chân lý ở chủ nghĩa Marx – Lenin. Trên đường đi, ông làm quen với một cô gái xinh đẹp người Việt, dáng mảnh mai, tính tình nhu thuận. Họ nhanh chóng có tình cảm với nhau. Khi Hồ Chí Minh tham gia “Phong trào vận động giải phóng dân tộc Việt Nam” thì người bạn gái yêu thương bị kẻ thù giết hại một cách thảm khốc. Một hôm, ông đến gặp các nhà lãnh đạo chủ chốt của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội trình trọng tuyên bố : “ Một khi Việt Nam chưa giải phóng, đất nước chưa thống nhất thì đời này, kiếp này tôi nhất định không thành gia thất”. Từ Đại lục, “Phúc Kiến kiều báo” có đăng tải bài : “Tình yêu vượt qua Hồng Hà, chuyện tình Hồ Chí Minh” với nội dung như sau : “Năm 20 tuổi, Hồ Chí Minh rời quê hương Nghệ An ra đi trên một chiếc tàu thủy đến nước Pháp tìm chân lý qua nghĩa Marx- Lenin để giải phóng dân tộc. Hai tháng lênh đênh trên biển, ông làm quen với một cô gái con nhà gia thế, dáng vóc xinh đẹp, tính tình nhu thuận. Ông Hồ là một thanh niên cao thượng, phong cách tao nhã, làm việc cần mẫn không nghỉ, quyết chí hiến thân cho lý tưởng quốc gia độc lập, dân tộc giải phóng, làm người thiếu nữ vô cùng cảm động và ái mộ. Năm 1923, Hồ Chí Minh đi Liên Xô học tập. Một thời gian sau người yêu của ông cũng được cử qua đường Liên Xô về nước truyền bá ngọn lửa cách mạng. Cặp tình nhân náu áo, rơi lệ từ biệt nhau. Sau đó, Hồ Chí Minh từ Liên Xô trở về Quảng Châu Trung Quốc vận động thành lập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và “Hội liên hiệp các dân tộc Á Đông bị áp bức”. Đúng vào lúc Hồ Chí Minh toàn tâm toàn ý hoạt động cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt thì một tin dữ truyền đến, người yêu của ông bị kẻ thù sát hại một cách

thảm khốc. Hồ Chí Minh đau đớn tưởng như không thể sống được nữa. Một ngày, ông đến gặp các cán bộ chủ chốt của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội trình trọng tuyên bố :
“ Việt Nam chưa giải phóng, đời này, kiếp này, tôi quyết không thành gia thất”.

TĂNG TUYẾT MINH, NGƯỜI VỢ ĐẦU TIÊN CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

Câu chuyện hôn nhân, ái tình của Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh

Tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu đổi tên thành Lý Thụy. Vào một ngày cuối năm 1925, Tăng Tuyết Minh đến trụ sở “Hội Phụ nữ vận động diễn tập” tìm gặp Thái Sướng, lúc xuống lầu, bất ngờ gặp Lý Thụy ở chỗ rẽ cầu thang. Khi ấy, hai người chẳng để ý gì đến lễ tiết mà cùng đối mặt nhìn nhau. Lý Thụy bị phong thái cao nhã, dáng vẻ rạng rỡ của cô bắt mất hồn, khi lên gác, không nén được bèn hỏi Thái Sướng : “Vị tiểu thư vừa rời khỏi đây tên là gì và có quan hệ thế nào với Hội Phụ nữ?”. Thấy Lý Thụy dường như đã có tình ý với Tăng Tuyết Minh nên Thái Sướng vui vẻ giới thiệu nhân thân cô gái Quảng Châu với anh ta, đồng thời, cùng Đặng Dĩnh Siêu đứng ra làm mối cho cuộc nhân duyên này.

Tăng Tuyết Minh sinh tháng 10 năm 1905 tại Quảng Châu, nguyên quán trấn Tông Khẩu, huyện Mai, tỉnh Quảng Đông. Cha là Tăng Khai, nhà buôn, đã từng kinh doanh ở Honolulu (nước Mỹ), cả nhà theo đạo Cơ Đốc. Tăng Tuyết Minh là con gái út của gia đình. Từ năm 1912 đến năm 1917, Tuyết Minh học tư thực tại Quảng Châu qua các trường Trần Quang tiểu học và Đệ thập tứ Quốc dân tiểu học. Mùa xuân năm 1923, Tăng Tuyết Minh vào học trường Nữ hộ sinh, năm 1925 tốt nghiệp. Sau khi được hiệu trưởng Hoàng Ngọc Anh giới thiệu, cô đến làm nữ y tá trợ sản Sở Y vụ La Tú Vân Quảng Châu. Lúc ấy, Tăng Tuyết Minh vừa tròn hai mươi tuổi. Đương thời, Quảng Châu được xem như trung tâm cách mạng. Hà Hương Ngưng, Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng sáng lập tổ chức “Phụ nữ vận động diễn tập”. Chịu ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng, Tăng Tuyết Minh thường đến trụ sở Hội Phụ vận nghe diễn thuyết, tham gia hoạt động, kết bạn thân thiết với Đặng Dĩnh Siêu và Thái Sướng.

Tăng Tuyết Minh có người anh thứ hai Tăng Cẩm Tương là bạn cũ của Tôn Trung Sơn, tinh thông năm ngoại ngữ, văn bút tinh xảo, là giảng viên đại học. Tăng giáo thụ mời Lý Thụy đến nhà. Trong khi nói chuyện, thấy Lý Thụy khiêm nhường, tự tin, thiết thực, nhiệt tình, có viễn kiến, lịch duyệt và biết nhiều ngoại ngữ, ông đã thay mặt gia đình tác thành cho đôi lứa. Ngày 18 tháng mười năm 1926, hôn lễ được cử hành long trọng tại nhà hàng Thái Bình Dương trước sự chứng kiến của đông đảo quan khách do Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng chứng kiến và chủ trì. Cố vấn Nga Xô Mikhail Borodin, trợ thủ đắc lực của Trương Thái Lôi cũng đến chúc mừng.

Cuối năm 1926, Tăng Tuyết Minh mang thai. Lý Thụy khắp khởi mừng thầm vì sắp được hưởng niềm vui làm bố. Có điều, mẹ Tăng Tuyết Minh là Lương Thị, sau khi biết việc này, sợ con gái sinh cháu bé sẽ theo chồng đi mất nên đã tìm mọi cách ép nàng phá thai. Tuy Tăng Tuyết

Minh có những mười anh chị em, nhưng trừ anh hai Tăng Cẩm Tương, còn lại đều sống xa gia đình. Cha mất sớm, mẹ tuổi già cô độc, vì chữ hiếu, nàng khó mà trái lời khuyên của mẹ nên đã gập Lý Thụy nói sự thật rồi nuốt nước mắt bỏ đi cốt nhục của mình, để lại mối hận cho đến cuối đời. Từ khi kết hôn đến lúc hai người chia tay chưa đầy một năm.

Tình hình cách mạng Trung Quốc biến chuyển nhanh. Ngày 12 tháng 4 năm 1927, Tưởng giới Thạch gây ra sự kiện "Trung Sơn Hạm" triệt để phản bội cách mạng, điên cuồng truy sát các đảng viên Cộng sản, tạo thành vụ khủng bố trắng tanh máu người làm chấn động dư luận quốc tế. Trước tình hình nghiêm trọng, Lý Thụy nhận chỉ thị của Quốc tế cộng sản, theo đoàn cố vấn Nga Xô đi Vũ Hán, chuyển qua Thượng Hải, sau đó đến Vladivostok để đi Mạc Tư Khoa. Từ đó vợ chồng mỗi người một phương.

Năm 1929, Lý Thụy đến Hương Cảng đổi tên thành Tống Văn Sơ, tháng 2 năm 1930, theo chỉ thị của Quốc tế cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Cửu Long, Hương Cảng. Tháng 6 năm 1931, Tống Văn Sơ bị nhà cầm quyền Hương Cảng bắt giam tại nhà lao Victoria. Tống Văn Sơ tìm cách báo tin cho Tăng Tuyết Minh biết việc mình bị câu lưu. Được tin, các chị gái Tăng Tuyết Minh nhiệt tình giúp đỡ bằng cách mời luật sư biện hộ để em rảnh thắng kiện trước tòa. Tăng Tuyết Minh theo các chị đến nơi mới biết Tống Văn Sơ chính là Lý Thụy, chồng mình, vội đến nhà giam thăm nhưng không được gặp đành gạt nước mắt ra về.

Năm 1958, Viện Vệ sinh y vụ Quảng Châu tiến hành chính phong với phương châm "đại minh, đại phóng". Trong đám đồng sự có người tố cáo, trước đây Tăng Tuyết Minh và Nguyễn Ái Quốc có quan hệ hôn nhân mờ ám làm kinh động cả giới lãnh đạo ngành y tế. Sau mấy lần tra vấn, truy hỏi, Tăng Tuyết Minh chỉ nói, người có sự trùng tên, vật có sự đồng dạng, chuyện hôn nhân có tính chất quốc tế này là bịa đặt. Căn cứ vào sự phủ nhận của đương sự, hơn nữa, đây là sự việc trọng đại, lãnh đạo ngành y tế bèn làm văn bản gửi lên chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Trung Quốc Thái Sướng. Thái Sướng liền gửi công văn cho Tỉnh ủy Quảng Đông nói rõ, Lý Thụy là một bí danh của Hồ Chí Minh thời kỳ ở Quảng Châu, đồng thời cũng xác nhận Tăng Tuyết Minh và Hồ Chí Minh đã từng là vợ chồng. Tuy nhiên, chuyện này liên quan đến quan hệ hai nước, không được làm ảnh hưởng đến tình hữu nghị Trung - Việt, sự việc mới lắng xuống.

Liệu Hồ Chí Minh có biết Tăng Tuyết Minh vẫn còn sống hay không? Vì sao ông ta không thông qua Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nhờ tìm người vợ đã mất tin nhiều năm? Tăng Tuyết Minh một thân cô quả, thủ tiết chờ chồng từ năm hai mươi một tuổi, làm nghề nữ hộ sinh, trải qua sóng gió Cách mạng văn hóa rồi nghỉ hưu, một thân một mình cho đến năm 1991 thì qua đời ở tuổi 86.

Vợ tôi, đối với Tăng Tuyết Minh thuộc hàng cháu, thường gọi bằng "cô Mười". Từ khi sinh ra đến lúc qua đời bà đều sống ở Quảng Châu, là tín đồ trung thành của đạo Cơ Đốc, ngày đêm

cầu khẩn cho Lý Thụy bằng an. Năm 1988, khi tôi cùng vợ về Quảng Châu viếng thăm bà cô Mười, trong ký ức bà vẫn nhớ đến Hồ Chí Minh lúc chia tay từ mấy chục năm trước. Bà kể tường tận cho chúng tôi nghe về thời kỳ quen biết Hồ Chí Minh, nảy sinh tình cảm nam nữ rồi quá trình tổ chức hôn lễ rất xúc động. Tôi gửi lại bà tấm ảnh quý và bức thư ngày trước viết cho Hồ Chí Minh mà bà gửi tôi giữ hộ. Lúc ấy trong tay vợ tôi còn có chiếc nhẫn hồng ngọc mà Lý Thụy đã tặng bà cô Mười lúc đính hôn cùng với tấm rèm cửa cổ văn M. Borodin chúc mừng hôn lễ. Những vật kỷ niệm này được gia đình tôi coi như bảo vật truyền gia của người bà để lại. Vào dịp kỷ niệm ngày sinh 111 của Hồ Chí Minh và 96 năm của Tăng Tuyết Minh, tôi, với tư cách là thành viên Sở Nghiên cứu văn sử thành phố Vũ Hán, Ủy viên Chính hiệp thành phố, là nhà thư pháp, hiểu rất rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình khi soạn cuốn sách này. Bởi vì cuốn sách chính là tấm lòng kính yêu của một kẻ hậu sinh tưởng nhớ đến người cô Tăng Tuyết Minh, cho dù tình cảm bị tổn thương vẫn một lòng chung thủy chờ chồng, suốt đời cam chịu sống độc thân, và lãnh tụ Hồ Chí Minh, chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi vì sự nghiệp cách mạng dân tộc, vì sự nghiệp cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, suốt đời sống độc thân, không mưu cầu hạnh phúc cho riêng mình. Dù thời gian qua đi nhưng tình cảm của hai người vẫn không thay đổi, một lòng một dạ trung trinh, đời đời ghi vào lịch sử.

HỒ SƠ VỀ HÔN NHÂN, TÌNH ÁI GIỮA NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ TĂNG TUYẾT MINH

Viết về hôn nhân và tình ái của Hồ Chí Minh, có thể điểm đến các tác phẩm “Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh”, dài khoảng 4200 chữ, do Từ Song Minh (cháu của người chị gái bà Tăng Tuyết Minh viết), Khổng Khả Lập phê bình, chú giải tại nguyệt san “Vũ Hán văn sử tư liệu”, năm 2001, kỳ 1, William J. Duiker, với “Truyện Hồ Chí Minh” gồm hai phần, cả hai phần này đều lấy tư liệu từ “Trung tâm quân viễn chinh bảo hộ” thuộc “Hồ sơ Pháp quốc hải ngoại”, hòm số 367, tiêu đề “Hồ sơ Nguyễn Ái Quốc, 1926 – 1927).

Phần thứ nhất, chương 4, trang 143 “Long đích truyền nhân” (Người nối dòng rồng), nội dung như sau : “Mùa xuân, năm 1927, Nguyễn Ái Quốc dừng lại ở Quảng Châu già nửa năm. Ông ta đã trở thành nhân vật trọng yếu được các thành viên trong đảng đoàn kính nể, đồng thời cũng kiến lập được mối quan hệ rất tốt với nhà cách mạng Chu Ân Lai, Trương Thái Lô và các lãnh tụ Quốc dân đảng cánh tả (là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc) Liêu Trọng Khải v.v... Đến lúc ấy, chẳng những Nguyễn Ái Quốc đã ổn định cuộc sống tại Trung Quốc mà còn muốn tìm một người vợ để học Trung văn, đồng thời lo liệu mọi sinh hoạt gia đình. Không lâu sau, một người đồng sự là Lam Đức Thư (Lâm Đức Thụ?!) giới thiệu với Nguyễn Ái Quốc một thiếu nữ là Tăng Tuyết Minh để hai người làm quen. Tuy cô gái là con một gia đình có giáo dục nhưng một số đồng nghiệp vẫn không tán thành. Nguyễn Ái Quốc bất chấp mọi phản đối, quyết định cầu hôn. Sau hôn lễ, hai người chuyển đến ở một phòng trên tầng 2 biệt thự của M. Borodin. Việc này đã được báo cáo với Mạc Tư Khoa”.

Một phần khác, ghi chép tại chương 6 " Xích sắc Nghệ Tĩnh" (Màu đỏ Nghệ Tĩnh), trang 188-189 viết " Tình yêu giữa Nguyễn Thị Minh Khai và Nguyễn Ái Quốc không phải mọi người đều biết, thậm chí cũng chẳng biết có hay không hôn lễ cử hành chính thức. Từ tháng 4 năm 1927, tuy Nguyễn Ái Quốc đã rời Trung Quốc, vẫn còn chưa mất hết dấu tích, chứng cứ là , vào năm 1930, Tăng Tuyết Minh ngẫu nhiên gặp lại chồng ở Hương Cảng nhưng cuối cùng quan hệ giữa hai người vẫn không nối lại. Theo một đồng chí của Nguyễn Ái Quốc là Lâm Đức Thụ (Lâm Đức Thụ?!) nói với một người quen ở Cục Bảo an : " Tăng Tuyết Minh chê Nguyễn Ái Quốc nhiều tuổi, không hợp với mình, đồng ý kết hôn chỉ vì lý do kinh tế". Khoảng gần một năm sau, khi Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu có gửi cho Tăng Tuyết Minh một bức thư : "Hai ta phân ly gần một năm, cho dù không nói được lời nào nhưng anh vẫn thấy tình cảm chẳng khác gì ngày trước. Anh viết gửi em mấy dòng này làm vật chứng, xin em chấp tay trước nhạc mẫu chuyển lời của anh chúc phúc đến bà". Khi quan hệ hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh chấm dứt, vào năm 1931, ông bắt đầu có quan hệ luyến ái với một nữ đồng chí trẻ tuổi người đồng hương là Nguyễn Thị Minh Khai, đồng thời đề nghị Cục Viễn Đông tổ chức đám cưới cho hai người. Giáo sư Hoàng Tranh, viện trưởng Viện Khoa học lịch sử Quảng Tây, đã dành nhiều thời gian và tâm huyết nghiên cứu về mối quan hệ Trung Việt và Hồ Chí Minh . Sau nhiều năm điều tra, khảo chứng, ông đã viết trên tờ "Đông Nam Á tung hoành" (Dọc ngang Đông Nam Á), kỳ 12, tháng 11, năm 2001, kết luận Hồ Chí Minh đích xác có một người vợ Trung Quốc là Tăng Tuyết Minh.

TRUNG CỘNG ẨN GIẤU CHUYỆN HÔN NHÂN TĂNG TUYẾT MINH

Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh, năm 1925 bắt đầu có quan hệ luyến ái, năm 1926 kết hôn, vậy vì sao, người cháu con bà chị là Từ Song Minh đến năm 2000 mới công bố bài viết "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh" kể về chuyện hôn nhân của bà Cô Mười? Qua sử liệu và quá trình nghiên cứu, đối chiếu, ta có thể thấy bên trong sự kiện này có nhiều vấn đề phức tạp. Sự thật cuộc hôn nhân này dường như đã bị ban lãnh đạo Cộng sản VN bưng bít, xem như một loại tài liệu cơ mật không thể công bố. Năm 2000, William J. Duiker xuất bản cuốn "Truyện Hồ Chí Minh", tập 1, tác giả có đề cập đến chi tiết, một đồng chí của NAQ là Lâm Đức Thụ (Lâm Đức Thụ?!) tố cáo với Cục Bảo an Pháp như sau : "Tăng Tuyết Minh chê Nguyễn Ái Quốc nhiều tuổi, không phù hợp với mình, chấp nhận kết hôn chẳng qua là do nhu cầu kinh tế". Đoạn này rất không phù hợp với sự thực lịch sử, bởi nó đã vu khống tình yêu chân chính (sinh tử luyến) và tấm lòng trung trinh của Tăng Tuyết Minh với Nguyễn Ái Quốc, bôi nhọ nhân cách và danh dự của bà làm cho Từ Song Minh vô cùng phẫn nộ đối với William J. Duiker. Vì thế, năm 2001, ông mới viết bài "Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh" do Khổng Khả Lập phê bình, đăng tại nguyệt san "Vũ Hán văn sử tư liệu". Bài báo cực lực phản bác Lâm Đức Thụ vu khống, đồng thời khẳng định tình cảm của bà cô Tăng Tuyết Minh đối với Nguyễn Ái Quốc trước sau như một không hề thay đổi. Qua bài

viết, Từ Song Minh cũng đã làm sáng tỏ giai đoạn bị ẩn giấu sau 75 năm quan hệ hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh, từ đó cũng chứng minh được Trung Cộng và Việt cộng luôn tìm cách che giấu sự thật lịch sử này.

Trong “Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc” có đoạn viết : “ Ngày 19 tháng 5 năm 1950, Tăng Tuyết Minh đọc tờ “Văn hồi báo” thấy in ảnh chân dung Hồ Chí Minh cùng điện văn chúc mừng sinh nhật lần thứ 60 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và chủ tịch Mao Trạch Đông kèm theo bài viết về cuộc đời hoạt động và sự nghiệp văn chương của ông. Đến lúc ấy bà mới biết, hình bóng người chồng thân thương lúc nào cũng thấp thoáng hiện về trong giấc ngủ hàng đêm chính là chủ tịch Hồ Chí Minh . Tuy nhiên mọi cố gắng của Tăng Tuyết Minh liên hệ với Hồ Chí Minh đều không có kết quả. Trong “Thê thiếp, nhân tình của Hồ Chí Minh”, “Lĩnh Nam di dân” viết : “Tháng 5 năm 1950, Tăng Tuyết Minh đọc “Nhân dân nhật báo” mới biết người chồng xa cách hơn hai mươi năm là Hồ Chí Minh , chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bà đã mấy lần gửi thư đến Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh cho Hoàng Văn Hoan nhưng không bao giờ nhận được hồi âm. Sau năm 1954, Tăng Tuyết Minh lại đề nghị với nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa cho sang Hà Nội gặp Hồ Chí Minh nhưng cuối cùng vẫn bị lãnh đạo Trung Cộng cự tuyệt.

Theo tinh thần của bài viết, rõ ràng cho thấy, Nguyễn Ái Quốc của năm 1926 và Hồ Chí Minh của năm 1950 là cùng một người. Trung Cộng và Việt Cộng vì muốn che dấu thân phận thật của Hồ Chí Minh nên không dám để Tăng Tuyết Minh gặp mặt ông ta. Người chủ trì hôn lễ lúc ấy là Thái Sướng và Đặng Dĩnh Siêu biết rõ Hồ Chí Minhnăm 1950 không phải là Nguyễn Ái Quốc (Lý Thụy) năm 1926, chỉ biết giả câm giả điếc, biết rõ Tăng Tuyết Minh đau khổ mà không làm gì được.

HÔN NHÂN TĂNG TUYẾT MINH, THẬT GIẢ - MỘT VỤ ÁN KÉP

Trong “ Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh” có đoạn: “ Năm 1958, Viện Vệ sinh y vụ Quảng Châu tiến hành chỉnh phong với phương châm “đại minh, đại phóng”. Trong đám đồng sự có người tố cáo trước đây Tăng Tuyết Minh và Hồ Chí Minh có quan hệ hôn nhân mờ ám làm kinh động cả giới lãnh đạo ngành y tế. Sau mấy lần tra vấn, truy hỏi, Tăng Tuyết Minh chỉ nói: người có sự trùng tên, vật có sự đồng dạng, chuyện hôn nhân có tính chất quốc tế này là bịa đặt. Căn cứ vào sự phủ nhận của đương sự, hơn nữa, đây là sự việc trọng đại, lãnh đạo ngành y tế bèn làm văn bản gửi lên chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Trung Quốc Thái Sướng. Thái Sướng liền gửi công văn cho Tỉnh ủy Quảng Đông nói rõ, Lý Thụy là một bí danh của Hồ Chí Minh thời kỳ ở Quảng Châu, đồng thời cũng xác nhận Tăng Tuyết Minh và Hồ Chí Minh đã từng là vợ chồng. Tuy nhiên, chuyện này nếu xử lý không thận trọng sẽ ảnh hưởng đến quan hệ hữu nghị hai nước, nội vụ mới được dẹp yên”.

Liệu Hồ Chí Minh có biết Tăng Tuyết Minh vẫn còn sống hay không? Vì sao ông ta không thông qua Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nhờ tìm người vợ đã mất tin nhiều năm?

Trong “Mối tình nồng thắm giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan” có đoạn viết : “ Năm 1958, bên bờ sông, tại Hà Nội, hai ông già thông thả buông cần câu cá, đó chính là Hồ Chí Minh và Đào Chú. Hồ Chí Minh thần sắc khác thường trình trọng nói với Đào Chú: “Trung Quốc có câu ‘Lúc trẻ là vợ chồng, về già là bạn’. Tôi và Lâm Y Lan quen biết nhau đã hơn 20 năm, vì sự nghiệp cách mạng đành gác lại tuổi thanh xuân, giờ muốn đón Y Lan sang Hà Nội, bí mật cử hành hôn lễ để thỏa nguyện mong ước bấy lâu”. Sau khi về nước, Đào Chú báo cáo với Chủ tịch Mao Trạch Đông đề đạt nguyện vọng của Hồ Chí Minh. Khi ấy Tổng lý Chu Ân Lai và các vị lãnh đạo cao cấp cũng có mặt, vô cùng kinh ngạc. Về phía mình, Bắc Việt vội triệu tập cuộc họp Bộ Chính trị để biểu quyết về sự kiện đặc biệt này”.

Hai bài báo trên đều xuất hiện vào năm 1958. “Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh” xuất hiện vào thời kỳ Trung Cộng “đại minh, đại phóng”, sự kiện hôn nhân của Tăng Tuyết Minh và Nguyễn Ái Quốc bị hiểu sai. Thân phận nhân vật nam chính Nguyễn Ái Quốc bị biến thành Hồ Chí Minh theo kiểu “râu ông nọ cắm cằm bà kia” hay “hồn Trương Ba da hàng thịt” tạo nên sóng gió của một vụ án kép (song bào án). Bài “Mối tình nồng thắm của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan” kể về việc Hồ Chí Minh nhờ Đảng Cộng sản Trung Quốc nối lại mối quan hệ hôn nhân với người phụ nữ Quảng Đông Lâm Y Lan. Hai sự kiện hôn nhân và tình ái trên đã thể hiện rất rõ sự khác nhau của mỗi trường hợp. Hoàn cảnh xuất hiện con người và tình yêu cũng không giống nhau. Tình yêu của Nguyễn Ái Quốc với Tăng Tuyết Minh có Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng, M. Borodin, Trung Cộng và Quốc tế cộng sản chứng kiến. Tình yêu giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan có Mao Trạch Đông, Đào Chú của Trung Cộng, Tổng Bí thư Lê Duẩn và các Ủy viên BCT Cộng đảng Việt Nam biết rõ.

Có thể khẳng định, bất cứ ai , nếu không biết rõ, sẽ không dám tự tiện đưa sự kiện này lên báo chí, càng không thể có gan bịa đặt, hư cấu. Cho nên, hai bài báo về hai sự kiện hôn nhân mâu thuẫn nhau như đã trình bày phải được khẳng định là có cơ sở thực tế.

TĂNG TUYẾT MINH LÚC TUỔI GIÀ – TẤM ẢNH CHÂN DUNG

Bài “Hồ Chí Minh và người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh”, phần cuối kèm thêm hai tấm ảnh chân dung, một trong hai tấm có dòng chữ “Tăng Tuyết Minh lúc tuổi già”. Trên tường treo ảnh chân dung Hồ Chí Minh chụp năm 1960, nhưng nếu so với tấm ảnh Lý Thụy, tức Nguyễn Ái Quốc treo trước tủ gương thì hai khuôn mặt rất không giống nhau. Tấm ảnh Nguyễn Ái Quốc chụp năm 1930 có đeo cravate. Tác phẩm “Truyện Hồ Chí Minh”, của giáo sư William J. Duiker, trong một trang ảnh kèm theo có hai tấm chân dung Nguyễn Ái Quốc và tấm chân dung Tăng Tuyết Minh để trong hộp gương gần như giống nhau hoàn toàn. W.J. Duiker nói rõ



về tấm ảnh bên cạnh : “Hồ Chí Minh nói với bạn bè là suốt đời ông chưa bao giờ thắt cravate”, nhưng căn cứ vào tấm ảnh chân dung, có thể chứng minh, Hồ Chí Minh bảo mình chưa bao giờ thắt cravate là chuyện hoang đường. Từ chi tiết trên, bất giác tôi nhận ra được cái lý trái ngược của sự hoang ngôn ấy. Bởi vì, từ đầu chí cuối William J. Duiker luôn cho rằng Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh chỉ là một người nên mới có chuyện nghi ngờ Hồ Chí Minh suốt đời chưa từng thắt cravate. Khẳng định Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh không phải là hai người, William J. Duker giải thích thế nào về lời thanh minh của ông ta?

Kiểm tra tỷ mỉ các tấm ảnh chân dung từ sau năm 1933 kèm theo hồ sơ, bất kể

là Hồ Chí Minh chủ trì các hội nghị lớn nhỏ, phát biểu trước đồng bào toàn quốc, cũng như các chuyến xuất ngoại sang Liên Xô, Trung Quốc, Ấn Độ hay nước Pháp...đều chưa thấy ông đeo cravate. Nói chung, trang phục thường xuyên của Hồ Chí Minh chỉ là loại quần áo đồng màu như Lenin hoặc Tôn Trung Sơn. Cách ăn mặc này có phần chất phác, không mấy coi trọng hình thức, thậm chí còn có vẻ quê mùa. Đây chính là kiểu sinh hoạt rất đặc biệt của Hồ Chí Minh .

Ngược lại, cách ăn mặc của Nguyễn Ái Quốc lại tỏ ra rất hợp thời trang. Ví dụ, năm 1907, lúc Nguyễn Ái Quốc 17 tuổi, rời nhà vào Huế học hệ sơ học Trường Quốc học, bị bạn bè trên chọc, chế giễu đã chủ động cắt tóc ngắn, trang phục như trào lưu thời thượng. Tại nước Pháp, Liên Xô hay Trung Quốc, cho dù gặp lúc kinh tế quần bách, nhưng tại các cuộc họp, Nguyễn Ái Quốc vẫn tạo mọi điều kiện để mặc Âu phục, thắt cravate. Những tấm ảnh còn lại được lưu trong hồ sơ của ông đã chứng thực nhận xét trên. Trong “Thê thiếp và nhân tình của Hồ Chí Minh”, “Lĩnh Nam di dân” từng viết : “Con gái Vera Vasilieva từng nói với Sophie Quinn - Judge, Nguyễn Ái Quốc ăn mặc cực kỳ chỉnh tề và đúng một thời trang. Ông ta thường phối hợp màu sắc một cách hài hòa khiến mọi người đều phải chú ý vào chiếc cravate. Hơn nữa, trên người Nguyễn lúc nào cũng phảng phất mùi nước hoa càng tăng thêm vẻ lịch lãm”. Phía sau tấm ảnh chân dung dường như còn ẩn giấu nỗi đau buồn của câu chuyện tình thời trai trẻ.

KHOÍ LỬA CHIẾN TRANH CHỨNG KIẾN TÌNH YÊU - NỮ SĨ NGUYỄN THỊ MINH KHAI

TỰ KHÚC BI CA ÁI TÌNH

Tình yêu và hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai vào năm 1930 -1931 trước sau cộng lại không đầy một năm, vì hai người từ biệt nhau đến Hương Cảng thì bị cảnh sát bắt giam, kết thúc giai đoạn hôn nhân ngắn ngủi. Cuộc hôn nhân tuy không dài nhưng lịch sử đã ghi lại rất rõ ràng, trong khối lửa chiến tranh, tình cảm của đôi lứa thật chân thành. Năm 1932, Nguyễn Ái Quốc bị bệnh qua đời là sự thật, còn Nguyễn Thị Minh Khai, đến năm 1935 cải giá, kết hôn với Lê Hồng Phong cùng là sự thật. Sự việc này vốn dĩ rất bình thường nếu như không có bàn tay Quốc tế cộng sản thao túng, bí mật đạo diễn màn kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt”, cùng giới chớp bu Trung cộng và Việt cộng, tạo ra chung quanh Hồ Chí Minh vòng hào quang, biến ông thành một vị thánh, phi báng mỗi tình đẹp đẽ của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai.

HỒ SƠ HÔN NHÂN CỦA NGUYỄN THỊ MINH KHAI

1/ William J. Duiker viết về quan hệ hôn nhân, tình ái của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai.

William J. Duiker, trong “Truyện Hồ Chí Minh” viết : “ Hồ sơ về tình yêu, hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai gồm ba phần. Tư liệu của ba phần này đều dẫn từ “Trung tâm quân viễn chinh bảo hộ” thuộc “Hồ sơ Pháp quốc hải ngoại”, hòm số 367 và “ Hồ Chí Minh từ Đông Dương đến Việt Nam” của Daniel Hách Mai Lý (7) do NXB Galimard, Paris ấn hành, năm 1990.

Phần thứ nhất

Tại chương 6 “Màu đỏ Nghệ Tĩnh”, trang 85 viết : “ Tháng 10 năm 1930, tại nhà trọ “Nhất Đồng”, phố Khai Di, Cửu Long, Hương Cảng, khai mạc Hội nghị Trung ương , Nguyễn Ái Quốc là đại biểu Quốc tế cộng sản được cử làm Chủ tịch ĐCSVN. Cùng dự còn có một nữ đảng viên trẻ tuổi, mắt sáng, da ngăm ngăm, được ủy nhiệm làm trợ lý cho Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Thị Minh Khai”

Phần thứ hai

Cũng tại chương 6, trang 198-199, tác giả viết : “ Nguyễn Ái Quốc tại Hương Cảng chờ tin tức. Từ khi Nguyễn Thị Minh Khai làm trợ lý cho Nguyễn Ái Quốc, hai người đã nảy sinh tình cảm. Minh Khai tuổi trẻ, ngoại hình hấp dẫn đã làm Nguyễn Ái Quốc mê đắm. Tình yêu của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai đến khá nhanh chóng. Vào mùa xuân năm 1932, hai người đã báo cáo với Cục Viễn Đông đề nghị được kết hôn. Đại biểu Quốc tế cộng

sản là Hilaire Noulens đã gửi thư thông báo cho Nguyễn Ái Quốc vào tháng tư. Tuy nhiên, không lâu sau, Nguyễn Thị Minh Khai, vì bị tình nghi có liên can đến hoạt động phiến loạn, bị cảnh sát Hương Cảng bắt chuyển về Quảng Châu tổng giam vào nhà tù Quốc dân đảng.

Phần thứ ba

Tại chương 7 "Đứng trước những biến động", trang 224- 225, viết : "25 tháng bảy năm 1935, khai mạc Hội nghị Quốc tế cộng sản lần thứ VII tại Mạc Tư Khoa, Đảng Cộng sản Đông Dương cử ba đại biểu là Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn (Nông) tham gia hội nghị. Ban tổ chức yêu cầu cả ba đại biểu đều đọc tham luận. Nguyễn Ái Quốc lúc ấy là Bí thư Cục Viễn Đông, đến Hội nghị với tư cách quan sát viên, không được phép phát biểu, như một diễn viên phụ, đóng vai trò bàng quan.

Trước khi Hội nghị khai mạc mấy tháng, Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương có gửi cho Bí thư thứ nhất Đông Phương cục một bức thư, kèm theo bản báo cáo mật, nội dung đề cập đến "Nguyễn Ái Quốc phu nhân", một đại biểu tham gia Hội nghị. Lời văn ám chỉ Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai, năm 1932, tại Hương Cảng, trước khi bị cảnh sát bắt đã từng là vợ chồng. Có lẽ như tác giả Liên Xô Kobenov trong cuốn "Quoc's wife" (Vợ của Quốc), từng suy đoán, trên đường sang Mạc Tư khoa, Nguyễn Thị Minh Khai ái mộ phong độ anh tuấn của Lê Hồng Phong rồi nảy sinh tình yêu chẳng? Có khả năng, vào mùa xuân năm 1931, sau khi chia tay với Nguyễn Ái Quốc rồi bị bắt, đến lúc ấy đã qua 4 năm, tình cảm hai người không còn đậm thắm như trước. Cho dù sự thực thế nào, thì sau khi Hội nghị VII bế mạc không lâu, Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai đã kết hôn tại Mạc Tư Khoa.

Thời gian Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai sống với nhau, có thể nói, nhân thân của Nguyễn Ái Quốc tồn tại nhiều vấn đề khó lý giải. Trở lại một số năm trước, ông chưa từng nói với các đồng chí về mối quan hệ này. Tuy nhiên các nhà lãnh đạo Hà Nội lại ra sức phủ nhận hai người đã từng có quan hệ vợ chồng. Cũng không loại trừ trường hợp, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai chưa kịp cử hành hôn lễ chính thức mà chỉ có sự chứng kiến của một số ít đồng sự làm cơ sở pháp lý. Nguyễn Ái Quốc cùng một lúc mất cả vợ lẫn quyền lãnh đạo, phải chăng, như một nhà quan sát từng nói "hai lần tui nhục".

2/ Sophie Quinn - Judge viết về quan hệ hôn nhân, tình ái của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai

Trong tác phẩm "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh 1919 - 1941", tài liệu mà Sophie Quinn - Judge dùng để thuật lại quan hệ hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai gồm hai phần. Phần một, dẫn từ hồ sơ số 367 của "Trung tâm quân viễn chinh bảo hộ" thuộc "Hồ sơ Pháp quốc hải ngoại", ngày 12 tháng hai năm 1931 do Victor viết gửi về. Phần hai, dẫn từ "Lịch sử hiện đại Liên Xô" của "Trung tâm nghiên cứu và lưu trữ" 495/154/688, trang 14, từ các ngày 14,15,17 tháng 12 năm 1934 và ngày 31 tháng 3 năm 1935 của Cục

Hải ngoại gửi về Mạc Tư Khoa.

Phần một, chương 5 “Cao trào cách mạng”, trang 182, viết :“ Mùa đông năm 1930, Nguyễn Ái Quốc báo cáo với Cục Viễn Đông kế hoạch kết hôn. Ngày 12 tháng 1, Cục Viễn Đông gửi văn bản trả lời, nội dung là Nguyễn Ái Quốc phải thông báo thời gian chính xác trước hai tháng. Vì thư hồi đáp không ghi danh tính người nhận chỉ nên chỉ có thể suy đoán là chuyện hôn sự của Hồ Chí Minh . Sang tháng hai, Hồ Chí Minh bàn với Nguyễn Thị Minh Khai, đầu năm mới, chuẩn bị đón khách từ Sài Gòn và Đông Kinh đến thăm.

Phần hai, chương 6, có tiêu đề “ Chết ở Hương Cảng, mai táng ở Mạc Tư Khoa?” (trang 202-203), viết: “Ngày 8 tháng mười hai năm 1930, ba đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương đến Mạc Tư Khoa. Những người này phân biệt rõ rệt với các thành viên của Cục Hải ngoại, là Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương Hà Huy Tập gửi thư cho Quốc tế cộng sản , nói Nguyễn Thị Minh Khai là vợ Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Thị Minh Khai sau khi đến Mạc Tư Khoa, điền vào tờ khai cá nhân, ở mục hôn nhân là đã có chồng tên là P.C.Lin, chính là một trong những bí danh của Hồ Chí Minh. Về điểm này có thể nói, thời gian quan hệ vợ chồng đậm đặc của hai người chỉ như hạt sương mai trên ngọn cỏ. Tuy nhiên Hồ Chí Minh chưa bao giờ được những người cộng sản chính thức công nhận đã từng có vợ. Nguyễn Thị Minh Khai ở Mạc Tư Khoa thường dùng bí danh Phan Lan.

3/ Tác phẩm “Chị Minh Khai” của nhà văn Nguyệt Tú, ngày kỷ niệm Quốc tế phụ nữ năm 2005, nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh ấn hành có liên quan đến chuyện tình ái và hôn nhân, viết như sau:

- Vào một tháng của năm 1930, là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc tham gia giảng dạy tại khóa Huấn luyện chính trị. Hôm ấy là một ngày mưa bão, khắp các đường phố, cây cổ thụ bị bão đánh bật tung gốc. Nguyễn Thị Minh Khai trong nhóm học viên nhòem qua ra sỏ, nói : “Hôm nay có khả năng đồng chí Lý Thụy không đến được”. Nhưng chỉ một lúc sau đã thấy đồng chí bước vào, tay cầm ô, áo quần ướt sũng nước. Đồng chí ấy đã lên lớp đứng giờ. Minh Khai nhìn thân thể gầy yếu của Lý Thụy, trong lòng vô cùng lo lắng.

- Ngày 29 tháng 4 năm 1932, Nguyễn Thị Minh Khai bị bắt, ba năm liền giam trong ngục, không nhận được bất cứ tin tức nào. Minh Khai nhớ lại những ngày sau khi bị bắt ở Hương Cảng, từ nhà giam, chị định gửi cho các đồng chí mảnh giấy nhắn tin, nhưng rồi lại nghĩ, liệu có được chuyển đến tay người nhận hay không? Chắc là không thể được nên đã thu lại mảnh giấy mà chỉ gửi lời nhắn. Cách đây không lâu, ngày 6 tháng sáu năm 1932, đồng chí Nguyễn Ái Quốc bị mật thám Anh bắt tại Cửu Long. Cô nghĩ đến người lãnh đạo chủ chốt của cách mạng Việt Nam phải đối diện với hiểm nguy, lòng đau như cắt.

- Nguyễn Thị Minh Khai và các đồng chí trong đoàn đại biểu tham gia Hội nghịVII Quốc tế

cộng sản , từ đoàn trưởng Lê Hồng Phong đến Hoàng Văn Nọn, đều không ai có đủ quần áo ấm. Minh Khai tranh thủ thời gian, cố gắng đan cho Hoàng Văn Nọn chiếc áo len cộc tay và Lê Hồng Phong chiếc khăn quàng cổ. Hoàng Văn Nọn tham gia rất nhiệt tình vào lễ thành hôn giản dị nhưng vô cùng vui vẻ, thắm tình đồng chí của Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai. Sau này, trong hồi ký của mình, Hoàng Văn Nọn kể về hôn lễ của Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai : “ Lúc trở về nhà, nhìn thấy mâm cơm chiều có nhiều món ăn hơn so với ngày thường, tôi hỏi : “ Hôm nay Minh Khai làm cô dâu nên chiều đãi anh em phải không?”. Minh Khai đỏ mặt không nói gì, chỉ lắc đầu cười. Khi mọi người đã ngồi vào bàn, Hà Huy Tập đứng lên trình trọng tuyên bố: “ Hôm nay, Đảng vì anh chị tổ chức hôn lễ, chúng tôi chúc cho cô dâu chú rể sống đến đầu bạc răng long”.

SỰ THẬT VỀ QUAN HỆ HÔN NHÂN GIỮA NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ NGUYỄN THỊ MINH KHAI

1/ William J. Duker viết : “ Năm 1931, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai bắt đầu yêu nhau, sau đó đề nghị Cục Viễn Đông cho phép kết hôn.

2/ Sophie Quinn - Judge viết : “Mùa đông năm 1930, Nguyễn Ái Quốc báo cáo Cục Viễn Đông kế hoạch kết hôn. Cục Viễn Đông có thư trả lời nhưng vì thư hồi đáp không ghi danh tính người nhận chỉ nên chỉ có thể suy đoán là chuyện hôn sự của Hồ Chí Minh. Trong vòng hai tháng, Hồ Chí Minh bàn với vị hôn thê, sau năm mới sẽ đón khách từ Sài Gòn và Đông Kinh đến thăm.

3/ Nhà văn Nguyệt Tú, trong “Chị Minh Khai” viết: “Hoàng Văn Nọn kể lại: “Tham dự lễ cưới đơn giản nhưng vô cùng vui vẻ, thắm tình đồng chí của Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai, anh Hà Huy Tập trình trọng tuyên bố: “Hôm nay, Đảng vì anh chị tổ chức hôn lễ, chúng tôi chúc cho cô dâu chú rể sống đến đầu bạc răng long”.

Tổng hợp các ghi chép trên, có thể thấy, báo cáo của Nguyễn Ái Quốc về việc kết hôn với Nguyễn Thị Minh Khai vào mùa đông năm 1930 với Cục Viễn Đông và hôn lễ được cử hành tại Hương Cảng vào mùa xuân năm 1931 là có thực. Nguyệt Tú dẫn lại hồi ức của Hoàng Văn Nọn đã bất ngờ làm rõ việc Đảng Cộng sản Việt Nam cố tình ẩn giấu sự thực hôn nhân giữa Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai. Bản ý của Hoàng Văn Nọn cho rằng, năm 1931, hôn lễ của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai là sự thực, còn việc Lê Hồng Phong kết hôn với Nguyễn Thị Minh Khai tại Mạc Tư Khoa chỉ là lễ cưới giả. Những người chủ trương ẩn giấu sự kiện hôn nhân Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai không ngờ đến mấy dòng ghi chú phần cuối: “Vương huynh” chỉ Lê Hồng Phong, “Duy tì” chỉ Nguyễn Thị Minh Khai đã vô tình làm lộ tẩy chân tướng. Khảo cứu kỹ lưỡng nhiều lần các từ “Vương huynh” và “Duy tì” có thể thấy, “Vương huynh” chỉ “lão Vương” hoặc “đồng chí Vương”, “Duy Tì” là “Chị Duy” hoặc “A Duy”, bí danh của Nguyễn Thị Minh Khai. Danh xưng “Vương huynh ” và “Duy

Tí” được dùng vào những năm 1924 đến 1931 lúc Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai công tác tại Quảng Châu, Hương Cảng. Trong khi ấy, Lê Hồng Phong dùng biệt danh Litvinov, Tuệ An, Gia Chính, Hạ Dương v.v... nhưng chưa bao giờ dùng “Vương huynh” làm bí danh (gần đây, khi bí mật trên bại lộ, những người viết tiểu sử Lê Hồng Phong đã thêm cho ông bí danh “Vương...” để phản bác những ý kiến đối lập, nhằm hợp lý hóa thân phận Hồ Chí Minh và Lê Hồng Phong. Xin tham khảo mục “Lê Hồng Phong” trên từ điển mở Wikipedia). Điều này làm cho người ta không khỏi nghi ngờ. Hà Huy Tập vào năm 1935, không có khả năng xuất hiện tại Mạc Tư Khoa trong hôn lễ Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai. Tháng 6 năm 1934, Hà Huy Tập giữ chức Tổng Bí thư, sau khi chủ trì Hội nghị Áo Môn, đến năm 1938 bị bắt, năm 1942 bị xử tử và chưa bao giờ đến Mạc Tư Khoa, làm sao có thể chủ trì hôn lễ của Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai? Điều này chứng tỏ, Cộng đảng cao cấp Việt Nam cố tình che giấu sự thật hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai.

HÔN ƯỚC CỦA LÊ HỒNG PHONG VÀ NGUYỄN THỊ MINH KHAI

1/ William J. Duiker viết : “Ngày 25 tháng 5 năm 1935, khai mạc Hội nghị lần thứ VII Quốc tế cộng sản tại Mạc Tư Khoa, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn là đại biểu chính thức của Đảng Cộng sản Đông Dương . Hội nghị kết thúc, Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai ở lại Mạc Tư Khoa, không lâu sau, hai người đến Phòng đăng ký giá thú làm thủ tục kết hôn.

2/ Nhà văn Nguyệt Tú viết :

- Sau khi Hội nghị VII Quốc tế cộng sản kết thúc, Lê Hồng Phong từ biệt Nguyễn Thị Minh Khai trở về Việt Nam công tác tại Xứ ủy Nam Kỳ, lấy bí danh là Lý, với tư cách đại biểu Trung ương. Lê Hồng Phong và đồng chí Quang ở cùng một nơi. Hai người phụ trách phong trào vận động công nhân, cùng ở trong một gian phòng bình dân khu chợ Sắt Tây, ít lâu sau lại chuyển đến Ngã Sáu. Đồng chí Quang rất thông cảm với Minh Khai, ngẫu nhiên được gặp chồng mà chỉ bàn bạc công việc, rất khó để cùng ăn với nhau một bữa cơm. Phòng của Lê Hồng Phong chỉ đủ kê chiếc giường bạt, ban ngày gấp lại, tối đến mới mở ra để ngủ.

- Tết Nguyên đán năm 1940, Minh Khai ở chợ Tân Thành, gần đường McMahon(tác giả dự đoán đây là tỉnh Tân Tri, thuộc Nam Kỳ) trong nhà hộ sinh Hồng Phúc nổi tiếng. Tại đây Nguyễn Thị Minh Khai sinh hạ bé gái. Đứa bé ra đời được 5 ngày thì Nguyễn Thị Minh Khai đặt tên cho con là Nguyễn Thị Hồng Minh, chính là tên của Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai ghép lại. Ngày 30 tháng bảy năm 1940, Nguyễn Thị Minh Khai bị cảnh sát Pháp bắt giam tại nhà tù Phú Mỹ. Nguyễn Thị Minh Khai bao giờ cũng mặc bộ đồ trắng đến phòng hỏi cung. Ngày 28 tháng tám năm 1941, Nguyễn Thị Minh Khai bị dẫn ra pháp trường Hố Môn Bình Lãng Cương xử tử. Lê Hồng Phong nhận được tin vợ thọ nạn, một năm sau, vào một

ngày tháng chín năm 1942, bị tra tấn dã man cũng chết ở nhà tù Côn Đảo.

Theo ghi chép ở trên, quan hệ hôn nhân của Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai là chính xác. Năm 1935, sau Hội nghị VII Quốc tế cộng sản, hai người đã đăng ký kết hôn, tết năm 1940, Minh Khai sinh con gái Hồng Minh, năm 1941 bị thực dân Pháp xử bắn. Lê Hồng Phong chết ở nhà tù Côn Đảo năm 1942.



Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai

BÍ DANH P.C.LIN CỦA HỒ CHÍ MINH KHÔNG PHẢI LÀ NGUYỄN ÁI QUỐC

Năm 1934, bí danh P.C.Lin (hoặc P.C.Lâm) của Hồ Chí Minh chắc chắn không phải là Nguyễn Ái Quốc. Tại chương 2 “Màn kịch tráo rỗng đối phương”, ở mục 3 “Ve sầu thoát xác, thật giả nhân sinh”, tôi đã dẫn những chứng cứ về việc Nguyễn Ái Quốc bị lao phổi đã chết vào mùa thu năm 1932, còn Hồ Chí Minh, từ Hạ Môn qua Thượng Hải đi Mạc Tư Khoa là một người khác. Nói rõ hơn, khoảng thời gian từ mùa xuân đến mùa hè năm 1933, người đến Mạc Tư Khoa mang bí danh Linov hoặc P.C.Lin chính là Hồ Tập Chương, không phải Nguyễn Ái Quốc. Quốc tế cộng sản đã cử người thay thế Nguyễn Ái Quốc dùng bí danh thay cho thân phận ông ta. Trong khi ấy, Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam cố tình đề cao mối tình Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai, giấu kín và ra sức phủ nhận quan hệ hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai, dẫn đến hệ quả là, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai và bí danh P.C.Lin của Hồ Chí Minh, ba người nhưng lại có bốn thân phận trong quan hệ hôn nhân, làm cho tình hình trở nên vô cùng phức tạp. Điều này khiến cho các tác giả viết truyện ký về Hồ Chí Minh, mỗi người đều tự tìm ra những nhầm lẫn trong sử liệu để giải thích về các mối quan hệ hôn nhân đầy nghi vấn của họ.

1/ Năm 1934, sau khi đến Mạc Tư Khoa, Nguyễn Thị Minh Khai phải điền vào tờ khai nhân thân là đã có chồng tên P.C.Lin. Nếu Nguyễn Thị Minh Khai biết bí danh của Nguyễn Ái Quốc là

P.C.Lin thì làm sao lại có thể công khai kết hôn với Lê Hồng Phong để làm mất mặt Nguyễn Ái Quốc? Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh cùng mang bí danh P.C.Lin, vậy vì sao, năm 1935, khi cùng đến Mạc Tư Khoa dự Hội nghị VII Quốc tế cộng sản, Nguyễn Thị Minh Khai lại coi Nguyễn Ái Quốc gần như người xa lạ? Việc này nhất định không hợp tình hợp lý. Chỉ có một cách giải thích là Quốc tế cộng sản đã chơi trò bỡn cợt “dời hoa tiếp cây” (di hoa tiếp mộc), giấu nhem mối tình cao đẹp, trong sáng của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai mà đề cao cuộc hôn nhân giữa Lê Hồng Phong với Nguyễn Thị Minh Khai.

2/ Nguyễn Ái Quốc với chức danh Bí thư Cục Viễn Đông, tham dự Hội nghị 7 Quốc Tế cộng sản với tư cách quan sát viên, không được quyền phát biểu, chỉ lẳng lặng ngồi một bên nhìn thế sự. Rõ ràng là, trong thời gian Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai có quan hệ thân mật, người ta đã dự liệu sẵn một kế hoạch nào đó. Nguyễn Ái Quốc cùng một lúc bị tước quyền lãnh đạo Đảng và mất vợ. Chuyện đúng sai khoan hãy bàn, nhưng khi nghe một nhà phân tích nhận định ông “ bị hai lần tui nhục” thì bản thân người đọc cũng thấy bất bình.

Lời bàn:

Nguyễn Ái Quốc, bí danh P.C.Lin, đến Hội nghị VII Quốc tế cộng sản với tư cách quan sát viên, không được phát biểu, từ đầu đến cuối chỉ lẳng lặng ngồi nghe các đồng chí của mình đăng đàn, trái ngược hẳn với Hội nghị lần thứ V. Khi ấy, Nguyễn Ái Quốc lấy danh nghĩa Quốc tế cộng sản, vận động các nguyên thủ quốc gia, một mình thượng đài, ra sức tranh thủ diễn đàn phát biểu chính kiến, thật là có sự khác nhau giữa hai người. Như trên đã nói, hiện tượng rất không bình thường trên chỉ có thể giải thích hợp lý nhất là, người tham dự Hội nghị VII QTCS năm 1935 không phải Nguyễn Ái Quốc mà là Hồ Tập Chương mang bí danh P.C.Lin.

3/ Nguyễn Ái Quốc lấy bí danh P.C.Lin trong thời gian làm việc tại Viện nghiên cứu “Các vấn đề dân tộc và thuộc địa”. Thời gian ấy, Nguyễn Thị Minh Khai và năm học viên đang học trong trường Đại học Phương Đông. Trong những ngày diễn ra Hội nghị VII Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã tận tình giúp đỡ sửa chữa, biên tập văn bản tham luận Hội nghị (bằng tiếng Nga), góp phần làm cho Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc khiến Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai thật sự cảm động.

Sau khi tổ chức hôn lễ, công việc của Lê Hồng Phong vô cùng bận rộn, một trong số đó là lập kế hoạch trừ bị cho Đại hội Thanh niên cộng sản quốc tế lần thứ VI, đồng thời đề cử Nguyễn Thị Minh Khai tham gia với tư cách đại biểu của phụ nữ của Đảng Cộng sản Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc được mời làm đại biểu dự thính. Ngày bế mạc, Đại hội tuyên bố, Đảng Cộng sản Đông Dương chính thức trở thành một chi bộ của Quốc tế cộng sản. Lê Hồng Phong được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Trong buổi liên hoan giữa Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Pháp và Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông

Dương , Nguyễn Thị Minh Khai và Lê Hồng Phong cùng song ca một bài do Lê Hồng Phong viết nhạc, Nguyễn Thị Minh Khai đặt lời. (Nguyệt Tú - “Chị Minh Khai”, trang 76, 82,83, 89 và 90).

Lời bàn:

Cuốn sách “Chị Minh Khai” của Nguyệt Tú luôn luôn ẩn giấu mối quan hệ hôn nhân của Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai, đồng thời tô vẽ mối tình giữa Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai. Tuy nhiên sự thực lịch sử không giống như lời kể trên. Chuyện rắc rối ở đây là, từ Nguyễn Ái Quốc, Lê Hồng Phong (P.C.Lin) đến Nguyễn Thị Minh Khai, ba người lại có đến bốn thân phận công khai hoạt động. Nguyễn Thị Minh Khai và Lê Hồng Phong biểu hiện mối tình nồng thắm, với Nguyễn Ái Quốc (P.C.Lin), hai người kính trọng như khách, xem ra rất hợp lý. Rốt cuộc, P.C.Lin này chính là Hồ Tập Chương cùng Nguyễn Thị Minh Khai đến Mạc Tư Khoa xem như mới quen biết nhau nên tỏ thái độ kính trọng là hợp lẽ. Với Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thị Minh Khai ngoài tình đồng chí còn là tình nghĩa vợ chồng cao đẹp, một người cộng sản như Nguyễn Thị Minh Khai không thể cầm tay Lê Hồng Phong cùng vui vẻ song ca ngay trước mặt ông chồng đáng kính, bởi hành vi ấy chính là làm nhục Nguyễn Ái Quốc...

HỒ CHÍ MINH VÀ TRI KỶ MÁ HỒNG - LÂM Y LAN TIỂU THUYẾT

HỒ SƠ VỀ MỐI TÌNH HỒ CHÍ MINH VÀ LÂM Y LAN

Chuyện tình của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan chủ yếu căn cứ vào ghi chép của Lương Ích Tân qua bài viết “Mối tình nồng thắm giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan”. Lương Văn Nguyên viết “Thế giới lịch sử Cộng đảng Trung Quốc” năm 2004, đăng trên nguyệt san “Nhân dân văn trí”, kỳ 12, dài khoảng ba ngàn ba trăm chữ, là bài viết muộn nhất cung cấp cho bạn đọc tư liệu về chuyện tình ái của Hồ Chí Minh. Đây là tác phẩm thuộc thể tài tiểu thuyết, từng đoạn, từng đoạn kể về cuộc tình của Hồ Chí Minh với Lâm Y Lan. Nội dung tác phẩm được thể hiện qua nhiều chi tiết khá lý thú, làm xúc động lòng người. Chỉ tiếc, các sử liệu được vận dụng, chỗ thì lắp ghép một cách khiên cưỡng, chỗ lại tập hợp trình bày nhay cóc, nhất là đoạn nói về mối tình với Nguyễn Thanh Linh trong những năm 1930. Việc làm này dường như tác giả có ý đồ tạo ra sự lẫn lộn Hồ Chí Minh với Nguyễn Ái Quốc , đồng nhất hai người làm một, tô vẽ ông thành một nhân vật phi thường, mặc dù, trên thực tế, Nguyễn Thanh Linh chỉ là nhân vật hư cấu. William J. Duiker, trong “Truyện Hồ Chí Minh”, chương 5 “Quyết chiến tối tiền tuyến”(.....), trang 554- 555, có những chi tiết tương đồng với các tư liệu báo chí đã công bố. Từ đó có thể khẳng định, mối tình của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan là có thực.

MỐI TÌNH CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ LÂM Y LAN

Từ những năm ba mươi của thế kỷ trước, để tạo điều kiện cho Hồ Chí Minh công tác tại Quảng Đông, Hương Cảng, Trung Cộng đã bố trí một thiếu nữ là Lâm Y Lan đóng giả làm vợ để giúp đỡ việc sinh hoạt hàng ngày cho ông ta. Không lâu sau, hai người có tình ý với nhau, nhưng đó là thời kỳ năm 1938 đầy sóng gió, nên cuối cùng mối quan hệ luyến ái này không đi đến hôn nhân. Lâm Y Lan hoài niệm về mối tình xưa, nhớ thương Hồ Chí Minh, lâu ngày không biết còn sống hay đã chết, sức khỏe suy giảm rồi qua đời vào năm 1968. Hồ Chí Minh biết tin, vô cùng đau khổ, một năm sau cũng tạ thế. Lúc hấp hối ông có nhắc đến tên Lâm Y Lan.

LỜI ĐẦU

Mùa đông, Mạ Tư Khoa tuyết rơi không ngừng. Hồ Chí Minh ở một ga xe bên sườn núi ngoại thành, dầm mình trong cái lạnh khốc liệt của tiết trời băng giá, nước mặt lá chã rơi thấm ướt cả lá thư. Bức thư báo tin dữ, người bạn gái thân thiết Nguyễn Thanh Linh vừa bị giặc sát hại. Ông nghĩ đây không phải là sự thật, mắt trừng trừng nhìn vào dòng chữ, đọc đi đọc lại nhiều lần từng chữ một. Không sai, thư viết rất rõ ràng, Nguyễn Thanh Linh đã bị ngộ hại tại Việt Nam.

BẠN GÁI NGUYỄN THANH LINH BỊ SÁT HẠI

Hồ Chí Minh và Nguyễn Thanh Linh bắt đầu quen nhau vào mùa xuân năm 1930. Năm ấy Hồ Chí Minh đang bôn ba hải ngoại tìm chân lý cách mạng, trên đường về Việt Nam ngẫu nhiên gặp Nguyễn Thanh Linh . Nguyễn Thanh Linh chẳng để ý đến việc gia đình phản đối, kiên quyết hiến thân cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, truyền bá ngọn lửa cách mạng, trở thành người bạn thân thiết và trợ thủ đắc lực của Hồ Chí Minh. Tại Việt Nam, Nguyễn Thanh Linh vận động giới phụ nữ tham gia đấu tranh chống thực dân , đế quốc áp bức bóc lột, trở thành một cán bộ đảng rất có uy tín. Thời kỳ Hồ Chí Minh sang Liên Xô học tập kinh nghiệm cách mạng, do bị một kẻ phản bội khai báo, Nguyễn Thanh Linh chẳng may bị địch bắt. Đối mặt với những dụ dỗ, truy bức, cô vẫn kiên trinh bất khuất, đến chết vẫn không chịu cúi đầu. Cuối năm ấy, trong cuộc họp Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội của lưu học sinh Việt Nam, Hồ Chí Minh tuyên bố trước mọi người: "Đồng chí Thanh Linh đã hy sinh anh dũng nhưng đồng chí vẫn sống mãi trong lòng chúng ta. Dòng máu đỏ của đồng chí không chảy phí hoài mà nó càng tô thắm ngọn cờ giải phóng dân tộc. Tôi tuyên bố với thế giới, một khi nước Việt Nam chưa được giải phóng thì đời này, kiếp này sẽ không xây dựng gia đình". Hồ Chí Minh không thể ngờ, câu nói trên lại ảnh hưởng đến chuyện hôn nhân sau này. Nó giống như trái núi lớn đè nặng lên tâm lý, không thể chống đỡ làm ông đau khổ cho đến lúc qua đời.

TRÓN TRÁNH TRUY BẮT, ẨN MÌNH Ở QUẢNG CHÂU

Năm 1930, Tưởng Giới Thạch điều động quân đội Quốc dân đảng bao vây tiêu trừ Hồng quân khu Giang Tây Tô, đồng thời ra lệnh cho các địa phương khẩn trương truy bắt các phần tử

cộng sản. Dương Thành (Quảng Châu) cũng không ngoại lệ. Hồ Chí Minh lúc này đang ở Quảng Châu. Nơi đây, trước đó do nhu cầu công tác, ông đã mấy lần về Việt Nam, tuy nhiên, lần này thì khác, Hồ Chí Minh bị đặc vụ truy đuổi ráo riết, không chốn nương thân, chỉ còn cách liên lạc với Tỉnh ủy Quảng Đông nhờ giúp đỡ. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Đông Đào Chú đã bố trí một nữ đảng viên là Lâm Y Lan, đóng giả làm vợ Hồ Chí Minh để bảo vệ an toàn cho ông ta. Khi ấy Hồ Chí Minh trở về nhà trọ thu xếp hành lý tìm đến nơi ở mới. Vừa vào đến cửa ông sững lại bởi cô gái đứng trước mình có khuôn mặt hao hao giống Nguyễn Thanh Linh, người yêu của mình đã bị địch xử tử năm nào. Cô gái không biết làm cách nào giải thích cho đối phương mà chỉ hỏi: "Ông là HCM tiên sinh phải không? Tôi họ Lâm, thường gọi là Lâm Y Lan". HCM biết mình nhận lầm người, vội nói : " Xin lỗi cô Lâm, tôi lầm".

LÂM Y LAN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ LÀM “VỢ” HỒ CHÍ MINH

Sau đó, Hồ Chí Minh từ từ kể lại mối tình mười năm với Nguyễn Thanh Linh gợi đến niềm tâm sự, nước mắt bỗng nhiên trào ra. Lâm Y Lan nghe tâm sự, bất giác cũng cảm như mình lâm vào cảnh ngộ ấy, trong lòng vô cùng cảm động. Tiếp đó, Tỉnh ủy Quảng Đông thông báo với Hồ Chí Minh hiện tại Hương Cảng rất phức tạp, đặc vụ Quốc dân đảng có mặt khắp nơi, không có việc gì chúng không dám làm, nên dặn đi dặn lại Lâm Y Lan phải bảo vệ Hồ Chí Minh an toàn. Lúc ấy, Đào Chú nửa đùa nửa thật bảo : " Các bạn nên nhớ, đến một ngày hai "vợ chồng" trăm tuổi, Y Lan tuyệt đối không được bỏ rơi "phu quân" mà không quản lý đấy nhé", làm Lâm Y Lan, vốn là một tiểu thư chưa chồng, hai má đỏ ửng. Lấy danh nghĩa người "vợ", Lâm Y Lan chăm sóc Hồ Chí Minh trong sinh hoạt thường ngày vô cùng tận tình, chu đáo làm cho Hồ Chí Minh đặc biệt cảm kích, đã có lúc muốn thổ lộ tình cảm, nhưng vì thời cơ chưa chín muồi nên trong lòng vẫn trù trừ. Lâm Y Lan thấy Hồ Chí Minh nói với mình những lời chân thành, thâm tâm đã có phần ưng ý, nhưng vì là phận nữ nhi, không tiện nói ra. Lúc chia tay, Hồ Chí Minh ôm lấy Lâm Y Lan, dùng khăn tay lau nước mắt cho cô : " Hãy cứng rắn lên, đừng để kẻ thù cười chúng ta mềm yếu", nói rồi lấy quyển nhật ký đưa cho Lâm Y Lan: "Tâm sự của tôi đều ở trong này, sẽ cùng đi với em".

TRONG HOẠN NẠN THẤY SỰ CHÂN THÀNH

Ba ngày sau khi Hồ Chí Minh được cứu thoát, Lâm Y Lan nhìn đắm đắm vào khuôn mặt hốc hác của ông, hỏi: "Chí Minh, sao không đợi muội đến đón?". HCM nói: " Tôi nghĩ, càng về nhanh càng chóng được gặp muội". Nói rồi Hồ Chí Minh đưa cho Lâm Y Lan một nhánh hoa lan: "Xin tặng muội, chúc mọi sự vui vẻ". Thấy Lâm Y Lan có vẻ bối rối, Hồ Chí Minh lại nói: " Muội đã đọc nhật ký chưa? Lòng tôi luôn tin tưởng hoa lan không bao giờ bị héo". Lâm Y Lan nhận hoa, không nén được tình cảm, ngã vào lòng Hồ Chí Minh.

Những năm năm mươi của thế kỷ XX, Trung Quốc đại lục đã được giải phóng, lúc này Lâm Y Lan là cán bộ cao cấp của Tỉnh ủy Quảng Đông . Hồ Chí Minh trở về nước tiếp tục sự nghiệp

cách mạng chưa hoàn thành. Bấy giờ, Đào Chú là Bí thư Trung ương Cục Hoa Nam kiêm Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Quảng Đông, thấy Lâm Y Lan vẫn sống cô đơn đã đứng ra làm mối vài đám nhưng lần nào cũng bị cô khéo léo từ chối. Lúc ấy Đào Chú không hiểu tâm trạng Lâm Y Lan, sau nhiều lần cân nhắc, cuối cùng ông hỏi thẳng cô ta: "Giấy không bọc được lửa, hơn nữa, việc này cũng chẳng có gì là bí mật. Nói thật đi, người ấy là ai?" Lâm Y Lan thông thả bảo: "Hồ Chí Minh". Đào Chú nghe xong thất kinh, mãi một lúc sau mới hỏi lại: "Chủ tịch Đảng Cộng sản Việt Nam Hồ Chí Minh? Ông ta yêu cô phải không?". Lâm Y Lan gật đầu: "Hồ Chí Minh nói là tôi hãy đợi ông ấy". Nghe xong, Đào Chú tự trách mình: "Ôi chao! Chỉ tại ngày ấy tôi hồ đồ giao nhiệm vụ cho cô, nào ngờ dẫn đến chuyện hai người ở hai phương trời thương nhớ lẫn nhau..."

KHÔNG DI LƯƠNG ĐỊA TƯƠNG TƯ

Lâm Y Lan vẻ mặt rạng rỡ hạnh phúc, cười khê: "Việc này không thể trách đồng chí. Tôi và Hồ Chí Minh hai người đã dốc lòng cùng nhau, hồng nhan đưa tin, thế nào cũng có ngày tái ngộ. Huống hồ, tình cảm của hai người đã là vĩnh cửu, há đâu phải một sớm một chiều (Lương tình nhược thị trường cửu thời, hữu khởi tại triêu triêu mộ mộ). Tôi tin tưởng tình yêu qua thời gian đã được thử thách". Đào Chú chỉ biết xoa tay. Ông đã rõ chuyện, chỉ đợi xem tình huống phía Việt Nam. Mỗi nhân duyên này, có thể nói, sự thành công là không dám chắc. Ông hiểu rõ mình gánh trọng trách, hơi thiếu cẩn trọng, rất có thể sẽ gây nên bi kịch di hận ngàn thu.

Dịp may đã đến. Đó là chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ít năm sau đó. Đào Chú bèn thỉnh cầu Mao Trạch Đông sắp xếp cho ông và nữ cố nhân Quảng Đông gặp mặt. Mao Chủ tịch lập tức gọi điện cho Bí thư Tỉnh ủy Quảng Đông Đào Chú, Lâm Y Lan và những ủy viên Thường vụ khác về Bắc Kinh. Lâm Y Lan nhận được tin báo vui mừng đến phát cuồng. Hồ Chí Minh kết thúc chuyến thăm Trung Quốc sắp lên máy bay về nước, bỗng nhiên ông nhìn thấy Lâm Y Lan vội sai bước đến gần cô, hai tay nắm chặt không nói nên lời. Hai người nhìn nhau rất lâu, lòng rưng rưng xúc động trào nước mắt. Trước lúc phi cơ khởi hành, Lâm Y Lan lấy cuốn nhật ký ngày nào đưa trả lại Hồ Chí Minh, nhẹ nhàng bảo: "Không có anh bên cạnh, lâu rồi tôi không ghi nhật ký, xin gửi lại anh".

ỦY THÁC ĐÀO CHÚ LÀM MỐI

Vào một ngày đẹp trời năm 1958, trên bờ sông ở Hà Nội, hai ông già lặng lẽ buông cần câu. Họ chính là Hồ Chí Minh và Đào Chú (xem ảnh phía dưới). Lúc ấy Hồ Chí Minh thần sắc có vẻ khác thường, trịnh trọng nói với Đào Chú: "Trung Quốc có câu 'Lúc trẻ là vợ chồng, về già là bạn'. Tôi và Lâm Y Lan biết nhau đã hơn hai mươi năm, vì sự nghiệp cách mạng đành tạm gác tình riêng. Đến nay chúng tôi cũng đã có tuổi, muốn đón Lâm Y Lan sang Hà Nội, bí mật tổ chức hôn lễ để thỏa ý nguyện từ những năm trước". Sau khi về nước, Đào Chú bay đến Bắc Kinh báo cáo sự việc với Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chủ tịch Mao Trạch

Đông chuyển đạt ý nguyện của Hồ Chí Minh đến Tổng lý Chu Ân Lai. Tại Phủ Thủ tướng Quốc vụ viện, các vị lãnh đạo đều vô cùng kinh ngạc.

CHUYỆN HÔN NHÂN CỦA HỒ CHÍ MINH KHÔNG NHỎ

Mao chủ tịch trầm ngâm một lúc rồi nói: “Nói cho cùng, chính là chúng ta đề xướng ra đoạn tình duyên này, hôn nhân tự chủ, nên đáp ứng nguyện vọng của Hồ Chí Minh, nhưng đây không phải là việc nhỏ, chớ xem thường”.

HỘI NGHỊ BỘ CHÍNH TRỊ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Hồ Chí Minh và Lê Duẩn ngồi đối diện nhau, hai bên là các Ủy viên Bộ Chính trị. Sự việc được đưa ra nhưng mọi người đều im lặng không nói. Cuối cùng Hồ Chí Minh đập bàn, đứng lên: “Tôi chịu đựng đủ rồi. Thật tình tôi không nghĩ là sẽ được gặp lại người ta. Tôi có quyền quyết định việc riêng của mình, vì vậy, đề nghị các đồng chí không nên thuyết phục nữa”. Lê Duẩn tuy bất bình nhưng chưa dám gây căng thẳng, vẫn bình tĩnh nói: “Thưa Bác! Bác không nên quá xúc động, phải tính kế lâu dài, nên cân nhắc kỹ rồi hãy hành động. Chúng tôi can ngăn lúc này là vì lo cho Bác. Bác từng nói 'Việt Nam chưa giải phóng thì đời nay, kiếp này tôi không xây dựng gia đình'. Câu nói ấy có ảnh hưởng rất lớn. Một khi Bác làm trái lời thề thì ý nghĩa của sự nghiệp thần thánh Giải phóng miền Nam cũng như uy tín 'cha già dân tộc' của Bác sẽ bị tổn thương, không những thế uy tín của Đảng ta trước phe Xã hội chủ nghĩa cũng như cộng đồng quốc tế cũng bị giảm sút”. Thực ra tâm trạng Lê Duẩn vô cùng mâu thuẫn, ông ta không muốn ép Hồ Chí Minh, nhưng vì ở cương vị Bí thư thứ nhất nên bắt buộc phải tỏ thái độ cứng rắn.

THIỆU SỐ PHỤC TÙNG ĐA SỐ

Hồ Chí Minh thấy Lê Duẩn nhất quyết can thiệp vào hạnh phúc riêng tư của mình, không nói nữa mà bảo: “Theo nguyên tắc, thiếu số phục tùng đa số, đề nghị các đồng chí giơ tay biểu quyết”. Nói rồi ông đưa mắt nhìn sang hai bên. Ý kiến tán thành và phản đối ngang nhau, riêng Lê Duẩn vẫn ngồi im. Mọi người đều chăm chú theo dõi thái độ của Bí thư thứ nhất. Lúc ấy Lê Duẩn mới từ từ nâng tay phải, nhưng đến nửa chừng lại đột nhiên bỏ thõng xuống, thở dài nói: “Tôi không thể làm mất uy tín của Bác”. Điều làm Lê Duẩn giật mình là, Hồ Chí Minh không nổi trận lôi đình, trái lại, ông chỉ cười nhạt rồi thông thả rời cuộc họp bước ra ngoài.

BI KỊCH TÌNH YÊU KẾT THÚC

Tại bệnh viện Quảng Châu, Lâm Y Lan trông ngóng Hồ Chí Minh nhưng chỉ nhận được bức thư vài dòng ngắn ngủi: “Y Lan thân mến! Chúng ta vô duyên không thể tái hợp. Mọi người đã nghe nói đến tình yêu theo kiểu Platonic chưa? Tuy không được ở bên nhau nhưng tâm hồn hai ta

mãi mãi dung hòa nhất thể”. Lâm Y Lan cầm lá thư ném xuống bệ cửa sổ, nhìn theo lá thư vờn bay theo gió, hai dòng lệ lã chã tuôn rơi. Sau đó Lâm Y Lan viết thư hồi đáp Hồ Chí Minh, trong thư, bà sử dụng hai câu trong “Trường hận ca” của Bạch Cư Dị “ Trên trời xin làm chim chắp cánh, dưới đất nguyện làm cây liễn cành. Trời cao đất dày rồi cũng tận, tình này vĩnh viễn mãi không nguôi” (Tại thiên nguyện vi tỷ dực điều, tại địa nguyện vi liên lý chi; thiên trường địa cửu hữu tận thời, thử tình miên miên vô tuyệt kỳ). Bà chuyển chữ “hận” cải thành chữ “tình” để chứng tỏ tấm lòng thủy chung như nhất của mình đối với Hồ Chí Minh. Bức thư bất đắc dĩ của Hồ Chí Minh là một đòn nặng nề đánh vào tinh thần Lâm Y Lan khiến bà bị suy sụp rồi mắc trọng bệnh, năm 1968 thì qua đời. Hồ Chí Minh nghe tin người yêu mất thì vô cùng ân hận và thương cảm. Sau đấy một năm, vào ngày 2 tháng 9 năm 1969, lúc hừng đông, Hồ Chí Minh bỗng nhiên thở dài, lúc hấp hối ông đã gọi tên Lâm Y Lan.

Trở lên là câu chuyện tình của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan. Chuyện ly này là do Lương Ích Tân viết trong tác phẩm “Mối tình nồng cháy của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan”.

SỰ THẬT VỀ MỐI TÌNH CỦA LÂM Y LAN

Trong “Truyện Hồ Chí Minh”, trang 554-555, William J. Duiker viết “Tháng 8 năm 1965, Đào Chú thăm Hà Nội, Hồ Chí Minh có nhờ ông làm mối cho một phụ nữ trẻ, người Quảng Đông trước đây từng quen biết nhau. Khi trở lại Trung Quốc, Đào Chú báo cáo với Chu Ân Lai lời thỉnh cầu trên. Chu Ân Lai bèn cùng với lãnh đạo Bắc Việt thương thảo việc này nhưng cuối cùng không có kết quả. William J. Duiker viết đoạn này, nếu đem đối chiếu với các bài “Mối tình nồng cháy của Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan”, “Ủy thác Đào Chú làm mối”, “Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam” v.v...thì các chương mục gần như có nội dung thống nhất. Chi tiết Hồ Chí Minh yêu cầu Đào Chú tác thành với một người phụ nữ Quảng Đông để làm bạn là xác thực với những sự việc báo chí đã đưa tin. William J. Duiker viết tại chương này (Chú thích 54 trang 668) chỉ rõ nguồn gốc là “Câu đố về Chu Đào” của tác giả Quách Trinh, đăng tải trên tạp chí “Văn học quân sự Tây Nam”, kỳ 72, Thành Đô, 1995). Trong phần chú giải phụ thêm, William J. Duiker có một đoạn như sau: “Từ Cách mạng văn hóa cho đến lúc trước khi bị thanh toán là lãnh đạo Tỉnh ủy Quảng Đông, bà và HCM trước đây từng rất thân thiết nhau. Tôi căn cứ vào văn bản suy đoán, sự kiện này xảy ra vào mùa xuân hoặc mùa hạ năm 1966”.

Trong bài viết “Mối tình nồng cháy giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan”, ở phần “Trốn tránh truy bắt, ẩn mình ở Quảng Châu”, có đoạn: “ Năm 1930, Tưởng Giới Thạch điều động quân đội Quốc dân đảng bao vây tiêu trừ Hồng quân khu Giang Tây Tô, đồng thời ra lệnh cho các địa phương khẩn trương truy bắt các phần tử cộng sản. Dương Thành (Quảng Châu) cũng không ngoại lệ. Hồ Chí Minh lúc này đang ở Quảng Châu. Nơi đây, trước đó do nhu cầu công tác, ông đã mấy lần về Việt Nam, tuy nhiên, lần này thì khác, Hồ Chí Minh bị đặc vụ truy đuổi ráo riết,

không chốn nương thân, chỉ còn cách liên lạc với Tỉnh ủy Quảng Đông nhờ giúp đỡ. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Đông Đào Chú đã bố trí một nữ đảng viên là Lâm Y Lan, đóng giả làm vợ Hồ Chí Minh để bảo vệ an toàn cho ông ta". Ở mục: "Lâm Y Lan được giao nhiệm vụ làm "vợ" Hồ Chí Minh" và " Trong hoạn nạn thấy sự chân thành" đều có viết: " Không lâu sau, do một kẻ phản bội khai báo, Hồ Chí Minh bị bắt nhưng ba ngày sau lại được cứu thoát".

Những phần ghi chép trên nói rõ là, vào đầu năm 1930, Hồ Chí Minh đúng là bị bắt ở Quảng Châu. Đối chiếu với "Hồi ức Trịnh Siêu Lân" về sự kiện Hồ Chí Minh bị bắt ở Quảng Châu vào năm 1931, đồng thời so sánh với bài viết "Hồ Tập Chương, đến từ Miêu Lật Đài Loan bị bắt ở Quảng Châu, giam tại nhà ngục Nam Thạch Đầu trên "Đài Loan nhật nhật tân báo" thì thấy rất rõ ràng, nhân vật nam chính trong bài " Mỗi tình nồng cháy giữa Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan" chính là Hồ Tập Chương đến từ Miêu Lật Đài Loan (Xem lại Thiên II "Hồ Chí Minh bị bắt tại Quảng Châu", và Thiên IV "Những năm tháng phiêu bạt" (Phiêu bạt lưu lãng đích tuế nguyệt) đăng tải trên "Đài Loan nhật nhật tân báo".

Theo nhận định của William J. Duiker, các bài viết "Nhờ Đào Chú làm mối" và "Chuyện hôn sự của Hồ Chí Minh không nhỏ" của tác giả Lương Văn là xác thực. Nhìn lại cuộc đời hoạt động chính trị thăng trầm của Đào Chú cũng có thể gián tiếp khẳng định, Chu Đào và Lâm Y Lan là một người. Đào Chú lãnh đạo Tỉnh ủy Quảng Đông từ mùa xuân năm 1951 đến năm 1966, từng là "phong cương đại lại" rồi nhảy nhanh lên Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, Bộ trưởng Tuyên truyền, Cố vấn Tiểu tổ Cách mạng Văn hóa, thứ bậc chỉ xếp sau Mao, Lâm, Chu, ngôi ghế thứ tư trong Thường vụ Bộ Chính trị, có thể nói vận số vô cùng hanh thông. Thế nhưng, tai vạ bỗng dưng ập đến, trong Đại Cách mạng Văn hóa, Đào Chú bị "Lũ bốn tên" vu cáo thuộc phe "Bảo hoàng". Chúng xúi giục Hồng vệ binh đấu tố, hạ nhục ông cho đến lúc thân tàn ma dại rồi chết một cách tức tưởi vào ngày 30 tháng 11 năm 1969. Cùng thời kỳ sóng gió ấy, Chu Đào bị hạ phóng ra biên giới Tây Nam.

Theo nội dung các bài " Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam" và "Chuyện hôn nhân của Hồ Chí Minh không nhỏ", có thể thấy một sự thực là, Cộng đảng Việt Nam đã sử dụng câu nói " Một ngày đất nước chưa độc lập, tôi quyết không kết hôn" làm cái cớ gây áp lực mạnh lên ý nguyện xây dựng gia đình của Hồ Chí Minh.

CHUYỆN TÌNH GIỮA HỒ CHÍ MINH VÀ ĐỖ THỊ LẠC

Căn cứ vào "Thê thiếp và nhân tình của Hồ Chí Minh" của "Lĩnh Nam di dân", thì Hồ Chí Minh có bốn người phụ nữ trong các thời kỳ khác nhau. Người vợ đầu là Tăng Tuyết Minh, tiếp theo là Nguyễn Thị Minh Khai, Đỗ Thị Lạc và cuối cùng là Nông Thị Xuân. Mỗi tình với Đỗ Thị Lạc tác giả viết: " Sau khi ra tù, Hồ Chí Minh được tướng Trương Phát Khuê và tướng Tiêu Văn tín nhiệm, được bổ sung làm Ủy viên dự khuyết Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, hoạt động

rất có uy tín. Không lâu sau, được sự đồng ý của các tướng lĩnh Quốc dân Đảng, Hồ Chí Minh mang theo mười tám người trở về Bắc Việt Nam sau khi kết thúc khóa huấn luyện cán bộ. Một trong mười tám người theo Hồ Chí Minh trở về là Đỗ Thị Lạc, người phụ nữ duy nhất trong Đoàn thường được mọi người gọi là "chị Thuận". Nhân thân Đỗ Thị Lạc không rõ, người ta chỉ biết cô này từ năm 1942 tại Liễu Châu, Quảng Tây, với tư cách học viên Ban Huấn luyện quân sự. Trở về Cao Bằng, Việt Bắc, Đỗ Thị Lạc và Hồ Chí Minh sống chung với nhau một thời gian tại vùng Khuê Nam (?!), phụ trách công tác dân vận và thiếu nhi. Sử gia Trần Trọng Kim, trong hồi ký "Một cơn gió bụi", viết: "Đỗ Thị Lạc có với Hồ Chí Minh một người con gái. Tuy nhiên, sau một thời gian sống chung với nhau ở Khuê Nam, Hồ Chí Minh dần thân vào cao trào cách mạng, không bao giờ còn trở lại với Đỗ Thị Lạc nữa".

Căn cứ vào các tư liệu đã tra cứu được, vào thời kỳ Hồ Chí Minh đem theo mười tám cán bộ về Việt Bắc thì người phụ nữ có tên Đỗ Thị Lạc là có thật. Giáo sư Tưởng Vĩnh Kính, trong cuốn "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc", trang 194 đến 206 viết: "Ngày 10 tháng 9 năm 1943, Hồ Chí Minh được phóng thích tại Liễu Châu, rất được Tư lệnh Đệ tứ chiến khu Trương Phát Khuê tín nhiệm, giao nhiệm vụ cải tổ Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội. Hồ Chí Minh đề nghị với Trương Phát Khuê ý định về Việt Nam hoạt động, đồng thời chuyển giao cho ông bản đề cương kế hoạch "Nhập Việt công tác" được khởi thảo với bốn mục tiêu lớn. Căn cứ vào kế hoạch đại cương, Hồ Chí Minh tự tuyển chọn mười tám thanh niên cốt cán trở về Việt Nam làm công việc huấn luyện nhiệm vụ cách mạng. Danh tính của mười tám người như sau : Dương Văn Lộc, Lê Nguyên, Vi Văn Tôn, Hoàng Nhân, Hoàng Quảng Triều, Nông Kim Thành, Hoàng Kim Vận, Hoàng Thanh Thủy, Phạm Văn Minh, Hà Hiến Minh, Hoàng Sỹ Vinh, Lê Văn Tiền, Nông Văn Mưu, Dương Văn Lễ, Hoàng Gia Tiên, Đỗ Trọng Viện, Trương Hữu Chí (đều thuộc Tổng đội công tác chiến địa) và Đỗ Thị Lạc (thuộc Đội công tác chính trị biên giới). Lại căn cứ vào "Hồ Chí Minh tại Liễu Châu" do Quảng Tây nhân dân xuất bản xã phát hành năm 2005, trang 103, có đoạn viết: "Từ 1943 đến 1944, dưới chân núi Cao Lộng, Liễu Châu, nơi Ban huấn luyện cán bộ mở lớp học, HCM thường đến giảng bài. Trong số học viên có một phụ nữ là Đỗ Thị Loan, quê tại thị trấn Bắc Môn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, bị bệnh, chữa không khỏi, chết tại Liễu Châu, mai táng dưới chân núi Cao Lộng, bia mộ ghi ngày sinh, ngày mất và quê quán bằng Trung văn". Có thể phỏng đoán, Đỗ Thị Lạc, Đỗ Lạc, Đỗ Thị Loan, danh tính ba lần chuyển dịch không giống nhau nhưng có lẽ vẫn cùng là một người.

Trần Trọng Kim viết: "Nghe tin Đỗ Thị Lạc đã có một người con gái với Hồ Chí Minh nên có thể xem chuyện này là có thật". Căn cứ vào "Hồ Chí Minh và Trung Quốc" trang 164 của giáo sư Hoàng Tranh có đoạn ghi chép về "Hồ Chí Minh và Đỗ Lệ Hoa", tôi phỏng đoán, Đỗ Lệ Hoa chính là Đỗ Thị Lạc. Chuyện như sau: "Tháng 8 năm 1962, Hồ Chí Minh đến Trung Quốc, ở lại một thời gian, đã từng đến thăm phong cảnh nổi tiếng 'Thạch Lâm' ở Vân Nam. Đoàn Văn công Vân Nam có nữ ca sĩ hát giọng nữ cao Đỗ Lệ Hoa tháp tùng chủ tịch Hồ Chí Minh tham quan. Bên cạnh Hồ Chí Minh, Đỗ tiểu thư đã có những giây phút vô cùng hạnh phúc. Trước

đó một năm, Hồ Chí Minh đã từng quen biết Đỗ Lệ Hoa . Đó là năm 1961, Hồ Chí Minh cùng Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam sang thăm Trung Quốc. Một ngày, tại Hoài Nhân Đường Bắc Kinh, Đoàn nghệ thuật chuẩn bị thăm Miến Điện, biểu diễn một buổi dành riêng cho các vị khách Việt Nam. Sau buổi biểu diễn, Hồ Chí Minh đặc biệt đề nghị Đỗ Lệ Hoa cùng ông và chủ tịch Mao Trạch Đông chụp chung một kiểu ảnh. Hồ Chí Minh cười hiền từ nhìn Đỗ Lệ Hoa rất lâu như muốn lưu giữ mãi hình ảnh của cô. Lần này, khi đến nhà khách, Đỗ Lệ Hoa được thông báo, Hồ Chí Minh mời vợ chồng cô đến Thạch Lâm tham quan thắng cảnh. Đỗ Lệ Hoa vô cùng phấn chấn, lòng thầm nghĩ, đã một năm qua rồi, không biết Hồ Chí Minh giờ đây thế nào, cô hận là không thể lập tức chạy ngay đến bên Hồ Chủ tịch. Khi Đỗ Lệ Hoa vừa đến nhà khách Thạch Lâm, Hồ Chí Minh đã chờ sẵn ở cửa trước, vừa nhìn thấy cô vồn vồn, ông vội bước ra, thân mật gọi: “Tiểu thư Lệ Hoa, hoan nghênh cô đến, có nhớ năm trước chúng ta gặp nhau ở Bắc Kinh không?”. Đỗ Lệ Hoa phấn khởi nói: “Nhớ, Nhớ ạ”, rồi trân trọng trao tấm ảnh kỷ niệm đã được phóng to cho Hồ Chí Minh”.

Từ việc ĐTL chết, độ tuổi của ĐLH, ĐLH đứng giữa MTĐ và HCM chụp ảnh kỷ niệm, đến cuộc gặp gỡ và tình cảm đặc biệt giữa ĐLH và HCM ở khu nghỉ mát Thạch Lâm, làm cho người ta khó nói ĐLH không phải là người tình của HCM.

MỐI TÌNH CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ NÔNG THỊ XUÂN

Trần Quốc Hoàn vì có công trong việc trấn áp các phần tử phản cách mạng mà thành danh, năm 1953 được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Công an. Năm 1955, một thiếu nữ là Nông Thị Xuân từ vùng biên giới tỉnh Cao Bằng được đưa về Hà Nội. Cô này khá xinh đẹp được chủ tịch Hồ Chí Minh để ý nên Ban Bảo vệ sức khỏe Trung ương đã bố trí làm y tá bên cạnh ông Hồ. Một năm sau, Nông Thị Xuân sinh với Hồ Chí Minh một bé trai. Đứa bé được bí mật gửi nuôi vài nơi, nhưng cuối cùng, thư ký riêng của Hồ Chí Minh là Vũ Kỳ đưa về nhà nhận làm con. Vào một ngày năm 1957, người ta phát hiện Nông Thị Xuân bị tai nạn ô tô chết bên đường chân Dốc Chèm. Không lâu sau, hai người em họ của cô Xuân cũng bị đột tử. Khi mới xảy ra sự kiện này rất ít người biết chuyện, nhưng nhiều năm sau, người chồng chưa cưới của một trong hai thiếu nữ, đã viết thư gửi lên Quốc hội, tố cáo Trần Quốc Hoàn cưỡng dâm Nông Thị Xuân rồi sát hại cô bằng một vụ tai nạn được công an dàn dựng. Anh ta nói rõ, Trần Quốc Hoàn sợ hai người em họ của Nông Thị Xuân tố cáo tội ác nên hắn đã cho mật vụ thủ tiêu cả hai chị em. Tất nhiên, sự kiện này bị im đi và cũng không có bất cứ phiên tòa nào đủ bản lĩnh đứng ra thụ lý vụ án trên. Trần Quốc Hoàn xem như vô can, tại Đại hội III, y còn được bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, những tin tức về vụ giết người bịt miệng dã man này đã được các cán bộ cao cấp của Đảng Cộng sản Việt Nam biết rõ, có điều tất cả đều ngậm miệng, bởi họ không lạ gì Cảnh Con (tên tục của Trần Quốc Hoàn) vốn xuất thân từ dân đao búa, đã từng làm đủ nghề, từ cầm cờ đám ma, lưu manh trộm cắp đến lừa thầy phản bạn. Hồ Chí

Minh có biết hay không sự kiện động trời này, mọi người đều không dám khẳng định, cho dù, ông mới là “chính danh thủ phạm” của vụ án thảm khốc cướp đi mạng sống của ba thiếu nữ xinh đẹp, vô tội.

Mối tình của Hồ Chí Minh và Nông Thị Xuân được William J. Duiker ghi chép tại chương 9 “Giữa hai lần chiến dịch”, trang 505-506 trong tác phẩm “Truyện Hồ Chí Minh”. Phần chú thích từ trang 63 đến 660, nội dung dẫn từ “Đêm giữa ban ngày” của nhà văn Vũ Thư Hiên (con trai cụ Vũ Đình Huỳnh, từng là thư ký riêng cho Hồ Chí Minh thời kỳ 1946-1955). Nguyên văn bản tố cáo tội ác Trần Quốc Hoàn của vị hôn phu cô Nguyễn Thị Vàng đăng tải trong “Việt Nam lục”, mùa thu, tháng tám, năm 1997, trang 8-11.

Trong “Thê thiếp và nhân tình của Hồ Chí Minh” của “Lĩnh Nam di dân” cũng ghi chép về mối quan hệ luyến ái giữa Hồ Chí Minh và Nông Thị Xuân: “Ngày 20 tháng bảy năm 1954, sau Hiệp định Genève, Hồ Chí Minh trở về Hà Nội đảm nhiệm chức Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Năm 1955, Ban Bảo vệ sức khỏe Trung ương tuyển một thiếu nữ thuộc thành phần gia đình cách mạng miền núi đưa về Hà Nội, phục vụ sinh hoạt cho Hồ Chí Minh. Cô gái là Nông Thị Xuân, dân tộc Nùng (một chi nhánh của người Tráng Quảng Tây Trung Quốc, Việt Nam gọi là Nùng), nhà ở thôn Hà Ma, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Lúc ấy Hồ Chí Minh đã 65, Nông Thị Xuân mới gần 22. Ít lâu sau, hai cô khác, một tên Vàng, một tên Nguyệt là con người cậu Nông Thị Xuân cũng được chọn đưa về Hà Nội. Ba cô cùng ở trên gác hai ngôi nhà số 66 phố Hàng Bông Nhuộm. Vì để mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh và Nông Thị Xuân không bị tiết lộ, mỗi lần cô Xuân đến Phủ Chủ tịch đều được Bộ trưởng Công an Trần Quốc Hoàn cho xe đến đón”.

Những câu chuyện “Hồ Chí Minh và Đỗ Thị Lạc”, “Hồ Chí Minh và Nông Thị Xuân”, cùng “Chuyện tình ái và những người con sinh ra trong bóng tối”, (cho đến nay, dân gian vẫn lưu truyền, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh là con rơi của Hồ Chí Minh) cũng như thân phận thật Hồ Chí Minh và Nguyễn Ái Quốc, vẫn còn là những bí mật, chưa có câu trả lời thỏa đáng. Đỗ Thị Lạc, Nông Thị Xuân, thời gian ghi chép, địa điểm, nội dung, nguồn gốc tin tức...sự thật chỉ có một mà sự tô vẽ, phóng đại thì rất nhiều bởi người đời làm cho sự việc ngày càng trở nên phức tạp, khó xác định chân tướng.

TỔNG KẾT VỀ HÔN NHÂN VÀ TÌNH ÁI TRONG CUỘC ĐỜI HỒ CHÍ MINH

Khảo cứu về hôn nhân, tình ái của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh trong vô vàn sự kiện cũng như mối quan hệ phức tạp, phải nói rất khó khăn và tốn nhiều công sức. Tuy nhiên, cần phải tin chắc một điều, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh không phải là một người, cho nên chuyện hôn nhân và tình ái của họ cũng khác nhau. Trong khi tra cứu hồ sơ, tìm hiểu manh mối qua các nguồn tư liệu, (người viết) cần có thái độ khách quan, tôn trọng chứng cứ mới tìm ra

được sự thật trong mớ tài liệu hỗn độn do lịch sử để lại, về quan hệ hôn nhân, tình ái của nhân vật đặc biệt này.

Trước hết, cần phân biệt chuyện hôn nhân tình ái của Nguyễn Ái Quốc với Tăng Tuyết Minh, Nguyễn Ái Quốc với Nguyễn Thị Minh Khai khác với hôn nhân tình ái giữa Hồ Chí Minh với Đỗ Thị Lạc, Hồ Chí Minh với Nông Thị Xuân, Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan. Từ đó có thể rút ra kết luận, quan hệ tình ái giữa Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai đều hình thành trong đấu tranh cách mạng một cách chân tình, nồng nhiệt. Những cuộc tình bắt nguồn từ khói lửa chiến loạn này rất đáng được ca ngợi, không cần phải giấu diếm, càng không nhất thiết có thái độ bôi nhọ.

Tình ái giữa Hồ Chí Minh và Đỗ Thị Lạc, Hồ Chí Minh và Nông Thị Xuân, Hồ Chí Minh và Lâm Y Lan, trong đó hàm chứa những nỗi đau triền miên làm người đọc cảm động, tỏ thái độ đồng tình, đồng thời phản đối chiến tranh, phản đối bạo lực. Hy vọng rằng những tình cảm nam nữ chân thành này sớm được làm sáng tỏ để nhân gian có cái nhìn đúng đắn về nhân vật huyền thoại Hồ Chí Minh.

Mùa hè năm 1959, Đảng Cộng sản Trung Quốc họp Hội Bộ Chính trị mở rộng tại Lư Sơn, cũng là lúc Hồ Chí Minh đến thăm Trung Quốc với tư cách cá nhân. Chiều ngày 8 tháng mười, Lưu Thiếu Kỳ cùng Vương Quang Mỹ, Chu Đức cùng Khang Khắc Thanh, Chu Ân Lai cùng Đặng Dĩnh Siêu, Lý Phú Xuân cùng Thái Sướng đến biệt thự 394. Hồ Chí Minh thấy nhiều bạn bè cũ đến thăm, chợt cao hứng hỏi Đặng Dĩnh Siêu: “Tiểu Siêu, nhiều khách quý thế này, hôm nay tôi phải lấy gì chiêu đãi?”. Một tiếng “Tiểu Siêu” làm Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu nhớ lại một thời đã qua. Dịp ấy vào năm 1925, Nguyễn Ái Quốc vừa từ Liên Xô về Quảng Châu, biết tin Chu Ân Lai vừa được bổ nhiệm là Hiệu trưởng Trường Quân sự Hoàng Phố, ông ta đã đến tận phòng ở của hai người chúc mừng. Lúc ấy, Chu Ân Lai gọi vào trong nhà: “Tiểu Siêu, mang đường ra đây”. Đã hơn ba mươi năm, Hồ Chí Minh đã trở thành ông già “cổ lai hy”, từ một chí sĩ vong quốc đến người đứng đầu nhà nước Việt Nam, tất cả dường như chỉ mới hôm qua. Đặng Dĩnh Siêu đón tiếp Hồ Chí Minh, ánh mắt tươi rói, cười bảo: “Pha cà phê”.

Chiều ngày 12 tháng tám, vào lúc 5 giờ, Dương Thượng Côn cùng Vương Giá Tường đến biệt thự 394 thăm Hồ Chí Minh. Một lúc sau có tiếng phụ nữ ồn ào từ ngoài vọng vào. Hồ Chí Minh quay đầu nhìn ra, chính là đội ngũ “nương tử quân” “giá đáo” gồm Thái Sướng, Đặng Dĩnh Siêu, Khang Khắc Thanh, Vương Quang Mỹ, ngoài ra còn một vài người chưa quen biết. Mọi người mời Hồ Chí Minh ở lại Lư Sơn thêm ít ngày.

- Được thôi, sau này Việt Nam thống nhất tôi sẽ sang Lư Sơn ở hẳn một năm hoặc nửa năm.

- Chúng tôi không mời riêng một mình Chủ tịch ở lại đâu nhé! – Thái Sướng nói giọng đầy ẩn ý.

- Đương nhiên, tôi biết, vì thế , tôi sẽ mời một số đồng bào...
- Không đâu, chỉ đề nghị Chủ tịch cùng phu nhân đến thôi.

Hồ Chí Minh cười, chậm rãi nói:

- Được thôi, nhờ Tiểu Siêu đề đạt ý kiến với Hội Phụ nữ, không được thì phải đền đấy.
- Đúng vậy, Chủ tịch nên chọn một người vợ cách mạng, chẳng nên bắt đền chị Đặng.

Các bà khách chẳng giữ ý tứ gì, nói năng thoải mái, cười khanh khách vang khắp nhà. Hồ Chí Minh luôn sống độc thân. Nhiều năm qua, Việt Nam và Trung Quốc quan tâm đến tình trạng hôn nhân của ông không ít, nhưng có lẽ, ngay từ thời trai trẻ, ông đã chủ tâm lập chí, đất nước chưa độc lập, thì chưa thành gia thất chẳng?

Các “nữ đồng bào” vẫn vui vẻ cười đùa :

- Lần sau Chủ tịch đến đây chị em chúng tôi mong được ăn kẹo cưới.

Hồ Chí Minh đứng lên, vẫy tay gọi vào trong:

- Mời mang kẹo ra đây chiêu đãi khách quý
- Loại kẹo này chúng tôi không ăn.
- Vậy xin mời các phu nhân dùng cà phê.
- Cà phê cũng không uống.

Hồ Chí Minh cười :

- Vậy tôi đọc một bài thơ được không?
- Không yêu cầu Chủ tịch làm thơ. – Các vị khách đều biết Hồ Chí Minh sành làm thơ nên mới nói đùa vậy.

Hồ Chí Minh là một người có tính cách đặc biệt, ông nhẹ nhàng nói, thời kỳ năm 1940, cơ cấu ban lãnh đạo cách mạng Việt Nam được thành lập tại Côn Minh, để cổ vũ quần chúng, tôi có làm một số “du thi”, xin đọc một bài để các nữ đồng chí nghe:

*Tam tứ niên lai vọng đoạn trường
Niệm lang lưu lạc tại tha hương
Đồng tâm kết phát thù thiếp kiên
Cửu biệt lệ lưu thấp lang diện*

*Quốc hận gia sầu lang vật vong
Gia thường tỏa sự thiếp toàn đương
Đãi lang diệt địch quy lai nhật
Huê thủ đoàn viên lạc điền trang.*

Tạm dịch nghĩa:

*Ba bốn năm nay trông ngóng đến đứt ruột
Nhớ chàng lưu lạc nơi quê người
Dài tóc kết đồng tâm rủ xuống vai thiếp
Dòng lệ khi từ biệt thấm ướt mặt chàng
Nợ nước thù nhà chàng không quên
Công việc ở nhà thiếp gánh vác
Đợi ngày chàng diệt địch trở về
Đặt tay nhau vui vẻ sống cảnh điền viên.*

Các phu nhân chăm chú nghe Hồ Chí Minh đọc từng câu thơ với tâm trạng vô cùng xúc động. Ông biểu thị tình cảm sau sắc qua từng chữ điệu, khiến các vị khách, sau khi rời biệt thự 394 lòng đầy cảm thán: “Nếu như Việt Nam sớm độc lập, thống nhất, Hồ Chí Minh nhất định sẽ là người chồng mẫu mực, hết lòng thương yêu vợ”. Trước lúc chia tay, các phu nhân còn tranh nhau đứng gần Hồ Chí Minh chụp ảnh kỷ niệm làm Dương Thượng Côn và Vương Giá Tường phải bật cười”.

Bài viết trên là căn cứ vào “Hồ sơ Lư Sơn” của Mã Xã Hương, chương 4 “ Hồ Chí Minh bí mật đến Lư Sơn”, do Nhân dân xuất bản xã ấn hành tháng năm năm 2006. Căn cứ văn bản trên, tôi đặc biệt nghi ngờ Thái Sướng và Đặng Dĩnh Siêu. Có một tấm ảnh Hồ Chí Minh cầm tay Đặng dĩnh Siêu và Thái Sướng cười giữa một đoạn đường núi được Han Suyin chụp, Trương Liên Khang dịch trong cuốn “ Chu Ân Lai và Trung Quốc hiện đại”, trang 314. “Hồ sơ Lư Sơn, Hồ Chí Minh bí mật đến Lư Sơn”, kèm theo tấm ảnh, Hồ Chí Minh đứng giữa, bên phải cầm tay Đặng Dĩnh Siêu, bên trái cầm tay Thái Sướng, ba người tỏ ra rất thân mật (xem ảnh dưới). Tôi không tin việc Hồ Chí Minh, với tư cách Chủ tịch, lấy quốc gia làm trọng, vậy mà lại gọi phu nhân của Chu Ân Lai bằng cái tên “Tiểu Siêu”, Đặng Dĩnh Siêu chẳng những không phật ý mà còn vui vẻ mỉm cười. Lại nữa, Hồ Chí Minh trả lời các mệnh phụ phu nhân “Việt Namthống nhất tôi sẽ sang Lư Sơn ở hẳn một năm hoặc nửa năm”. Thái Sướng nói giọng đầy ẩn ý: “Chúng tôi không mời riêng một mình Chủ tịch ở lại đâu nhé!”. Những lời đối đáp có tính cợt nhả ấy đều vượt qua nghi lễ ngoại giao, thậm chí vượt qua cả tình cảm đồng chí, nhất là, khi ấy Đặng Dĩnh Siêu và Thái Sướng lại là cán bộ cao cấp lãnh đạo Hội Phụ nữ Trung Quốc. Chuyện các vị nữ khách đề nghị Hồ Chí Minh đọc thơ tình cũng rất khó xảy ra. Người viết không tin là giữa Hồ Chí Minh và các phu nhân có bất kỳ mối quan hệ tình cảm mờ ám nào.

Tôi đồ rằng, trong số các mệnh phụ phu nhân đến biệt thự 394 hôm ấy, có người ngấm ngấm muốn công khai bí mật thân phận thật của Hồ Chí Minh trước bàn dân thiên hạ. Chính vì vậy, qua những lời nói khá tình cảm của Hồ Chí Minh và Đặng Dĩnh Siêu, làm tác giả Bùi Tín hiểu lầm là hai người đã từng yêu nhau.

Trở lại năm 1926, Hồ Chí Minh và Tăng Tuyết Minh chính thức cử hành hôn lễ tại Quảng Châu, Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng từng là người làm mối và chủ trì. Năm 1958, xảy ra vụ “Tăng Tuyết Minh hôn nhân xung đột song bào án kiện” (Vụ án kếp những mâu thuẫn hôn nhân của Tăng Tuyết Minh”, Thái Sướng phải đứng ra giải quyết mới dẹp được sóng gió. Cũng năm 1958, Hồ Chí Minh vì muốn hoàn thành tâm nguyện kết hôn cùng Lâm Y Lan nên đã nhờ Đào Chú, Chu Ân Lai giúp đỡ. Theo những bằng chứng đáng tin cậy, có thể thấy, Đặng Dĩnh Siêu, Thái Sướng biết rất rõ Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh không phải là một người, biết rõ Nguyễn Ái Quốc đã bị bệnh chết, càng rõ hơn, Hồ Chí Minh là kẻ bội bạc hôn nhân. Tuy nhiên, với Lâm Y Lan, Hồ Chí Minh lại đặc biệt dành tình cảm cho bà, khiến tôi vô cùng kính trọng và biểu đồng tình.

Ngày 16 tháng bảy năm 1947, Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn một tờ báo nước ngoài: “Đã hỏi đến chuyện hôn nhân và tương lai, xin hãy để tôi tự nhiên trả lời. Tôi không có gia đình, không vợ con, Việt Nam chính là gia đình tôi, các bậc phụ lão chính là người thân của tôi, phụ nữ Việt Nam chính là chị em tôi. Tôi chỉ có một điều duy nhất phải theo đuổi là đấu tranh để Việt Nam độc lập, thống nhất và dân chủ. Sau khi nguyện vọng hoàn thành, tôi sẽ cáo lão hồi hương, làm một người dân bình thường, du ngoạn núi sông, trồng cây, viết sách”.

Đoạn trả lời phỏng vấn trên được dẫn từ “Hồ Chí Minh văn tập”, tập V, trang 171, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, làm tôi suy nghĩ mãi. Trừ đoạn nói là không gia đình, không vợ con, Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành nguyện vọng không thấy ông cáo lão về quê, bởi suy cho cùng, nếu thực hiện lời hứa ấy thì ông về quê nào?

Vào thời kỳ trước năm 1947, Hồ Chí Minh chưa từng công khai quê quán hoặc thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, thậm chí còn tích cực tranh thủ nước Mỹ, yêu cầu viện trợ giúp đỡ Việt Nam giành độc lập. Trong thâm tâm Hồ Chí Minh, phải chăng, ông đợi sau khi Việt Nam độc lập, Đài Loan được ủy thác cho quân Đồng minh quản lý cũng giành độc lập, như thế, ông có thể dàng hoàng trở về quê hương, thực hiện lời hứa với người em Hồ Tập Dường “Không thành công không về quê hương”. Tuy nhiên, trời chẳng chiều người, chỉ một năm sau, quân đội Quốc dân đảng tiến nhập Đài Loan, thế là Hồ Chí Minh chẳng bao giờ có thể trở về cố hương, đúng như lời Ngô Trọc Lưu nói, ông Hồ là “đứa con cô châu Á”.



CHỮ HÁN “NHẬT KÝ TRONG TÙ” VÀ “DI CHÚC” KHẢ NĂNG TRUNG VĂN CỦA HỒ CHÍ MINH



Trong “Hồ sơ Lư Sơn” “Hồ Chí Minh bí mật đến Lư Sơn” có ghi chép Hồ Chí Minh dùng ngón tay viết thư pháp: “Bí thư Đảng ủy Cục quản lý Lư Sơn Lâu Thiệu Minh, phó bí thư Thái Thiệu Ngọc, Giang Vĩnh Đức nghe tin Hồ Chí Minh sắp rời Lư Sơn, vội vã kéo nhau đến biệt thự 394, một là để nghe ý kiến Hồ Chí Minh về thái độ tiếp đãi khách, hai là đề nghị ghi lưu niệm. Nhận xét về cái gì đây? Hồ Chí Minh đề nghị mang nghiên bút để trên bàn. Ông thử bút, cảm thấy ngọn bút hơi nhỏ liền khế hỏi:

- Tôi dùng ngón tay viết được không?

Lâu Thiệu Minh gật đầu lia lịa. Hồ Chí Minh thông thả nhúng ngón tay vào nghiên mực, viết ba chữ lớn: “Lư Sơn hảo” (Lư Sơn tốt) rồi lùi về phía sau hai bước ngẫm ngía. Lâu Thiệu Minh liếc qua, rất khâm phục:

- Thưa Hồ Chủ tịch! Người viết chữ Hán thật tuyệt.

Sau khi viết “Lư Sơn hảo” bằng ngón tay, Hồ Chí Minh lại dùng bút tiểu khái viết 10 chữ nhỏ: “ Hồ Chí Minh, tháng tám năm 1959” vào dòng lạc khoản để kỷ niệm chuyến thăm Lư Sơn”.

Căn cứ vào đoạn văn trên thì trình độ thư pháp của Hồ Chí Minh thuộc vào loại khá, nhưng William J. Duiker trong “Truyện Hồ Chí Minh”, trang 143 lại viết: “Mùa xuân năm 1927, Nguyễn Ái Quốc ở lại Quảng Châu hơn nửa năm, việc trước mắt là ổn định sinh hoạt, sau đó tìm một người vợ địa phương để học tiếng Trung Quốc”.

Trong cuốn “Chu Ân Lai và Trung Quốc hiện đại” do Han Suyin viết, Trương Liên Khang dịch, trang 84, 85 có đoạn: “Mùa thu năm 1925, có một thanh niên Việt Nam gầy yếu, tự xưng là Nguyễn Ái Quốc, sau này là Hồ Chí Minh.....Lúc ấy Thái Sướng và chồng là Lý Phú Xuân đang ở Quảng Châu, do đó hai người đều quan tâm đến Hồ Chí Minh. Lý Phú Xuân và Đặng Dĩnh Siêu sắp xếp chỗ ăn ở cho Hồ Chí Minh rất chu đáo, đồng thời còn dạy Hồ tiếng Trung Quốc. Không lâu sau, Hồ Chí Minh có thể giao thoại được những câu đơn giản”. William J. Duiker cũng như Han Suyin đều viết về Hồ Chí Minh, nếu đem so sánh với việc Hồ Chí Minh viết thư pháp bằng ngón tay ở Lư Sơn sau này, thì ta sẽ thấy trình độ nghe, nói, đọc, viết của ông ta trước đây khác nhau một trời một vực.

Khảo cứu quá trình học tập của Nguyễn Ái Quốc, tác giả nhận thấy, cho đến năm 1932, hầu như không thấy ông sử dụng Hán văn trong các bài viết, chưa nói đến trình độ viết thư pháp chữ Hán. Vì sao đến năm 1938, sau khi rời Mạc Tư Khoa về vùng biên giới Việt Trung hoạt động, Hồ Chí Minh lại đột nhiên sử dụng Hán văn, viết báo, làm thơ và viết thư pháp một cách

thành thạo? Chúng tôi vô cùng nghi ngờ. Có thật Nguyễn Ái Quốc dùng ngón tay viết thư pháp? Có thật ông dùng Hán văn viết “Nhật ký trong tù”? Phải chăng đây là chứng cứ không thể bác bỏ của thủ thuật “Mượn xác hoàn hồn” (Tá thi hoàn hồn), “Dời hoa tiếp cây” (Di hoa tiếp mộc)? Mưu đồ của Quốc tế cộng sản dùng Hán văn liên kết Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh thành một người tưởng như hoàn hảo nhưng thật không ngờ lại xuất hiện một vết nứt trí mạng. Tục ngữ Trung Quốc có câu “Nói dối được một câu, nhất định sẽ có mười câu nói dối nữa, nhưng nói dối cuối cùng thế nào cũng bị lộ tẩy” (Thuyết nhất cú hoang thoại, tất tu tái dụng thập cú hoang thoại, hoang thoại tối chung tương bị tiết phá, lộ xuất phá trần). Mạo dùng Nguyễn Ái Quốc không thông thạo Hán văn liên kết với Hồ Chí Minh, chỉ có thể đánh lừa được một số người trong một thời gian ngắn, còn lâu dài mà nói,, sau khi có đầy đủ chứng cứ về khả năng Trung văn của Nguyễn Ái Quốc để khẳng định Nguyễn Ái Quốc không phải là Hồ Chí Minh thì việc làm trên hoàn toàn trở thành một trò đùa dai.

Theo một chương trong “Hồ Chí Minh toàn tập”, tập 12, thì chính những người biên tập những dòng hoang tưởng trên đã vô tình để lộ ra Nguyễn Ái Quốc đọc, viết không thành thạo tiếng Trng Quốc. Tại thiên này, chúng tôi đặc biệt chú trọng vào việc Hồ Chí Minh viết báo, làm thơ, trong đó có “Nhật ký trong tù” và “Di chúc”, để một lần nữa chứng minh Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là hai con người hoàn toàn khác nhau. Hồ Chí Minh là Hồ Tập Chương đến từ Miêu Lật, Đài Loan, thuộc sắc tộc Khách Gia.

QUÁ TRÌNH NGUYỄN ÁI QUỐC HỌC TẬP NGỮ VĂN

Về mặt chính thống, ta thường thấy các nhà viết truyện ký về Hồ Chí Minh viết tiểu sử sơ khởi của ông như sau: “Nguyễn Ái Quốc sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống nho học. Từ nhỏ ông đã được tiếp xúc với nền giáo dục Hán học nên trình độ ngữ văn Trung Quốc rất cao, làm thơ giỏi, viết thư pháp đẹp”. Mới nghe xem ra có lý, tuy nhiên, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nước Pháp thực dân đã bắt đầu khai thác thuộc địa tại Việt Nam, phần lớn các gia đình quan lại hoặc nhà giàu đều cho con cái sang Pháp du học, đặc biệt là sau khi nhà Nguyễn phế bỏ hệ thống khoa cử lỗi thời để tuyển chọn nhân tài, thì số người còn lưu luyện với nền Hán học không đáng là bao. Cách làm của người cha Nguyễn Ái Quốc là một ví dụ điển hình. Tuy đã từng đỗ đại khoa với học vị Phó bảng, nhưng ông Nguyễn Sinh Sắc dường như cũng không muốn Nguyễn Ái Quốc theo đòi nghiệp bút nghiên mà lại tích cực ủng hộ con trai học tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ.

Dựa trên những ghi chép của William J. Duiker và Sophie Quinn-Judge, Nguyễn Ái Quốc từ năm 21 tuổi trở về trước là thời kỳ lưu lạc, cuộc sống cùng khổ, rất khó có điều kiện ổn định học tập. Chúng tôi dùng phương pháp so sánh quy nạp, thống kê quá trình học tập của Nguyễn Ái Quốc tại Việt Nam như sau:

Việc tiếp thụ giáo dục Hán văn tại các trường tư thực không quá 3 năm và Pháp văn không

quá 4 năm. Từ năm 1911 đến năm 1923, Nguyễn Ái Quốc bôn ba hải ngoại từ châu Âu, Bắc Mỹ đến Bắc Phi, trước sau có khoảng 4 năm học Anh ngữ trong các môi trường làm việc vất vả, hoàn toàn không có điều kiện tiếp tục học Hán văn hoặc tiếp xúc với văn hóa Hán. Theo Đặng Dĩnh Siêu, vào thời điểm năm 1925, bà có dạy Nguyễn Ái Quốc học tiếng Trung, đến năm 1926 thì ông ta kết hôn với Tăng Tuyết Minh. Sự việc này đúng là có thực. Nói cách khác, đến năm 1927, trình độ nghe, nói, đọc và viết chữ Hán của Nguyễn Ái Quốc rất hạn chế. Từ năm 1928 đến năm 1932, Nguyễn Ái Quốc bôn tẩu khắp nơi, qua Xiêm La (Thailand), Tân Gia Ba (Singapore), sang châu Âu, rồi lại về Hương Cảng, Thượng Hải, thêm chứng bệnh lao phổi kéo dài, lại bị giam trong ngục, tình trạng sức khỏe hết sức kém, rất khó có đủ điều kiện tiếp tục học chữ Hán. Từ đó có thể kết luận, trình độ Hán văn của Nguyễn Ái Quốc chỉ dừng lại ở mức độ 3 đến 4 năm cấp tiểu học, tuyệt đối không có khả năng viết báo, tạp chí và những bài nghị luận trường thiên lời văn khúc chiết, đanh thép, không thể là tác giả của “Nhật ký trong tù”, càng không có khả năng viết thư pháp bút lông hoặc “thư pháp ngón tay” chữ Hán.

TRÌNH ĐỘ NGỮ VĂN CỦA HỒ TẬP CHƯƠNG

Hồ Tập Chương lớn lên ở Đài Loan, từ nhỏ đã được giáo dục nền văn hóa Hán, mới 4 tuổi đã được cha anh dạy học thuộc lòng “Bách gia tính”, “Thiên gia thi”, đọc sách “Luận ngữ”, “Mạnh tử”, “Trung dung” và tập viết thư pháp. Mười tuổi, Hồ Tập Chương đã bắt đầu học Sơ đẳng rồi Cao đẳng của hệ thống giáo dục Nhật Bản, 20 tuổi tốt nghiệp Cao đẳng công nghiệp Đài Bắc, trình độ tiếng Nhật và tiếng Anh vững vàng. Năm 1929, lúc ấy Hồ Tập Chương 29 tuổi, rời Đài Loan đến Thượng Hải, trình độ đọc và viết chữ Hán không thể sai sót, có khả năng viết thư pháp, nói tiếng Khách Gia Quảng Đông và tiếng Mân Nam Phúc Kiến lưu loát, còn việc đọc và viết tiếng Anh thì khỏi cần nói đến. Thời kỳ đầu năm 1933, Hồ Tập Chương tiếp tục học 5 năm, đã qua lớp huấn luyện đọc và viết tiếng Việt và tiếng Pháp cơ sở. Trở lại ý kiến trên, giả thiết thời kỳ tiếp tục học tập này là của Nguyễn Ái Quốc, liệu Nguyễn Ái Quốc có nhu cầu học tập tiếng Việt và tiếng Pháp không? Hiện tại, hồ sơ lưu trữ ở Mạc Tư Khoa chỉ có các bản sao tiếng Việt và tiếng Pháp mà không tìm thấy các bản sao chữ Hán hoặc các bản nháp luyện tập thư pháp chữ Hán. Điều này có thể chứng thực, từ năm 1933 đến năm 1938, người lưu lại tại Mạc Tư Khoa là Hồ Tập Chương chứ Không phải Nguyễn Ái Quốc. Huống hồ, thời kỳ này, không thấy Nguyễn Ái Quốc sử dụng Trung văn trong các bài viết đã được công bố, đồng thời cũng chưa từng phát hiện thấy bất cứ một bản thư pháp chữ Hán nào còn lưu lại. Vì sao, từ năm 1938, sau khi rời Mạc Tư Khoa về Trung Quốc, đột nhiên Nguyễn Ái Quốc lại sử dụng Trung văn một cách phổ biến qua hàng loạt bài báo. Chưa hết, ông ta còn làm thơ và viết thư pháp nữa. “Nhật ký trong tù” và “Lư Sơn hảo” là hai trong những ví dụ được kể đến. Có phải đây chính là sự không minh bạch giữa hai nhân vật lịch sử này chăng?

TẬP THƠ “NHẬT KÝ TRONG TÙ” CỦA HỒ CHÍ MINH

Buổi sáng sớm ngày 27 tháng tám năm 1942, Hồ Chí Minh đi qua hương Túc Vinh, huyện Đức Bảo, tỉnh Quảng Tây thì bị Cảnh sát Quốc dân đảng bắt giữ, giải đến Quế Lâm, nơi đặt cơ quan làm việc của Ủy viên Quân sự hội Chính phủ Quốc dân đảng thẩm vấn. Từ lúc bị bắt vào ngày 27 tháng tám tại Túc Vinh, Hồ Chí Minh bị giải qua Tĩnh Tây, Liễu Châu, Quế Lâm...qua suốt 13 trấn, giam tại 18 nhà lao. Qua 14 tháng bị giam trong ngục, Hồ Chí Minh đã dùng Hán văn sáng tác 134 bài thơ với tựa đề "Nhật ký trong tù". Căn cứ vào lời giáo sư Hoàng Tranh, Viện nghiên cứu Khoa học xã hội Quảng Tây, cùng với những tư liệu mới thu thập, quyển "Nhật ký trong tù" được giới thiệu với công chúng như sau:

1- Tháng 5 năm 1960, nhà xuất bản Văn học và Nhà xuất bản Ngoại văn Việt Nam phân chia nhau ấn hành thơ Hồ Chí Minh, cuốn sách đều mang tên "Nhật ký trong tù" với số lượng 100 bài. Có sự khác biệt đôi chút khi đối chiếu văn bản tiếng Việt với văn bản Trung văn của Nhà xuất bản Ngoại văn, tuy cả hai bản này đều sao chép từ bản gốc "Ngục trung nhật ký" của Hồ Chí Minh.

2- Tháng năm năm 1965, Nhà xuất bản Văn học Nhân dân Trung Quốc xuất bản cuốn "Hồ Chí Minh thi tập" (Thơ Hồ Chí Minh), nhan đề : "Ngục trung nhật ký – thi sao", lấy từ 100 bài thơ của Hồ Chí Minh, nội dung giống như cuốn "Nhật ký trong tù" của Nhà xuất bản Văn học Việt Nam cùng năm.

3- Cuối năm 1977, Viện Văn học Việt Nam thành lập tiểu tổ "Nhật ký trong tù" để khảo cứu, phiên dịch, chỉnh lý văn bản một lần nữa, đồng thời bổ sung một số bài trước đây chưa từng được công bố. Tháng năm năm 1983, nhà xuất bản Văn học tiếp tục xuất bản "Nhật ký trong tù" gồm 113 bài.

4- Tháng năm năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Hồ Chí Minh, Viện Văn học Việt Nam, trên cơ sở cuốn sách xuất bản năm 1983, lại đưa thêm 21 bài trước đây cũng chưa từng được công bố, để Nhà xuất bản văn học ấn hành cũng với tên "Nhật ký trong tù". Như vậy tổng số thơ của "Nhật ký trong tù" đến lúc này là 134 bài.

5- Tháng mười năm 1992, giáo sư Hoàng Tranh, Viện khoa học Xã hội Quảng Tây, nhận thấy độc giả Trung Quốc đọc cuốn "Nhật ký trong tù" 134 bài của Hồ Chí Minh mới được xuất bản có nhiều chỗ khó hiểu, nhất là những địa danh và từ ngữ điển đạt. Vì vậy, ông đã tiến hành khảo cứu, đính chính và chú giải, sau đó ủy nhiệm cho Nhà xuất bản Giáo dục Quảng Tây ấn hành với nhan đề "Chú giải thơ Nhật ký trong tù". Cuốn sách lấy văn bản từ "Nhật ký trong tù" 134 bài của Nhà xuất bản Văn học Việt Nam, kèm theo bản đồ minh họa và chú giải.

6- Năm 2003, Nhà xuất bản Công an nhân dân in cuốn "Nhật ký trong tù của Hồ Chủ tịch và nghệ thuật thư pháp", bìa cứng. Nội dung giới thiệu sơ lược tiểu sử Hồ Chí Minh, ảnh chụp nguyên bản "Nhật ký trong tù" và viết các kiểu thư pháp triện, lệ, khải, hành, thảo thư của nhà thư pháp Trung Quốc Lỗ Nguyên, căn cứ vào "Nhật ký trong tù" trình bày thành tác phẩm

thư pháp.

7- Ngày 28 tháng chín năm 2003, lễ kỷ niệm 60 năm “Nhật ký trong tù” ra đời của Hồ Chí Minh được tổ chức tại nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh ở Liễu Châu, Quảng Tây. Hiệp hội thư pháp Quảng Tây đã tổ chức triển lãm thư pháp của hơn 70 tác giả gồm 106 bức thư pháp chữ Hán, với 115 bài thơ của chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó có 79 bài trong “Nhật ký trong tù”. Tháng ba năm 2004, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Quảng Tây ấn hành cuốn “Hồ Chí Minh văn, thơ, chú giải và thư pháp”.

134 bài trong “Nhật ký trong tù” của Hồ Chí Minh, phần lớn đều dùng ngữ từ, ngữ ý của tiếng Khách Gia, hoàn toàn không có sự tu sức. Quá nửa số bài thơ dùng tiếng Khách Gia, đọc diễn cảm sẽ làm cho người nghe cảm thấy thân thiết như bạn tâm giao mà lại hết sức dễ hiểu. Trong mỗi bài thơ đều bao hàm nhiều ý tứ, có sự bày tỏ, có nỗi mong chờ, có sự kỳ thác của cái tình sâu lắng, có cả tả thực, đọc lên khiến lòng người hoài cảm nhưng không hiểu rõ vì sao, lại dường như có nỗi chua xót khó lý giải được ngọn ngành. Về những nét đặc thù trong thơ, giáo sư Hoàng Tranh viết: “Thơ Hồ Chí Minh có “Thất luật” (7 chữ, 8 câu), “Thất tuyệt” (7 chữ 4 câu), “Ngũ luật” (5 chữ) và tạp thể, nội dung phần lớn đều để thư giãn đầu óc, hoặc ghi lại những sự việc xảy ra hàng ngày, lúc hứng lên thì ngâm nga.

“134 bài trong “Ngục trung thi” không đơn thuần chỉ là thơ mà là một bộ “sử thi” của một nhà cách mạng tự vẽ chân dung tinh thần của mình bằng thơ. Trong một số bài thơ làm trên đường khi bị giải đi, Hồ Chí Minh đã phản ánh được cuộc sống mới mẻ với tinh thần an nhiên tự tại của một nhà cách mạng giàu trí tuệ, lập trường kiên định”.

134 BÀI THƠ TRONG TẬP “NHẬT KÝ TRONG TÙ”

Trong tác phẩm “Hồ Chí Minh sinh bình khảo”, tác giả Hồ Tuấn Hùng đã đưa toàn bộ 134 bài thơ “Nhật ký trong tù” của HCM vào, tổng cộng 25 trang, bắt đầu từ trang 262 là bài 1 nhan đề “Khai quyền” đến trang 286 với bài 134 nhan đề “Tân xuất ngục học đăng sơn”. Xét thấy văn bản “Nhật ký trong tù” của HCM, hơn 40 năm qua, các nhà xuất bản của Việt Nam và Trung Quốc đã lần lượt in hàng triệu bản, phổ biến rộng rãi đến toàn thể nhân dân và bạn bè thế giới. Vì vậy, người dịch xin lược bỏ phần này mà chỉ đưa những bài có liên quan đến quá trình kiểm chứng, chú giải, nhận xét, đánh giá, kết luận của người viết liên quan đến việc đi tìm tác giả đích thực của tác phẩm bất hủ này.

“NHẬT KÝ TRONG TÙ” LÀ TÁC PHẨM CỦA MỘT NGƯỜI THUỘC SẮC TỘC KHÁCH GIA

Có khá nhiều bài thơ trong “Nhật ký trong tù” được tác giả sử dụng tiếng Khách Gia (trong hệ thống Hán ngữ) sáng tác. Những bài thơ này, nếu dùng tiếng Khách Gia đọc diễn cảm, người nghe sẽ nhanh chóng lĩnh hội được nội dung biểu đạt lẫn tình ý hàm chứa trong đó, chứng tỏ trình độ Hán học của tác giả khá uyên bác, không thể chỉ đọc sách vài ba năm mà viết được.

Lại nữa, một số bài thơ, nhất là vào thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan, phải là người từng cư trú tại địa bàn Khách Gia, thấm nhuần tư tưởng, tình cảm cộng đồng dân tộc, mới viết được những câu thơ hàm súc mang đặc trưng văn hóa Khách Gia như vậy. Tác giả hoàn toàn không nói quá sự thật, chẳng cần xem xét độ ngắn dài, chặt lỏng, chỉ xin dẫn ra đây vài đoạn thơ, kính mong các bậc thức giả minh xét, Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc hay là một người thuộc sắc tộc Khách Gia, Miêu Lật?

Cần chú ý một đặc điểm nữa của “Nhật ký trong tù” là, những từ, ngữ, câu văn hoặc phương ngôn thuộc ngữ hệ Khách Gia đã được tác giả chuyển hóa một cách nhuần nhuyễn sang từ ngữ Trung văn, chứng tỏ người viết rất am hiểu văn hóa Hán, lại thông thạo nhiều ngôn ngữ, từ cú khoáng đạt, ý tứ trôi chảy, phong thái ung dung tự tại.

Bài 8

早

—

太陽每早從牆上 ,照着龍門門未開
籠裡現時還黑暗 ,光明却已面前來

Tảo (1)

*Thái dương mỗi tảo tòng tường thượng
Chiếu trước lung môn môn vị khai
Lung lý hiện thời hoàn hắc ám
Quang minh khước dĩ diện tiền lai.*

Buổi sớm (bài 1)

*Đầu tường sớm sớm văng dương mọc,
Chiếu cửa nhà lao, cửa vẫn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.*

Nam Trân - Xuân Thủy dịch

Chú giải:

“Lung”(籠), tiếng Khách chỉ nhà giam, phòng giam. Người Khách Gia ở Miêu Lật bị vào nhà giam gọi là “nhập lung”(入籠), ra khỏi nhà lao gọi là “xuất lung”(出籠), giam trong nhà lao gọi là “quan lung”(關籠). Trong khi ấy, những từ với ý nghĩa trên ở Trung văn lại được gọi là “nhập ngục”(入獄), “xuất ngục”(出獄), “phục ngục”(服獄), hầu như không ai dùng chữ “lung”. Trong

“Nhật ký trong tù”, từ “lưng” được hiểu là “nhà giam”, “nhà ngục” hoặc “nhà tù” được sử dụng ở hơn 10 bài thơ.

Bài 16

脚閘

—

掙掙餓口似兇神，晚晚張開把脚吞
各人被吞了右脚，只剩左脚能屈伸

二

世間更有離奇事，人憫爭先上脚鉗
因為有鉗才得睡，無鉗沒處可安眠

Cước áp (1)

*Tranh ninh ngạ khẩu tự hung thần
Vẫn vẫn trương khai bả cước thôn
Các nhân bị thôn liễu hữu cước
Chỉ thặng tả cước năng khuất thân.*

(2)

*Thế gian cánh hươ ly kỳ sự
Nhân mẫn tranh tiên thượng cước kiềm
Nhân vị hữu kiềm tài đắc thụ
Vô kiềm một xứ khả an miên.*

Cái cùm (1)

*Dữ tợn hung thần miệng chực nhai,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Mọi người bị nuốt chân bên phải,
Cò đuổi còn chân bên trái thôi.*

2

*Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu?*

Bài 22

分水

每人分得水半盆 ,洗面烹茶各随便
誰要洗面勿烹茶 ,誰要烹茶勿洗面

Phân thủy

Mỗi nhân phân đắc thủy bán bồn
Tẩy diện phanh trà các tùy tiện
Thủy yếu tẩy diện vật phanh tra
Thủy yếu phanh tra vật tẩy diện.

Chia nước

Mỗi người nửa chậu nước nhà pha,
Rửa mặt pha trà tự ý ta;
Ai muốn pha trà, đừng rửa mặt,
Ai cần rửa mặt, chớ pha trà.
Nam Trân - Trần Đăng Thợ dịch

Bài 64

禁烟(紙烟的)

烟禁此間很厲害 ,你烟繳入他烟包
當然他可吹烟斗 ,你若吹烟罰手鐐
他:獄丁也

Cấm yên (Chỉ yên đích)

Yên cấm thử gian hãn lệ hại,
Nhĩ yên kiếu nhập tha yên bao;
Đương nhiên tha khả xuy yên đầu,
Nhĩ nhược xuy yên, phạt thủ liêu.
(Tha: ngục đình dã)

Cấm hút thuốc (Thuốc lá)

Hút thuốc nơi này cấm gắt gao,
Thuốc anh nó tịch, bỏ vào bao;
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.

Nam Trân dịch

(Nó: lính ngục)

Bài 109

政治部禁閉室

二尺闊兮三尺長,四人住此日彷徨

要伸伸腳也不可,因為人多少地方

Chính trị bộ cấm bế thất

Nhị xích khoát hề tam xích trường

Tứ nhân trú thử nhật bàng hoàng

Yếu thân thân cước dã bất khả

Nhân vị nhân đa thiếu địa phương.

Nhà giam của cục Chính trị

Ba thước chiều dài hai thước rộng,

Bốn người chen chúc ở bên trong.

Duỗi chân một tí cũng không thể,

Nhà hẹp mà người lại quá đông.

Huệ Chi dịch

Chú giải:

Chúng tôi chọn ra 5 bài (16,17,22,64,109) đều có liên quan đến nhau, với mục đích để chứng minh, cùng thuộc hệ thơ văn Hán ngữ, nhưng vì các tác giả xuất thân từ những địa phương khác nhau nên sự vận dụng từ ngữ có những chỗ khác nhau. Ví dụ, “cước liễu thủ khảo” (腳鐐手铐-xiềng chân còng tay). Cụm từ này, tại Trung Quốc Đại lục là khá phổ biến, nhưng ở vào thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan, người dân ở đây hầu như không nói. “cước áp”. Giáo sư Hoàng Tranh thuộc Viện Khoa học Xã hội Quảng Tây, giải nghĩa: “ Cước áp”(腳閘)là một loại cùm chân bằng sắt (gông sắt), xã hội phong kiến trước đây, trong lúc áp giải phạm nhân trên đường, đề phòng họ bỏ trốn, ban đêm đem giam vào nhà lao địa phương, khóa một chân lại, phạm nhân chỉ được tự do một chân mà thôi.

Chúng tôi đã tra cứu “Văn sử Từ nguyên” (Từ điển Từ nguyên), “Trung văn Đại từ điển” đều không có từ “cước áp” nên phải tạm lấy “cước liễu”(腳鐐) xem như “cước áp”. Như vậy, hiển nhiên là HCM không biết từ “cước liễu” mà dùng từ “cước áp” thay thế. Tiếp đến bài 17 “cước kiềm”(腳鉗), bài 64 “ thủ liễu”(手鐐), đều chứng minh HCM không hiểu cách sử dụng thành ngữ Trung Quốc “cước liễu thủ khảo” mà chỉ biết “cước kiềm thủ liễu” theo âm Khách Gia chuyển thành Trung văn tự.

Lại như: “ Văn văn trương khai bả cước thôn” (Đêm đêm há hốc nuốt chân người), với từ “văn văn” là cách dùng khẩu ngữ Khách Gia, hàm ý chỉ mỗi buổi chiều của ngày. Cũng như “thân thôn cước” là một kiểu sử dụng đặc biệt trong Khách Gia thoại, ý của nó là nghỉ lâu dài, còn Trung văn phổ biến là dùng “thân thôn thối”(伸伸腿)mà không dùng “thân thôn cước”伸伸腳). “Tẩy diện”(洗面) có nghĩa là “rửa má”, người Khách Gia thường dùng “tẩy diện” mà không dùng “tẩy kiểm”(洗臉). Còn “tẩy diện” ở đây chính là “tẩy kiểm”(rửa má). Khách Gia thoại dùng “tẩy diện” mà không dùng “tẩy kiểm” của Trung văn.

Bài 20

學奕棋

三

雙方勢力本平均 ,勝利終須屬一人
攻守運籌無漏著算 ,才稱英勇大將軍

Học dịch kỳ

3

*Song phương thế lực thản bình quân
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;
Công thủ vận trù vô lậu toán,
Tài xưng anh dũng đại tướng quân.*

Học đánh cờ

3

*Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.*

Văn Trục – Văn Phụng dịch

Chú giải:

“Lậu toán”(著算): trong từ vựng Trung văn không có từ “lậu toán”, nhân vì văn bản “Nhật ký trong tù” xuất bản năm 1960 của nhà xuất bản Văn học Việt Nam đã chỉnh lý thơ HCM, đem từ “lậu toán” cải thành “lậu trước”(漏著). Bản in năm 1990 lại phục hồi từ “lậu toán”. “Lậu toán” là loại ngữ từ tiêu chuẩn của người Khách Gia, chỉ sự tính toán sai lầm khi đánh cờ tướng.

Bài 25

賭

民間賭博被官拉 ,獄裡賭博可公開
被拉賭犯常嗟悔 ,何不先到這裡來

Đổ

*Dân gian đổ bác bị quan lạp
Ngục lý đổ bác khả công khai
Bị lạp đổ phạm thường ta hối
Hà bất tiên đáo giá lý lai!?*

Đánh bạc

*Đánh bạc ở ngoài, quan bắt tội,
Trong tù đánh bạc được công khai;
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:
Sao trước không vô quách chốn này!?*

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Quan lạp”(官拉) là từ ngữ rất thông dụng của người Khách Gia, Miêu Lật. Thời Nhật chiếm đóng Đài Loan, nhân dân bị cảnh sát rượt đuổi gọi là “quan lạp”, còn người Khách Gia ở các địa phương khác có xưng hô như vậy hay không thì tôi chưa rõ.

Bài 37

自勉

没有冬寒憔悴景 ,將無春暖的輝煌
災殃把我來鍛鍊 ,使我精神更緊張

Tự miễn

*Một hữu đông hàn tiều tụy cảnh
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng
Tai ương bả ngã lai đoạn luyện
Sử ngã tinh thần cánh kiện cường.*

Tự khuyên mình

*Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;
Nghĩ mình trong bước gian truân,*

Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Khẩn trương”(緊張), gần giống như “lậu toán”, năm 1960, văn bản “Nhật ký trong tù” của nhà xuất bản Văn học đổi “khẩn trương” thành “kiện cường”(健強), đến năm 1990 đã lấy lại hai từ này. “Khẩn trương” là từ rất thông dụng của người Khách Gia Miêu Lật, ý nghĩa của nó là, thời gian cấp bách rồi, cần phải có tinh thần phấn chấn, ví dụ như cách dùng tiếng Khách Gia sau đây: “ Tham gia thi đấu, thời gian càng gần càng phải khẩn trương”.

Bài 48

落了一隻牙

你的心情硬且剛 ,不如老舌軟而長
從來與你同甘苦 ,現在東西各一方

Lạc liễu nhất chích nha

*Nhĩ đích tâm tình ngạch thả cương
Bất như lão thiệt nhuyễn nhi trường
Tòng lai dữ nhĩ đồng cam khổ
Hiện tại đông tây các nhất phương.*

Rụng mất một chiếc răng

*Cứng rắn như anh chẳng kém ai,
Chẳng như lão lưỡi dẻo và dài;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay kẻ chân mây, kẻ cuối trời.*

Trần Đắc Thọ dịch

Dị bản:

*Cứng rắn như anh khác thói thường,
Phải đâu mềm tựa lưỡi không xương;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay phải xa nhau, kẻ một đường.*

Chú giải:

“Lạc liễu nhất chích nha”(落了一隻牙): càng tìm hiểu, nghiên cứu, giải nghĩa thơ HCM, càng

phát hiện ra, ông là nhà thơ dân gian chính hiệu, vì trong bài này, ông đã biểu đạt được mối quan hệ giữa “nha xỉ”(牙齒-răng) với “thần thiệt” (唇舌-môi lưỡi) rồi lấy đó làm tựa đề. “Lạc liễu nhất chích nha”, thực chất là một câu văn bất thông trong cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa Trung văn, nhưng lại là một phương ngôn rất thông dụng nếu phát âm theo cách của người Khách Gia, Miêu Lật, cho dù không tương ứng với với ý nghĩa biểu đạt cùng một đối tượng trong Hán ngữ. Vì vậy, HCM phải dùng “lạc”(落) và “chỉ”(只) để thay thế.

Bài 62

一个賭犯硬了

他身只有骨包皮 ,痛苦飢寒不可支
昨夜他仍睡我側 ,今朝他已九泉歸

Nhất cá đồ phạm “ngạnh” liễu

*Tha thân chỉ hữu cốt bao bì
Thống khổ cơ hàn bất khả chi
Tạc dạ tha nhưng thụy ngã trắc
Kim triêu tha dĩ cửu tuyền quy.*

Một người tù cờ bạc chết cứng

*Thân anh da bọc lấy xương,
Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi;
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng.*

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Ngạnh liễu”(硬了) hàm ý chỉ sự chết, là một từ rất thông dụng trong ngôn ngữ Khách Gia Miêu Lật. Người Khách Gia thường nói “ngạnh liễu” thay cho “nhân tử liễu”(người chết)của Trung văn.

Bài 65

夜半聞哭夫

嗚呼夫君兮夫君 ,何故夫君遽棄塵
使妾從今何處見 ,十分心合意投人

Dạ bán văn khốc phu

*Ô hô phu quân, hề phu quân!
Hà cố phu quân cự khí trần?
Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến,
Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.*

Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng

*Hỡi ôi, chàng hỡi, hỡi chàng ơi!
Cơ sự vì sao vội lánh đời?
Để thiếp từ nay đâu thấy được,
Con người tâm ý hợp mười mười.*

Nguyễn Sĩ Lâm dịch

Chú giải:

“Thập phần tâm hợp ý đầu nhân”(十分心合意投入), thoát nhìn không hiểu ý tứ ra sao, nhất thời chưa thể giải nghĩa. Nhưng nếu ta biết được HCM thường có thói quen dùng ngôn ngữ Khách Gia làm thơ, đồng thời đọc diễn cảm bài thơ, thì có thể giải đáp được thắc mắc trên. HCM sáng tác thơ thường hay chú ý việc gieo vần nên rất khoái sử dụng thủ pháp “đào trang”, nếu đem câu thơ này đổi thành “Thập phần hợp ý tâm đầu nhân” và dùng tiếng Khách Gia đọc diễn cảm, sẽ thấy rất rõ ràng “Thập phần ý hợp tâm đầu nhân” hàm ý chỉ sự đồng ý đồng tình trong tâm trạng con người.

Bài 91

獄中生活

*每人各有一火炉 ,大大小小幾個鍋
煮飯煮茶又煮菜 ,成天煙火沒時無*

Ngục trung sinh hoạt

*Mỗi nhân các hữu nhất hỏa lô,
Đại đại, tiểu tiểu kỷ cá oa;
Chủ phạm chủ trà hựu chủ thái,
Thành thiên yên hỏa một thời vô.*

Sinh hoạt trong tù

*Hỏa lò ai cũng có riêng rồi,
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;
Cơm, nước, rau, canh, đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.*

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Một thời vô”(沒時無), mấy từ này rất không hợp lý nếu xét theo cú pháp Trung văn, trái lại, đọc theo Khách Gia thoại sẽ dễ dàng biết được ý tứ của nó. Đó là “lúc nào cũng có”. Bài thơ này, đọc diễn cảm theo tiếng Khách Gia, Miêu Lật rất thuận miệng và dễ hiểu.

Bài 94

遷江獄

籠外六十九人盎 ,籠中的盎不知數
監房卻像創藥堂 ,又像街上買盎鋪

Thiên Giang ngục

*Lung ngoại lục thập cửu nhân áng,
Lung trung đích áng bất tri số;
Giám phòng khước tượng bào dược đường,
Hựu tượng nhai thượng mại áng phố.*

Nhà lao Thiên Giang

*Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,
Chồng chất trong lao biết mấy mươi;
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,
Gọi là hàng chính cũng không sai.*

Bằng Thanh dịch

Chú giải:

“Áng”(盎), giáo sư Hoàng Tranh giải thích: Là loại đồ đựng bằng gốm thời cổ, bụng to, miệng nhỏ. “Nhân áng” chỉ loại chum bằng gốm, một số địa phương vùng Quảng Tây có tập quán dùng chôn người chết. HCM những năm ấy bị giam tại nhà tù Thiên Giang, có thể đã nhìn thấy loại đồ gốm như đã nói trên đựng xương người chết sau khi được quy tập vào một nơi trước cửa nhà tù rồi mới đem chôn, nên mới có từ “nhân áng”(人盎). “Áng” rất giống với cách phát âm Khách Gia được chuyển sang Hán ngữ.

Bài 95

搭火車往來賓

幾十日來勞走路 ,今天得搭火車行

雖然只得坐炭上 ,畢竟比徒步漂亮

Tháp hoả xa vắng Lai Tân

*Kỳ thập nhật lai lao tẩu lộ,
Kim thiên đắc tháp hoả xa hành;
Tuy nhiên chỉ đắc tọa thán thượng,
Tất cánh tỷ đồ bộ phiêu lượng.*

Đáp xe lửa đi Lai Tân

*Cuốc bộ mấy mươi ngày vất vả,
Hôm nay được bước lên xe hỏa;
Dù rằng chỉ ngồi trên đồng than,
Sang gấp mấy lần khi cuốc bộ.*

Đỗ Văn Hỷ, Huệ Chi dịch

Chú giải:

“Lai Tân” là tên một huyện ở Quảng Tây, thuộc quyền quản lý địa khu Liễu Châu, cách Liễu Châu 80 km. “Lao” (勞), “đắc”(得), “chỉ đắc”(只得), “phiêu lượng”(漂亮) cho dù đọc diễn cảm bằng Trung văn cũng sẽ thấy rất không lộn nghĩa, thậm chí không biết tác giả nói về cái gì. Tuy nhiên, nếu dùng Khách Gia thoại, đọc diễn cảm thì hoàn toàn thông suốt và dễ hiểu. “Lao”(勞) là “lao động” (vất vả), “đắc”(得) là “khả dĩ”(可以), “chỉ đắc”(只得) là “chỉ khả dĩ”(只可以), ý nghĩa là “ chỉ được, có thể được” đều là từ ngữ Khách Gia được chuyển âm. “phiêu lượng” cũng là tiếng Khách Gia được chuyển thành từ ngữ Trung văn, chỉ sự so sánh tốt hơn. Vì không có từ Trung văn phiên âm đối ứng nên HCM đành phải dùng từ “phiêu lượng” thay thế.

Bài 114

伍科長 ,黃科員

伍科長與黃科員 ,兩人見我太可憐

慇勤慰問和幫助 ,這像冬寒見暖天

Ngũ khoa trưởng, Hoàng khoa viên

*Ngũ khoa trưởng dữ Hoàng khoa viên,
Lưỡng nhân kiến ngã thái khả liên,
Ân cần ủy vấn hòa bang trợ,
Giá tượng đông hàn kiến noãn thiên.*

Khoa trưởng họ Ngũ, khoa viên họ Hoàng
*Họ Ngũ trưởng khoa với họ Hoàng,
Thấy ta cùng cực động lòng thương;
Ân cần thăm hỏi và cứu giúp,
Như nâng bồng lên giữa giá sương.*

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Khoa trưởng họ Ngũ, khoa viên họ Hoàng” đều là các viên chức của cơ quan Chính trị bộ thuộc Đệ tứ Chiến khu.

1 – “Giá sương”: Ngữ pháp Trung văn không có từ loại này mà là khẩu ngữ của người Khách Gia. “lưỡng nhân” chỉ hai người, còn “giá sương” chỉ “hình như”, “như”.

2- Phải là người có trình độ Hán học khá uyên bác mới trứ tác được “Nhật ký trong tù”, trong đó có một số bài rất khó tưởng tượng một người Việt Nam lại có thể viết nổi, huống hồ, cho dù đã học Hán văn rất cẩn thận, nhưng không thường xuyên tu dưỡng, bổ sung kiến thức, làm sao sử dụng ngôn ngữ nhuần nhuyễn như Hồ Chí Minh để diễn đạt tư tưởng tình cảm của mình qua các thể tài trên.

Bài 7

世路難

—

走遍高山與峻岩 ,那知平路更難堪
高山遇虎終無恙 ,平路逢人却被監

二

余原代表越南民 ,擬到中華見要人
無奈風波平地起 ,送余入獄作嘉賓

三

忠誠我本無心疚 ,却被嫌疑做漢奸
處世原來非易易 ,而今處世更難難

Thế lộ nan

*

*Tẩu biến cao sơn dữ tuấn nham
Na tri bình lộ cánh nan kham
Cao sơn lộ hổ chung vô dạng
Bình lộ phùng nhân khước bị giam.*

**

*Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân
Nghĩ đảo Trung Hoa kiến yếu nhân
Vô nại phong ba bình địa khởi
Tổng dư nhập ngục tác gia tân*

*Trung thành ngã bản vô tâm cứu
Khước bị hiềm nghi tố Hán gian
Xử thế nguyên lai phi dị dị
Nhi kim xử thế cánh nan nan.*

Đường đời hiểm trở

*

*Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!
Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tố lao?!*

**

*Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm "khách quý" ở nhà giam!*

*Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian;
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay, xử thế khó khăn hơn.*

Nam Trân dịch

Chú giải:

"Trung thành", "Hán gian": "Nhật ký trong tù" nếu do một người Việt Nam là Nguyễn Ái Quốc sáng tác thì xem ra thật vô lý, bởi người viết đã dùng các từ "trung thành", "Hán gian". Đặc biệt từ "Hán gian" càng tỏ rõ, người viết bài thơ này không thể là công dân nước ngoài. Nếu quả như Nguyễn Ái Quốc viết thật thì phải tự xưng là "Việt gian" hoặc "Cộng điệp" (gián điệp của Quốc Tế cộng sản) mới hợp lý.

寄尼魯

其一

我奮鬥時君活動, 君入獄時我住籠
萬里遙遙未見面, 神交自在不言中

Ký Nê Lỗ

*Ngã phấn đấu thời quân hoạt động,
Quân nhập ngục thời ngã trú lung;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.*

Gửi Nehru

*Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa với chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.*

Hoàng Trung Thông dịch

Chú giải:

Nê Lỗ (尼魯): Giáo sư Goàng Tranh chú thích, Nê Lỗ tức Nê Hách Lỗ (Jawaharlal Nehru - 1889-1964), nhà lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa, lãnh tụ đảng Quốc Đại, Thủ tướng nhiệm kỳ đầu (1947- 1964) sau khi Ấn Độ độc lập. Hồ Chí Minh và Nehru là người cùng thời đại, đều cùng ra sức phấn đấu cho nền độc lập dân tộc và quốc gia. Hai người chưa từng gặp mặt nhưng đã là bạn tâm giao từ lâu. Từ tháng 12 năm 1921 đến tháng 6 năm 1945, Nehru trước sau từng bị bắt 9 lần. Thời kỳ Hồ Chí Minh bị bắt tại Quảng Tây, Nehru cũng bị nhà đương cục của chủ nghĩa thực dân Anh , kẻ thù của nhân dân Ấn Độ giam giữ, mà kẻ bắt giam Hồ Chí Minh, lại là chính phủ Quốc Dân đảng, một láng giềng hữu hảo, là đồng minh chống chủ nghĩa phát xít.

Năm 1939, Hồ Chí Minh từng nhiệm chức Đài trưởng Đài thông tin vô tuyến cơ quan Bát Lộ quân Quảng Tây và nhân viên Đài vô tuyến Ban Huấn luyện cán bộ du kích Hành Dương, phụ trách thu thập thông tin ngoại văn, sau đó dịch sang tiếng Trung. Đối với tình hình quốc tế và các lãnh tụ quốc gia lúc ấy, trình độ của ông là tương đối cao.

Tháng 12 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc từ Paris đến Bruxelles tham dự “Hội nghị thế giới các dân tộc bị áp bức”, Jawaharlal Nehru cũng tham dự hội nghị này và được bầu làm Ủy viên chấp hành, đồng thời, cùng với Nguyễn Ái Quốc có mối quan hệ rất mật thiết. Xem lại bài “Ký Nê Lỗ”: “Ngã phấn đấu thời quân hoạt động/ Quân nhập ngục thời ngã trú lung/ Vạn lý

dao dao vị kiến diện/ Thần giao tự tại bất ngôn trung”,(Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động/Anh phải vào lao, tôi ở tù/Muôn dặm xa với chưa gặp mặt/Không lời mà vẫn cảm thông nhau),thì thấy rõ ràng, trước năm 1943, Hồ Chí Minh chưa từng gặp Nehru. Một lần nữa, bài thơ này chứng thực Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh không phải là một người.

Bài 77

折字

囚人出去或為國 ,患過頭時始見忠
人有憂愁優點大 ,籠開竹門出真龍

Chiết tự

*Tù nhân xuất khứ hoặc vi quốc,
Hoạn quá đầu thì thủy kiến trung;
Nhân hữu ưu sầu ưu điểm đại,
Lung khai trúc môn, xuất chân long.*

Chơi chữ

*Người thoát khỏi tù ra dựng nước,
Qua cơn hoạn nạn, rõ lòng ngay;
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở cửa, ắt rồng bay!*

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Chiết tự”(折字) : Giáo sư Hoàng Tranh chú giải, Trung Quốc từ lâu đã lưu truyền một loại văn học du hý, đem phân giải tổ hợp chữ Hán này thành một số chữ Hán khác, những chữ mới này biểu đạt một ý nghĩa nào đấy. Trình độ Hán học của Hồ Chí Minh phải khá uẩn súc mới có thể sử dụng thành thạo lối chiết tự du hý chữ Hán như vậy.

Trong bài thơ này, Hồ Chí Minh vận dụng lối bẻ chữ, nghĩa là từ một chữ Hán, ông chia tách ra thành những chữ khác nhau vốn là các thành tố cấu tạo nên chữ đó, rồi thêm vào hoặc bớt đi một vài nét, tạo nên những chữ mới, mục đích vui đùa lúc nhàn rỗi trong ngục. Cụ thể là, chữ 囚 (tù) bỏ chữ 人(nhân) bên trong rồi thêm chữ 或(hoặc) thì biến thành chữ 國(quốc). Chữ 患 (hoạn) bỏ một chữ 中 (trung) trên đầu thì sẽ còn chữ 忠 (trung) nghĩa là trung thành. Chữ 憂 (ưu) vốn là lo lắng, thêm chữ 人 (chính xác là bộ “nhân đứng”) bên trái sẽ biến thành chữ 優 (ưu, nghĩa là ưu điểm. Chữ 籠 (lung) là nhà lao, lược bỏ bộ trúc (竹) trên đầu sẽ thành chữ 龍 (long) nghĩa là rồng. Bài thơ này, sau khi chiết tự sẽ thành bốn chữ mới 國

(quốc), 忠 (trung) .優(ưu), 龍(long), hàm ý của nó là, vì đất nước tâm trạng nhà thơ đầy ưu phiền, trong hoàn nạn càng rèn luyện ý chí đợi khi ra khỏi nhà tù sẽ tiếp tục sự nghiệp.

Bài 63

又一个

夷齊不食周朝粟 ,賭犯不吃公家粥

夷齊餓死首陽山 ,賭犯餓死公家獄

Hựu nhất cá...

*Di, Tề bất thực Chu triều túc,
Đỗ phạm bất ngật công gia chúc;
Di, Tề ngã tử Thú Dương sơn,
Đỗ phạm ngã tử công gia ngục.*

Lại một người nữa...

*Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,
Tù bạc chẳng ăn cháo nhà nước;
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.*

Nam Trân dịch

Chú giải:

Tiêu đề “Hựu nhất cá”, chỉ sự tiếp tục của bài trước, “Lại một tù cờ bạc nữa chết đói trong ngục”. Bài thơ này, Hồ Chí Minh lấy việc tù cờ bạc chết đói trong nhà giam so sánh với sự tích Bá Di, Thúc Tề con vua nước Cô Trúc đời nhà Ân (1401- 1122 trước CN, Trung Quốc), không ăn thóc nhà Chu mà chết đói ở núi Thú Dương, chứng tỏ ông hiểu rất rõ các nhân vật trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, nên luôn chuyên tâm trau dồi đạo đức, khí tiết. Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) từ nhỏ đã được tiếp thụ nền giáo dục truyền thống của gia đình. Thân sinh ra ông là Hồ Dần Lượng thường lấy sự tích “Di Tề không ăn thóc nhà Chu”, “Quan Công qua năm ải chém sáu tướng” để giảng giải về đại nghĩa, hy vọng giáo dục Hồ Chí Minh thành người có nhân cách lớn, khí tiết cao cả. Ngô Trộc Lưu trong tác phẩm “Hồ Chí Minh”, đã xen kẽ giới thiệu lịch sử gia tộc Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương). Tại thiên “Văn thê thư viện” (Thư viện thang mây) của ông, có thuật lại việc từ nhỏ Hồ Chí Minh đã được dạy về điển tích “Bá Di, Thúc Tề”.

Bài 132

即景

樹梢巧畫張飛像 ,赤日長明關羽心
祖國終年無信息 ,故鄉每日望回音

Tức cảnh

*Thụ sao xảo họa Trương Phi tượng,
Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm;
Tổ quốc chung niên vô tín tức,
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.*

Tức cảnh

*Cành lá khéo in hình Dục Đức,
Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công;
Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.*

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Trương Phi”, “Quan Vũ”: Tại nhà Hồ Chí Minh ở Miêu Lật, Đồng La, thời kỳ trước sau năm 1960, tác giả đã nhìn thấy một tập tranh “Tam quốc diễn nghĩa” cổ, ước khoảng 10 hồi, đóng thành quyển, ngoài ra còn có “Tứ thư độc bản”, “Thiên gia thi”, “Dược thang ca quyết” và một số loại sách khác.

“Tổ quốc”, “cố hương”: Ý trực tiếp để thông báo với mọi người là quê hương Nghệ An, Việt Nam, nhưng thực chất lại chỉ Miêu Lật, Đài Loan. Vào đầu năm 1939, Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) gặp người em ruột là Hồ Tập Dưỡng lần cuối cùng, sau đó thì không nhận được tin tức gì của gia đình nữa. Trong bài thơ này có câu “chung niên vô tín tức” (suốt năm không tin tức) là phù hợp với hoàn cảnh thực tế của ông. Trước khi chia tay, Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) đặc biệt dặn Hồ Tập Dưỡng: “Sau này, nếu không thành công sẽ không về nhà, mong gia đình đừng mất công tìm tôi”. Tác giả dự đoán, Thời gian ấy, Hồ Tập Chương đã quyết định phấn đấu hy sinh vì nền độc lập của Việt Nam. Vậy mà tạo hóa trêu người, không ai ngờ, sau năm 1948, tập đoàn Tưởng Giới Thạch thoái thủ Đài Loan, Hồ Chí Minh dù có thành công đến mấy cũng không còn đường về quê cha đất tổ.

Bài 115

限制

沒有自由真痛苦 ,出恭也被人制裁

開籠之時肚不痛 ,肚痛之時籠不開

Hạn chế

*Một hữu tự do chân thống khổ,
Xuất cung đã bị nhân chế tài;
Khai lung chi thì đồ bất thống,
Đồ thống chi thì lung bất khai.*

Bị hạn chế

*Đau khổ chi bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho;
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.*

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Xuất cung”(出恭): Từ thời Nhật Bản chiếm đóng, người dân ở Miêu Lật, Đồng La gọi việc đến nhà xí đại tiện là “xuất cung”. Cách gọi này lưu truyền cho đến ngày nay nhưng rất ít người hiểu được nguồn gốc ra đời của nó. Qua quá trình khảo cứu thư tịch cổ, tác giả xin cung cấp những tư liệu sau đây có liên quan đến từ “xuất cung”:

1- Trong các kỳ thi của hệ thống khoa cử triều Minh, người ta đặt ra một loại thẻ bài “xuất cung nhập kính” (出恭入敬) để đề phòng thí sinh tự tiện bỏ vị trí ra ngoài. Khảo sinh muốn đi đại tiện, trước hết phải lĩnh thẻ “xuất cung nhập kính” mới được ra, từ đó mới có tên gọi “xuất cung”.

2 – Cuối triều nhà Thanh, trước khi bị Nhật chiếm đóng, văn chương, học vấn của người Miêu Lật, Đồng La rất hưng thịnh, xuất hiện không ít tiến sĩ, cử nhân, tú tài. Đầu triều Thanh, cử nhân Ngô Tử Quang đã mở trường học tại Đồng La, thu nhận nhiều môn đệ. Nhà chí sĩ kháng Nhật Khâu Phùng Giáp chính là học trò xuất sắc của ông. Phụ thân Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) là Hồ Dần Lượng, những năm đầu Quốc dân cũng từng mở trường dạy học tại quê nhà. Nhiều năm trước đó, học trò Miêu Lật, Đồng La thường xuyên vào Đại lục tham dự các kỳ thi của triều đình, nên khi về quê đã dùng từ “xuất cung” thay cho “đại tiện”, nghe có vẻ trang nhã hơn.

Từ “xuất cung” được lưu truyền cho đến ngày nay trở thành một thứ phương ngôn đặc thù của người Đồng La. Năm 1929, Hồ Chí Minh vừa mới rời Miêu Lật, Đồng la đến Thượng Hải, nên từ “xuất cung” ông sử dụng không có gì lạ.

3 – Đối với một người nắm chắc ngôn ngữ Nhật Bản như Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương), khi viết “Nhật ký trong tù”, có thể chen vào một số từ tiếng Nhật mà lại không có vốn từ Nhật Bản thì khó mà viết được những bài thơ hàm súc và thấm đẫm tinh thần nhân văn như thế.

Bài 59

南寧獄

監房建築頂摩登,澈夜輝煌照電燈

因為每餐惟有粥,使人肚子戰兢兢

Nam Ninh ngục

Giám phòng kiến trúc đỉnh “ma-đăng”

Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đăng

Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc

Sử nhân đồ tử chiến căng căng.

Nhà ngục Nam Ninh

Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,

Đèn điện thấu đêm sáng rực trời;

Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,

Cho nên cái bụng cứ rên hoài.

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Ma đăng”(摩登): Thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan, có một số từ nước ngoài du nhập vào Đồng La mà từ “ma đăng” vốn có nguồn gốc Anh ngữ (modern), nghĩa là “hiện đại” là một ví dụ.

Bài 67

工金

煮一鍋飯六毛錢,一盆開水銀一元

一元買物得六角,獄中價格定昭然

Công kim

Chở nhất oa phạm lục mao tiền,

Nhất bồn khai thủy ngân nhất nguyên;

Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,

Ngục trung giá cách định chiêu nhiên.

Tiền công

*Thối một nồi cơm, trả sáu hào,
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;
Một đồng của đáng sáu hào chỉ,
Giá cả trong tù định rõ sao!*

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Công kim”(工金): Thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan có một số từ nước ngoài được du nhập vào hệ thống từ vựng Hán ngữ. “Công kim” chỉ tài sản công, tiền công.

Bài 85

獄丁窃我之士的

一生正直又堅剛, 携手同行幾雪霜
恨彼奸人離我倆, 長教我你各淒涼

Ngục đình thiết ngã chi sĩ-đích

*Nhất sinh chính trực hựu kiên cương,
Huề thủ đồng hành kỷ tuyết sương;
Hận bỉ gian nhân ly ngã lưỡng,
Trường giao ngã nhĩ các thê lương.*

Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy của ta

*Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương;
Giận kẻ gian kia gậy cách biệt,
Hai ta đắng đặc nỗi buồn thương.*

Nam Trân dịch

Chú giải:

“Sĩ đích”(士的): là danh từ chỉ cái gậy chống (quả trượng). Trong Nhật ngữ, “quả trượng”(guǎi zhàng), đọc âm nhấn mạnh như “sĩ đích”. Giáo sư Hoàng Tranh chú giải: “quả trượng” vốn là từ tiếng Anh “stick” được phiên âm sang Hán ngữ. Tác giả có hỏi các tiên sinh cao tuổi biết

Nhật ngữ thời Nhật Bản chiếm đóng Đài Loan, “sĩ đích” phải chăng là tiếng Nhật được đưa vào Hán ngữ. Một số người nói đúng, nhưng số khác lại bảo không thể xác định rõ ràng. Tôi cảm thấy thật kỳ lạ. Hồ Chí Minh vì sao không trực tiếp dùng từ “stick” hoặc “quả trượng” làm tiêu đề bài thơ, đọc vừa thuận tai vừa dễ hiểu. Trái lại, ông chơi trò đùa bỡn, lấy “sĩ đích” đặt tên khiến người đọc không tìm ra đầu mối. Câu thơ “Ngục đình thiết ngã chi sĩ đích”, rốt cuộc hàm chứa ý tứ gì? “Nhật ký trong tù” được sáng tác vào năm 1942 – 1943, là thời kỳ Hồ Chí Minh bị giải đi giải lại từ Quế Lâm đến Liễu Châu. Lúc ấy, mỗi chuyến xe xuất phát từ Liễu Châu đều có viết hai chữ “đích sĩ” lên cái chiếu bài bốn mặt trên nóc làm dấu hiệu. Có thể, khi bị giải trên đường, đúng vào lúc tinh thần cao hứng, Hồ Chí Minh liền đem âm tiếng Nhật của hai từ “quả trượng”, tạm mượn hai chữ “đích sĩ” trên biển hiệu nóc xe, đảo trật tự thành “sĩ đích” thay thế cho âm “quả trượng” Hán ngữ để đùa vui chăng? Chuyện này không phải không có khả năng. Hồ Chí Minh hoạt động gần biên giới Trung – Việt, đi đi về về, không lúc nào rời xa chiếc gậy chống, đối với nó vô cùng thân thiết như người bạn tâm giao. Một người bạn thân Trung Quốc, tướng quân Vi Quốc Thanh, sau này đã từng tặng Hồ Chí Minh một gốc trúc vuông Quảng Tây đặc biệt hiếm để ông làm gậy chống.

Tổng hợp những phần đã phân tích ở trên, chúng tôi đi đến kết luận, tác giả “Nhật ký trong tù” nhất định phải là người có đủ ba điều kiện sau đây:

- 1- Đối với ngữ văn Trung Quốc phải có trình độ cao, mà đối với nền Quốc học thường thức cũng phải đạt trình độ tương đối khá. Sáng tác được thơ trong “Nhật ký trong tù” tuyệt đối không phải là người chỉ có trình độ chữ Hán ba, bốn năm tiểu học.
- 2- Tác giả “Nhật ký trong tù” nhất định phải là người sắc tộc Khách Gia thuộc cộng đồng cư dân Miêu Lật, Đồng La, Đài Loan.
- 3- Tác giả “Nhật ký trong tù” phải là người Khách Gia thông thạo Nhật ngữ.

THƯ PHÁP CHỮ HÁN CỦA HỒ CHÍ MINH

Ngoài trừ “Nhật ký trong tù”, từ sau năm 1938, Hồ Chí Minh đã dùng Trung văn công bố một số chuyên luận, sáng tác văn thơ và viết thư pháp. Toàn bộ trước tác của ông, bao gồm cả những bức thư pháp đại, tiểu khái, thật ra rất khó thuyết phục được người ta tin là, Nguyễn Ái Quốc thuở niên thiếu chỉ học qua vài năm Hán ngữ lại có thể viết được. Những dẫn chứng sau đây có thể chứng minh nhận định trên:

- 1- Từ tháng 12 năm 1938 đến tháng sáu năm 1939, Hồ Chí Minh viết 7 bài báo và chuyên luận bằng Trung văn, các bản thảo được gửi đến Hà Nội, Việt Nam. Các bài có tiêu đề như sau:

Tháng 12 năm 1938: “Người Nhật muốn khai hóa Trung Quốc như thế nào?”.

Tháng hai năm 1939: “Thư gửi từ Trung Quốc”.

Tháng ba năm 1939: “Thư gửi từ Trung Quốc”.

Tháng tư năm 1939: “Chủ nghĩa anh hùng trong kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc” và “Thư gửi từ Trung Quốc”.

Tháng sáu năm 1939: “Thư gửi từ Trung Quốc”, trong đó có bài “Người Nhật muốn khai thác Trung Quốc như thế nào?” dài khoảng hai nghìn chữ, nội dung tự thuật và chuyên thuật, nhất định phải là người có trình độ Nhật văn khá mới có thể viết được.

Tháng mười một đến tháng mười hai năm 1940, Hồ Chí Minh thường xuyên viết cho tờ “Cứu vong nhật báo” Quảng Tây với bút danh Bình Sơn, đăng tải 11 bài chuyên đề bằng Trung văn. Tiêu đề các bài như sau: : “Thiên thượng cổ muội” (Tác giả tự dịch ra tiếng Việt là “Ông trời có mắt”, 24 tháng mười một năm 1940) “Ác tác kịch của La Tư Phúc tiên sinh” (It started with a kiss of Mrs Roosevelt, 27 tháng mười một năm 1940), “Lưỡng cá Phàm Nhĩ Tái chính phủ” (Hai chính phủ Versailles, 29 tháng mười một năm 1940), “Vu khổng” (1 tháng mười hai năm 1940), “Báo chí Trung Quốc và nhân dân Việt Nam” (2 tháng 12 năm 1940), “Ca dao Việt Nam với phong trào kháng Nhật của nhân dân Trung Quốc”(4 tháng 12 năm 1940), “Ngư mục hỗn châu”,(5 tháng mười hai năm 1940), “Bàn về huyết thống”(8 tháng mười hai năm 1940), “Nghĩa Đại Lợi (Ytalia) thực bất đại lợi”(16 tháng mười hai năm 1940), “Quân Phục quốc Việt Nam trở thành quân Bán nước Việt Nam”(18 tháng mười hai năm 1940), tổng cộng 11 thiên chuyên đề. Sau khi nghiên cứu các bài viết này, tác giả thấy, chẳng những khả năng bình luận những vấn đề thời cuộc sắc sảo mà bút pháp của Hồ Chí Minh còn vô cùng sinh động, câu văn trôi chảy, giàu hình ảnh, không thể do một người ngoại quốc viết mà phải là tác giả Trung Hoa, hiểu biết sâu sắc về văn hóa Nhật Bản.

2- Sáng tác thơ, phú ngẫu hứng

贈陳賡將軍詩抄(一)

攜杖登高觀陣地 ,萬重山擁萬重雲
義兵壯志吞牛斗 ,誓滅豺狼侵掠軍

Tặng tướng quân Trần Canh thi sao(1)

*Huề trượng đẳng cao quan trận địa
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân
Nghĩa binh tráng khí thôn ngư đầu
Thệ diệt sài lang xâm lược quân.*

Dịch:

*Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đầu
Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy.*

贈陳賡將軍詩抄(二)

香檳美酒夜光杯 ,欲飲琵琶馬上催
醉臥沙場君莫笑 ,敵人休放一人回

Tặng tướng quân Trần Canh thi sao(2)

*Hương tân mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm, tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Địch nhân hựu phóng nhất nhân hồi.*

Dịch:

Tặng tướng quân Trần Canh (2)

*Rượu ngọt sâm banh lấp lánh ly
Muốn uống, tỳ bà thúc ngựa phi
Đừng cười say nghỉ nơi trận mạc
Không tha quân địch một tên về.*

贈韋國清將軍詩抄

百里尋君未遇君 ,馬蹄踏碎領頭雲
歸來偶過山梅樹 ,每朵黃花一點春

Tặng Vi Quốc Thanh tướng quân thi sao

*Bách ký tầm quân vị ngộ quân,
Mã đề đạp toái lãnh đầu vân,
Quy lai ngẫu quá sơn mai thụ,
Mỗi đoá hoàng hoa nhất điểm xuân.*

Dịch nghĩa:

Tặng Vi Quốc Thanh tướng quân

Trăm dặm đi tìm ông mà chưa gặp ông,

*Vó ngựa xéo nát đám mây đầu núi,
Trở về, bỗng đi qua cây mai già trên núi,
Mỗi đóa hoa vàng điểm một nét xuân.*

遊長城即興賦詩

聽說長城萬里長 ,頭連東海尾西疆
幾千百萬勞動者 ,建築斯城鎮一方

Du Trường Thành tức hứng phú thi

*Thính thuyết Trường Thành vạn lý trường,
Đầu liên Đông Hải vĩ Tây Cương,
Kỷ thiên bách vạn lao động giả,
Kiến trúc tư thành trấn nhất phương*

Dịch nghĩa:

Chơi Vạn Lý Trường Thành ngẫu hứng làm thơ

*Nghe nói Trường Thành dài vạn dặm,
Đầu liền với Đông Hải, cuối đến tận biên giới phía tây,
Hàng trăm ngàn vạn người lao động
Đắp nên thành này để trấn giữ một phương.*

遊太湖即興賦詩

西湖不比太湖美 ,太湖更比西湖寬
魚舟來去朝陽暖 ,桑稻滿田花滿山

Du Thái Hồ tức hứng phú thi

*Tây Hồ bất tỉ Thái Hồ mỹ,
Thái Hồ cánh tỉ Tây Hồ khoan,
Ngư chu lai khứ triều dương ấm,
Tang đạo mãn điền hoa mãn sơn.*

Dịch nghĩa:

Chơi Thái Hồ ngẫu hứng làm thơ

*Tây Hồ không đẹp bằng Thái Hồ,
Thái Hồ rộng hơn Tây Hồ,
Thuyền đánh cá qua lại trong nắng sớm ấm áp,
Dâu lúa đầy ruộng, hoa nở đầy núi.*

遊漓江即興賦詩
桂林風景甲天下，如詩中畫，畫中詩
山中樵夫唱，江上客船歸。奇！

Du Ly Giang tức hứng phú thi

Quế Lâm phong cảnh giáp thiên hạ,
Như thi trung họa, họa trung thi.
Sơn trung tiều phu xướng,
Giang thượng khách thuyền quy.
Kỳ!

Dịch nghĩa:

Chơi Ly Giang ngẫu hứng làm phú

Phong cảnh Quế Lâm đẹp nhất thiên hạ,
Như thơ trong họa, như họa trong thơ.
Trong núi tiều phu hát,
Trên sông thuyền khách về.
Lạ kỳ!

3- Thơ cổ và điển điển tích

Hồ Chí Minh là người rất thuộc thơ chữ Hán và các điển cổ Hán học nên thường tùy miệng xuất ngôn dẫn dụng tặng bạn bè Trung Quốc hoặc khuyến khích, động viên nhân dân trong nước mỗi khi ông viếng thăm một vùng nào đó. Hai ví dụ dưới đây có thể chứng minh, nếu không dày công học tập, tu dưỡng nền văn hóa Hán thì khó có thể tùy miệng đọc ngay được những bài thơ, bài từ như thế:

- Lỗ Tấn và bài thơ “Tự trào”

自嘲(魯迅)

橫眉冷對千夫指， 俯首甘為孺子牛
躲進小樓成一統， 管他冬夏與春秋

Tự trào (Lỗ Tấn)

Hoành my lãnh đối thiên phu chỉ,
Phủ thủ cam vi nhũ tử ngưu.
Đoá tiến tiểu lâu thành nhất thống,
Quản tha đông hạ dữ xuân thu.

Tự giễu mình (Lỗ Tấn)

Mắt trừng đối mặt phường hung bạo
Cổ cúi làm trâu đám tí nhau
Nấp chốn lâu con thành nhất thống
Kể gì Đông, Hạ với Xuân, Thu.

Hoàng Trung Thông dịch

Tháng 10 năm 1945, Hà Nội, Việt Nam vừa xây dựng xong chính quyền cách mạng, Hồ Chí Minh dẫn hai câu đầu trong bài thơ “Tự trào” của văn hào Lỗ Tấn: “Hoành mi lãnh đối thiên phu chỉ, Phủ thủ cam vi nhự tử ngư” đề khuyến khích quân đội, xác định thái độ, nguyện vì nhân dân phục vụ.

- Vương Xương Linh và bài thơ “Lầu Phù Dung tiễn Tân Tiệm”

芙蓉樓送辛漸(王昌齡)

寒雨連江夜入吳， 平明送客楚山孤
洛陽親友如相問， 一片冰心在玉壺

Phù Dung lầu tống Tân Tiệm (Vương Xương Linh)

Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô,
Bình minh tống khách Sở sơn cô,
Lạc Dương thân hữu như tương vấn,
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ.

Dịch nghĩa:

Lầu Phù Dung tiễn Tân Tiệm (Vương Xương Linh)

Mưa lạnh rơi khắp mặt sông trong đêm vào đất Ngô.
Khi trời sáng tiễn khách chỉ có ngọn núi đất Sở trơ trọi.
Nếu như bạn bè thân thích ở Lạc Dương có hỏi thăm,
(Thì xin đáp rằng lòng tôi đã thành) Một mảnh lòng băng giá trong bầu ngọc rồi.

Ngày 10 tháng 10 năm 1962, HCM đặt tiệc tại Hà Nội tiễn Bành Chân, trưởng Đoàn đại biểu Trung Quốc sang thăm Việt Nam. Trong tiệc, HCM tùy miệng đọc diễn cảm hai câu thơ:

“ 北京親友如相問， 一片冰心在玉壺 ” (Bắc Kinh thân hữu như tương vấn, Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ), đồng thời, nhờ Bành Chân chuyển lời thăm hỏi đến các đồng chí Mao Trạch Đông, Lưu Thiểu Kỳ, Chu Ân Lai và Chu Đức.

4- Múa bút viết thư pháp Đại khái và Tiểu khái

Mùa thu năm 1938, thời kỳ Hồ Chí Minh làm việc ở Quế Lâm đã để lại không ít bức thư pháp. Lúc ấy, ông còn kiêm luôn cả công việc biên tập tờ "Sinh hoạt tiểu báo" (có lẽ là báo tường – ND). Bản thảo đều dùng bút lông tự viết trên giấy báo, sau đó đóng thành sách, trang bìa viết chữ Đại khái.

Năm 1959, Hồ Chí Minh đến Lư Sơn, Giang Tây, nhà khách đặc biệt mời ghi lưu niệm, vì bút lông quá nhỏ, ông bèn lấy ngón ta nhúng mực viết lên giấy Tuyên ba chữ lớn: "廬山好" (Lư Sơn hảo), sau đó dùng bút tiểu khai viết dòng lạc khoản " Hồ Chí Minh, tháng tám năm 1959"

Trung tuần tháng 5 năm 1961, Hồ Chí Minh đến Ly Giang, (Quế Lâm, Quảng Tây). Theo đề nghị của khách sạn Dung Hồ, ông ngẫu hứng cầm bút viết bài phú tả cảnh Ly giang vào tờ giấy Tuyên khổ rộng trải trên chiếc sạp lớn:

桂林風景甲天下，如詩中畫，畫中詩

山中樵夫唱，江上客船歸。

奇！

Phong cảnh Quế Lâm đẹp nhất thiên hạ,

Như thơ trong họa, như họa trong thơ.

Trong núi tiều phu hát,

Trên sông thuyền khách về.

Lạ kỳ!

Tại nhà khách Dương Sóc, Hồ Chí Minh dùng bút đại tự viết 5 chữ lớn : "陽朔風景好" (Dương Sóc phong cảnh hảo) thành bức tranh chữ rồi rời để lạc khoản phía dưới góc trái bằng bút tiểu khai " Hồ Chí Minh, 15 tháng 5 năm 1961". Tác phẩm này đến nay vẫn còn lưu giữ trong nhà khách Dương Sóc.

Ngôn ngữ thơ Hồ Chí Minh đều biểu đạt tình cảm chân thành, thường tương ứng với hoàn cảnh mà mình đã trải qua bằng ngôn ngữ mẹ đẻ một cách thuần thực, sinh động. Như vậy, trong số không ít các bài thơ, nhất là "Nhật ký trong tù" và thơ ngẫu hứng, rồi đến các bức thư họa mà Hồ Chí Minh sáng tác trong quá trình hoạt động cách mạng, xét về logic, không thể là tác phẩm của một người nước ngoài, chỉ được tiếp cận với nền văn hóa Hán vài năm tiểu học. Lại nữa, từ trước năm 1933, hầu như Nguyễn Ái Quốc không để lại bất kỳ bài viết bằng Trung văn nào, vậy mà sau năm 1933, Hồ Chí Minh lại có một khối lượng lớn các tác phẩm Trung văn, bao gồm cả chuyên luận, tạp văn, thông tấn, thơ, từ và thư pháp. Từ đó suy ra, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh chắc chắn phải là hai người khác nhau.

DI CHÚC CỦA HỒ CHÍ MINH LÚC LÂM CHUNG

Căn cứ vào lời kể củ Vũ Kỳ, thư ký riêng của Hồ Chí Minh, qua bài “Hồ Chủ tịch 5 năm viết Di chúc” như sau:

" Đến đúng 9h sáng ngày 10 tháng năm 1965, Người đặt bút viết dòng đầu tiên, đó là câu: "Tài liệu tuyệt đối bí mật".

Hồ Chủ tịch làm việc trong 10 ngày liền, mỗi ngày đúng 1 tiếng vào thời gian con người mình mẫn, sáng khoái nhất, đó là từ 9h đến 10h sáng. Khi viết, Người không tiếp bất cứ ai. Cứ viết đến 10h thì Người lại bỏ tài liệu vào một bì thư đưa ông Kỳ cất giữ hôm sau lấy ra. Sau 4 ngày, Người bắt đầu đánh máy và đến 16h thì hoàn thành. Bản di chúc dài ba trang ở cuối đề ngày 15 tháng năm 1965. Hồ Chủ tịch ký và bên cạnh có chữ ký của ông Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng hồi bấy giờ. Đọc, sửa đến ngày 20 tháng năm, Người lại bỏ vào bì thư cất đi.

Đúng một năm sau, Hồ Chủ tịch lại lấy “tài liệu tuyệt đối bí mật” ra và viết tiếp, mỗi ngày một tiếng từ 9h đến 10h. Nhưng năm ấy Người hầu như chỉ đọc và ngẫm nghĩ. Mấy ngày sau, Người viết thêm câu: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau” trong đoạn nói về Đảng.

Năm 1967, Hồ Chủ tịch không sửa gì nhiều bản di chúc, nhưng đến năm 1968 thì Người sửa rất nhiều. Phần mở đầu Người viết năm 1965 là: “Năm nay tôi đã 75 tuổi, tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn khỏe mạnh”, nhưng sau Người lại sửa: “Năm nay tôi vừa 78 tuổi, vào lớp những người trung thọ, tinh thần vẫn sáng suốt tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây”. Và viết tiếp: “Người ta đến khi tuổi tác càng cao thì sức khỏe càng thấp. Đó là một điều bình thường”.

Sau đó Hồ Chủ tịch viết thêm đoạn “Về việc riêng” có ý mới là sau khi hỏa táng sẽ lấy tro xương của Người để vào ba hộp sành cho mỗi miền Bắc, Trung, Nam. Người viết thêm về những công việc cần làm sau khi giải phóng miền Nam. Đó là chỉnh đốn Đảng, chăm sóc đời sống các tầng lớp nhân dân, miễn thuế nông nghiệp một năm... Những đoạn về chỉnh đốn Đảng, chăm sóc thương binh, Hồ Chủ tịch viết rồi lại gạch chéo. Rất nhiều đoạn vòng xuống vòng lên, mực xanh lẫn mực đỏ.

Năm 1969, Hồ Chủ tịch viết di chúc lần cuối cùng vào Ngày 10 tháng năm, Người viết lại đoạn mở đầu, gồm một trang viết tay vào mặt sau của tờ “Tin tham khảo đặc biệt”. Đó cũng là lần duy nhất Người viết quá 10 giờ sáng”.

Hồ Chí Minh phải mất 5 năm mới viết xong “Di chúc”, không thể nói là không thận trọng. Đúng như Vũ Kỳ kể: Tại bản viết năm 1965 ông có nói đến “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”

Chỉ trong đoạn ngắn này mà Hồ Chí Minh đã đặc biệt nhấn mạnh vào các cụm từ “đạo đức cách mạng”, “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, “phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch”, “là người đầy tớ trung thành của nhân dân” đều mang hàm ý “chân chính”, hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên.

Như chúng ta đã biết, Hồ Chí Minh viết văn hoặc nói chuyện đều hết sức tránh dùng từ ngữ rườm rà, nhưng ở đây lại có khá nhiều từ mang nội dung “đạo đức cách mạng”, và sự “chân chính” của cán bộ đảng viên, hẳn là có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Vũ Kỳ từng viết: “ Ngày 15 tháng hai năm 1965, Hồ Chủ tịch về thăm Côn Sơn, buổi trưa, nghỉ lại Côn Sơn, thăm đền thờ Nguyễn Trãi và đọc tấm bia cổ. Ở vào thời kỳ chuyển tiếp của lịch sử, Hồ Chí Minh về thăm Côn Sơn viếng Nguyễn Trãi, liệu có phải là sự ngẫu nhiên? Cả hai người đều là nhà chính trị, nhà quân sự kiệt xuất, là bậc vĩ nhân, là nhà thơ lớn, đồng thời cùng có niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh to lớn của nhân dân, cùng có khát vọng đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân. Tuy cách nhau 5 thế kỷ (1380 – 1890), vậy mà , dường như có sự tương hợp kỳ diệu, như là từ lâu đã có ước định hội ngộ lịch sử”. Vũ Kỳ mượn Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh mục đích là để nhấn mạnh phẩm chất “cần chính”, “ái dân” của hai bậc vĩ nhân, nhằm ngầm khuyến cáo Đảng phải “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”. Từ đó có thể suy ra, lời Vũ Kỳ chính là lời Hồ Chí Minh trong “Di chúc” mà ông đã dành hẳn 5 năm cuối đời để viết. Có thể nói, từng câu từng chữ đều vô cùng cẩn trọng (“句句推敲, 字字琢磨”(cú cú thôi xao, tự tự trác ma).

NỘI DUNG “DI CHÚC” CỦA HỒ CHÍ MINH

“Di chúc Hồ Chí Minh”, qua 5 năm soạn thảo, sửa chữa và bổ sung, đến ngày 10 tháng 5 năm 1969 mới hoàn chỉnh. Bản “Di chúc” này được xem là bản chính thức, công bố lần đầu tiên. Nội dung có thể quy nạp vào mấy điểm sau đây:

- 1 – Chú trọng đến Chủ nghĩa Quốc gia và Chủ nghĩa xã hội.
- 2 – Nhấn mạnh chính đốn Đảng, tăng cường đoàn kết nội bộ và tu dưỡng đạo đức cách mạng.
- 3- Chú trọng nâng cao đời sống nhân dân cùng với việc tạo địa vị bình đẳng xã hội cho phụ nữ.

Dưới đây là toàn văn “Di chúc Hồ Chí Minh” được sao lục từ bản Hán văn, nhà xuất bản Ngoại văn Hà Nội, năm 1971, trong cuốn “Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội”, trang 320 – 323 (đã được người dịch chuyển trở lại bằng tiếng Việt):

DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

(Công bố năm 1969)

VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HOÀ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

* * *

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường, có câu rằng "Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là "Người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khoẻ có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

ĐOÀN KẾT là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức

cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

*Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!*

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI - là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiềm nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

* * *

VỀ VIỆC RIÊNG - Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ

nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

* * *

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hà nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969

Hồ Chí Minh

“Di chúc Hồ Chí Minh” có nhiều bản, trừ bản đầu tiên Vũ Kỳ giới thiệu trong bài “Hồ Chủ tịch 5 năm viết di chúc” ra, nhà xuất bản Thanh niên, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia cũng lần lượt cho ra đời các “Bản cáo” gốc “Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Tại nhà kỷ niệm Hồ Chí Minh ở Liễu Châu, Quảng Tây, Trung Quốc, trong tủ kính trưng bày hiện vật cũng có bản “Di chúc” ngày 5 tháng mười năm 1969 được dịch sang tiếng Trung do nhà xuất bản Ngoại văn Hà Nội ấn hành.

NHỮNG NGHI VẤN VỀ “DI CHỨC HỒ CHÍ MINH”

Về “Di chúc Hồ Chí Minh”, giáo sư William J. Duiker có nghi ngờ mấy điểm sau đây:

1 – Cắt bỏ nội dung “Di chúc” có liên quan đến việc xử lý thi thể sau khi chết.

Bản “Di chúc” công bố năm 1969, cắt bớt phần Hồ Chí Minh đề nghị miễn một năm thuế nông nghiệp cho nông dân.

3 – Dự đoán với đồng bào về cuộc kháng chiến chống Mỹ kéo dài thêm mấy năm. Về việc xử lý di thể đã bị cắt bỏ so nội dung với bản gốc, căn cứ vào lời vị Đại sứ tiền nhiệm của Trung Quốc tại Việt Nam Lý Gia Trung trong bài : “Nói chuyện về việc sinh hoạt thường ngày của Hồ Chí Minh” như sau:

“Sau khi tôi qua đời chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu, thi hài tôi được đốt đi, nói chữ là “hỏa táng”. Tôi mong rằng, cách “hỏa táng” dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống là tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện thì “điện táng” càng tốt hơn.

Tro thì chia thành ba phần, cho vào ba cái hộp sành, một cho miền Bắc, một hộp cho miền Trung, một hộp cho miền Nam.

Đồng bào mỗi miền, nên chọn một quả đồi mà chôn hộp tro đó. Trên mỏ, không nên có bia đá, tượng đồng, mà nên xây một ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp. Việc chăm sóc nên giao phó cho các cụ phụ lão”.

Cái điều mà tôi nghi ngờ, không phải ở chỗ “Di chúc” bị cắt bỏ mà là ở chỗ có vẻ như nội dung của nó đã bị thay đổi. Mở đầu “Di chúc” viết: “Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng Trung Quốc thời nhà Đường, có câu rằng: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy”, nghĩa là, “Người thọ 70 xưa nay hiếm”.

Năm nay tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người “xưa nay hiếm” nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ”.

(“Nhân sinh thất thập cổ lai hy”, nghĩa là “Người thọ 70 xưa nay hiếm”. Năm nay tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người “xưa nay hiếm”). Cứ theo logic ngữ nghĩa của đoạn văn này mà xét, tôi phát hiện thấy dấu vết còn lại khá rõ của câu “Năm nay tôi vừa 69 tuổi” bị sửa thành “Năm nay tôi vừa 79 tuổi”. Như vậy, có khả năng nguyên văn bản gốc đoạn “Di chúc” này như sau: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy”, nghĩa là, “Người thọ 70 xưa nay hiếm”. Năm nay tôi vừa 69 tuổi, đã là lớp người “xưa nay hiếm”, như thế, đọc vừa thuận miệng, vừa thuận lý mà lại tránh được sự tối nghĩa. Cứ tìm trong các bản thảo Hán văn của HCM thì thấy rất rõ, ông không bao giờ viết câu văn lủng củng, mâu thuẫn, đại loại như: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy. Năm nay tôi vừa 79 tuổi”. Huống chi, nội dung “Di chúc” đã phải qua 5 năm chỉnh lý, bổ sung, sửa chữa, không thể có chuyện câu trước câu sau mâu thuẫn với nhau. Từ đó, chúng tôi dự đoán, “Di chúc Hồ Chí Minh, trước tiên được khởi thảo bằng Hán văn, sau đó căn cứ vào bản Hán văn, ông mới dần dần dịch sang tiếng Việt, nên mới được liệt vào loại “văn kiện tuyệt mật” giao cho thư ký riêng Vũ Kỳ bảo quản.

Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890, mà Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) sinh ngày 11 tháng 10 năm 1901, chênh nhau 11 tuổi. Hồ Chí Minh tạ thế ngày 2 tháng 9 năm 1969, tính ra thì Nguyễn Ái Quốc tròn 79 tuổi, còn Hồ Tập Chương tính cả tuổi mụ mới đủ 69. Đối chiếu với “Di chúc” (“Nhân sinh thất thập cổ lai hy”, nghĩa là, “Người thọ 70 xưa nay hiếm”. Năm nay tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người “xưa nay hiếm”), lại nói: “ Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ”.

Nội dung đoạn “Di chúc” này, tuổi 79 căn bản không phù hợp với việc dẫn dụng thơ Đỗ Phủ: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy”. Dấu tích của câu “Năm nay tôi vừa 69 tuổi” bị sửa thành “Năm nay tôi vừa 79 tuổi” còn rất rõ.

NHỮNG BÍ MẬT VỀ VIỆC BẢO TỒN DI THỂ HỒ CHÍ MINH

Cựu Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam Lý Gia Trung có bài viết: “ Bí mật về việc giữ gìn di thể Hồ Chí Minh”, trong đó, ông thuật lại phương thức bảo tồn di thể liệu có phù hợp với tình trạng người đã từng mắc bệnh ho lao? Tuy không hiểu biết nhiều về y học, bệnh lý, nhưng chúng tôi cũng rất lấy làm nghi ngờ.

Lý Gia Trung kể, thời trẻ ông từng làm phiên dịch tiếng Việt trong Đại sứ quán Trung uốc tại Hà Nội như sau:

“Về cuối đời, sức khỏe Hồ Chí Minh không được tốt. Các vị lãnh đạo Trung Quốc rất quan tâm đến sức khỏe Hồ Chí Minh, nên năm 1968 đã cử một đoàn chuyên gia y tế cao cấp sang Việt Nam. Lúc ấy, tôi cũng được đi theo đồng chí Tham tán đến sân bay đón tổ chuyên gia này. Các bác sĩ luôn luôn túc trực bên cạnh Hồ Chí Minh theo dõi sức khỏe của Người.

Hạ tuần tháng tám năm 1969, Hồ Chí Minh lúc ấy 79 tuổi, bị bệnh nặng. Cho dù tổ chuyên gia y tế đã hết lòng cứu chữa, nhưng Thủ tướng Chu Ân Lai vẫn không yên tâm, nên ngày 24 và 26 tháng tám lại cử tiếp tổ thứ hai và thứ ba sang Hà Nội. Ngày 31 tháng tám, Chu Tổng lý cử Viện trưởng Viện Y học nổi tiếng là giáo sư y khoa Ngô Giai Bình đi chuyên cơ mang biệt dược sang Hà Nội và chẩn đoán bệnh tình cho Hồ Chí Minh. Ngày 1 tháng chín, Chu Ân Lai đích thân nghe giáo sư Ngô báo cáo, đồng thời triệu tập ngay các giáo sư y khoa đầu ngành thảo luận trong 5 giờ liền, cuối cùng đi đến quyết định, để ông Ngô Giai Bình dẫn đầu tổ chuyên gia thứ tư cùng với các thiết bị y tế và thuốc men, sáng sớm ngày 2 tháng 9 lên máy bay sang Hà Nội cấp cứu. Thật đáng tiếc, tổ chuyên gia thứ tư mới bay đến vùng trời Quảng Tây thì nhận được tin Hồ Chí Minh đã ngừng thở vào lúc 9 giờ 47 phút. Kết quả, chiếc chuyên cơ đành quay trở về Bắc Kinh”. Tác giả kể tiếp: “ Ngày 2 tháng chín là Quốc khánh Việt Nam. Cân nhắc kỹ, thấy đây là thời điểm có liên quan đến sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, Chính phủ VN đề phòng trong nước có biến động, nên đã quyết định chuyển ngày mất của Hồ Chí

Minh sang mồng 3 tháng 9, đồng thời ấn định ngày mồng 9 tháng 9 sẽ cử hành Quốc tang”.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra thông cáo đặc biệt: “Chủ tịch Hồ Chí Minh mắc bệnh tim nghiêm trọng đã từ trần vào lúc 9 giờ 47 phút ngày mồng 3 tháng 9 năm 1969, hưởng thọ 79 tuổi”.

Sau khi Hồ Chí Minh mất hai tháng, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp vào ngày 29 tháng mười một năm 1969, ra công bố quyết định giữ gìn di thể của người. Thực ra, trước đó một năm, xét thấy sức khỏe HCM mỗi ngày một suy giảm, Ban lãnh đạo Việt Nam đã bàn đến vấn đề làm thế nào để bảo quản được di thể trong tương lai. Tuy nhiên VN lúc ấy tình trạng kinh tế vô cùng khó khăn, khoa học kỹ thuật lạc hậu, lại đang bận kháng chiến chống Mỹ, không thể có khả năng giải quyết được vấn đề kỹ thuật ướp xác cao như thế. Vì vậy, ngày 14 tháng chín năm 1967, bí mật cử một nhóm cán bộ kỹ thuật đặc biệt sang Liên Xô. Tại Viện nghiên cứu Lăng Lenin ở Mạc Tư Khoa, dưới sự giúp đỡ nhiệt tình của các chuyên gia, nhóm kỹ thuật viên Việt Nam, sau 7 tháng bồi dưỡng nghiệp vụ, đã nắm vững được kỹ thuật bảo quản di thể sau khi con người tắt thở từ 15 đến 20 giờ, còn trình tự các bước tiến hành như thế nào, đến lúc ấy, các chuyên gia Liên Xô sẽ bay sang Hà Nội tiếp tục xử lý.

Sau khi rời Liên Xô về nước, căn cứ vào đặc điểm khí hậu, thời tiết, tổ kỹ thuật Việt Nam đem những kiến thức chuyên môn đã học được vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể trong nước. Tháng sáu năm 1968, VN chính thức bí mật thành lập nhóm kỹ thuật đặc biệt. Nhiệm vụ của nhóm là thâm nhập, nghiên cứu như thế nào để bảo quản được di thể trong điều kiện khí hậu nhiệt đới. Thời gian ấy, các nhà lãnh đạo VN chỉ thị, nếu như Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời mà lăng mộ còn chưa được xây dựng thì nhiệm vụ của nhóm kỹ thuật đặc biệt này là bảo quản di thể của ông tại một địa phương. Trong thời gian này, họ phải tuyệt đối tuân thủ những tiêu chuẩn kỹ thuật như sau: Nhất định phải giữ di thể ở nhiệt độ 16o C, chênh lệch không quá 0,2oC, độ ẩm ổn định 75%. Lúc ấy, các nhà lãnh đạo Liên Xô nêu ý kiến là, sẽ có trách nhiệm bảo quản lâu dài di thể Hồ Chí Minh, chỉ mong phía Việt Nam tuyệt đối tin tưởng phối hợp với các chuyên gia Liên Xô, khắc phục những đặc điểm hoàn cảnh, nhất định sẽ nắm vững kỹ thuật do các chuyên gia truyền thụ, để tự mình sẽ bảo quản di thể lãnh tụ Hồ Chí Minh một cách tốt nhất.

Thời gian Hồ Chí Minh lâm trọng bệnh, Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đã cử Do Tiệp Bột Phu(8) (由捷勃夫),cầm đầu nhóm chuyên gia y tế kịp thời đến Hà Nội. Sau khi Hồ Chí Minh qua đời, phía Việt Nam lập tức chuyển giao thi thể của ông cho các chuyên gia. Xét thấy VN đang trong hoàn cảnh chiến tranh, các chuyên gia Liên Xô kiến nghị, đưa di thể Hồ Chí Minh sang Mạc Tư Khoa tiến hành xử lý để tránh bị phân hủy, nhưng các nhà lãnh đạo Việt Nam không đồng ý phương án này. Vì thế, Liên Xô phải đem máy móc, thiết bị bằng đường hàng không sang Việt Nam. Lại vì để tránh máy bay Mỹ oanh tạc, Việt Nam lúc đầu chọn một nơi cách Hà Nội 30 km, thuộc vùng rừng nhiệt đới rậm rạp, tạm thời xây một hầm mộ rồi đưa quan tài

thủy tinh của Hồ Chí Minh xuống đó. Không lâu sau lại phát hiện cách nơi ấy chừng 2 km có biệt kích Mỹ nhảy dù tìm phi hành đoàn do bị không quân Việt Nam bắn hạ nên đành phải chuyển quan tài vào một hang động. Vì vậy phải gấp rút làm một nhánh đường núi. Để đảm bảo an toàn tuyệt đối, mỗi khi mở xong một đoạn, xe bọc thép chở quan tài thủy tinh vừa đi qua, lập tức có bộ phận phá hủy rồi ngay trang. Cứ như vậy, di thể Hồ Chí Minh được bảo quản bí mật trong hang động cho đến ngày chiến tranh VN kết thúc. Ngày 29 tháng 8 năm 1975, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh hoàn thành. Quan tài thủy tinh chính thức được đưa vào.

Đầu những năm 1990 của thế kỷ XX, Liên bang Xô viết giải thể, do tình hình đất nước hỗn loạn, không còn khả năng cử chuyên gia sang Hà Nội chỉ đạo việc duy trì bảo tồn di thể Hồ Chí Minh. Đối mặt với tình huống này, các cán bộ, kỹ sư Việt Nam khắc phục bằng cách trực tiếp sang nước Nga liên hệ với chuyên gia, nhờ họ hướng dẫn nghiệp vụ.

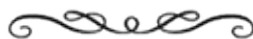
Đến nay, VN đã đào tạo được một đội ngũ chuyên gia giỏi, chẳng những nắm chắc kỹ thuật chuyên ngành ướp xác mà còn đạt đến trình độ cao. Có thể nói, đã có đầy đủ kinh nghiệm, bản lĩnh để đảm nhiệm một cách xuất sắc việc giữ gìn lâu dài di thể lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Vì muốn giữ gìn di hài Hồ Chí Minh thật tốt, các chuyên gia Việt Nam đã dồn hết sức lực và tâm huyết trong công đoạn cũng không kém phần quan trọng, đó là chỉnh trang dung mạo di hài. Mỗi sợi tóc, mỗi sợi râu đều được chú ý giữ gìn. Khi tiêm dưới da, mỗi mũi kim luôn được tính toán chính xác để đạt hiệu quả tốt nhất.

Hiện tại, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh trang nghiêm tọa lạc tại góc tây bắc Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Lăng cao 21,6 m, toàn bộ được xây bằng đá hoa cương (cẩm thạch đen). Trước cửa chính, suốt ngày đêm luôn có hai cảnh vệ đứng gác. Thời kỳ tôi còn công tác tại Việt Nam, đã nhiều lần được vào lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đi đến cửa chính, bạn sẽ nhìn thấy trên tường hành lang khám câu danh ngôn bằng vàng “Không có gì quý hơn độc lập tự do” của Hồ Chí Minh. Từ từ bước lên 33 bậc thềm, tiến vào đại sảnh, sẽ thấy di thể Hồ Chí Minh nằm trong quan tài thủy tinh mặc bộ quần áo ka ki kiểu Tôn Trung Sơn màu vàng nhạt, hai tay đặt trước bụng. Một đôi dép cao su – dép kháng chiến, đặt bên chân. Chung quanh quan tài thủy tinh thường xuyên có 4 chiến sĩ đứng nghiêm túc trực. Dưới ánh đèn êm dịu, gương mặt HCM hồng hào, phong thái an nhiên với chòm râu bạc, có thể thấy như Người đang ngủ.

Hồ Chí Minh sau 60 năm trường hoạt động cách mạng, một lòng một dạ vì Tổ quốc và nhân dân, chết mà như còn sống mãi. Trong tâm trí và tình cảm của nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh là một nhà lãnh đạo kiệt xuất, là niềm kiêu hãnh của dân tộc. Hồ Chí Minh ra đi đã 30 năm. Mỗi ngày có hàng ngàn vạn lượt người đến viếng. Khoảng 10 năm gần đây, các thành viên của bộ phận kỹ thuật đặc biệt chăm sóc di hài Chủ tịch Hồ Chí Minh, vẫn âm thầm làm việc cặn cù, nguyện làm người anh hùng sau hậu trường. Họ đã đem hết tài trí và tâm huyết

giữ gìn di thể lãnh tụ Hồ Chí Minh một cách xuất sắc".



THIỆN VI

HẠ MÀN VÀ ĐÔI LỜI CẢM NGHĨ LẠNG LẼ SUY TƯ KHI MÀN HẠ



Lịch sử là tài sản văn hóa chung của nhân loại, bất cứ một cá nhân hoặc quốc gia nào cũng không được tự coi là lợi ích của riêng mình, cho dù người ấy, tập đoàn ấy nắm quyền lực thống trị tối cao mà làm biến dạng hoặc hủy diệt lịch sử. Đương thời, các chuyên gia nghiên cứu về Hồ Chí Minh như giáo sư William J. Duiker, Sophie Quinn - Judge v.v... đã đem hết tâm huyết để dựng lại sự thật về con người Hồ Chí Minh. Họ đã sưu tầm được những tấm ảnh cùng vô số những vấn đề còn nghi hoặc trong quá trình hoạt động của nhân vật huyền thoại này. Bản thân tôi đang nắm giữ những bí mật liên quan đến thân phận Hồ Chí Minh, tuy nhiên, sẽ là không công bằng với lịch sử nếu chỉ giữ làm của riêng, cho dù trong người tôi cũng có dòng máu Hồ Chí Minh. Thế nhưng, do còn chưa tìm được đầy đủ chứng cứ có tính thuyết phục, sợ người đời chỉ trích nên chưa dám công khai, cho dù từ lâu, trong gia tộc đã lưu hành lời khẩu truyền về một "bí mật dòng họ".

Bản thân tôi từng tốt nghiệp Khoa Lịch sử, gánh trên vai sự ủy thác của gia tộc, xét thấy, cần phải vô tư đem những tư liệu lịch sử về Hồ Chí Minh công khai với thế nhân, để các chuyên gia, học giả làm cơ sở nghiên cứu, nhằm đưa đến cho người đọc một Hồ Chí Minh đúng với sự thật lịch sử.

Hiện tại, tác giả chính thức viết bài công bố: Người mang tên Hồ Chí Minh, "Cha già dân tộc Việt Nam", xuất hiện vào thời kỳ sau năm 1933, chính là Hồ Tập Chương đến từ Miêu Lật, Đài Loan, hoàn toàn không phải tự bản thân bịa đặt bởi ham hố hư danh. Thực ra, cẩn thận nhìn lại toàn bộ cuộc đời Hồ Chí Minh, đứng trên lập trường gia tộc mà xét, nghĩ lại thật vô cùng đau xót khi người con trai duy nhất của Hồ Tập Chương là Hồ Thự Quang nói chuyện với tôi: "Thấy cha đẻ Hồ Chí Minh của mình là Chủ tịch nước Việt Nam mà không biết làm thế nào, chỉ nhìn rồi thương cảm". Vào lúc chú Thự Quang lâm chung, lòng vẫn không nguôi ngoai nhớ đến phụ thân.

Từ lâu, tôi đã nhận sự ủy thác của gia tộc, trường kỳ tìm hiểu những chứng cứ có liên quan đến cuộc đời Hồ Chí Minh. Hơn nữa, vào lúc hấp hối, cha tôi còn dặn lại: "Một số tấm ảnh

chụp cuối đời Hồ Chí Minh, nhìn kỹ càng giống ông nội con. Thời cơ đã đến, chớ ngại đem sự thật dòng họ viết thành sách để người đời hiểu rõ". May thay, sau khi hỏi chuyện những bậc cao niên trong họ, cùng nhiều năm sưu tầm tư liệu, đối chiếu với các tác giả viết truyền ký về Hồ Chí Minh, kể cả những điểm còn mù mờ trong cuộc đời hoạt động của ông, tôi đã soạn được cuốn "Hồ Chí Minh sinh bình khảo" (Tìm hiểu cuộc đời Hồ Chí Minh), sau đó thì ngừng viết nhiều năm, trong lòng luôn thắc thỏm bất an, nhưng cuối cùng cũng hoàn thành được công việc gia tộc giao phó. Tác giả tự thấy phải có trách nhiệm công bố trước độc giả: "Hồ Chí Minh sau năm 1943 tuyệt đối không phải là Nguyễn Ái Quốc". Về điểm này, tôi hoàn toàn có đầy đủ chứng cứ đích xác. "Còn Hồ Chí Minh sau năm 1933 chính là Hồ Tập Chương đến từ Miêu Lật, Đồng La, Đài Loan".

Lịch sử giống như một tấm gương luôn nhắc nhở chúng ta, phàm là các dấu vết sửa chữa, nguy tạo, làm lại như nguyên mẫu, cho dù trải qua năm tháng, nhưng cuối cùng vẫn bộc lộ hình tích.

Ngày tháng thoi đưa, tác giả nhẫn nại chờ đợi thời cơ. Vào năm 2000, giáo sư William J. Duiker, xuất bản cuốn "Truyện Hồ Chí Minh" tại Mỹ (Ho Chi Minh, by William J. Duiker, Hyperion, New York, 2000).

Năm 2001, tại Anh Quốc, Paul Draken công bố "Nhật ký Paul Draken - Nguyễn Ái Quốc", năm 2003, cũng tại Anh Quốc, Sophie Quinn - Judge xuất bản cuốn "Những năm tháng mất tích của Hồ Chí Minh, 1911-1941" (Ho Chi Minh: the missing Years 1919- 1941, by . Sophie Quinn - Judge, Hurst, Company. London, 2003). Sau đó ít lâu, vào năm 2004, tại Đại lục Trung Quốc, các báo và tạp chí lần lượt cho đăng tải nhiều bài viết về tình yêu và hôn nhân của Hồ Chí Minh. Các chứng cứ từ những tác phẩm nghiên cứu có uy tín dần dần xuất hiện. Thời cơ từng bước chín muồi, lúc ấy tôi mới bắt tay viết "Tìm hiểu cuộc đời Hồ Chí Minh".

Từ năm 1971, khi được đọc tác phẩm "Hồ Chí Minh ở Trung Quốc" của nhà sử học Đài Loan Tưởng Vĩnh Kính, trong đó có đoạn nói về việc "Nguyễn Ái Quốc mất tích vì bị bệnh chết", tôi nhận thấy, đây có khả năng là sự thật. Năm 1993, tôi lại đọc cuốn "Chú giải Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh" của giáo sư Hoàng Tranh, trong đầu càng nảy sinh nghi ngờ, Nguyễn Ái Quốc khó có thể là tác giả tập thơ này. Tuy vậy, tôi vẫn còn e ngại, chưa dám động bút, sợ chưa đủ chứng cứ, bị dư luận phản ứng, thành trò cười, liên lụy đến cả gia tộc.

Tôi đã biết rất rõ ràng, thời gian từ 1929 đến 1933, Hồ Tập Chương hoạt động ở Đại lục Trung Quốc, hẳn là còn lưu trữ trong hồ sơ của Đảng bộ Thượng Hải, cũng như thời kỳ từ năm 1933 đến 1938, Hồ Tập Chương hoạt động ở Mạc Tư Khoa cũng còn lưu tại hồ sơ Trung tâm Quốc tế cộng sản. Tại hai nơi này, ta có thể tìm được những chứng cứ quan trọng bậc nhất về lai lịch Hồ Tập Chương, cho dù từ lâu nay, tầng lớp lãnh đạo chớp bu của Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn ra sức che giấu.

Xét thấy, bản thân kiến thức và khả năng ngoại ngữ còn hạn chế, sự hiểu biết về lịch sử nông cạn, và nhất là chưa có được sự can đảm, thế nhưng, may mắn thay, như kẻ "mò kim đáy bể", tôi đã tiến một bước trong việc tìm được cứ liệu lịch sử quan trọng bậc nhất. Từ những tư liệu của giáo sư William J. Duiker, và Sophie Quinn-Judge, tôi kiểm tra, so sánh, đối chiếu, cuối cùng đã tìm ra được sự thật lịch sử trong cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh, trả lại thân phận chân chính cho Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương. Tôi từng đặt tay lên ngực tự hỏi: "Hồ Chí Minh là người Việt Nam hay người Đài Loan?", rồi tự thấy đã rõ ràng liền trả lời: "Đương nhiên là người Việt Nam, bởi Hồ Chí Minh chẳng qua chỉ sinh ra tại Đài Loan mà thôi". Sứ mệnh của Hồ Chí Minh là phụng sự nền độc lập Việt Nam, hy sinh gia đình, bỏ vợ con ở Đài Loan, cống hiến trọn đời cho dân tộc Việt, thậm chí không oán thán, không hối hận, cam chịu hóa thân thành Nguyễn Ái Quốc.

Từ năm 1934, bắt đầu thời kỳ đỉnh cao hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh trong lòng đã tự nhận mình là người Việt Nam, chỉ là vì thời cơ bên ngoài chưa chín, nên không dám công khai thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, dù cho, tháng chín năm 1945, tại quảng trường Ba Đình, ông đã đọc "Tuyên ngôn độc lập" với danh xưng "Hồ Chí Minh" truyền đi khắp thế giới. Việc này cũng chẳng phải là dụng ý tư tâm của Hồ Chí Minh vì muốn nổi tiếng mà không lấy danh nghĩa Nguyễn Ái Quốc để phát ngôn. Bởi lẽ, lúc ấy trong Chính phủ lâm thời có phe đối lập. Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Trương Trung Phụng thuộc phái Troskism như cú nhòe nhà bệnh, bởi họ đều biết rất rõ, Hồ Chí Minh không phải là Nguyễn Ái Quốc. Nếu Hồ Chí Minh công nhiên lấy tên Nguyễn Ái Quốc điều hành chính phủ, sẽ là điều kiện thuận lợi để họ vạch trần ông đã lừa dối nhân dân Việt Nam cầm quyền, kích động quần chúng đứng lên phản đối Việt Minh, hủy hoại hình ảnh yêu nước, thương dân của "Cha già dân tộc".

Năm 1946, Hồ Chí Minh đích thân tham dự Tổng tuyển cử toàn quốc, bầu chọn được 323 đại biểu Quốc hội, nhất trí đề cử Hồ Chí Minh là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đồng thời suy tôn ông là "công dân số một". Thời kỳ này, nhóm Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh đều đã theo quân đội Quốc dân đảng về Trung Quốc. Năm 1951, Việt cộng thành lập Đảng Lao động, độc quyền lãnh đạo đất nước, đến lúc ấy, Hồ Chí Minh mới công khai thừa nhận mình là Nguyễn Ái Quốc. Mãi đến năm 1969, trước khi Hồ Chí Minh qua đời, trong bản "Di chúc", ông vẫn canh cánh trong lòng, không quên nền độc lập dân tộc, không quên sự đoàn kết phấn đấu của Đảng, không quên các liệt sĩ, không quên sự bình đẳng giới đối với phụ nữ, không quên sự giáo dục thiếu niên nhi đồng, không quên cuộc sống cần phải có hạnh phúc, tự do của nhân dân. Hồ Chí Minh đã dành hết sức lực, tinh thần và tình cảm cho đất nước và nhân dân Việt Nam, vậy thì ai dám bảo ông là người Đài Loan? Bởi lẽ ông chỉ miễn cưỡng sinh ra ở đất Đài Loan mà thôi.

Có người bạn biết tôi đang viết cuốn "Tìm hiểu cuộc đời Hồ Chí Minh", đã tỏ thái độ khiếp sợ mà nói: "Ông viết Hồ Chí Minh là người Đài Loan không sợ bị phản ứng sao? Việc ông làm có thể sẽ xúc phạm đến dân tộc Việt Nam". Nghe xong, tôi bình tĩnh trả lời: "Hồ Chí Minh qua

đời đã 40 năm, chiến tranh Việt Nam kết thúc đã 35 năm. Năm 2001, Việt Nam và Hoa Kỳ ký Hiệp định Mậu dịch song phương và gia nhập tổ chức WTO. Năm 2006, kim ngạch mậu dịch đạt 970 triệu dollar, tăng trưởng kinh tế mỗi năm ước tính 20%. Hai nước đã sớm bắt tay nhau đối thoại hòa bình, tích cực phát triển quan hệ song phương. Việt Nam và Đài Loan cũng đã thiết lập quan hệ ngoại giao 15 năm. Căn cứ vào con số thống kê của Bộ Kinh tế, năm 2007, kim ngạch đầu tư của Đài Loan vào Việt Nam khoảng 10 tỷ dollar, là nhà đầu tư đứng thứ hai ở nước này.

Năm 1946, Hồ Chí Minh có dịp trả lời phỏng vấn nhà báo nước ngoài. Bài phỏng vấn này, sau đó được đăng tải trên báo "Cứu quốc" ngày 21 tháng giêng năm 1946. Tiếp đó, Hồ Chí Minh trả lời một người bạn:

"Một là, tôi, Hồ Chí Minh không có mảy may tham vọng công danh phú quý, hiện tại ở cương vị chủ tịch nước là do sự ủy nhiệm của đồng bào toàn quốc, tôi sẽ đem hết sức mình mà làm, giống như một người lính, nhận mệnh lệnh đất nước, xông ra chiến trường. Tôi chỉ có một nguyện vọng khắc sâu trong lòng là, làm thế nào để đất nước hoàn toàn độc lập, dân tộc được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Ngày khác, nếu đồng bào yêu cầu từ chức, tôi sẽ rất vui sướng trút bỏ trách nhiệm, sau đó làm một gian nhà nhỏ bên núi xanh, suối biếc, có thể trồng hoa, câu cá, suốt ngày làm một lão tiều phu thả trâu, cùng lũ mục đồng kết thành bè bạn, không còn bất cứ mối liên hệ nào đến chuyện danh lợi.

Hai là, trong một nhà nước dân chủ, mọi người đều tự do tín ngưỡng, tự do thành lập đoàn thể, bởi hoàn cảnh và trách nhiệm, tôi chỉ đứng ngoài các đảng phái, tìm kiếm nền độc lập dân tộc. Nếu như nhà nước chỉ có nhu cầu thành lập một đảng, thì đó sẽ là "Đảng Việt Nam Quốc gia Dân tộc". Nhiệm vụ duy nhất của đảng này, tựu trung là làm thế nào để quốc gia, dân tộc hoàn toàn độc lập. Đảng viên của đảng này, mọi công dân Việt Nam đều có thể tham gia, nhưng những kẻ bán nước và những kẻ tham ô thì cấm cửa. Hy vọng các nhân sĩ nước ngoài và đồng bào trong nước hiểu rõ cho điều này".

Ngày nay, khi luận về thân thế Hồ Chí Minh và công lao của ông, chúng ta nên để cho lịch sử phán xét. lấy việc Hồ Chí Minh nhận lời phỏng vấn ký giả ngoại quốc làm cơ sở kiểm nghiệm, có phải ông đã thành tâm thể hiện lòng trung thành với nhân dân Việt Nam qua những lời hứa hẹn? Có phải những nhà lãnh đạo Việt Nam chân chính trên con đường gian nan tìm kiếm nền độc lập dân tộc không suy nghĩ đến lợi ích riêng tư? Tự mình không làm mất thanh danh, phá hoại công khí quốc gia? Sinh thời, Hồ Chí Minh đã vận động thực hiện "cần kiệm liêm chính", tự mình làm gương cho mọi người noi theo. Hồ Chí Minh còn vận động phong trào xóa nạn mù chữ, vận động phong trào thể dục thể thao để nâng cao sức khỏe, vì thế, việc nhân dân Việt Nam gọi ông là "Bác Hồ" liệu có phải xuất phát từ lòng kính trọng? Bỏ đi những phán xét của ông chúng về ảnh hưởng của Hồ Chí Minh với nhân dân Việt Nam mới chính là cốt lõi,

làm tổn hại đến danh dự dân tộc và sự tôn nghiêm của ông.

Tôi đã từng hỏi chuyện một số bạn bè Việt Nam tại Đài Loan: "Có tin tức loan truyền Hồ Chí Minh là người Trung Quốc, thậm chí là người Đài Loan, bạn nghĩ như thế nào?". Một người có trình độ đại học trả lời: "Hồ Chí Minh mất cách đây đã khá lâu, ông đã có cống hiến nhiều cho Việt Nam. Mục đích của chúng tôi sang đây là kiếm tiền cải thiện điều kiện sinh hoạt gia đình. Chúng tôi luôn cố gắng phấn đấu học tập kỹ thuật, trau dồi học vấn để tăng khả năng cạnh tranh của đất nước trên trường quốc tế, làm cho dân giàu nước mạnh. Còn chuyện Hồ Chí Minh là người Trung Quốc hay Đài Loan hãy để cho lịch sử phán xét. Đối với tuổi trẻ chúng tôi việc này không phải là quan trọng. Mong muốn của chúng tôi là đất nước phát triển, tiền đồ tươi sáng trong tương lai". Một phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan thì nói: "Trước đây hình như tôi đã nghe nói đến Hồ Chí Minh là Hoa kiều. Việc này nên để lịch sử thẩm định. Chúng tôi không có ý kiến gì nếu quả thật Hồ Chí Minh là người Đài Loan". Rồi chị cười nói vui: "Hai nhà thành một nhà thân thiết, chẳng là rất tốt sao?".

Nghe các bạn trả lời, tôi có cảm giác như mình từng đến Việt Nam nhìn thấy cảnh hoang tàn, đổ nát sau cuộc chiến, đang từng bước hồi sinh phát triển.

GHI NHỚ LỜI DẶN, NHÌN VỀ TƯƠNG LAI

Hồ Chí Minh có phải là người ủng hộ đường lối của Quốc tế cộng sản hay là người theo Chủ nghĩa Quốc gia Dân tộc? Từ lâu nay, người Mỹ luôn tranh luận về vấn đề này. Những năm gần đây, các học giả Mỹ đã đi đến thống nhất nhận định, thời kỳ đầu đúng là Hồ Chí Minh theo đường lối Dân tộc chủ nghĩa, sau đó mới là Cộng sản chủ nghĩa.

Lúc ấy, chính sách chống cộng của Harry Truman rất cứng rắn khiến cho nước Mỹ hiểu lầm về Hồ Chí Minh và tình hình chính trị Việt Nam. Sai lầm này khiến cho quân đội Pháp tái chiếm Hà Nội, làm mất đi thời cơ hòa bình và phát triển đất nước mà lịch sử dành cho, thậm chí còn ảnh hưởng đến mãi sau này, khi mà Mỹ đem nửa triệu quân vào Việt Nam tiến hành cuộc chiến chống cộng nhưng đã thất bại.

Nước Mỹ nhận định sai lầm về Hồ Chí Minh chỉ vì Mỹ đem sự kiện năm 1920, Nguyễn Ái Quốc gia nhập đảng Cộng sản Pháp, năm 1924 đã có chỗ đứng trong ban lãnh đạo Quốc tế cộng sản, nhưng năm 1945, ông lại tích cực tìm kiếm mối quan hệ hữu hảo với Mỹ, thậm chí còn giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương. Do hoàn cảnh bắt buộc, thực chất chỉ là đóng vai diễn chứ không phải Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là một người.

Năm 1944, nhân việc giải cứu một phi công do máy bay bị bắn rơi tại sơn khu Việt Bắc là Rudolph Shaw, vì thế, lần đầu tiên Hồ Chí Minh tiếp xúc với người Mỹ và quen biết với một số nhân viên cơ quan tình báo chiến lược Hoa Kỳ (Office of Strategic Services) là Allison Thomas,

Charles Fenn và Archimedes Patti. Những nhân viên tình báo này, chẳng những đã có một thời kỳ dài cùng sống với Hồ Chí Minh ở sơn khu Việt Bắc mà còn đi với ông về Hà Nội, cùng Việt Minh tham gia vào cuộc Khởi nghĩa tháng Tám. Họ tuy biết Hồ Chí Minh là đặc vụ của Quốc tế cộng sản, nhưng họ cũng nhận thấy ông là người theo chủ nghĩa thực dụng, cho nên đã giúp đỡ Việt Nam giành độc lập.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói với Patti rằng, ông không phải là con rối của Mạc Tư Khoa, ông là một đặc vụ tự do. Nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa theo Mỹ sẽ được chi viện nhiều hơn so với Nga Xô. Việt Nam sẽ là đồng minh của nước Mỹ. Ông cũng nhờ Patti chuyển lời đến nước Mỹ: "Cảm ơn người Mỹ hỗ trợ, Việt Nam sẽ coi nước Mỹ là bạn bè".

Tiểu thay, các quan chức ngoại giao Hoa Kỳ không nhận ra sự thành tâm tìm sự hợp tác, trước sau họ vẫn cho rằng Hồ Chí Minh tức là Nguyễn Ái Quốc. Đây chính là chiêu bài của những kẻ ủng hộ ý kiến coi ông là người theo đường lối Quốc tế cộng sản. Tổng thống F. Roosevelt đã truyền đạt: "Việt Nam tìm kiếm ở Hoa Kỳ tinh thần độc lập, Hoa Kỳ sẽ mãi mãi là mẫu mực của Việt Nam", thậm chí, ông còn khẩn thiết yêu cầu nước Mỹ lấy mô hình Philippines để đối xử công bằng với Việt Nam. Việt Nam sẽ mở cửa eo biển Kim Lan cho Hoa Kỳ sử dụng làm căn cứ hải quân Viễn Đông, đồng thời còn dành cho quy chế tối huệ quốc về lợi ích kinh tế.

Từ tháng mười đến tháng mười một năm 1945, Hồ Chí Minh liên tiếp gửi ba bức thư đến Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, thỉnh cầu nước Mỹ giúp đỡ Việt Nam giành độc lập. Tuy nhiên, vào lúc ấy, tổng thống F.Roosevelt vừa qua đời, người kế nhiệm là Harry Truman, một nhà lãnh đạo chống cộng cực đoan. Bao nhiêu nỗ lực của Hồ Chí Minh trong việc tìm kiếm sự hợp tác giúp đỡ của Mỹ đều thất bại. Ngày 6 tháng ba năm 1946, quân đội Pháp được Mỹ viện trợ, quay lại chiếm đóng Hà Nội.

Vào dịp Đảng Cộng sản Việt Nam kỷ niệm 60 năm lập nước, cựu thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt viết bài "Đại đoàn kết dân tộc là nguyên nhân thành công của chúng ta" đăng trên các báo quốc nội, kêu gọi nhân dân thực hiện chủ trương đại đoàn kết. Trong bài viết của mình, Võ Văn Kiệt đã dẫn lời của Hồ Chí Minh, đồng thời đề cập đến một số sự kiện xảy ra trong mấy chục năm qua. Ông cũng nhắc đến việc năm 1945, Hồ Chí Minh lãnh đạo chính phủ, chủ trương xóa bỏ chế độ cũ, vốn là nguyên nhân gây thù hận và phân hóa xã hội, hướng đến việc xây dựng đất nước trong tương lai, tiếp nhận những người tài năng, trọng dụng những người có nguyện vọng xây dựng đất nước mà không cần biết những việc làm của họ trong quá khứ.

Phần kết luận, Võ Văn Kiệt viết: "Sử dụng đối kháng và bạo lực để giải quyết vấn đề chỉ là từ trong hận thù phát sinh hận thù mới. Lấy phương thức cảm hóa giải quyết tranh chấp, hận thù có thể loại bỏ. mà lại có cơ hội tăng cường sức mạnh. Nếu như lấy ý thức giai cấp phân biệt nhân dân, vì thua mà hận thù, vì thắng mà kiêu ngạo, với chính mình, với quốc gia, thì hình

ảnh ấy trước thế giới chẳng có chút ý nghĩa gì". Võ Văn Kiệt tin tưởng: "Đất nước, núi sông, văn hóa không phải là của riêng bất cứ ai, của giai cấp nào hoặc đảng phái nào. Nó là của mỗi người Việt Nam, là tài sản chung của nhân dân Việt Nam. Dân tộc mà phân hóa, đối địch, cho dù tài nguyên đất nước phong phú, nguồn nhân lực dồi dào cũng không thể có động lực sáng tạo mà địa vị quốc tế cũng không bền vững. Nhìn ra thế giới, các kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh, nhân tài là nguyên khí quốc gia. Nhân lực tập hợp vùng lên, mọi sức mạnh được huy động, lòng người không còn nghi ngại. Có được sức mạnh tổng hợp, sẽ đến một ngày đất nước cất cánh.

Tôi xin lấy "Ghi nhớ lời dặn, nhìn về tương lai" làm lời kết cho cuốn sách. Cái gọi là "Ghi nhớ lời giáo huấn" chỉ là chớ quên những bài học và kinh nghiệm lịch sử. Nhận lầm Hồ Chí Minh không phải không có thể là đồng minh chống cộng, vì thế, đã tạo nên cuộc chiến thảm khốc mười năm ở Việt Nam. Cái gọi là "nhìn đến tương lai là chỉ trong sự đối lập và thù hận, nếu nắm được thời cơ xoay chuyển tình thế thì sẽ có kết cục tốt đẹp.

Chú thích:

- (1) Chưa đối chiếu được tên bằng tiếng Pháp.
- (2) Chưa đối chiếu được tên tác giả bằng tiếng Nga.
- (3) Chưa tìm được tên phổ bằng tiếng Nga.
- (4) Chưa tìm được nguyên danh bằng tiếng Nhật
- (5) Nguyên văn là "Quốc phụ"(Chỉ Tôn Trung Sơn)
- (6) Phát xít Pháp
- (7) Chưa đối chiếu được họ của tác giả bằng tiếng Pháp
- (8) Chưa đối chiếu được với nguyên danh bằng tiếng Nga

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

I - 中文書目

- 1."胡志明在中國"蔣永敬著,傳記文學出版社,1971,台北。
- 2."胡志明與中國"黃錚編著,解放軍出版社,1987,北京。
- 3."胡志明獄中詩注釋"黃錚注釋,廣西教育出版社,1992,廣西。
- 4."胡志明與越南獨立"楊碧川著,一橋出版社,1998,台北。
- 5."龍保羅日記 - 阮愛國"保羅德芮肯YAOX集團發行電子檔,2000,台北。

6. "抗日戰爭在中國的外國家元首國" 曹晉杰著, 人民出版社, 2002, 黑龍江。
7. "越南國父 - 胡志明" 李家忠編譯, 世界知識出版社, 2003, 北京。
8. "胡志明漢文詩抄, 注釋, 書法", 黃錚編著, 廣西師範大學出版社, 2004, 桂林。
9. "越南胡志明在柳州" 柳州市文化局編, 廣西人民出版社, 2005, 柳州。
10. "胡志明與廣西", 廣西社會科學院編著, 廣西人民出版社, 2006, 廣西。
11. "戰鬥中的新越南" 麥浪著, 新越南出版社, 1948, 河內。
12. "越南人民反帝鬥爭史" 呂毅著, 東方書社出版, 1951, 上海。
13. "越南人的解放鬥爭" 陳懷南著, 世界知識社, 1954, 北京。
14. "八月革命史" (1945年) 越南外文社出版編, 文外出社, 1972, 河內。
15. "滄海一粟" 黃文歡革命回記錄, 解放軍出版社, 1987, 北京。
16. "日据時代臺灣共產黨史(1928 - 1932)" 盧修一著, 前衛出版社, 1989, 台北。
17. "越南歷史" 吳鈞著, 自猶僑聲雜誌社, 1992, 西貢 (Sài Gòn)。
18. "陶鑄傳" 鄭笑楓, 舒玲著, 中國青年出版社, 1992, 北京。
19. "康生與 '內人黨' 冤案" 祝東力著, 中共中央黨校出版社, 1995, 北京。
20. "亞細亞的孤兒" 吳濁流著, 草根出版社, 1995, 台北。
21. "李富春傳" 房維中, 金沖及著, 中央文獻出版社,, 2002, 北京。
22. "中外領袖之間, 卷 13-14 胡志明" 南哲著, 紅旗出版社, 2003, 北京。
23. "李克農傳" 徐林祥, 朱玉編著 安徽人民出版社, 2003, 合肥。
24. "葉劍英的非常之路" 汜碩著, 安徽人民出版社, 2003, 北京。
25. "李立三紅色傳奇上・下" 李思慎著, 中國工人出版社, 2004, 北京。
26. "張發奎傳" 王心鋼著, 珠海出版社, 2005, 珠海市。
27. "生死歲月 - 胡志明小到紀行" 趙銳著, 軍事誼文出版社, 2005, 北京。
28. "廬山檔案" 馬社香著, 安徽人民出版社, 2006, 北京。
29. "陳賡傳" 陳賡傳編寫組, 當代中國出版社, 2007, 北京。
30. "蘇聯史論" 吳恩遠著, 人民出版社, 2007, 北京。
31. "日据時期台灣人反抗史", 楊碧川著, 稻香出版社, 1988, 台北。

II - 外文中文譯的書目

1. "胡志明第一 四篇日文版" 吳濁流著, 國華書局出版, 1946, 台北。

2. "胡志明第一五篇日文版" 吳濁流著,學友書局出版, 1948, 台北。
3. "新越南" Andrew Roth 著, 移模譯, 時代書報出版社, 1948, 上海。
4. "自猶越紀行" Leo Figueres 著, 陳占元譯, 世界知識社, 1954, 北京。
5. "十七度線以北" 威．貝卻敵著, 曾浩譯, 世界知識社, 1956, 北京。
6. "亞細亞的孤兒" 傅恩榮譯, 南華出版社, 1962, 台北。
7. "北越內幕" P. J. Honey 著, 陳銘感譯, 篝火出版社, 1966, 香港。
8. "為了獨立自由為了社會主義" 胡志明著, 外文出版社, 1971, 越南河內。
9. "與河內分道揚鑣" 張如礫著, 強名, 華實譯, 世界知識社, 1989, 北京。
10. "宋慶齡傳上. 下" Istael Epstein 著, 沈蘇儒譯, 日臻出版社, 1994, 北京。
11. "周恩來與現代中國" Han Suyin著, 張連康譯, 絲路出版社, 1995, 台北。
12. "胡志明" D.O. Lloyd, 尤淑雅譯, 鹿橋文化事業出版, 1966, 台北。
13. "胡志明主席傳略和事業" 阮芳草編輯, 文化通訊出版社, 2007, 越南河內。
14. "胡伯伯日常生活的故事" 歐越興編輯, 世界知識社, 2007, 越南河內。
15. "台灣抗日運動史研究" 若林正文著, 台灣日文史料典籍研讀會譯, 播種者出版社, 2007, 台北。

III. 英文書目

1. From Colonialism to Communism a case History of North Vietnam, by Hoang Van Chi an introduction by P.J. Honey, Frederick A. Praeger, New York. London, 1965.
2. Ho Chi Minh a Biographical Introduction, by Chrales Fenn. Charles Scr1bnwr's Sons, New York, 1973.
3. Who's who in political revolutions: seventy- three men and women who changed the world, Jack A. Goldstone, Congressional Quarterly, Washington, D.C. 1999.
4. Ho Chi Minh, by William J. Duiker, Hyperion, New York, 2000.
5. Ho Chi Minh: the missing Years 1919- 1941, by . Sophie Quinn - Judge, Hurst, Company. London, 2003.
6. Down With Colonialism Ho Chi Minh, by Walden Bello. Verso, New York. London, 2007.
7. Ho Chi Minh a Biographi, by Pierre Brocheux, Translated by Claire Duiker, Cambridge University Press, New York, 2007.

IV. 越文書目

1. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 1 (1919-1924), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội
2. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 2 (1924-1930), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
3. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 3 (1930-1945), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.

4. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 4 (1945-1946), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
5. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 5 (1947-1949), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
6. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 6 (1950-1952), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
7. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 7 (1953-1955), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
8. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 8 (1955-1957), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
9. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 9 (1958-1959), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
10. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 10 (1960-1962), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
11. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 11 (1963 -1965), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
12. "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 3 (1966 -1969), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội.
13. "Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", Trần Dân Tiên, Nhà xuất bản Thanh niên, 1958, Hà Nội.
14. "Nghệ thuật thư pháp với thơ 'Nhật ký trong tù' của Chủ tịch Hồ Chí Minh", Nguyễn Việt biên soạn, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2003, TP. Hồ Chí Minh.
15. "Chị Minh Khai", Nguyệt Tú, Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
16. "Bác Hồ viết di chúc", Vũ Kỳ, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2005, TP. Hồ Chí Minh.
17. "Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh", Vũ Kỳ, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2005, TP. Hồ Chí Minh.
18. "Kỷ niệm về Bác", Bảo tàng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Thông tin, 2007, TP. Hồ Chí Minh.
19. "Hồ Chí Minh, nhà dự báo thiên tài", Trần Dương, Nhà xuất bản Thanh niên, 2008, Hà Nội.
20. "Chuyện kể về thời thiếu niên của Bác Hồ", Đỗ Hoàn Linh -Nguyễn Văn Dương biên soạn, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, 2008, Hà Nội.
21. " Hồ Chí Minh, nhà báo cách mạng", Cao Ngọc Thắng, Nhà xuất bản Thanh niên, 2008, Hà Nội.
22. "Những năm tháng bên Bác Hồ kính yêu", Nhà xuất bản Thanh niên, 2008, Hà Nội.
23. "Hỏi đáp về thời thanh niên của Bác Hồ", Nguyễn hương Mai biên soạn, Nhà xuất bản Thanh niên, 2008, Hà Nội.
24. "Bác Hồ trên đất nước Lê nin", Nhà xuất bản Thanh niên, 2008, Hà Nội.
- 25.. "Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", Trần Dân Tiên, Nhà xuất bản Trẻ, 2008, TP. Hồ Chí Minh

V. 論文, 期刊, 報紙, 網欄專文

1. "台灣日新報" 國家圖書館視聽室微膠捲, 1938 年11月12日, 18日, 21日, 12月, 7日。
2. "胡志明在香港 1931- 1932年" DennisDuncanson "中國季刊 1- 3期" 1974 年。

3. "胡志明和他的中國夫人曾雪明" 徐雙明 "武漢文史月刊" 2001 年第一期。
4. "李克農在桂林"(八辦)的傳奇鬥爭" 庾晉 "文史春秋" 2003年第十二期。
5. "一九三十一年香港案件" 阮越鴻 "越南國父胡志明附錄" 2003年。
6. "胡志明遺體保存祕聞" 李家忠, "世界新聞報" 2004年12月10日。
7. "胡志明與林依蘭的生死戀" 梁益新 "人民文摘" 2004年第十二期。
8. "越南戰爭實錄" 解力夫 "網路電子書" 2004年
9. "胡志明私人生活離不開中國" 李家忠 "世界新聞報" 2005年7 月11日。
10. "見證中越友誼追憶胡志明" 熊紅明 "越南早報" 2006年 8月14日。
11. "胡志明的妻妾情人們" 嶺南遺民 "百家爭鳴網悠悠南山下" 2006年 10月。
12. "胡志明在龍州的革命祕事" 李偉東 "廣西日報" 2006年 12月27日。
13. "胡志明之政治道路" 阮世英 "百家爭鳴網悠悠南山下" 2007年。
14. "吳濁流 '胡志明' 研究" 河原功 "台灣文學學報" 第10期 2007年。
15. "中國共產黨早期為收回臺灣主權所作的努力3"田鶴年 "台海歷史縱橫" 2007年。



Tìm hiểu về cuộc đời Hồ Chí Minh

Tác giả Hồ Tuấn Hùng

Dịch giả: Thái Văn

11/ 01/ 2013